

Ngày dạy: 21/09/2022

BUỔI 1:

ÔN TẬP VĂN BẢN CHỦ ĐỀ TÌNH BẠN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Giúp học sinh nắm chắc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm Bài học đường đời đầu tiên, Nếu cậu muốn có một người bạn, Bắt nạt

2. Năng lực:

- Năng lực tìm hiểu, phân tích, cảm nhận về các nhân vật.

3. Phẩm chất:

- HS hiểu và trân trọng tình bạn
- Có ý thức học tập nghiêm túc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: KHBD, STK, SGK

2. Học sinh: Vở ghi, SGK. STK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới

*** Ôn tập khái niệm truyện và truyện đồng thoại**

- Truyện và truyện đồng thoại

+ Truyện là loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.

+ Truyện đồng thoại là truyện viết cho trẻ em, có nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hoá. Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật vừa mang đặc điểm của con người.

- Cốt truyện: Cốt truyện là yếu tố quan trọng của truyện kể, gồm các sự kiện chính được sắp xếp theo một trật tự nhất định: có mở đầu, diễn biến và kết thúc.

- Nhân vật: Nhân vật là đối tượng có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ,... được nhà văn khắc hoạ trong tác phẩm. Nhân vật thường là con người nhưng cũng có thể là thần tiên, ma quỷ, con vật, đồ vật,...

- Người kể chuyện

Người kể chuyện là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện:

+ Ngôi thứ nhất;

+ Ngôi thứ ba.

- Lời người kể chuyện và lời nhân vật

+ Lời người kể chuyện đảm nhận việc thuật lại các sự việc trong câu chuyện, bao gồm cả việc thuật lại mọi hoạt động của nhân vật và miêu tả bối cảnh không gian, thời gian của các sự việc, hoạt động ấy.

+ Lời nhân vật là lời nói trực tiếp của nhân vật (đối thoại, độc thoại), có thể được trình bày tách riêng hoặc xen lẫn với lời người kể chuyện.

*** Ôn tập các văn bản**

VĂN BẢN “BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN”

I. Tác giả:

- Tô Hoài (1920-2014) viết văn từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

- Ông có khối lượng tác phẩm phong phú và đa dạng, gồm nhiều thể loại.

II. Tác phẩm:

1. Thể loại: Truyện đồng thoại

2. Xuất xứ:

- “Bài học đường đời đầu tiên”(tên do người biên soạn đặt) trích từ chương I của “Dế Mèn phiêu lưu kí”

- “Dế Mèn phiêu lưu kí” được in lần đầu năm 1941, là tác phẩm nổi tiếng và đặc sắc nhất của Tô Hoài viết về loài vật, dành cho lứa tuổi thiếu nhi.

3. Tóm tắt:

4. Giá trị nội dung, ý nghĩa

- Miêu tả vẻ đẹp của Dế Mèn cường tráng nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi.

- Sau khi bày trò trêu chị Cốc, gây ra cái chết cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình.

- Không quá đề cao bản thân rồi rước họa.

- Cần biết lắng nghe, quan tâm, giúp đỡ mọi người xung quanh.

5. Giá trị nghệ thuật:

- Cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất tự nhiên, hấp dẫn

- Nghệ thuật miêu tả loài vật sinh động, đặc sắc

- Ngôn ngữ chính xác, giàu tính tạo hình.

- Miêu tả loài vật sinh động, nghệ thuật nhân hoá, ngôn ngữ miêu tả chính xác

- Xây dựng hình tượng nhân vật gần gũi với trẻ thơ.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH

1. Nhân vật Dế Mèn

a. Các chi tiết miêu tả ngoại hình và hành động của Dế Mèn.

- Ngoại hình của Dế Mèn được khắc họa rất sinh động qua các chi tiết:

+ "Đôi càng ... mỡm bóng".

+ "Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt".

+ "... cả người... rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn".

+ "Đầu ... to ra và nổi từng tảng, rất bướng".

+ "Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoại như hai lưỡi liềm máy làm việc".

+ "Sợi râu... dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng".

- Hành động của Dế Mèn cũng được bộc lộ qua các hình ảnh sống động:

+ "Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên đập phanh phách vào các ngọn cỏ".

+ "Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu".

+ "Thỉnh thoảng, tôi ngứa chân đá một cái...".

- Đánh giá, nhận xét về trình tự và cách miêu tả của nhà văn Tô Hoài:

+ Vừa tả hình dáng vừa chọn lọc những chi tiết tiêu biểu của con dế; vừa miêu tả ngoại hình vừa diễn tả cử chỉ, hành động để bộc lộ vẻ đẹp sống động, cường tráng và cả tâm tính của một chú dế mới lớn, mới được bố mẹ cho phép sống tự lập.

+ Đây là một đoạn văn miêu tả hết sức đặc sắc và độc đáo. Việc sử dụng hệ thống tính từ để miêu tả hình dáng và tính cách Dế Mèn góp phần quan trọng khắc họa hình ảnh của chàng Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng, đầy kiêu ngạo và

tự phụ: Mâm bóng nhọn hoắt, hun hoấn, dài bóng mỡ, đen nhánh, ngoàm ngoại... Nhờ cách miêu tả chân thực, sinh động này của nhà văn Tô Hoài mà người đọc đã cảm nhận được vẻ đẹp oai phong, lẫm liệt của chàng Dế Mèn đang độ tuổi thanh niên cường tráng, sung sức.

b. Tính cách của Dế Mèn

Nhà văn Tô Hoài có “biệt tài” khi xây dựng nhân vật Dế Mèn ở chỗ: qua việc miêu tả ngoại hình và hành động của Dế Mèn còn bộc lộ được tính tiết và thái độ của nhân vật. Sau các chi tiết, hình ảnh và trong giọng kể của Dế Mèn về bản thân, ta nhận thấy chàng Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng nhưng cũng thấy được cả vẻ kiêu căng, tự phụ (đến mức nghĩ mình có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi", ngộ nhận về sức mạnh của mình: "Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy các khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu", "Tôi đã quát mấy chị Cào Cào... ngựa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó "). Những nét chưa đẹp trong tính cách của Dế Mèn sẽ dẫn đến những hậu quả khó lường.

c. Thái độ của Dế Mèn đối với Dế Choắt

- Thái độ của Dế Mèn đối với Dế Choắt là thái độ coi thường, trịch thượng. Điều này thể hiện qua các chi tiết sau:

+ Đặt tên cho anh bạn hàng xóm cùng tuổi nhưng yếu đuối, gầy gò là Dế Choắt một cách chế giễu và trịch thượng.

+ Cách xưng hô kể cả - gọi Dế Choắt là chú mày, giọng điệu khinh rẻ, nhạo báng: "Chú mày sinh sống quá cầu thả.., ... chú mày có lớn mà chẳng có khôn...., chú mày hội như cú mèo..... im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi..., gương mặt ra xem tạo trêu con mụ Cốc đây này...".

+ Thái độ ngông nghênh, không coi ai ra gì: Hếch răng lên, xì một hơi rõ dài (khi Dế Choắt nhờ Dế Mèn); quắc mắt, mắng Dế Choắt (khi Dế Choắt biết sợ, không dám trêu tức chị Cốc cùng Dế Mèn);...

- Sở dĩ Dế Mèn có thái độ như vậy cũng bởi vì Dế Mèn tự phụ, huênh hoang về ngoại hình và sức lực của mình. Nếu đem so sánh cách Dế Mèn nhìn ngoại hình Dế Choắt (đoạn "Cái chàng Dế Choắt... ngờ ngợ") với thái độ "tự ngẫm nghĩa" một cách thái quá của Dế Mèn (phần đầu đoạn trích) ta sẽ nhận ra hai nhân vật" này được nhà văn miêu tả trong tương quan đối lập: Nếu Dế Choắt gầy gò, ốm yếu, nhìn cái cũng sợ thì Dế Mèn hung hăng, ngỗ nghịch. Thái độ của Dế Mèn là thái độ của kẻ không coi ai ra gì.

d. Diễn biến tâm lí của Dế Mèn (trong tình huống Dế Mèn trêu chị Cốc để dẫn đến cái chết thảm thương của Dế Choắt).

-Dế Mèn trêu chị Cốc vì hai lí do: Ngỗ nghịch và chứng tỏ cho Dế Choắt biết mình chẳng sợ ai. Ở sự việc này, nhà văn miêu tả tâm lí Dế Mèn rất tinh tế, sinh động, hợp lí theo các bước sau:

+Lúc đầu, Dế Mèn huênh hoang trước Dế Choắt: "Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa!".

+ Run sợ khi thấy chị Cốc "trợn tròn mắt, giương cánh lên", liền "chui tọt ngay Vào hang", khiếp sợ "nằm im thín thít" khi nghe chị Cốc mò Dế Choắt (do tưởng Dế Choắt trêu chọc chị ta); biết chị Cốc đi rồi mới "mon men bò lên".

+Thấy tình cảnh Dế Choắt thoi thóp thì hoảng hốt và hối hận.

- Tuy ngỗ nghịch, hung hăng trước kẻ yếu, khiếp sợ trước kẻ mạnh nhưng Dế 1 không phải là kẻ ác. Trêu chị Cốc là vậy nhưng Dế Mèn không ngờ hậu quả lại 1 đến cái chết thảm thương của Dế Choắt. Dế Mèn rất hối hận về hành động xúc nộ của mình, "đứng lặng giờ lâu" trước mộ Dế Choắt, nghĩ về "bài học đường đời đầu tiên": Không được cậy khỏe bắt nạt yếu, hung hăng bậy bạ, trước khi làm việc gì cũng phải suy nghĩ cẩn thận kéo mang va vào thân. Đó là điều đáng quý. Chúng ta tin rằng "bài học đường đời đầu tiên" từ lời khuyên và cái chết của Dế Choắt sẽ giúp Dế Mèn sống tốt hơn trong những chặng đời tiếp theo.

Đánh giá khái quát:

Đoạn trích miêu tả chàng Dế Mèn cường tráng nhưng kiêu căng, xúc nộ. Vì kiêu căng nên Dế Mèn trêu chị Cốc, vô tình gây ra cái chết của Dế Choắt. Dế Mèn hối hận và rút ra bài học cho mình. Đoạn trích thể hiện tài miêu tả loài vật của nhà văn Tô Hoài rất sinh động, cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn, ngôn ngữ chính xác, giàu tính tạo hình.

2. Nhân vật Dế Choắt

- Ngoại hình: Dế Choắt có dáng người gầy gò, dài lêu nghêu “như một gã nghiện thuốc phiện”, mặc dù đã tới tuổi thanh niên nhưng cánh vẫn chưa dài, “ngắn cùn đến giữa lưng”, hở cả mạng sườn “như người cởi trần mặc áo gi-lê”. Với tài quan sát, miêu tả hình dáng nhân vật Dế Choắt, nhà văn Tô Hoài đã giúp người đọc hình dung được ngoại hình gầy gò, tội nghiệp, đáng thương của Dế Choắt. Từ đó, kêu gọi ở người đọc sự thương cảm sâu sắc đối với Choắt (gợi cho người đọc liên tưởng đến những thân phận bất hạnh, kém may mắn... trong cuộc sống).

- Sức khỏe và cuộc sống của Dế Choắt:

+ Dế Choắt quả vừa gầy lại ốm yếu, chậm phát triển, lại thêm vẻ xấu xí của đội càng “bè bè, nặng nề”, râu ria ngắn cùn, cụt còn có một mẫu; dưới con mắt của Dế Mèn, Dế Choắt lúc nào cũng ngần ngừ ngơ.

+ Hang của Dế Choắt không được sâu như những chú dế khác, chính bởi chú ốm yếu quá, sao có sức khỏe để đào được một cái hang sâu.

- Tính cách của Dế Choắt: Dù cho Dế Mèn có chê trách, chê bai hay của cho vui miệng thì Dế Choắt cũng đành chịu, chỉ đành than thở sức mình hèn kém, quả thật ta thấy chú Dế Choắt này đáng thương và tội nghiệp.

- Bài học mà Dế Choắt dành cho Dế Mèn:

+ Dế Choắt xuất hiện chỉ khoảng thời gian ngắn nhưng giúp cho Dế Mèn nhận ra nhiều điều ý nghĩa trong cuộc sống, nhận ra bài học đầu tiên trong cuộc đời thấm thía: Ở đời mà có thói hung hăng, coi trời bằng vung, làm những điều bậy bạ, thiếu suy nghĩ thì sớm muộn gì cũng mang họa vào thân và ảnh hưởng đến những người xung quanh.

+ Từ lời khuyên của Dế Choắt đối với Dế Mèn, người đọc cũng rút ra cho mình bài học về cuộc sống đầy ý nghĩa: đó là bài học về lối sống thân ái, chan hòa; yêu thương giúp đỡ bạn bè, cách ứng xử lễ độ, khiêm nhường, sự tự chủ, ăn năn hối lỗi trước cử chỉ sai lầm.

Dế Choắt là nhân vật tội nghiệp, đáng thương, cần được cảm thông, chia sẻ, yêu thương. Sự xuất hiện của Dế Choắt vừa làm rõ bản tính của Dế Mèn, lại vừa giúp cho Dế Mèn nhận ra được thói xấu của mình. Trong câu chuyện này, Dế

Choắt cũng chính là nguyên nhân để Dế Mèn rút ra bài học làm người sâu sắc cho mình, từ đó thay đổi suy nghĩ để sống tốt hơn.

3. Đánh giá khái quát chung văn bản

Đoạn trích "Bài học đường đời đầu tiên" của Tô Hoài đã để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc. Dưới ngòi bút tài hoa của Tô Hoài, chân dung Dế Mèn hiện lên vô cùng đẹp đẽ, sống động. Mèn trêu chị Cốc rồi dẫn đến cái chết thảm thương của Dế Choắt, lúc này chàng ta mới nhận ra được những lỗi lầm của bản thân. Dế Mèn đã vô cùng đau khổ, ân hận trước cái chết của Dế Choắt và rút ra được bài học đường đời đầu tiên. Chính sự kiêu căng và nghịch ngợm đó của mình mà Dế Mèn đã phải trả giá đắt. Đó chính là bài học nhớ đời cho tất cả những con người có tính kiêu căng, hống hách. Chỉ vì lỗi lầm của bản thân mà gây hại cho người khác. Qua đoạn trích "Bài học đường đời đầu tiên", bạn đọc không chỉ thấy được những vẻ đẹp về ngoại hình của Dế Mèn, chúng ta còn rút ra bài học cho chính bản thân mình: phải luôn quan tâm, giúp đỡ người xung quanh, không được có thói kiêu căng tự phụ, xốc nổi, khinh thường, miệt thị mọi người; cần phải biết trân trọng tình bạn, giúp đỡ bạn bè bằng tấm lòng chân thành, không làm những việc gây tổn thương đến bạn ...

VĂN BẢN “NẾU CẬU MUỐN CÓ MỘT NGƯỜI BẠN”

I/Tác giả

- Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pê-ri (1900 – 1944)
- Nhà văn lớn của Pháp;
- Các sáng tác lấy đề tài, cảm hứng từ hững chuyến bay và cuộc sống của người phi công;
- Đặc chất trữ tình, trong trẻo, giàu cảm hứng lãng mạn.

II. Tác phẩm

1. Xuất xứ: Trích trong Hoàng tử bé, chương XXI
- Kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa hoàng tử bé và một con cáo trên trái đất

3. Người kể chuyện

- Ngôi kể: ngôi thứ 3

4. Cốt truyện

- Hoàng tử bé gặp gỡ và làm quen với con cáo
- Hoàng tử bé và cáo kể cho nhau nghe về hoàn cảnh và cuộc sống của nhau
- Hoàng tử bé “cảm hóa” cáo
- Hoàng tử bé chia tay cáo và nhận được bài học thấm thía về tình bạn.

* Định hướng phân tích văn bản

1. Tâm hồn trong sáng vô ngần của hoàng tử bé

a. Hoàng tử bé trước khi gặp cáo:

- *Chi tiết*: Hoàng tử bé đến từ một hành tinh khác không phải Trái Đất.
- > *Nhận xét*: Cậu cô đơn vì đến một nơi xa lạ, phải xa nhà, xa bạn bè.
- *Chi tiết*: Cậu phát hiện ra bông hồng cậu trân quý ở quê hương lại rất tầm thường ở Trái Đất.
- *Hành động*: Nằm dài trên cỏ và khóc

-> *Nhận xét*: Hoàng tử bé buồn bã, thất vọng vì phát hiện những gì mình trân quý ở quê hương (cụ thể ở đây chính là bông hồng) lại rất tầm thường ở Trái Đất.

b. Khi cáo xuất hiện và gặp gỡ hoàng tử bé:

- Những lời chào đầu tiên của hoàng tử bé với cáo:

+ “*Xin chào*”; “*Bạn dễ thương quá...*”

-> Cho thấy thái độ lịch sự, thân thiện và chân thành của hoàng tử bé đối với người bạn xa lạ lần đầu gặp gỡ.

+ “*Lại đây chơi với mình đi... Mình buồn quá*”

-> Thể hiện rằng hoàng tử bé đang muốn được kết bạn, muốn được sẻ chia và thấu hiểu.

- Cuộc đối thoại với cáo:

+ *Hoàng tử bé lặp lại nhiều lần câu hỏi “cảm hóa nghĩa là gì”*

-> Thể hiện rằng hoàng tử bé tò mò, ham học hỏi về những điều chưa biết (và bạn cáo đã sẵn sàng chia sẻ những điều đó cho hoàng tử bé)

+ *Hoàng tử bé tâm sự với cáo: “Có một bông hoa... mình nghĩ là nó đã cảm hóa mình...”*

-> Hoàng tử bé là người biết lắng nghe người khác và đồng thời cũng sẵn sàng chia sẻ những cảm xúc của mình cho người khác nghe.

-> Đây chính là một trong những yếu tố góp phần hình thành nên tình bạn giữa hoàng tử bé và cáo.

- Hành trình cảm hóa cáo:

Lý do hoàng tử bé đồng ý cảm hóa cáo là bởi những lời chia sẻ của cáo khiến hoàng tử bé cảm thấy đồng cảm và thương bạn. Bên cạnh đó, hoàng tử bé cũng tò mò, muốn khám phá tình bạn là như thế nào?

-> Hoàng tử bé chân thành và kiên nhẫn để xây dựng một tình bạn đẹp với cáo.

- *Gặp lại vườn hoa hồng: thái độ của hoàng tử bé đã thay đổi*: Không còn buồn bã, thất vọng như trước kia. Mọi băn khoăn, đau khổ đã được hóa giải.

-> Hoàng tử bé hiểu được ý nghĩa lớn lao của tình bạn. Tình bạn tạo nên ý nghĩa cho bản thân, cuộc sống, cho vạn vật thế gian.

c. Hoàng tử bé khi phải chia tay cáo:

- *Động viên cáo: “Mình không muốn làm bạn đau lòng chút nào”*.

-> Hoàng tử bé an ủi, động viên cáo nhưng chính cậu cũng vô cùng buồn bã, nuối tiếc.

- *Lặp lại 3 bí mật mà cáo chia sẻ với cậu một cách đầy trân trọng*:

+ “*Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần*”

+ “*Chính thời gian mà mình bỏ ra cho bông hồng của mình*”

+ “*Mình có trách nhiệm với bông hồng của mình*”

=> Hoàng tử bé lặp lại như vậy để khắc ghi vào lòng những ý nghĩa thiêng liêng, những chân lý giản dị mà sâu sắc của tình bạn.

=> ***Nhận xét về hoàng tử bé:***

- Là cậu bé có tâm hồn trong sáng vô ngần và lòng nhân ái bao la.

- Là người rất chân thành, cởi mở, khao khát tình thân, tình bạn.

2. So sánh 2 nhân vật hoàng tử bé và cáo

– **Sự khác biệt:** Đây là 2 nhân vật không đồng loại

Cáo: con vật sống trên Trái Đất

Hoàng tử bé: con người, đến từ hành tinh khác.

– **Sự tương đồng:**

+ Điều tha thiết có được tình bạn chân thành.

+ Điều có trách nhiệm và trân trọng tình bạn.

+ Điều cô đơn và cần được sẻ chia, thấu hiểu.

=> Dù đến từ hai miền đất xa lạ thì cáo và hoàng tử bé vẫn có những điểm chung. Và chính những điểm chung đó là nền tảng để họ chia sẻ, thấu hiểu và xây dựng một tình bạn đẹp.

3. Chủ đề tư tưởng của văn bản "Nếu cậu muốn có một người bạn"

– **Ý nghĩa lớn lao của tình bạn:**

Tình bạn giúp ta tìm thấy ý nghĩa bản thân, tạo ra sự gắn kết giữa ta và thế giới xung quanh, làm cuộc sống của ta thêm tươi sáng, sinh động và hạnh phúc.

– **Làm thế nào để kết bạn:**

Ta phải sống chân thành, cởi mở, sẵn sàng sẻ chia với bạn bè. Cố gắng kiên nhẫn để thấu hiểu nhau, ta hiểu bạn và để bạn hiểu mình. Và cuối cùng là cần phải tin tưởng lẫn nhau.

4. Bài học rút ra từ câu chuyện

- Bài học về cách kết bạn cần thân thiện, kiên nhẫn, dành thời gian để cảm hoá nhau; về ý nghĩa của tình bạn: mang đến cho con người niềm vui, hạnh phúc, khiến cho cuộc sống trở nên phong phú, đẹp đẽ hơn.

- Bài học về cách nhìn nhận, đánh giá và trách nhiệm đối với bạn bè: Con người cần biết nhìn nhận, biết lắng nghe, biết đánh giá mọi thứ bằng tình yêu và sự tin tưởng, thấu hiểu. Chỉ khi nhìn bằng trái tim, con người mới nhận ra và biết trân trọng, gìn giữ những điều đẹp đẽ, quý giá... Đó cũng là bí mật của tình yêu làm nên sự kết nối giữa con người với con người, con người với vạn vật.

- Tình bạn là vô cùng quan trọng đối với mỗi người. Để xây dựng được tình bạn đẹp cần rất nhiều yếu tố và điều kiện. Tình bạn cần sự kiên nhẫn, gần gũi và thấu hiểu, dành thời gian cho nhau, tình cảm thực sự chân thành từ trái tim, cần có trách nhiệm với tình bạn...

Văn bản "BẮT NẠT"
(Nguyễn Thế Hoàng Linh)

I. TÁC GIẢ

- Nguyễn Thế Hoàng Linh sinh năm 1982, quê ở Hà Nội;

- Sáng tác thơ từ năm 12 tuổi, hiện đã có "gia tài" là ngàn bài thơ.

- Thơ của Nguyễn Thế Hoàng Linh viết cho trẻ em rất hồn nhiên, ngộ nghĩnh, trong trẻo, tươi vui.

II. TÁC PHẨM

1. Xuất xứ:

- Trích từ tập thơ “Ra vườn nhặt nắng”, sáng tác năm 2017.

2. Thể thơ: thơ năm chữ.

3. Nội dung, ý nghĩa

Bài thơ nói về hiện tượng bắt nạt – một thói xấu cần phê bình và loại bỏ. Qua đó, mỗi người cần có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.

4. Nghệ thuật

- **Thể thơ 5 chữ.**

- Giọng điệu: hồn nhiên, dí dỏm, thân thiện, khiến câu chuyện dễ tiếp nhận mà còn mang đến một cách nhìn thân thiện, bao dung.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH

1. Khổ 1: Nêu vấn đề.

- Mở đầu bài thơ, nhà thơ đã nêu vấn đề trực tiếp cùng thái độ của tác giả: “Bắt nạt là xấu lắm”.

+ Thực tế cho thấy, hiện tượng “bắt nạt” đang diễn ra rất phổ biến ở nhiều lĩnh vực, đối tượng...trong cuộc sống con người. Nhiều vụ việc “bắt nạt” dẫn đến những hậu quả đau lòng, thậm chí bồi nhọ nhân phẩm, danh dự và tước đoạt tính mạng cả một con người, một nhóm người, một quốc gia.

+ Với cách nêu vấn đề trực tiếp, nhà thơ đã giúp người đọc nhận thức sâu sắc những vấn đề thời sự có tính chất tiêu cực đang diễn ra xung quanh chúng ta và khiến chúng ta phải có những hành động tích cực để đẩy lùi hiện tượng tiêu cực này.

- Ở những câu thơ tiếp theo, nhà thơ đã nêu ý kiến, lời khuyên nhủ nhẹ nhàng, sâu lắng, chân thành mà có ý nghĩa sâu sắc cho tất cả chúng ta:

+ “Đừng bắt nạt, bạn ơi”: Dấu phẩy ngăn cách, tách đối tượng, nhấn mạnh lời kêu gọi: chúng ta không nên bắt nạt bạn, vì đó là việc làm xấu.

+ Nhà thơ cũng nhắc nhở mỗi chúng ta về bài học nhân văn trong cuộc sống: Bất cứ ai sống trong cuộc đời này đều không cần bắt nạt. Bởi, bắt nạt đem lại nhiều hậu quả xấu, khiến cuộc sống của chúng ta trở nên bất ổn, tâm trạng của con người lúc nào cũng bất an, xã hội sẽ bị rối loạn. .

> Khổ thơ đầu của bài thơ chỉ vắn vắn có 4 câu thơ 5 chữ nhẹ nhàng, ngắn gọn nhưng nhà thơ đã giới thiệu cho chúng ta về một hiện tượng đang trở thành mối lo lắng cho toàn xã hội: bắt nạt bạn và những người xung quanh. Đồng thời, tác giả cũng đã gửi đến cho mỗi người bức thông điệp giàu ý nghĩa nhân văn: đừng bắt nạt vì tất cả chúng ta sống “Đều không cần bắt nạt” mà cần yêu thương, thân ái, hòa đồng với nhau để xây dựng một xã hội văn minh, một thế giới tràn đầy niềm vui,....

2. Nhà thơ đã gợi ý cho chúng ta hướng đến những việc làm tốt, làm cho tâm hồn trở nên sáng trong, có những suy nghĩ, hành động tốt đẹp thay vì bắt nạt bạn bè. (Khổ 2, 3, 4)

- Nhà thơ nêu những việc làm tốt mà mỗi chúng ta nên làm để cho tâm hồn con người trở nên trong sáng, rèn luyện sức khỏe, tính năng động, sáng tạo “học hát, nhảy híp-hóp”; đồng thời tác giả khuyên nhủ chúng ta nên đặt mình vào những thử thách, đối mặt với những khó khăn trong cuộc sống để tôi luyện bản lĩnh, ý chí, niềm tin “Thử mù tạt, đối mặt thử thách”.

- Trong đoạn thơ, tác giả cũng nhấn mạnh việc không nên dành thời gian bất nạt, chèn ép kẻ yếu. Những việc làm xấu này vừa tốn thời gian vừa khiến cho chúng ta trở nên hèn nhát. “Thời gian trong một ngày/ Đầu để dành bất nạt”; “Thử kẻ yếu làm gì...”.

- Nhà thơ khuyên chúng ta hãy biết yêu thương, bảo vệ, chở che cho những bạn nhút nhát, nghĩa là mỗi chúng ta nên đứng về phe kẻ yếu để cảm nhận được những điều đáng yêu ở họ, để biết yêu thương nhiều hơn: “Những bạn nào nhút nhát/ Thì là giống thỏ non/ Trông đáng yêu đây chứ! Sao không yêu, lại còn...?”.

- Để làm nổi bật những suy nghĩ, tình cảm của mình và đưa ra những lời khuyên chân thành, hướng con người đến những bài học nhân văn trong cuộc sống, nhà thơ đã sử dụng các hình thức nghệ thuật đặc sắc trong 3 khổ thơ (khổ 2,3,4):

+ Câu hỏi tu từ kết hợp với điệp ngữ: “Tại sao.../ Sao không...”: vừa bộc lộ những mong muốn, băn khoăn của nhà thơ vừa nhấn mạnh những việc con người cần làm để khiến tâm hồn mình trở nên phong phú, có lối sống đẹp... .

+ Ẩn dụ: “ăn mù tạt”: đối diện với những thử thách, những khó khăn trong cuộc sống để rèn luyện bản lĩnh, ý chí, nghị lực vượt qua những trở ngại trong cuộc sống.

3. Nhà thơ đã chỉ ra các đối tượng thường xuyên bị bất nạt và khuyên nhủ Chúng ta đừng nên bất nạt, bởi “Người với người sống để yêu nhau” (Tổ Hữu) - *(Khổ thơ 5,6)*

- Nhà thơ đã sử dụng biện pháp nghệ thuật điệp ngữ và điệp cấu trúc câu để nhấn mạnh quan điểm, ý kiến, lời khuyên nhủ chân thành của mình tới mọi người xung quanh: Đừng bất nạt (lặp lại 6 lần trong 2 khổ thơ).

- Bên cạnh đó, tác giả cũng sử dụng thủ pháp liệt kê để nhắc đến những đối tượng mà chúng ta không nên bất nạt: trẻ con, người lớn, ai, mèo, chó, nước khác. Như vậy, nhà thơ đã hướng tới tất cả mọi đối tượng trong đời sống mà chúng ta không nên bất nạt. Qua đó, người đọc cảm nhận được một ý nghĩa triết lí nhân sinh mà nhà thơ gửi gắm: hãy biết yêu thương và lan tỏa yêu thương đến mọi người, mỗi dân tộc, quốc gia; không nên bất nạt lẫn nhau. Bởi, tất cả sinh vật sinh sống trên trái đất này đều đáng được yêu thương, trân trọng và mỗi chúng ta cần phải có cách cư xử nhân văn, xây dựng nhiều mối quan hệ tốt đẹp

- Nhà thơ cũng chỉ rõ lí do vì sao không nên bất nạt: “Vì bất nạt dễ lây”. Bất nạt có thể ảnh hưởng đến người khác, con người sẽ sống trong trạng thái bất an, luôn lo sợ và khiến xã hội hỗn loạn. Thực tế cho thấy, hiện nay, hiện tượng bất nạt ở giới trẻ đang diễn ra rất phổ biến và thậm chí trở thành một “phong trào bạo lực học đường”. Đây là một thực trạng đáng lo ngại cho gia đình, nhà trường và xã hội.

4. Hai khổ cuối của bài thơ, nhà thơ đưa ra lời khuyên răn cho mọi người và liên hệ bản thân của chính tác giả.

- Nhà thơ trực tiếp xưng “tớ” và bày tỏ thái độ rõ ràng:
- + Nhân vật “tớ” cũng cho biết bản thân bị bắt nạt quen rồi nhưng vẫn không thích bị bắt nạt.
- + Nhân vật bày tỏ thái độ dứt khoát: nếu đi bắt nạt người khác thì hãy đọc bài thơ này và đến gặp nhân vật “tớ” ngay.
- +Lời khuyên răn, bảo vệ phe yếu: “Cứ đưa bài thơ này/ Bảo nếu cần bắt nạt Thì đến gặp tớ ngay”.
- => Thái độ của nhân vật “tớ rất rõ ràng: phê bình thẳng thắn, phủ định một cách mạnh mẽ chuyện bắt nạt nhưng vẫn cởi mở, thân thiện, trò chuyện tâm tình và dí dỏm, hài hước với các bạn bắt nạt. Với các bạn bị bắt nạt, nhân vật thể hiện sự gần gũi, tôn trọng, yêu mến, sẵn sàng bên vực.
- Nhà thơ khẳng định lần nữa ý kiến bản thân: dù bị bắt nạt quen rồi nhưng “Vẫn không thích bắt nạt Vì bắt nạt rất hôi!”. Từ "hôi" là một từ lạ, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác thể hiện sự xấu xa, tiêu cực của việc bắt nạt.

*** Đánh giá khái quát:**

- + Bài thơ “Bắt nạt” đã gửi đến cho chúng ta bài học nhân văn sâu sắc: cần đối xử tốt với bạn bè, có thái độ hoà đồng và đoàn kết, sẵn sàng giúp đỡ, bên vực những bạn yếu hơn mình. Bắt nạt là thói xấu cần loại bỏ nhưng cần hướng đến sự thân thiện, "dùng, những bạn bị bắt nạt cần được bên vực, bảo vệ và những bạn hay đi bắt nạt cũng cần được giúp đỡ để thay đổi tích cực hơn. Qua đó, mỗi người cần có thái độ đứng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.

III. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học và nhớ lại kiến thức vừa ôn:
- Chuẩn bị chủ đề đọc – hiểu: Tình bạn

=====

Ngày dạy: 26/09/2022

BUỔI 2:

ÔN TẬP VĂN BẢN CHỦ ĐỀ TÌNH BẠN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Giúp học sinh nắm chắc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm Bài học đường đời đầu tiên, Nếu cậu muốn có một người bạn, Bắt nạt

2. Năng lực:

- Năng lực tìm hiểu, phân tích, cảm nhận về các nhân vật.

3. Phẩm chất:

- HS hiểu và trân trọng tình bạn
- Có ý thức học tập nghiêm túc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: KHBD, STK, SGK

2. Học sinh: Vở ghi, SGK. STK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Văn bản “BẮT NẠT”
(Nguyễn Thế Hoàng Linh)

I. TÁC GIẢ

- Nguyễn Thế Hoàng Linh sinh năm 1982, quê ở Hà Nội;
- Sáng tác thơ từ năm 12 tuổi, hiện đã có “gia tài” là ngàn bài thơ.
- Thơ của Nguyễn Thế Hoàng Linh viết cho trẻ em rất hồn nhiên, ngộ nghĩnh, trong trẻo, tươi vui.

II. TÁC PHẨM

1. Xuất xứ:

- Trích từ tập thơ “Ra vườn nhật nắng”, sáng tác năm 2017.

2. Thể thơ: thơ năm chữ.

3. Nội dung, ý nghĩa

Bài thơ nói về hiện tượng bắt nạt – một thói xấu cần phê bình và loại bỏ. Qua đó, mỗi người cần có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.

4. Nghệ thuật

- Thể thơ 5 chữ.

- Giọng điệu: hồn nhiên, dí dỏm, thân thiện, khiến câu chuyện dễ tiếp nhận mà còn mang đến một cách nhìn thân thiện, bao dung.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH

1. Khổ 1: Nêu vấn đề.

- Mở đầu bài thơ, nhà thơ đã nêu vấn đề trực tiếp cùng thái độ của tác giả: “Bắt nạt là xấu lắm”.

+ Thực tế cho thấy, hiện tượng “bắt nạt” đang diễn ra rất phổ biến ở nhiều lĩnh vực, đối tượng...trong cuộc sống con người. Nhiều vụ việc “bắt nạt” dẫn đến những hậu quả đau lòng, thậm chí bôi nhọ nhân phẩm, danh dự và tước đoạt tính mạng cả một con người, một nhóm người, một quốc gia.

+ Với cách nêu vấn đề trực tiếp, nhà thơ đã giúp người đọc nhận thức sâu sắc những vấn đề thời sự có tính chất tiêu cực đang diễn ra xung quanh chúng ta và khiến chúng ta phải có những hành động tích cực để đẩy lùi hiện tượng tiêu cực này.

- Ở những câu thơ tiếp theo, nhà thơ đã nêu ý kiến, lời khuyên nhủ nhẹ nhàng, sâu lắng, chân thành mà có ý nghĩa sâu sắc cho tất cả chúng ta:

+ “Đừng bắt nạt, bạn ơi”: Dấu phẩy ngăn cách, tách đối tượng, nhấn mạnh lời kêu gọi: chúng ta không nên bắt nạt bạn, vì đó là việc làm xấu.

+ Nhà thơ cũng nhắc nhở mỗi chúng ta về bài học nhân văn trong cuộc sống: Bất cứ ai sống trong cuộc đời này đều không cần bắt nạt. Bởi, bắt nạt đem lại nhiều hậu quả xấu, khiến cuộc sống của chúng ta trở nên bất ổn, tâm trạng của con người lúc nào cũng bất an, xã hội sẽ bị rối loạn. .

> Khổ thơ đầu của bài thơ chỉ vắn vắn có 4 câu thơ 5 chữ nhẹ nhàng, ngắn gọn nhưng nhà thơ đã giới thiệu cho chúng ta về một hiện tượng đang trở thành mối lo lắng cho toàn xã hội: bắt nạt bạn và những người xung quanh. Đồng thời, tác giả cũng đã gửi đến cho mỗi người bức thông điệp giàu ý nghĩa nhân văn: đừng bắt nạt vì tất cả chúng ta sống “Đều không cần bắt nạt” mà cần yêu thương, thân ái, hòa đồng với nhau để xây dựng một xã hội văn minh, một thế giới tràn đầy niềm vui,....

2. Nhà thơ đã gợi ý cho chúng ta hướng đến những việc làm tốt, làm cho tâm hồn trở nên sáng trong, có những suy nghĩ, hành động tốt đẹp thay vì bắt nạt bạn bè. (Khổ 2, 3, 4)

- Nhà thơ nêu những việc làm tốt mà mỗi chúng ta nên làm để cho tâm hồn con người trở nên trong sáng, rèn luyện sức khỏe, tính năng động, sáng tạo “học hát, nhảy híp-hóp”; đồng thời tác giả khuyên nhủ chúng ta nên đặt mình vào những thử thách, đối mặt với những khó khăn trong cuộc sống để tôi luyện bản lĩnh, ý chí, niềm tin “Thử mù tạt, đối mặt thử thách”.

- Trong đoạn thơ, tác giả cũng nhấn mạnh việc không nên dành thời gian bắt nạt, chèn ép kẻ yếu. Những việc làm xấu này vừa tốn thời gian vừa khiến cho chúng ta trở nên hèn nhát. “Thời gian trong một ngày/ Đầu để dành bắt nạt”; “Thử kẻ yếu làm gì...”.

- Nhà thơ khuyên chúng ta hãy biết yêu thương, bảo vệ, chở che cho những bạn nhút nhát, nghĩa là mỗi chúng ta nên đứng về phe kẻ yếu để cảm nhận được những điều đáng yêu ở họ, để biết yêu thương nhiều hơn: “Những bạn nào nhút nhát/ Thì là giống thỏ non/ Trông đáng yêu đây chứ! Sao không yêu, lại còn...?”.

- Để làm nổi bật những suy nghĩ, tình cảm của mình và đưa ra những lời khuyên chân thành, hướng con người đến những bài học nhân văn trong cuộc sống, nhà thơ đã sử dụng các hình thức nghệ thuật đặc sắc trong 3 khổ thơ (khổ 2,3,4):

+ Câu hỏi tu từ kết hợp với điệp ngữ: “Tại sao.../ Sao không...”: vừa bộc lộ những mong muốn, băn khoăn của nhà thơ vừa nhấn mạnh những việc con người cần làm để khiến tâm hồn mình trở nên phong phú, có lối sống đẹp... .

+ Ẩn dụ: “ăn mù tạt”: đối diện với những thử thách, những khó khăn trong cuộc sống để rèn luyện bản lĩnh, ý chí, nghị lực vượt qua những trở ngại trong cuộc sống.

3. Nhà thơ đã chỉ ra các đối tượng thường xuyên bị bắt nạt và khuyên nhủ Chúng ta đừng nên bắt nạt, bởi “Người với người sống để yêu nhau” (Tổ Hữu) - (Khổ thơ 5,6)

- Nhà thơ đã sử dụng biện pháp nghệ thuật điệp ngữ và điệp cấu trúc câu để nhấn mạnh quan điểm, ý kiến, lời khuyên nhủ chân thành của mình tới mọi người xung quanh: Đừng bắt nạt (lặp lại 6 lần trong 2 khổ thơ).

- Bên cạnh đó, tác giả cũng sử dụng thủ pháp liệt kê để nhắc đến những đối tượng mà chúng ta không nên bắt nạt: trẻ con, người lớn, ai, mèo, chó, nước khác. Như vậy, nhà thơ đã hướng tới tất cả mọi đối tượng trong đời sống mà chúng ta không nên bắt nạt. Qua đó, người đọc cảm nhận được một ý nghĩa triết lý nhân sinh mà nhà thơ gửi gắm: hãy biết yêu thương và lan tỏa yêu thương đến mọi người, mỗi dân tộc, quốc gia; không nên bắt nạt lẫn nhau. Bởi, tất cả sinh vật sinh sống trên trái đất này đều đáng được yêu thương, trân trọng và mỗi chúng ta cần phải có cách cư xử nhân văn, xây dựng nhiều mối quan hệ tốt đẹp

- Nhà thơ cũng chỉ rõ lý do vì sao không nên bắt nạt: “Vì bắt nạt dễ lây”. Bắt nạt có thể ảnh hưởng đến người khác, con người sẽ sống trong trạng thái bất an, luôn lo sợ và khiến xã hội hỗn loạn. Thực tế cho thấy, hiện nay, hiện tượng bắt nạt ở giới trẻ đang diễn ra rất phổ biến và thậm chí trở thành một “phong trào

bạo lực học đường”. Đây là một thực trạng đáng lo ngại cho gia đình, nhà trường và xã hội.

4. Hai khổ cuối của bài thơ, nhà thơ đưa ra lời khuyên răn cho mọi người và liên hệ bản thân của chính tác giả.

- Nhà thơ trực tiếp xưng “tớ” và bày tỏ thái độ rõ ràng:

+ Nhân vật “tớ” cũng cho biết bản thân bị bắt nạt quen rồi nhưng vẫn không thích bị bắt nạt.

+ Nhân vật bày tỏ thái độ dứt khoát: nếu đi bắt nạt người khác thì hãy đọc bài thơ này và đến gặp nhân vật “tớ” ngay.

+Lời khuyên răn, bảo vệ phe yếu: “Cứ đưa bài thơ này/ Bảo nếu cần bắt nạt Thì đến gặp tớ ngay”.

=> Thái độ của nhân vật “tớ rất rõ ràng: phê bình thẳng thắn, phủ định một cách mạnh mẽ chuyện bắt nạt nhưng vẫn cởi mở, thân thiện, trò chuyện tâm tình và dĩ dõm, hài hước với các bạn bắt nạt. Với các bạn bị bắt nạt, nhân vật thể hiện sự gần gũi, tôn trọng, yêu mến, sẵn sàng bên vực.

- Nhà thơ khẳng định lần nữa ý kiến bản thân: dù bị bắt nạt quen rồi nhưng “Vẫn không thích bắt nạt Vì bắt nạt rất hôi!”. Từ "hôi" là một từ lạ, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác thể hiện sự xấu xa, tiêu cực của việc bắt nạt.

*** Đánh giá khái quát:**

+ Bài thơ “Bắt nạt” đã gửi đến cho chúng ta bài học nhân văn sâu sắc: cần đối xử tốt với bạn bè, có thái độ hoà đồng và đoàn kết, sẵn sàng giúp đỡ, bên vực những bạn yếu hơn mình. Bắt nạt là thói xấu cần loại bỏ nhưng cần hướng đến sự thân thiện, "dụng, những bạn bị bắt nạt cần được bên vực, bảo vệ và những bạn hay đi bắt nạt cũng cần được giúp đỡ để thay đổi tích cực hơn. Qua đó, mỗi người cần có thái độ đứng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.

I. Đọc hiểu

Đọc ngữ liệu và trả lời câu hỏi:

Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi:

“Gió bắc thổi ào ào qua khu rừng vắng. Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật. Mưa phùn lất phất... Bên gốc đa, một chú Thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng rong. Thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút. Thỏ đuổi theo. Tấm vải rơi tròn trành trên ao nước. Thỏ vừa đặt chân xuống nước đã vội co lên. Thỏ cố khều nhưng đưa chân không tới.

Một chú Nhím vừa đi đến. Thỏ thấy Nhím liền nói:

- Tôi đánh rơi tấm vải khoác!

- Thế thì gay go đấy! Trời rét, không có áo khoác thì chịu sau được.

Nhím nhặt chiếc que khều... Tấm vải dạt vào bờ, Nhím nhặt lên, giữ nước, quấn lên người Thỏ:

- Phải may thành một chiếc áo, có thế mới kín được.

- Tôi đã hỏi rồi. Ở đây chẳng có ai may vá gì được.

Nhím ra dáng nghĩ:

- Ủ! Muốn may áo phải có kim. Tôi thiếu gì kim.

Nói xong, Nhím xù lông. Quả nhiên vô số những chiếc kim trên mình nhím dựng lên nhọn hoắt.

Nhím rút một chiếc lông nhọn, cời tấm vải trên mình Thỏ để may. [...]

(“Trích Những chiếc áo ấm, Võ Quảng”)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn.

Câu 2: Nội dung của đoạn trích trên? Ý nghĩa của đoạn trích trên là gì?

Câu 3: Từ đoạn văn trên, em rút ra cho mình những thông điệp nào?

III. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học và nhớ lại kiến thức vừa ôn
 - Chuẩn bị chủ đề đọc – hiểu: Tình cảm gia đình
- =====

Ngày dạy: 28/09/2022

BUỔI 3:

ÔN TẬP VĂN BẢN CHỦ ĐỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Giúp học sinh nắm chắc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm truyện, thơ.

2. Năng lực:

- Năng lực phân tích, cảm nhận về nhân vật trong tác phẩm truyện, thơ.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức học tập nghiêm túc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: KHBD, STK, SGK

2. Học sinh: Vở ghi, SGK. STK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

* Ôn tập các văn bản

Văn bản: CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI

(Xuân Quỳnh)

I. TÁC GIẢ XUÂN QUỲNH

II. TÁC PHẨM “CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI”

1. Xuất xứ

Bài thơ “Chuyện cổ tích về loài người” rút từ tập thơ “Lời ru trên mặt đất” (1978) của Xuân Quỳnh.

2. Thể loại và phương thức biểu đạt

- Thể thơ: 5 chữ.
- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm, Tự sự.

3. Bố cục

- Bài thơ có hai phần rõ rệt. Phần trên nói nhiều về thiên nhiên, phần dưới nói nhiều về con người.
- Điểm sáng tạo trong bài thơ là những quang cảnh và trình tự mà tác giả dựng lên giống hệt như trong các câu chuyện cổ tích, thần thoại, phần nội dung cũng hoàn toàn nói ngược với sự thực, nhưng chính điều ấy lại tạo nên sự hấp dẫn cho bài thơ.

4. Giá trị nghệ thuật

- Thể thơ 5 chữ, mỗi dòng thơ có năm tiếng, các dòng được sắp xếp theo khổ và không giới hạn số lượng dòng trong một bài; Sử dụng vần chân ở hầu hết các dòng thơ (Từ cánh cò rất **trắng**/. Từ vị gừng rất **đắng**/ [...]/ Từ bãi sông cát **vắng**); Mỗi dòng đều được ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3 tạo âm điệu nhịp nhàng như thủ thi, tâm tình, gần gũi với trẻ em:

Trời sinh ra trước nhất
Chỉ toàn là trẻ con
[...]
Màu xanh bắt đầu có
Màu xanh bắt đầu cây

- Bài thơ kết hợp nhuần nhuyễn giữa phương thức biểu cảm và tự sự; thơ trữ tình kết hợp yếu tố tự sự và các màu sắc hoang đường, kỳ ảo tạo sức hấp dẫn cho bài thơ.

- Nhan đề **chuyện cổ tích** gợi liên tưởng tới những câu chuyện tưởng tượng về sự xuất hiện của loài người trong vũ trụ dưới hình thức có tích suy nguyên, giải thích nguồn gốc của loài người mang màu sắc hoang đường, kỳ ảo.
- Mạch thơ tuyến tính;

5. Giá trị nội dung

Chuyện cổ tích về loài người là một bài thơ với sự tưởng tượng hư cấu về nguồn gốc của loài người hướng con người chú ý đến trẻ em. Bài thơ tràn đầy tình yêu thương, triu mến đối với con người, trẻ em. Trẻ em cần được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ, Tất cả những gì tốt đẹp nhất đều được dành cho trẻ em. Mọi vật, mọi người sinh ra đều dành cho trẻ em, để yêu mến và giúp đỡ trẻ em.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH:

Chuyện cổ tích về loài người là một trong những bài thơ tiêu biểu viết cho thiếu nhi của Xuân Quỳnh. Bài thơ này đã được in trong tập Lời ru trên mặt đất năm 1978 và tập Bầu trời trong quả trứng năm 1982. Đây là một bài thơ viết theo thể ngũ ngôn nói về cuộc sống ở trên trái đất khi mới có loài người. Qua đó, chuyển tải một thông điệp sâu sắc chính là mọi vật sinh ra trên trái đất là vì con người, vì trẻ em. Chính vì vậy hãy yêu thương và cho chúng một tuổi thơ hạnh phúc nhất.

Chuyện cổ tích về loài người - một cổ tích bằng thơ với gần 80 câu có sự kết hợp nhuần nhị giữa yếu tố truyền thống và yếu tố cách tân, mượn những sự vật, hiện tượng của huyền thoại, cổ tích để diễn đạt lại những ý tưởng nhân văn, kết cấu theo lối chương hồi hiện đại.

1. Hình ảnh trái đất khi trẻ con được sinh ra:

Tác giả dẫn dắt bạn đọc nhỏ tuổi từ sự vật, hiện tượng này sang sự vật, hiện

tượng khác một cách hấp dẫn. Có điều đặc biệt là: Tác giả cắt nghĩa nguồn gốc của loài người là trẻ em, quá trình hình thành thế giới là do những nhu cầu sinh hoạt và phát triển của lứa tuổi này, sau trẻ em mới lần lượt xuất hiện những người gần gũi trong gia đình và ngoài xã hội: mẹ, bà, bố, thầy giáo... Bài thơ vừa mang đậm màu sắc triết lí và bên cạnh ý nghĩa giáo dục, dường như mỗi câu thơ vừa bắc cho người đọc một nhịp cầu nối để tiếp xúc với một cảnh huống, một sự vật hiện tượng của đời sống tự nhiên và xã hội, vừa gợi mở trí tưởng tượng bay bổng cùng những khung trời mới lạ và kì thú của tuổi thơ. Khổ thơ đầu, giúp người đọc hình dung cuộc sống trên trái đất khi mới có loài người, khi trẻ con mới bắt đầu xuất hiện. Tất cả vạn vật còn phôi thai, trái đất hoang sơ “trụi trần”, “không đáng cây ngọn cỏ”, chưa có màu xanh của sự sống.

2. Sự thay đổi của trái đất sau khi trẻ con được sinh ra:

*** Sự biến đổi của thiên nhiên:**

Từ khi có trẻ con, cuộc sống trên trái đất ngày một tiến bộ, ngày một văn minh. Mặt trời chiếu rọi ánh sáng khắp trái đất, đem lại sự sống cho muôn loài. Từ tối tăm sang có ánh sáng, vạn vật đơm hoa kết trái. Màu xanh của cây cối được tiếp thêm ánh nắng đã lớn lên, gọi mời những tiếng chim ca hát. Âm thanh được giá truyền khắp không gian. Để trẻ con được vầy vùng tắm mát, dòng sông, biển cả xuất hiện, nuôi dưỡng những khát khao, những ước mơ cháy bỏng được đi xa đến những chân trời mới lạ. Như vậy, có trẻ con là có sự sống. Điều này cho thấy ý nghĩa to lớn của trẻ em đối với thế giới, trẻ em là trung tâm của thế giới, là tương lai của vũ trụ. Mỗi sự thay đổi trên thế giới đều bắt nguồn từ sự sinh ra của trẻ con. Các sự vật, hiện tượng xuất hiện điều đó nâng đỡ, nuôi dưỡng, góp phần giúp trẻ con trưởng thành cả về vật chất và tâm hồn.

*** Vai trò của sự xuất hiện các thành viên trong gia đình đối với trẻ em**

- Món quà tình cảm chỉ mẹ mới có thể đem đến được cho trẻ: Đó là tình yêu và lời ru, Tình yêu chính là sự bế bồng chăm sóc. Những lời ru ngọt ngào quen thuộc, gắn liền không gian sinh hoạt văn hóa truyền thống của người Việt (đã xuất hiện nhiều trong văn học dân gian như truyện cổ tích, ca dao, V.v...) là cái bóng cái bang, cái hoa: Tác giả không dùng từ “con cá bóng” hay “bông hoa” mà dùng chỉ từ “cái” – một cách nói mộc mạc, giản dị, gần gũi, gọi về những kỉ niệm xa xăm trong đời sống lao động của người Việt: là cánh cò, vị gừng, vết lấm, cơn mưa, bãi sông cát vắng. Lời ru là những điệu hát dân gian mang âm hưởng nhẹ nhàng và sâu lắng, là một truyền thống văn hoá thể hiện bản sắc dân tộc. Lời ru của mẹ nuôi dưỡng tâm hồn con. “Mẹ ru cái lẽ ở đời. Sữa nuôi phân xác, hát nuôi phần hồn”. Với cách nói ngược theo kiểu về dân gian, nhà thơ Xuân Quỳnh đã dựng lại một “chuyện cổ tích về loài người” trong xã hội hiện đại. Lẽ thường, mẹ sinh ra con nhưng ở bài thơ này mẹ sinh ra để “bế bồng, chăm sóc” vì trẻ cần “tình yêu và lời ru”. Quy luật tự nhiên bị đảo ngược. Cách nói có vẻ phi lí nhưng lại mang chứa những logic tình cảm thật dễ thương. Dường như cả thế giới được tạo ra là để dành cho trẻ. Giọng thơ triu mến như cái ôm vỗ về của mẹ. “Chuyện cổ tích về loài người” được nhà thơ Xuân Quỳnh viết nên từ tình yêu tha thiết của một người mẹ, từ trái tim dịu dàng, cháy bỏng trong thiên phú của người phụ nữ Việt Nam.

- Những câu chuyện bà kể cho trẻ và những điều bà muốn gửi gắm:

Ngoài tình yêu và lời ru, trẻ còn khát khao khám phá. Và bà đã xuất hiện. Chuyện bà kể cho trẻ: Chuyện ngày xưa, ngày sau. Chuyện ngày xưa là những câu chuyện cô: con cóc, nàng tiên, cô Tấm, Lý Thông, V.v... Chuyện ngày sau là chuyện ngày sau này trong đối sánh với ngày xưa, nó có thể vẫn là những câu chuyện cổ hoặc là chuyện mà với một người nhiều tuổi, có nhiều trải nghiệm như bà có thể đoán định được. Qua những câu chuyện bà kể, bà gửi gắm về lối sống có đạo lý, ở hiền gặp lành, được mọi người quý mến, ở ác gặp ác, bị mọi người khinh ghét. Những câu chuyện cổ tích đó là suối nguồn trong trẻo nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn trẻ thơ. Những câu chuyện khơi gợi những khát khao, góp phần định hình nhân cách cho trẻ.

- Điều bố dành cho trẻ: Khác với mẹ, với bà, bố cho hiểu biết, bố là biểu hiện của lý trí, thay vì tình cảm. Bố không bế bồng, không kể như mẹ, như bà mà bố dạy vừa nghiêm khắc vừa yêu thương. Bà và mẹ dành cho trẻ tình cảm, sự yêu thương chăm sóc, lời ru. Bà cho thỏa mãn khao khát nghe những câu chuyện. Còn bố, bố giúp trẻ khám phá thế giới. Như vậy, mỗi thành viên trong gia đình đều yêu thương, quan tâm đến trẻ. Nhưng mỗi người lại có cách thể thiện tình yêu và vai trò riêng đối với trẻ.

=> Sự xuất hiện của mẹ, bà, bố chính là hình ảnh của một gia đình đầm ấm, sun vậy. Hay nói cách khác, đó là sự ra đời của gia đình - cái nôi nuôi dưỡng, cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người. Với lối nói ngược kết hợp nhịp thơ hồn nhiên, âm áp, vui tươi, Xuân Quỳnh đã sử dụng những lí lẽ của con tim để lí giải và đề cao vai trò của gia đình. Bên cạnh đó, nhà thơ vận dụng thành công cách nói dân gian mộc mạc, giản dị của ông cha ta trong ca dao: “Sinh con rồi mới sinh cha, sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông”.

- Không chỉ có gia đình, trẻ con cần học tập. Bởi cuộc sống con người ngày một phát triển, ngày một đi lên. Có tiếng nói, rồi có chữ viết, có nền giáo dục. Con người được học hành và cuộc sống con người ngày một văn minh: biết mở trường dạy trẻ em học, biết đào tạo, biết “sinh ra thầy giáo” để dạy dỗ trẻ em. Lớp, trường, bàn, ghế, cái bảng, cục phấn, chữ viết, ông thầy... là những biểu tượng thể hiện sự thay đổi kì diệu cuộc sống loài người trên trái đất ngày một văn minh. Bên cạnh ánh sáng mặt trời, loài người được sống trong ánh sáng của khoa học, ánh sáng của giáo dục. Đó là sự ra đời của xã hội. Tất cả phục vụ và hướng tới trẻ em.

3. Đánh giá khái quát

Với thể thơ 5 chữ, ngôn ngữ bình dị, tự nhiên, giọng điệu trầu mến, thân thương, Chuyện cổ tích về loài người kể về sự xuất hiện của loài người, rồi sự trưởng thành, phát triển tiến đến xã hội văn minh. Bài thơ đã bộc lộ tình yêu mến đối với con người nhất là trẻ em. Trẻ em cần được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ. Mọi sự sinh ra trên đời này là vì trẻ em, vì cuộc sống hôm nay và mai sau của trẻ em.

Văn bản: MÂY VÀ SÓNG
(Ra-bin Dra-nat Ta-go)

I. TÁC GIẢ

1. Cuộc đời:

Ra-bin-đra-nát Ta-go (1861-1941), thi hào lỗi lạc, người viết văn xuôi tài hoa, nhà soạn nhạc, nhà lí luận phê bình, họa sĩ, nhà soạn kịch danh tiếng của Ấn Độ và là nhà văn hóa vĩ đại của nhân loại. Ta-go là con út, thứ 14, trong một gia đình danh gia vọng tộc bậc nhất ở Calcutta (thủ phủ xứ An thời thuộc Anh, vùng Bengal, Đông Bắc Ấn), một gia tộc lập nghiệp ở đây từ thế kỉ thứ 8, sâu đậm truyền thống Ấn Độ giáo, từng xây dựng nên tông phái Adi Dharm. Tên Rabindranath theo nghĩa gốc ngôn ngữ Bengali là Thần Thái Dương (Lord of the Sun), tên tắt thân mật là Rubi, từ Tagore là Anh ngữ hóa từ Thàkur tiếng Bengali. Tạm dịch âm và nghĩa sang Việt ngữ là Ta Cơ Thái Dương. Tagore được cho là một trong những người con ưu tú nhất, một nghệ sĩ bậc thầy, một nhà nhân đạo cao cả, một triết gia thông thái, một người đấu tranh không mệt mỏi cho cuộc sống hoà bình. Tagore như người mang quà tặng của thượng đế, thể hiện bằng tình yêu và lòng nhân ái cao cả của mình, dâng hiến nhân loại thông qua một trái tim mẫn cảm và chan chứa tình yêu con người, một điều mà nghệ sĩ vĩ đại của bất cứ thời đại nào cũng khao khát vươn tới. |

2. Sự nghiệp sáng tác:

Sự nghiệp sáng tác của Ta-go thật đồ sộ và bền bỉ trong suốt cả cuộc đời. Ông sáng tác bằng tiếng Ben-gan và để lại hàng trăm truyện ngắn, trong đó có những truyện nổi tiếng như Giàn hoa thiêu, Đá đối,... Ngoài ra, Ta-go còn sáng tác 52 tập thơ, 42 vở kịch và 12 bộ tiểu thuyết. Với tập Thơ Dâng do chính ông dịch ra tiếng Anh, Viện Hàn lâm khoa học Thụy Sĩ đã trao tặng ông giải thưởng Nô-ben văn chương vào năm 1913. Như thế, Ta-go có vinh dự là nhà văn châu Á đầu tiên được nhận phần thưởng cao quý này. Rabindranath Tagore không chỉ là đại diện văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ, ông còn là nhà thơ châu Á đầu tiên được trao giải Nobel Văn học, là bậc kỳ tài đã để lại cho nhân loại một khối lượng tác phẩm đồ sộ và phong phú.

a. Các tác phẩm chính:

- Ông để lại một sự nghiệp văn học đồ sộ thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau mà ở lĩnh vực nào ông cũng thành công xuất sắc:

+52 tập thơ.

+12 bộ tiểu thuyết.

+42 vở kịch.

+Hàng trăm truyện ngắn, hàng nghìn ca khúc, hàng nghìn bức hoạ...

- Năm 1913, Ta-go là người châu Á đầu tiên được nhận Giải thưởng Nô-ben về văn học với tập "Thơ Dâng" (gồm 103 bài, sáng tác từ 1890-1912 và ông tự dịch ra tiếng Anh).

b. Phong cách nghệ thuật

- Ta-go đem đến cho thi ca Ấn Độ một không khí thanh sáng, thiêng liêng mà gần gũi, thân tình, biểu đạt những rung động tinh tế trong tâm hồn thi sĩ trước đất nước, quê hương, thiên nhiên, cuộc sống, con người và tình yêu bằng một giọng điệu nồng nàn, tha thiết.

- Thơ Ta-go cũng chứa đựng những triết lý thâm trầm về vũ trụ, con người, cuộc sống hạnh phúc và tình yêu. Chất trữ tình - triết lí hòa quyện khó mà phân cắt trong một bài thơ của Ta-go.

II. TÁC PHẨM:

1. Xuất xứ

- “Mây và sóng” được viết bằng tiếng Ben-gan, in trong tập thơ Si-su (Trẻ thơ), xuất bản năm 1909 và được Ta-go dịch ra tiếng Anh, in trong tập Trăng non xuất bản năm 1915.

2. Bố cục: 2 phần

- Phần 1: (Từ đầu đến “xanh thẳm”): Cuộc trò chuyện của em bé với mây và mẹ.
- Phần 2: (Còn lại): Cuộc trò chuyện của em bé với sóng và mẹ.

3. Giá trị nội dung

- Thông qua cuộc trò chuyện của em bé với mẹ, bài thơ “Mây và sóng” của Ta-go ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng sâu sắc.
- Bài thơ chứa đựng những triết lý giản dị nhưng đúng đắn về hạnh phúc trong cuộc đời.

4. Giá trị nghệ thuật

- Sử dụng hình ảnh giàu chất trữ tình mang ý nghĩa biểu tượng.
- Kết cấu bài thơ như một câu chuyện kể tạo ấn tượng thú vị với hình thức đối thoại lồng trong lời kể của em bé.
- Nghệ thuật đối lập, ẩn dụ, nhân hóa....

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH

Tình cảm gia đình luôn là nguồn cảm hứng bất tận cho những nhà thơ, nhà văn thỏa sức sáng tạo. Nếu tình cha con thường được khắc họa một cách mạnh mẽ, hùng tráng, có phần đanh thép, cứng rắn, tình chị em máu mủ ruột rà sẽ chia, bao bọc giúp đỡ nhau thì tình mẫu tử luôn mang màu sắc thiêng liêng, cao quý mà gần gũi, thân thương. Với đại thi hào Ta - go, tình mẫu tử của ông xuất phát từ tâm hồn nhạy cảm trước cái đẹp, trước quê hương, con người trong cuộc sống. “Mây và sóng”, một kiệt tác trong sự nghiệp văn chương của ông, tác phẩm chính là bản hòa ca ngọt ngào, là lời tâm sự thủ thỉ của một em bé với mẹ, qua đó thể hiện cái hồn nhiên, trong sáng của tuổi thơ, đồng thời là tình cảm thấm thiết, mặn nồng của người con dành cho mẹ.

Bài thơ mang giai điệu trữ tình, ngọt ngào như một bài hát về vùng đất thần tiên mơ mộng, sản phẩm của trí tưởng tượng phong phú dưới suy nghĩ non nớt của trẻ thơ. Những sự vật xuất hiện trong tác phẩm đều mang hình hài, sắc thái của con người, mang đến cảm giác trong trẻo, đáng yêu.

Tác giả xây dựng bài thơ dưới hình thức một cuộc nói chuyện giữa hai mẹ con, là lời em bé kể cho mẹ về sóng nước, mây trời mà em đã gặp khi đi chơi. Dưới góc nhìn non nớt và trí tưởng tượng phong phú của em, mây trời biết nói, biết cười, biết rủ em tham gia những cuộc vui bất tận.

1. Em bé trò chuyện với những người “trên mây” và “trong sóng”:

Em bé gọi “Mẹ ơi” để bắt đầu kể chuyện nghe thật gần gũi, đáng yêu. Tiếng “Me ơi đầu đời chẳng cần uốn nắn, dạy bảo mà tự bộc phát như một sự hiển nhiên. Bên em luôn có mẹ, mẹ nghe em kể chuyện, mẹ bên em từ những bước chập chững đầu tiên, từ những lời ê a thuở ban đầu, từ những câu chuyện nhỏ nhặt trong những ngày đầu tiên của cuộc đời. Ánh mắt em ngược nhìn lên trời, bắt gặp những đám mây trắng bông bênh, mềm mại. Đám mây được nhân hóa mang những đặc điểm, tính cách, hành động giống như con người. Chúng gọi em đi chơi “từ tinh mơ đến hết ngày”, “giống với bình minh vàng rồi lại đùa cùng

trắng bạc”. Với một em bé thông minh, thích khám phá vận vật mới lạ xung quanh thì lời mời gọi của mây quả thật hấp dẫn khó thể chối từ. Em bé muốn được đi chơi, đi đến những miền đất mới lạ để khám phá, đó cũng là một điều dễ hiểu cho câu hỏi “Nhưng làm thế nào mà tôi lên trên ấy được?”. Nhưng thật bất ngờ, em bé ngay lập tức từ chối lời mời ấy của mây khi biết rằng, để được đi chơi, em phải rời xa mẹ, phải để xe của em ở nhà. Em bé không đánh lòng “đi đến hết cõi đất” nếu mẹ em phải đợi em. “Tôi có lòng nào bỏ được mẹ”, câu nói xuất phát từ tình cảm thăm sâu trong trái tim con người, tình mẫu tử cao quý không gì có thể chia cắt. Dường như, câu nói ấy không phải của một đứa trẻ ngây ngô đơn thuần mà là của một tâm hồn tràn đầy yêu thương, trân quý tình cảm gia đình bất diệt. Em bé sao nở đi đến nơi tận cùng Trái Đất, đưa tay lên trời”, được “nhấc bổng lên tận tầng mây” khi mẹ tôi đợi tôi ở nhà” Tình cảm đối với mẹ đã níu giữ em lại, em không thể rời xa mẹ dù hầu như đã hoàn toàn bị chinh phục bởi lời mời gọi hấp dẫn. Nhưng với em, chẳng cuộc vui nào, chẳng mây trời nào có thể so sánh với mẹ của em:

“Nhưng con biết có trò chơi thú vị hơn, mẹ ạ.

Con là mây và mẹ sẽ là trăng,

Hai bàn tay con ôm lấy mẹ, và mái nhà ta sẽ là bầu trời xanh thẳm”

Ta - go đã nâng tâm tình mẫu tử lên ngang hàng với vũ trụ, với mây gió. Hình ảnh mẹ trong mắt em giống như mặt trăng dịu hiền với luồng ánh sáng thanh mát, còn em là những đám mây nhỏ mềm mại quấn quanh bên mẹ. Mẹ và em luôn luôn gắn liền với nhau. Mây và trăng không thể tách rời hay chính tình mẫu tử trong tim luôn tồn tại, chẳng khó khăn cách trở nào có thể chia rẽ tình cảm ấy. “Hai tay con ôm mặt mẹ, còn mái nhà là trời xanh” gợi ra những kỉ niệm tuổi thơ yên bình, quán quýt bên mẹ hiền. Chỉ cần có mẹ bên cạnh thì mọi cuộc vui với em bé chẳng còn quan trọng nữa, em bé cảm thấy vui nhất, hạnh phúc nhất là khi được chơi cùng mẹ của mình. Tình mẫu tử đâu có đơn sơ, giản dị thì vẫn luôn bùng cháy và trường tồn.

Không chỉ có mây trời mà ngay cả những con sóng biển rì rào, dưới lăng kính của em bé cũng trở thành những người bạn đến từ đại dương mệnh mệnh:

“Bọn tớ ca hát từ sáng sớm cho đến hoàng hôn

Bọn tớ ngao du nơi này nơi nọ mà không biết từng đến nơi nao?”

Ngắm mây trời, rồi em bé lại được nghe tiếng sóng hò reo bài ca của biển cả, sóng vẫy gọi em bé đi chơi thật xa. Lời thủ thỉ của sóng thật hấp dẫn với một đứa trẻ thông minh, tâm hồn phong phú như em, “ca hát sớm chiều”, “đi mãi mãi”, “không biết là đi qua những đâu”. Em bé cũng muốn chạy đi theo những cuộc chơi của sóng, những cuộc viễn du bất tận, nhưng em bỗng khựng lại vì nghĩ đến mẹ. “Nhưng đến tối mẹ tôi nhớ thì sao? Tôi làm thế nào mà rời mẹ tôi được?”. Nỗi lo của em là lo mẹ sẽ nhớ em khi em không về. Em sợ mẹ buồn, sợ mẹ nhớ em, sợ mẹ ở một mình, sợ phải rời bỏ mẹ. Tuy mộng mơ là thế, khao khát được đi khám phá thế giới mãnh liệt đến vậy, nhưng với em, chúng chẳng có nghĩa lý gì nếu em chỉ thực hiện những điều ấy một mình, phải để mẹ ở nhà. Chân trời góc bể hay những chuyến du ngoạn ngoài kia cũng chẳng thể lấp đầy khoảng trống thiếu mẹ trong tâm hồn em. Hạnh phúc của em là được ở bên mẹ, là nụ cười của mẹ. Những điều ấy tuy giản dị, đơn sơ, nhưng với em, có mẹ

chính là có tất

2. Niềm vui của em bé trong trò chơi với mẹ:

“Nhưng con biết trò chơi khác hay hơn

Con là sóng và mẹ sẽ là bến bờ kì lạ

Con lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ.”

"Con làm sóng nhé, mẹ làm mặt biển" không chỉ đơn thuần là câu nói của trẻ thơ mà còn mang tầng nghĩa sâu sắc. Thuận theo tạo hóa tự nhiên, không có biển sẽ chẳng có sóng, không có mẹ thì cũng chẳng thể nào có con. Vì thế mà mỗi bước chân con đi không thể thiếu ánh mắt dõi theo triu mến của mẹ, niềm vui của con cũng không thể thiếu đi nụ cười hạnh phúc từ mẹ. Tiếng “con cười giòn tan vào gối mẹ” hay tiếng sóng biển rì rào vỗ rì rào bờ cát, đồng thời là lời gợi nhắc những kỉ niệm tuyệt đẹp thời ấu thơ của con bên mẹ. Tác giả rất khéo léo khi cả bài thơ không hề thốt ra một câu “con yêu mẹ” hay những lời thể hiện tình cảm trực tiếp, nhưng qua lời nói của em bé, người đọc dễ dàng cảm nhận được tình mẫu tử đến từ cả mẹ và em bé. Người mẹ cũng không xuất hiện trong bài thơ, những trải dài cả tác phẩm là lời em bé tâm tình, kể chuyện cho mẹ nghe. Hai mẹ con chỉ cần có nhau để sống hạnh phúc, “không ai trên đời này biết được mẹ con ta đang ở đâu”, không có nỗi đau, không có buồn tủi gì chia cắt được hai mẹ con. Có lẽ, thứ tình cảm thiêng liêng ấy chẳng thể hiện ra bằng lời, nhưng đó là động lực, là lẽ sống, là nơi để mỗi người con trở về khi mệt mỏi.

Sử dụng cấu trúc lồng ghép lời thoại giữa em bé và mẹ, đồng thời là cuộc nói chuyện của em với mây, với sóng, dưới lăng kính ngây thơ trong sáng mà rực rỡ sắc màu, một thế giới cổ tích hiện ra một cách hài hòa, tinh tế. Nơi đó có em, có mẹ, có mây, có sóng, có mái nhà em yêu thương. Với trí tưởng tượng phong phú, tư duy thông minh cùng trái tim đong đầy tình yêu thương, qua lời nhà thơ, em bé đã thể hiện sự cao cả, bất diệt của tình mẫu tử, đồng thời bày tỏ ước mơ được khám phá thiên nhiên, chinh phục thế giới bao la rộng lớn.

3. Đánh giá khái quát

Bằng ngòi bút nhạy cảm và tâm hồn dào dạt tình yêu thương, Ta - go đã viết nên một bài thơ thấm đượm tình người. Chẳng cần tìm kiếm hạnh phúc và niềm vui ở đâu Xa xôi hào nhoáng, chỉ cần những điều chân phương, ở cạnh người mẹ thân yêu, sống một cuộc sống không lo âu giữa mây gió, biển cả, đó chính là định nghĩa của hạnh phúc. Lời của em bé cũng như lời của tác giả, rằng bản thân con người chỉ thật sự an nhàn khi được sống trong tình yêu thương của mẹ, tình mẫu tử nồng cháy, bất diệt.

Văn bản: BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI

(Tạ Duy Anh)

I. TÁC GIẢ

1. Tiểu sử

- Tạ Duy Anh sinh năm 1959, quê ở Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội).
- Ông từng làm cán bộ giám sát chất lượng bê tông ở Nhà máy thủy điện Hà, | Bình, trung sĩ bộ binh ở Lào Cai. Sau đó Tạ Duy Anh tham gia học ở Trường viết văn Nguyễn Du. Trải qua 4 năm học, ông đỗ đầu và được giữ lại làm giảng viên.

- Là cây bút trẻ trong thời kì đổi mới.
- Hiện ông là biên tập viên tại Nhà xuất bản Hội Nhà văn. Tạ Duy Anh trở thành hội viên Hội nhà văn Việt Nam từ năm 1993.

2. Sự nghiệp văn học

a. Tác phẩm chính

- Bức tranh của em gái tôi (truyện ngắn).
- Dưới bàn tay vô hình (tự truyện).
- Vó ngựa trở về.
- Con dế ma.
- Bước qua lời nguyện (tiểu thuyết).
- Lão Khổ.

b. Giải thưởng

- Giải nhất truyện ngắn nông thôn báo Văn nghệ, báo Nông nghiệp và Đài Tiếng nói Việt Nam tổ chức.
- Giải C cuộc thi truyện ngắn năm 1989-1990 của tạp chí Văn nghệ quân đội với tác phẩm Xưa kia chị đẹp nhất làng.
 - Giải nhì trong cuộc thi viết "Tương lai vẫy gọi" của báo Thiếu niên Tiền phong cho câu truyện ngắn "Bức tranh của em gái tôi".
 - Hai giải thưởng của Nhà xuất bản Kim Đồng cho hai tập truyện: Quả trứng vàng và Vó ngựa trở về.
- Giải thưởng văn học Thủ đô 2012 cho tập truyện ngắn Lãng du.

Qua hơn 20 năm cầm bút, Tạ Duy Anh vẫn luôn luôn trăn trở tìm cách đổi mới từ duy, quan niệm nghệ thuật, làm mới tác phẩm từ nội dung tới hình thức, từ ngôn ngữ tới cấu trúc. Chính những điều đó khiến các tác phẩm của ông lúc ra đời, đi vào cuộc sống chưa bao giờ chấm dứt tranh cãi. Ông từng tâm sự: "Thật tình mỗi lần cho ra đời một cuốn sách, tôi luôn phấp phồng lo sợ không khéo mình đang làm người khác mệt mỏi Tuy nhiên, với một người "không bao giờ cho phép mình ngồi vào bàn viết mà lại thiếu sự nghiêm túc, tinh táo... chú ý từng chữ một" như ông thì những cuốn sách ấy có khiết người khác mệt mỏi hay không lại cần câu trả lời từ chính những độc giả chúng ta.

II. TÁC PHẨM

1. Xuất xứ

Tác phẩm “Bức tranh của em gái tôi” rút trong tập “Con dế ma” Nhà xuất bản Kim Đồng. Tác phẩm đạt giải Nhì trong cuộc thi sáng tác “Tương lai vẫy gọi” do báo Thiếu niên tiền phong tổ chức.

2. Tóm tắt

Câu chuyện kể về hai anh em Kiều Phương (còn gọi là Mèo) qua lời kể của người anh. Mèo là một cô bé hay nghịch ngợm nhưng lại có năng khiếu vẽ đặc biệt. Sau một thời gian theo dõi, nhất là khi nghe chú Tiến Lê khen tranh của em gái, người anh rời vào trạng thái mặc cảm. Trạng thái tâm lý này khiến người anh thường gắt gỏng với Mèo mặc dù cô bé chẳng có tội tình gì. Nhưng thật bất ngờ, bức tranh đạt giải của Kiều | Phương lại là bức tranh vẽ về người anh thân yêu của mình. Trước bức tranh, người anh nhận ra tấm lòng nhân hậu của em gái và hối hận vì đã có lúc mình đã đối xử không đúng với em.

3. Giá trị nội dung

Qua câu chuyện về người anh và cô em gái có tài năng hội họa, truyện “Bức tranh của em gái tôi” cho thấy: Tình cảm trong sáng, hồn nhiên và lòng nhân hậu của người em gái đã giúp cho người anh nhận ra phần hạn chế ở chính mình

4. Nghệ thuật

- Ngôi kể chuyện thứ nhất, xưng "tôi" với góc nhìn của người anh trong câu chuyện giúp lời kể thêm chân thật, sinh động, cuốn hút, tự nhiên và giúp nhân vật dễ dàng bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ cũng như tính cách của bản thân.
- Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật độc đáo, tinh tế, nhất là trong việc khai thác đời sống nội tâm nhân vật.
- Ngôn ngữ kể chuyện đơn giản, tự nhiên, trong sáng.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH:

Với truyện ngắn “Bức tranh của em gái tôi”, tên tuổi của cây bút trẻ Tạ Duy Anh trở nên thân thiết đối với hàng triệu độc giả thiếu nhi trên mọi miền tổ quốc. Một truyện ngắn xinh xắn, với cách viết nhẹ nhàng, Tạ Duy Anh đã sáng tạo nên một câu chuyện chan chứa tình yêu thương. Truyện như một lời tâm sự, thủ thỉ của tác giả với bạn đọc về tình anh em, về sức mạnh của nghệ thuật và cả thói đồ kị trong cuộc sống. Câu chuyện xoay quanh một bức tranh và cách hành xử giữa hai đứa trẻ với những lời nhắn nhủ sâu sắc về tình yêu thương, lòng vị tha, sự ích kỷ đáng để chúng ta suy ngẫm.

1. Nhân vật người anh

Từ đầu, anh trai của Kiều Phương vốn rất yêu thương em gái của mình. Cái biệt hiệu “Mèo” của Kiều Phương là do người anh trai đặt. Tuy đôi lúc, người anh trai đó cảm thấy khó chịu khi thấy đứa em gái hay “lục lọi các đồ vật với sự thích thú”, thích bắt bẻ em gái: “Này, em không để chúng nó yên được à?” hay tò mò “bí mật theo dõi em gái” khi nó chế tạo thuốc vẽ. Tất cả đã cho thấy tình cảm sâu đậm giữa hai anh em.

Nhưng kể từ khi họa sĩ Tiến Lê - một người bạn của bộ phát hiện ra tài năng của Kiều Phương. Chú Tiến Lê đã hết lời ca ngợi cô bé, mọi người trong gia đình từ người Do thì “ngây người”, bất ngờ và vui sướng khi khám phá ra tài năng đặc biệt của con, người mẹ hiền lành “không kìm được cơn xúc động” khi kịp nghe, kịp chứng kiến chuyện vui này. Chính từ lúc đó, người anh trai đã bắt đầu “cảm thấy mình bất tài nên bỏ đẩy ra ngoài”, nhiều khi ngồi trên bàn học “chỉ muốn gục xuống khóc”. Người anh trai cảm thấy vô cùng buồn bã vì thấy mình không có tài năng, rồi bỗng nhiên cảm thấy cô đơn khi mọi sự chú ý trong gia đình đều dành cho em gái. Sự ghen tị bắt đầu xâm chiếm tâm trí của người anh. Lòng ghen tị như một con rắn độc khiến cho con người ta trở nên ích kỉ, xấu xa. Và ở đây lòng ghen tị đã chia rẽ tình cảm của hai anh em Kiều Phương.

Và chỉ tấm lòng trong sáng của cô em gái mới giúp người anh nhận ra sai lầm của mình. Đứng trước bức tranh đạt giải nhất- bức tranh Anh trai tôi, cậu thật sự bất ngờ. Cảm giác ngỡ ngàng đến với cậu một cách tự nhiên. Ngỡ ngàng vì cậu không thể ngờ được mình đối xử với em như vậy mà em lại coi mình là người thân thuộc nhất, lại chọn mình để vẽ. Ngỡ ngàng vì tài năng của em gái mà bấy lâu nay cậu vẫn vô tình phủ nhận. Cậu cũng cảm thấy hãnh diện vì cậu là nhân vật trong bức tranh đạt giải nhất, được bao người chiêm ngưỡng, vì thấy trong tranh mình rất đẹp, vừa trong sáng vừa mơ mộng, cậu còn hãnh diện vì mình là

anh trai của cô em gái tài năng. Nhưng từ ngạc nhiên, hãnh diện cậu cảm thấy xấu hổ vì đã coi thường em, đã xa lánh em, ghen tị với em. Cậu cảm thấy mình thật ích kỉ, thật nhỏ nhen, hèn kém. Cậu đã nhận ra sai lầm của mình và thấy được vẻ đẹp tâm hồn của em gái.

Trước bức tranh của em gái, người anh đang “lớn lên về mặt tâm hồn” ta càng thấy chú trở nên gần gũi, đáng quý biết bao. Truyện cũng hướng tới giá trị đích thực của nghệ thuật. Nghệ thuật luôn hướng tới cái Chân, Thiện, Mỹ. Dưới ánh sáng của nghệ thuật, hai anh em Kiều Phương thật đáng yêu, như đang cùng tuổi thơ khắp mọi miền đất nước đồng hành hướng về “Tương lai vẫy gọi”.

2. Nhân vật Kiều Phương

Truyện ngắn “Bức tranh của em gái tôi” được viết theo ngôi kể thứ nhất, với lời kể của nhân vật người anh. Có thể nói chạy dọc theo câu chuyện là diễn biến tâm lí nhân vật người anh, từ trạng thái cảm xúc này đến trạng thái cảm xúc khác. Tuy nhiên trong dòng cảm xúc đó, người đọc nhận ra có một nhân vật là điểm sáng tạo nên sự hài hòa và vẻ đẹp tuyệt vời cho truyện ngắn. Đó chính là cô em gái Kiều Phương hồn nhiên, bình dị, chân thành mà sâu sắc. Một vẻ đẹp tiềm ẩn trong những bức tranh do cô vẽ ra.

a. Kiều Phương là cô bé hồn nhiên, ngây thơ và rất đáng yêu. Bộ mặt xinh xắn lại hay tự tay mình bôi bẩn, có niềm thích thú riêng là hay lục lọi các đồ vật trong gia đình. Được anh trai tặng cho biệt hiệu “Mèo”, cô em gái vui vẻ chấp nhận và dùng để xưng hô với bạn bè.

b. Kiều Phương là cô bé có tài năng hội họa: Cô bé yêu hội họa và có năng khiếu mỹ thuật bẩm sinh. Không “vòi vĩnh” bố mẹ mua sắm “đồ nghề”, em tự chế thuốc vẽ Đít xoong chảo đã bị cô cạo trắng cả để có một chất liệu mới “màu đen”. Hoạt động mỹ thuật của Kiều Phương rất lặng lẽ và bí mật. Bố mẹ cũng không biết, anh trai phải bí mật theo dõi. Thế giới nghệ thuật của em là mọi thứ trong ngôi nhà, rất gần gũi, gần gũi. Tranh của Kiều Phương qua sự thẩm định của chú Tiến Lê là rất độc đáo, có thể đóng khung, treo bất cứ phòng tranh nào”. Với Kiều Phương, nghệ thuật là sự say mê, là tình yêu thương, là sự phát sáng.

c. Kiều Phương là cô bé có tình cảm trong sáng và lòng nhân hậu: Lòng nhân hậu biểu hiện sâu sắc nhất ở tình yêu thương quý mến anh trai của mình. Tình yêu ấy đã được em gửi gắm, trang trải vào bức vẽ. Bức tranh được giải nhất của Kiều Phương là kết tinh vẻ đẹp tâm hồn và trí tuệ, tài năng của họa sĩ Mèo. Con đường nghệ thuật của Kiều Phương mới chỉ là bước đầu, những kiệt tác làm nên một sự nghiệp lớn còn ở chân trời tương lai. Có điều cái hiện hữu ở Mèo chính là tình yêu quý anh trai bằng tất cả tấm lòng, niềm say mê hội họa của một tài năng chớm nở. Nhân vật Kiều Phương đã làm đẹp trang văn của Tạ Duy Anh.

4. Bài học, ý nghĩa của câu chuyện

- Câu chuyện muốn nhắn nhủ với mọi người rằng trước tài năng và thành công của người khác chúng ta không nên ghen tị, mặc cảm tự ti mà nên trân trọng, chia sẻ niềm vui thực sự chân thành.
- Câu chuyện cho ta thấy tình cảm trong sáng, chân thành và lòng nhân hậu, độ lượng có thể giúp con người nhận rõ những sai lầm của mình, tự vượt lên bản

thân mình. Tình cảm trong sáng sẽ kéo con người xích lại gần nhau.

- Bức tranh của em gái tôi cũng cho thấy sức mạnh của nghệ thuật chân chính. Nghệ thuật luôn hướng tới cái đẹp và giúp con người hoàn thiện mình hơn.

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị chủ đề đọc – hiểu: Tình cảm gia đình

=====

Ngày dạy: 03/10/2022

BUỔI 4:

ÔN TẬP VĂN BẢN CHỦ ĐỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Giúp học sinh nắm chắc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm truyện, thơ.

2. Năng lực:

- Năng lực phân tích, cảm nhận về nhân vật trong tác phẩm truyện, thơ.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức học tập nghiêm túc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: KHBD, STK, SGK

2. Học sinh: Vở ghi, SGK, STK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Xuất xứ

Tác phẩm “Bức tranh của em gái tôi” rút trong tập “Con đẽ ma” Nhà xuất bản Kim Đồng. Tác phẩm đạt giải Nhì trong cuộc thi sáng tác “Tương lai vẫy gọi” do báo Thiếu niên tiên phong tổ chức.

2. Tóm tắt

Câu chuyện kể về hai anh em Kiều Phương (còn gọi là Mèo) qua lời kể của người anh. Mèo là một cô bé hay nghịch ngợm nhưng lại có năng khiếu vẽ đặc biệt. Sau một thời gian theo dõi, nhất là khi nghe chú Tiến Lê khen tranh của em gái, người anh rơi vào trạng thái mặc cảm. Trạng thái tâm lý này khiến người anh thường gắt gỏng với Mèo mặc dù cô bé chẳng có tội tình gì. Nhưng thật bất ngờ, bức tranh đạt giải của Kiều Phương lại là bức tranh vẽ về người anh thân yêu của mình. Trước bức tranh, người anh nhận ra tấm lòng nhân hậu của em gái và hối hận vì đã có lúc mình đã đối xử không đúng với em.

3. Giá trị nội dung

Qua câu chuyện về người anh và cô em gái có tài năng hội họa, truyện “Bức tranh của em gái tôi” cho thấy: Tình cảm trong sáng, hồn nhiên và lòng nhân hậu của người em gái đã giúp cho người anh nhận ra phần hạn chế ở chính mình

4. Nghệ thuật

- Ngôi kể chuyện thứ nhất, xưng "tôi" với góc nhìn của người anh trong câu chuyện giúp lời kể thêm chân thật, sinh động, cuốn hút, tự nhiên và giúp nhân

vật dễ dàng bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ cũng như tính cách của bản thân.

- Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật độc đáo, tinh tế, nhất là trong việc khai thác đời sống nội tâm nhân vật.

- Ngôn ngữ kể chuyện đơn giản, tự nhiên, trong sáng.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH:

Với truyện ngắn “Bức tranh của em gái tôi”, tên tuổi của cây bút trẻ Tạ Duy Anh trở nên thân thiết đối với hàng triệu độc giả thiếu nhi trên mọi miền tổ quốc. Một truyện ngắn xinh xắn, với cách viết nhẹ nhàng, Tạ Duy Anh đã sáng tạo nên một câu chuyện chan chứa tình yêu thương. Truyện như một lời tâm sự, thủ thỉ của tác giả với bạn đọc về tình anh em, về sức mạnh của nghệ thuật và cả thói đồ kị trong cuộc sống. Câu chuyện xoay quanh một bức tranh và cách hành xử giữa hai đứa trẻ với những lời nhắn nhủ sâu sắc về tình yêu thương, lòng vị tha, sự ích kỷ đáng để chúng ta suy ngẫm.

1. Nhân vật người anh

Từ đầu, anh trai của Kiều Phương vốn rất yêu thương em gái của mình. Cái biệt hiệu “Mèo” của Kiều Phương là do người anh trai đặt. Tuy đôi lúc, người anh trai đó cảm thấy khó chịu khi thấy đứa em gái hay “lục lọi các đồ vật với sự thích thú”, thích bắt bẻ em gái: “Này, em không để chúng nó yên được à?” hay tò mò “bí mật theo dõi em gái” khi nó chế tạo thuốc vẽ. Tất cả đã cho thấy tình cảm sâu đậm giữa hai anh em.

Nhưng kể từ khi họa sĩ Tiên Lê - một người bạn của bộ phát hiện ra tài năng của Kiều Phương. Chú Tiên Lê đã hết lời ca ngợi cô bé, mọi người trong gia đình từ người Do thì “ngây người”, bất ngờ và vui sướng khi khám phá ra tài năng đặc biệt của con, người mẹ hiền lành “không kìm được cơn xúc động” khi kịp nghe, kịp chứng kiến chuyện vui này. Chính từ lúc đó, người anh trai đã bắt đầu “cảm thấy mình bất tài nên bỏ đẩy ra ngoài”, nhiều khi ngồi trên bàn học “chỉ muốn gục xuống khóc”. Người anh trai cảm thấy vô cùng buồn bã vì thấy mình không có tài năng, rồi bỗng nhiên cảm thấy cô đơn khi mọi sự chú ý trong gia đình đều dành cho em gái. Sự ghen tị bắt đầu xâm chiếm tâm trí của người anh. Lòng ghen tị như một con rắn độc khiến cho con người ta trở nên ích kỉ, xấu xa. Và ở đây lòng ghen tị đã chia rẽ tình cảm của hai anh em Kiều Phương.

Và chỉ tấm lòng trong sáng của cô em gái mới giúp người anh nhận ra sai lầm của mình. Đứng trước bức tranh đạt giải nhất- bức tranh Anh trai tôi, cậu thật sự bất ngờ. Cảm giác ngỡ ngàng đến với cậu một cách tự nhiên. Ngỡ ngàng vì cậu không thể ngờ được mình đối xử với em như vậy mà em lại coi mình là người thân thuộc nhất, lại chọn mình để vẽ. Ngỡ ngàng vì tài năng của em gái mà bấy lâu nay cậu vẫn vô tình phủ nhận. Cậu cũng cảm thấy hãnh diện vì cậu là nhân vật trong bức tranh đạt giải nhất, được bao người chiêm ngưỡng, vì thấy trong tranh mình rất đẹp, vừa trong sáng vừa mơ mộng, cậu còn hãnh diện vì mình là anh trai của cô em gái tài năng. Nhưng từ ngạc nhiên, hãnh diện cậu cảm thấy xấu hổ vì đã coi thường em, đã xa lánh em, ghen tị với em. Cậu cảm thấy mình thật ích kỉ, thật nhỏ nhen, hèn kém. Cậu đã nhận ra sai lầm của mình và thấy được vẻ đẹp tâm hồn của em gái.

Trước bức tranh của em gái, người anh đang “lớn lên về mặt tâm hồn” ta càng thấy chú trở nên gần gũi, đáng quý biết bao. Truyện cũng hướng tới giá trị đích

thực của nghệ thuật. Nghệ thuật luôn hướng tới cái Chân, Thiện, Mỹ. Dưới ánh sáng của nghệ thuật, hai anh em Kiều Phương thật đáng yêu, như đang cùng tuổi thơ khắp mọi miền đất nước đồng hành hướng về “Tương lai vẫy gọi”.

2. Nhân vật Kiều Phương

Truyện ngắn “Bức tranh của em gái tôi” được viết theo ngôi kể thứ nhất, với lời kể của nhân vật người anh. Có thể nói chạy dọc theo câu chuyện là diễn biến tâm lí nhân vật người anh, từ trạng thái cảm xúc này đến trạng thái cảm xúc khác. Tuy nhiên trong dòng cảm xúc đó, người đọc nhận ra có một nhân vật là điểm sáng tạo nên sự hài hòa và vẻ đẹp tuyệt vời cho truyện ngắn. Đó chính là cô em gái Kiều Phương hồn nhiên, bình dị, chân thành mà sâu sắc. Một vẻ đẹp tiềm ẩn trong những bức tranh do cô vẽ ra.

a. Kiều Phương là cô bé hồn nhiên, ngây thơ và rất đáng yêu. Bộ mặt xinh xắn lại hay tự tay mình bôi bẩn, có niềm thích thú riêng là hay lục lọi các đồ vật trong gia đình. Được anh trai tặng cho biệt hiệu “Mèo”, cô em gái vui vẻ chấp nhận và dùng để xưng hô với bạn bè.

b. Kiều Phương là cô bé có tài năng hội họa: Cô bé yêu hội họa và có năng khiếu mỹ thuật bẩm sinh. Không “vội vãnh” bố mẹ mua sắm “đồ nghề”, em tự chế thuốc vẽ Đít xoong chảo đã bị cô cạo trắng cả để có một chất liệu mới “màu đen”. Hoạt động mỹ thuật của Kiều Phương rất lặng lẽ và bí mật. Bố mẹ cũng không biết, anh trai phải bí mật theo dõi. Thế giới nghệ thuật của em là mọi thứ trong ngôi nhà, rất gần gũi, lân cận. Tranh của Kiều Phương qua sự thẩm định của chú Tiến Lê là rất độc đáo, có thể đóng khung, treo bất cứ phòng tranh nào”. Với Kiều Phương, nghệ thuật là sự say mê, là tình yêu thương, là sự phát sáng.

c. Kiều Phương là cô bé có tình cảm trong sáng và lòng nhân hậu: Lòng nhân hậu biểu hiện sâu sắc nhất ở tình yêu thương quý mến anh trai của mình. Tình yêu ấy đã được em gửi gắm, trang trải vào bức vẽ. Bức tranh được giải nhất của Kiều Phương là kết tinh vẻ đẹp tâm hồn và trí tuệ, tài năng của họa sĩ Mèo. Con đường nghệ thuật của Kiều Phương mới chỉ là bước đầu, những kiệt tác làm nên một sự nghiệp lớn còn ở chân trời tương lai. Có điều cái hiện hữu ở Mèo chính là tình yêu quý anh trai bằng tất cả tấm lòng, niềm say mê hội họa của một tài năng chớm nở. Nhân vật Kiều Phương đã làm đẹp trang văn của Tạ Duy Anh.

4. Bài học, ý nghĩa của câu chuyện

- Câu chuyện muốn nhắn nhủ với mọi người rằng trước tài năng và thành công của người khác chúng ta không nên ghen tị, mặc cảm tự ti mà nên trân trọng, chia sẻ niềm vui thực sự chân thành.
- Câu chuyện cho ta thấy tình cảm trong sáng, chân thành và lòng nhân hậu, độ lượng có thể giúp con người nhận rõ những sai lầm của mình, tự vượt lên bản thân mình. Tình cảm trong sáng sẽ kéo con người xích lại gần nhau.
- Bức tranh của em gái tôi cũng cho thấy sức mạnh của nghệ thuật chân chính. Nghệ thuật luôn hướng tới cái đẹp và giúp con người hoàn thiện mình hơn.

I. Đọc hiểu

Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi: Đọc hiểu: Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi;
...“ Thời gian chạy qua tóc mẹ

Một màu trắng đến nôn nao.
Lung mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao.

Mẹ ơi, trong lời mẹ hát
Có cả cuộc đời hiện ra
Lời ru chấp con đôi cánh
Lớn rồi con sẽ bay xa.”

(“Lời mẹ hát”- Trương Nam Hương)

Câu 1 : Xác định phương thức biểu đạt trong đoạn thơ trên.

Câu 2 : Nội dung chính của đoạn thơ trên là gì?

Câu 3 : Câu thơ " Thời gian chạy qua tóc mẹ " biện pháp tu từ trong câu thơ là gì? Nêu tác dụng?

Câu 4 : Đọc đoạn thơ, em rút ra những thông điệp nào cho bản thân?

=====

Ngày dạy: 06/10/2022

BUỔI 5:

ÔN TẬP CHỦ ĐỀ YÊU THƯƠNG CHIA SẺ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Cốt truyện, nhân vật, đặc sắc nghệ thuật của các văn bản
- Niềm thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh

2. Năng lực

- Năng lực tự học các tác phẩm truyện.
- Năng lực giải quyết vấn đề liên quan đến nội dung của các văn bản.
- Năng lực sáng tạo trong nghệ thuật khi phân tích một vấn đề trong tác phẩm.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong quá trình cảm nhận một số chi tiết, hình ảnh tiêu biểu.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Biết đồng cảm và giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội; có tinh thần đấu tranh với những quan điểm thiếu lành mạnh, trái đạo lý

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, STK
- PHT
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

*** Văn bản 1: CÔ BÉ BÁN DIÊM (C. An-đéc-xen)**

I. TÁC GIẢ.

An-đéc-xen (1805 – 1875); tiếng Việt thường viết là Han-xơ Crít-xtian An-

đécxen) là nhà văn người Đan Mạch chuyên viết truyện cổ tích cho thiếu nhi. Trong tiếng Đan Mạch, tên ông thường được viết là **H.C. An-đéc-xen**. An-đéc-xen sinh ra ở Odense, Đan Mạch vào ngày 2 tháng 4 năm 1805. Cha của ông là một thợ đóng giày và mẹ ông là một người chăm chỉ làm lụng để nuôi gia đình của mình.

2. Sự nghiệp văn học.

- Ông là nhà văn vĩ đại của Đan Mạch thế kỉ XIX, là danh nhân văn hóa thế giới.
- Nổi tiếng với loại truyện kể cho trẻ em.
- Nhiều truyện ông biên soạn lại từ truyện cổ tích, nhưng cũng có những truyện do ông hoàn toàn sáng tạo ra.

a. Tác phẩm chính: *Cô bé bán diêm, Bầy chim thiên nga, Nàng tiên cá, Bộ quần áo mới của hoàng đế, Nàng công chúa và hạt đậu...*

b. Phong cách sáng tác: Truyện của ông nhẹ nhàng, toát lên lòng yêu thương con người, đan xen giữa mộng tưởng và hiện thực, đượm màu sắc hư ảo và thơ mộng, thể hiện niềm tin vào sự thắng lợi cuối cùng của cái tốt đẹp trên thế gian.

II. VĂN BẢN “CÔ BÉ BÁN DIÊM”

1. Hoàn cảnh sáng tác

- Văn bản được viết vào năm 1845, khi tên tuổi của tác giả lừng danh thế giới với trên 20 năm cầm bút.

2. Thể loại

Truyện ngắn mang đượm màu sắc cổ tích.

3. Tóm tắt đoạn trích học

- Trong đêm giao thừa, trời rét mướt, có một cô bé đầu trần, chân đi đất, bụng đói đang rầu rĩ đi bán diêm trong bóng tối. Cô bé bán diêm ấy đã mồ côi mẹ và cũng đã mất đi người thương yêu em nhất là bà nội. Em không dám về nhà vì sợ bố sẽ đánh em. Vừa lạnh vừa đói, cô bé ngồi nép vào một góc tường rồi khẽ quẹt một que diêm để sưởi ấm. Que diêm thứ nhất cho em có cảm giác ấm áp như ngồi bên lò sưởi. Em vội quẹt diêm thứ hai, em được thấy một bàn ăn thịnh soạn hiện lên. Rồi em quẹt que diêm thứ ba và được thấy cây thông Nô-en. Quẹt que diêm thứ tư: Bà nội hiện từ cửa em hiện lên đẹp đẽ, gần gũi và phúc hậu biết mấy. Nhưng ảo ảnh đó nhanh chóng tan đi sau sự vụt tắt của que diêm. Em vội vàng quẹt hết cả bao diêm để mong níu bà nội lại. Cô bé bán diêm đã chết trong giá rét khi mơ cùng bà bay lên cao mãi.

4. Giá trị nội dung

Qua câu chuyện và cái chết thương tâm của cô bé bán diêm, nhà văn đã đưa đến chúng ta một thông điệp ý nghĩa: Lòng thương cảm trước số phận của trẻ thơ bất hạnh, hãy phấn đấu vì một tương lai cho tuổi thơ tốt đẹp tràn đầy hạnh phúc.

- Giá trị hiện thực: Phê phán sự thờ ơ, vô cảm của con người, phê phán xã hội tự bản lạnh lùng, tàn nhẫn.
- Giá trị nhân đạo: bày tỏ sự cảm thông, thương xót những mảnh đời bất hạnh. Gián tiếp khuyên nhủ con người biết yêu thương và san sẻ, biết giúp đỡ người khác để xã hội ngày một tươi đẹp.

5. Nghệ thuật

Với cách kể chuyện hấp dẫn chân thực, đan xen giữa hiện thực và mộng ảo, miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật sâu sắc, tác giả còn sử dụng thành công biện

pháp tương phản nhằm tạo điểm nhấn về một số phần bất hạnh nhưng em luôn cháy lên khát vọng sống tốt đẹp và những ước mơ tươi sáng.

III. MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT VỀ TÁC GIẢ

- “Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp bằng những câu chuyện do chính cuộc sống viết ra.” (An-đéc-xen)

Bằng sức mạnh của ngôn từ hiếm có, trí tưởng tượng nhiệm màu mà trong sáng, cốt truyện hấp dẫn, lối kể chuyện có duyên, pha lẫn giữa bút pháp hiện thực và huyền ảo, tác phẩm của Andécxen đã đạt đến sự hoàn hảo của một nghệ sĩ "độc nhất vô nhị, trước và sau ông chưa hề có". (NXB văn học).

- “Trong mỗi truyện cổ tích cho trẻ con của Andécxen còn có một truyện cổ tích khác mà người lớn mới có thể hiểu hết ý nghĩa của nó.” (K. G. Paustovsky).

- “Một em nhỏ nào đã đọc qua truyện ngắn Andécxen thì trọn đời không khi nào quên và dừng đứng với thơ ca, mộng ước, tình thương yêu và lòng công bằng.” (Nguyễn Tuân).

- “Trí tưởng tượng của người-không-già ấy đã thâm tóm lấy cuộc sống bằng ý nghĩ mạnh mẽ và đẹp đẽ, để viết nên những câu chuyện cổ tích cảm động và giản dị, với những nhân vật luôn mang vết thương sâu kín trong tâm hồn. Với An-đéc-xen, tình yêu thương chẳng bao giờ cũ.” (?)

- “Hai trăm năm cũng đủ dài để loài người nhận ra rằng An-đéc-xen không chỉ là một nhà văn của trẻ thơ: ẩn chứa đằng sau mỗi câu chuyện cổ tích dành cho con trẻ của ông là một câu chuyện ngụ ngôn viết cho người lớn, những câu chuyện ngụ ngôn làm thức tỉnh con người, truyện cho họ niềm tin và sức mạnh.” (Thu Phong).

- “An-đéc-xen đã ra đi hết như giấc mơ, với một bông hồng rực rỡ trên tay, gương mặt còn đẹp hơn cả các bức tượng đá hoa cương thời cổ đại. Đến lúc chết, Andéc-xen vẫn là một đứa trẻ chân thành”. (Theo Tuần Việt Nam).

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH

Một trong những nhà văn gắn liền với tuổi thơ trẻ em toàn thế giới không thể không nhắc đến chính là nhà văn Đan Mạch nổi tiếng An-dec-xen. Ông được mệnh danh là ông già kể chuyện cổ tích nổi tiếng của thế giới phương Tây. Ngoài việc sưu tầm ông còn sáng tạo. Cô bé bán diêm là một sáng tác độc đáo, một câu chuyện cổ tích về thời hiện đại, thể hiện tài năng kể chuyện bậc thầy của ông.

1. Hoàn cảnh tội nghiệp của cô bé bán diêm.

Thời điểm xảy ra câu chuyện khá đặc biệt: Đêm giao thừa, mọi người sum họp dưới mái ấm gia đình để cùng nhau tiễn đưa năm cũ và đón chào năm mới trong không khí thiêng liêng, ngập tràn hạnh phúc. Riêng cô bé mồ côi mẹ, đầu trần, chân đất, váy áo phong phanh, bụng đói meo đang dò dẫm trong bóng tối. Suốt ngày hôm nay, cô bé lang thang khắp nơi mà không bán được bao diêm nào.

Lúc này, quang cảnh xung quanh cô bé đẹp đẽ, ấm áp lạ thường: cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sức nức mùi ngỗng quay. Những hình ảnh ấy gợi cô bé nhớ lại năm xưa được đón giao thừa bên bà nội hiền hậu trong căn nhà xinh xắn có dây dây thường xuân bao quanh. Tác giả đã sử dụng những hình ảnh tương phản làm nổi bật tình cảnh hết sức tội nghiệp của cô bé. Em đang rét và có lẽ càng rét hơn khi thấy mọi nhà rực sáng ánh đèn. Em đang đói, có lẽ càng

đói hơn khi ngủ thấy mùi ngỗng quay sục nức. Chẳng có điều gì tốt đẹp chờ đợi cô bé ngoài cái xó xinh tối tăm, rét mướt, đầy tiếng mắng nhiếc, chửi rủa của người cha thô lỗ, cộc cằn. Những lần đón giao thừa năm xưa vui vẻ cùng bà và cha mẹ giờ đây đã lùi vào dĩ vãng. Tai họa đã làm cho gia đình cô bé tan nát. Mẹ mất, bà nội cũng qua đời, em không còn được ai yêu thương, áp ủ.

Giờ đây, cô bé ngồi nép trong một góc tường giữa hai ngôi nhà... cho đỡ lạnh. Không bán được diêm, sợ bị cha đánh đòn nên em chẳng dám về nhà, và lại ở nhà cũng đói, cũng rét như ở đây thôi: Cha con em ở trên gác sát mái nhà và mặc dầu đã nhét giỗ rách vào các khe hở lớn trên vách, gió vẫn thổi rít vào trong nhà.

2. Những lần quẹt diêm và mộng tưởng:

Mỗi lần quẹt diêm cô bé bán diêm lại được sống trong giây phút hạnh phúc, với những hình ảnh đẹp đẽ, thoát khỏi thực tại tăm tối:

- Lần quẹt diêm thứ 1, em thấy lò sưởi bằng sắt có hình nổi bằng đồng sáng loáng, Những ngọn lửa cháy vui mắt và tỏa hơi ấm dịu dàng
- Em quẹt diêm lần thứ 2, lần này em thấy một bàn ăn thịnh soạn, có cả một con ngỗng quay với dao, nĩa, phông sét trên lưng tiến về phía em.
- Lần thứ 3, trong không khí đêm giáng sinh, em thấy hình ảnh của cây thông Nô-en lớn lộng lẫy, với hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh, nhiều bức tranh rực rỡ hiện ra trước mắt.
- Lần thứ 4 quẹt diêm, trong giây phút đó em thấy bà hiện lên thật ấm áp, đẹp đẽ, đang mỉm cười với em.
- Lần cuối cùng em quẹt hết số diêm còn lại để nhìn thấy bà, và em thấy bà to lớn, đẹp lão, bà cầm lấy tay em bay lên cao, cao mãi.

Những mộng tưởng của cô bé bán diêm qua những lần quẹt diêm diễn ra theo thứ tự hợp lý:

- + Muốn được sưởi ấm và ăn no: lò sưởi và ngỗng quay
- + Muốn được vui chơi, quay quần bên gia đình: cây thông Nô-en
- + Muốn được che chở yêu thương: bà nội hiền từ
- + Muốn được giải thoát nỗi bất hạnh, tìm đến nơi hạnh phúc vĩnh hằng: cùng bà bay lên trời.

Tất cả những hình ảnh em bé đã thấy qua mỗi lần quẹt diêm đều là do em tưởng tượng ra. Chỉ là giấc mơ của em về sự ấm áp giữa đêm đông giá lạnh; về một bữa ăn ngon khi em đang chịu cảnh đói rét; về không khí ấm cúng đêm giao thừa muốn quay quần bên gia đình vì lang thang ngoài đường; về một gia đình hạnh phúc, có tình yêu thương trong lúc em bơ vơ, thiếu thốn tình cảm của bà, của mẹ; về sự đoàn tụ với người bà lúc sinh thời luôn yêu thương em....

3. Cái chết thương tâm của em bé bán diêm.

- Kết thúc câu chuyện là sự đối lập giữa cảnh đời vui vẻ và cái chết bi thảm của em bé bán diêm:

Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy em bé gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa.

Ngày mùng một đầu năm hiện lên trên thi thể em bé ngồi giữa những bao diêm,

trong đó có một bao đã đốt nhẵn. Mọi người bảo nhau: "chắc nó muốn sưởi cho ấm", nhưng chẳng ai biết những điều kì diệu mà em đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón những niềm vui đầu năm.

- Em bé thật đáng thương! Chỉ có mẹ và bà thương yêu em, nhưng họ đều đã qua đời. Cha em cps lẽ vì quá nghèo khổ nên đã đối xử với em tàn nhẫn. Người qua đường nhìn thấy thi thể em vào buổi sáng đầu năm với thái độ dửng dưng, vô cảm.

- Trong xã hội tư bản thiếu sự đồng cảm và tình thương yêu giữa người với người, nhà văn An đéc xen đã viết truyện này với niềm xót thương vô hạn đối với em bé bán diêm bất hạnh nói riêng và cả tầng lớp người nghèo khổ nói chung. Để làm dịu bớt nỗi đau đang nhức nhối trong tim và cũng để an ủi những linh hồn tội nghiệp, nhà văn đã miêu tả em bé chết nhưng đôi má vẫn hồng và đôi môi đang mỉm cười, đồng thời hình dung ra cảnh huy hoàng hai bà cháu bay lên trời để đón lấy những niềm vui đầu năm. Tuy vậy, nội dung câu chuyện "Cô bé bán diêm" với kết thúc thương tâm của nó vẫn khiến người đọc cảm động rơi nước mắt.

4. Đánh giá khái quát

Đọc truyện "Cô bé bán diêm", hình tượng ngọn lửa - diêm là hình tượng lấp lánh nhất". Đó là ngọn lửa của ước mơ tuổi thơ về mái ấm gia đình, về ấm no và hạnh phúc, được ăn ngon và vui chơi, ước mơ về tình thương gia đình mà ông bà, cha mẹ đem lại cho con cháu. Từ ngọn lửa - diêm đã hóa thành những ngôi sao trên trời... để soi đường cho em bé bay lên với Thượng đế. Qua ngọn lửa và ngôi sao sáng, An-đéc-xen đã cảm thông, trân trọng, ngợi ca những mơ ước hoặc là bình dị hoặc là kì diệu của tuổi thơ, vẽ đẹp nhân văn của truyện "Cô bé bán diêm" được thể hiện tài tình qua hình tượng ngọn lửa". Và ông cũng nhắc nhở mọi người phải biết san sẻ tình thương, đừng có phũ phàng hoặc vô tình trước nỗi đau, bất hạnh của các em nhỏ.

Bằng cốt truyện hấp dẫn, đan xen giữa thực tại và mộng tưởng, với sự liên tưởng, tưởng tượng giàu sức gợi và biểu cảm, ngôn ngữ truyện giản dị, gần gũi, tác phẩm đã gửi đến người đọc một thông điệp có ý nghĩa nhân văn về tình yêu thương. Giá trị nhân bản của truyện "Cô bé bán diêm" giúp ta thấy được ông là nhà văn của "mọi thời, mọi người và mọi nhà" như Huy-gô, đại văn hào Pháp đã nói. Hãy nghĩ đến và phấn đấu vì một ngày mai - một ngày mai tươi đẹp cho tuổi thơ trong ấm no, hạnh phúc và ca hát, hòa bình.

Văn bản GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA

(Thạch Lam)

I. TÁC GIẢ THẠCH LAM

1. Thân thế

Thạch Lam tên thật là Nguyễn Tường Vinh sau đổi thành Nguyễn Tường Lân, sinh ngày 7/7/1910, mất ngày 27/6/1942. Quê nội làng Cẩm Phô, Hội An, Quảng Nam, quê ngoại ở Cẩm Giàng, Hải Dương. Thạch Lam là thành viên của nhóm "Tự lực văn đoàn", Thạch Lam là em ruột của hai nhà văn cũng thuộc nhóm này là Nhật Linh và Hoàng Đạo.

Khoảng năm 1935, khác với các anh trai là đều lấy vợ qua mai mối và được bố mẹ chấp nhận mới cưới, còn Thạch Lam lấy vợ hoàn toàn do sự lựa chọn của cá

nhân. Năm 1935 ông lấy vợ và được người chị là Nguyễn Thị Thế nhường lại cho căn nhà nhỏ ở tại đầu làng Yên Phụ, ven Hồ Tây.

Ngày 27/06/1942, nhà văn Thạch Lam ra đi khi mới ở độ tuổi 32 vì mắc phải căn bệnh lao phổi. Ông ra đi, để lại người vợ trẻ và 3 người con trong gia cảnh nghèo khó.

Sau khi đỗ Tú tài, Thạch Lam đã thôi học cùng làm báo với hai anh trai. Và sau đó thì Thạch Lam đã gia nhập nhóm Tự lực văn đoàn. Bút danh: Thạch Lam, Việt Sinh Thiện Sĩ.

Thạch Lam qua đời vì căn bệnh lao phổi khi chỉ ở tuổi 32, mặc dù cuộc đời ngắn ngủi thế nhưng những đóng góp của ông cho nền văn học Việt Nam là vô cùng lớn.

2. Sự nghiệp và phong cách sáng tác

* Sự nghiệp

- Sau khi đã đỗ Tú Tài lần thứ nhất, Thạch Lam thôi học để chuyển về làm báo với 2 người anh trai. Những buổi đầu, nhà văn Thạch Lam tham gia vào Tự Lực văn đoàn do người anh trai là Nguyễn Tường Tam sáng lập và được phân công biên tập tuần báo Phong hóa và tờ Ngày nay của văn đoàn này. Đến năm 1935, ông được giao làm chủ bút của tờ Ngày nay.

- Nhà văn Thạch Lam được biết đến là một cây bút thiên về tình cảm, hay viết lại chính những cảm xúc của mình trước những số phận hẩm hiu, nghèo khổ của người nghèo, nhất là phụ nữ trong xã hội cũ nát, sống vất vả, chịu đựng, thầm lặng và trong đó có cả sự hy sinh (trong tác phẩm Cô hàng xén).

- Hầu hết những tác phẩm của nhà thơ Thạch Lam đều được đăng báo trước khi in thành sách, một số những tác phẩm nổi tiếng của ông phải kể đến như:

Tác phẩm *Gió lạnh đầu mùa* – Tập truyện ngắn (NXB Đời nay, 1937);

Tác phẩm *Nắng trong vườn* – Tập truyện ngắn (NXB Đời nay, 1938);

Tác phẩm *Ngày mới* – Tập truyện dài (NXB Đời nay, 1939);

Tác phẩm *Theo giòng* - Bình luận văn học (NXB Đời nay, 1941);

Tác phẩm *Sợi tóc* – Tập truyện ngắn (NXB Đời nay, 1942);

Tác phẩm *Hà Nội ba sáu phố phường* - Tùy bút (NXB Đời nay, 1943);

Tác phẩm *Quyển sách và Hạt ngọc* – Truyện viết cho thiếu nhi (NXB Đời nay, 1940);

* Phong cách sáng tác

Nét riêng, độc đáo, cái mạnh của Thạch Lam, đó chính là lòng nhân ái và những vẻ đẹp tâm hồn trong mọi tác phẩm của ông.

Đồng cảm với cuộc sống vất vả của người lao động trong xã hội cũ. Hầu hết nhân vật trong truyện của ông là những người lao động. Cây bút tài hoa trong lối sử dụng ngôn ngữ hiện thực miêu tả mà vẫn giàu chất thơ và cảm xúc. Ông diễn tả tâm trạng của nhân vật khiến cho người đọc đều có thể thấu cảm cùng họ.

- Những nhân vật trong các tác phẩm của ông dù ở bất cứ hoàn cảnh nào đi chăng nữa nhưng trong tâm hồn của họ vẫn ánh lên cái chết lòng nhân ái của con người Việt Nam. Đọc truyện ngắn Thạch Lam ta thấy được sự yêu thương và quý trọng con người với nhau hơn và cũng chính từ đó tác cảm thấy được sự thương cảm trong mỗi một con người.

Nhà văn Thạch Lam – Một cây bút giàu xúc cảm, qua những dòng thông tin

trên, hy vọng bạn đã có cái nhìn rõ ràng hơn về tiểu sử, cuộc đời sự nghiệp, cũng như những tác phẩm nổi tiếng của nhà văn này.

Có truyện ông viết với sự cảm thông sâu sắc về một gia đình đông con, sống một cuộc sống cơ cực trong xóm chợ (trong tác phẩm *Nhà mẹ Lê*). Ngoài ra ông còn viết tiểu luận kiểu tùy bút, ghi lại những gì mà ông suy nghĩ về nghệ thuật. Cuốn *Hà Nội ba sáu phố phường* được nhà văn Thạch Lam miêu tả lại có trong đó hương vị đậm đà của quê hương, nhưng cũng vô cùng gợi cảm.

Văn của Thạch Lam không có tiếng súng của chiến tranh hay thúc sau thúc mạnh mẽ như những nhà văn khác nhưng nó vẫn khắc họa được tâm trạng cùng cực, đau đớn của nhân vật khi phải đối diện với hiện thực cuộc sống. Các tác phẩm của ông thường đi vào cuộc sống của những người dân nghèo, ông khai thác nội tâm nhân vật một cách sâu sắc. Cốt truyện của Thạch Lam thường rất đơn giản hoặc là không có cốt truyện. Phong cách sáng tác đặc biệt theo lối kể chuyện tâm tình, giản dị nhưng sâu sắc, thâm trầm.

3. Những câu nói hay của Thạch Lam

- *“Biết bao kẻ đã vẽ ra trong tưởng tượng của mình về một thế giới khác, để hằng ngày làm những cuộc phiêu du vào chính cái thế giới mình vẽ ra”.*

Đối với tôi, văn chương không phải một cách đem đến cho người đọc sự thoát ly hay sự quên, trái lại, văn chương là một thứ khi giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người đọc thêm trong sạch và phong phú hơn”.

- *“Văn chương không phải là một cách đem đến cho người đọc sự thoát ly hay sự quên”.*

4. Những nhận định về Thạch Lam

- *Ngay trong tác phẩm đầu tay (“Gió đầu mùa”), người ta đã thấy Thạch Lam đứng vào một phái riêng...Ông có một ngòi bút lặng lẽ, điềm tĩnh vô cùng, ngòi bút chuyên tả tỉ mỉ những cái rất nhỏ và rất đẹp... Phải là người giàu tình cảm lắm mới viết được như vậy. - (Vũ Ngọc Phan).*

Lời văn Thạch Lam nhiều hình ảnh, nhiều tìm tòi, có một cách điệu thanh thản, bình dị và sâu sắc, Văn Thạch Lam đọng nhiều suy nghiệm, nó là cái kết tinh của một tâm hồn nhạy cảm và tăng trải về sự đời. Thạch Lam có những nhận xét tinh tế về cuộc sống hàng ngày. Xúc cảm của Thạch lam thường bắt nguồn và nảy nở lên từ những chân cảm đối với tầng lớp dân nghèo thành thị và thôn quê. Thạch Lam là nhà văn quý mến cuộc sống, trang trọng trước cuộc sống của mọi người chung quanh. Ngày nay đọc lại Thạch lam, vẫn thấy đầy đủ cá tính và cái nhã thú của những tác phẩm có cốt cách và phẩm chất văn học. - (Nhà văn Nguyễn Tuân)

- *Thạch Lam là một nhà văn có khuynh hướng xã hội...Đối với ông, nhân vật thường là những người tầm thường trong xã hội: mẹ Lê trong xóm nghèo, cô hàng xén ở phố huyện, cậu học trò đi ở trọ, hai cô gái giang hồ trợ trợ. Và ông thường để ý vạch vẽ cuộc đời, tình cảm cũng ý nghĩ của họ, chứ không bận tâm lắm đến việc tuyên truyền tư tưởng cách mạng xã hội như trong các tác phẩm của Nhất Linh hay Hoàng Đạo. Ta thấy Thạch Lam, luôn hòa đồng trong cái xã hội nhỏ bé mà ông thương xót với tất cả tâm hồn đa cảm của ông - (Giáo sư Phạm Thế Ngũ.).*

II. TRUYỆN NGẮN “GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA”

1. Hoàn cảnh ra đời

Gió lạnh đầu mùa của nhà văn Thạch Lam xuất bản bởi Nhà xuất bản Đời Nay lần đầu vào năm 1937, in trong tập truyện ngắn *Gió đầu mùa*, tác phẩm không chỉ làm hiện lên tình yêu thương ấm áp giữa con người với con người mà còn thể hiện thanh công những giá trị nhân văn mà tác giả muốn gửi gắm.

2. Thể loại

Truyện ngắn.

3. Tóm tắt văn bản

Buổi sáng hôm nay, khi thức dậy, Sơn cảm nhận rõ cái rét của mùa đông đã đến. Chị và mẹ của Sơn đều đã dậy, ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống. Mọi người đều đã mặc áo ấm cả. Sơn được mẹ cho mặc một cái áo vệ sinh màu nâu sẫm với một cái áo dạ khâu chỉ đỏ. Sau đó, hai chị em chạy ra chợ chơi cùng với lũ trẻ con trong làng. Chúng đều là những đứa trẻ nhà nghèo không có áo ấm để mặc. Khi nhìn thấy chị em Sơn với những chiếc áo ấm thì liên đến gần xuýt xoa khen ngợi. Hiên là một cô bé nhà nghèo, không có áo ấm để mặc. Sơn nhìn thấy động lòng thương, bàn với chị về nhà lấy chiếc áo bông cũ là kỉ vật của em Duyên đem cho Hiên. Về đến nhà, nghe vú già nói về chiếc áo mẹ Sơn luôn gìn giữ, hai chị em lo sợ mẹ biết được, định sang nhà Hiên đòi áo nhưng không thấy đâu. Khi về nhà thì liền thấy mẹ Hiên đang ngồi nói chuyện với mẹ mình và mang trả chiếc áo. Mẹ Sơn thấy nhà Hiên nghèo khổ bèn cho mẹ Hiên mượn năm hào may áo ấm cho con. Mẹ Hiên ra về, mẹ Sơn xoa đầu hai con một cách âu yếm.

4. Nghệ thuật

- Nghệ thuật tự sự kết hợp miêu tả:
- Giọng văn nhẹ nhàng, giàu chất thơ;
- Miêu tả tinh tế tâm lí nhân vật tinh tế.

5 Nội dung

Truyện ngắn khắc họa hình ảnh những người ở làng quê nghèo khó, có lòng tự trọng và những người có điều kiện sống tốt hơn biết chia sẻ, yêu thương người khác. Từ đó đề cao tinh thần nhân văn, biết đồng cảm, chia sẻ, giúp đỡ người thiệt thòi, bất hạnh.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH

1. Khung cảnh mùa đông và tình cảm gia đình

Truyện mở đầu bằng cảnh gió lạnh, đó là một buổi sáng mùa đông. Cái rét mướt chợt đến chỉ sau một đêm mưa rào, trời nổi gió bắc. Sơn ngủ dậy thấy mọi người trong nhà, mẹ và chị... “đã mặc áo rét cả rồi”. Ngoài sân “Gió vi vu... thổi lẫn những cái lá khô lạo xạo”. Rét lắm, trời “một màu trắng đục”. Những cây lan trong chậu “lá rung động và hình như sắp lại vì rét”. Lạnh lắm, Sơn “co ro” đứng dậy sau khi kéo chăn lên đắp cho em nhỏ. Gió lạnh mà ấm áp tình đời. Cả nhà nhớ đến những mùa đông lạnh lẽo đã qua. Nhìn chiếc áo bông cánh xanh đã cũ nhưng còn lành, mẹ Sơn nói: “Đây là cái áo của cô Duyên đây”. Vú già, người đã nuôi Duyên từ lúc mới đẻ “với lấy cái áo lật đi lật lại ngắm nghía, tay mân mê các đường chỉ”. Bé Duyên đã chết từ năm lên bốn tuổi. Nghe mẹ nói, Sơn “nhớ em, cảm động và thương em quá”. Nhìn thấy mẹ “yên lặng...”, Sơn xúc

động khi thấy mẹ “hơi rơm rớm nước mắt”. Cái áo bông, một di vật của bé Duyên bạc mệnh để lại, gọi lên bao nỗi đau và tình thương: tình mẹ con, tình anh em, tình thương của vú già nhân hậu. Tình tiết nói về chiếc áo bé Duyên cho thấy ngòi bút Thạch Lam rất tinh tế, giàu xúc cảm, “tâm hồn nhạy cảm và từng trải về sự đời” (Nguyễn Tuân).

2. Thế giới tuổi thơ càng ấm áp tình người.

Chị em Sơn là con nhà trung lưu, được mẹ săn sóc, cho ăn mặc ấm áp. Sơn được mặc cái áo dạ chỉ đỏ lẫn so vệ sinh, ngoài lại mặc phủ cái áo vải thâm. Cách ăn mặc ấy đối với trẻ em ngày xưa phải nói là đẹp, con nhà nghèo chỉ mơ ước. Trong lúc đó, trẻ con xóm chợ, thằng Cúc, thằng Xuân, con Tí, con Túc vẫn mặc những bộ quần áo nâu bạc đã rách và nhiều chỗ. Mỗi chúng nó “tím lại”, chỗ áo quần rách “da thịt thâm đi”. Gió lạnh thổi đến, chúng nó lại “run lên”, “hai hàm răng đập vào nhau”. Thạch Lam rất nhân hậu khi ông nói về tình bạn tuổi thơ. Lũ trẻ con xóm chợ đều lộ vẻ “vui mừng” khi chị em Sơn đến chơi. Sơn và chị Lan “thản mật” chơi đùa với các bạn. Thằng Xuân đến “mó vào chiếc áo của Sơn, “tặc lưỡi” khen, ngạc nhiên vì chưa thấy cái áo đẹp như thế bao giờ! Thằng Cúc “ngây ngô” giương mặt lên hỏi Sơn về nơi mua cái áo. Sơn ngây thơ, hồn nhiên “ưỡn ngực” nói với các bạn nhỏ là áo mua tận Hà Nội, “mẹ tôi còn hẹn mua cho tôi một cái áo nhiều tiền hơn nữa kia”. Có hạnh phúc nào bằng khi “già được bát canh, trẻ được manh áo mới”. Cái ước mơ có manh áo mới, có áo ấm trong mùa đông đối với con nhà nghèo được Thạch Lam nghĩ đến, nói đến với tất cả tình thương và lòng trắc ẩn đáng quý..

Chi tiết, cái Hiên con nhà mò cua bắt ốc đứng “co ro” bên cột quán, trong gió lạnh chỉ mặc có manh áo “rách tả tơi”, “hở cả lưng và tay” được tác giả nhắc đến thật xúc động. Sơn “động lòng thương” chợt nhớ ra mẹ cái Hiên rất nghèo, nhớ đến em Duyên ngày trước vẫn cùng chơi với Hiên ở vườn nhà. Chị Lan và Sơn đã bàn với nhau cho cái Hiên chiếc áo bông cũ. Chị Lan “hăm hở” chạy về nhà lấy áo, Sơn yên lặng đợi chờ, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui”. Chiếc áo bông cũ đối với cái Hiên lúc bấy giờ là vô giá. Em đang sống trong cảnh nghèo, đói rét. Một miếng khi đói bằng một gói khi no.

Cái áo cũ mà chị em Sơn đem cho cái Hiên chứa đựng biết bao tình người, thể hiện tình cảm san sẻ “lá lành đùm lá rách”. Trong gió lạnh đầu mùa mà thế giới trẻ con lại ấm áp tình người cao quý.

3. Vẻ đẹp của các nhân vật người lớn trong truyện

- Mẹ cái Hiên đã đem cái áo bông đến trả cho bà mẹ của chị em Sơn và nói:

“Tôi về thấy cháu nó mặc cái áo bông, tôi hỏi ngay. Nó bảo của cậu Sơn cho nó. Tôi biết cậu ở đây đùa, nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả nợ...”.

Mẹ cái Hiên tuy nghèo đói mà sạch và thơm. Đối với mẹ của Sơn thì cái áo bông cũ là di vật thiêng liêng của đứa con gái bé bỏng tội nghiệp đã mất khi lên 4 tuổi.

- Cử chỉ mẹ của Sơn cho mẹ cái Hiên vay năm hào bạc để mua áo rét cho con là nghĩa cử “Thương người như thể thương thân”. Người mẹ hiền “âu yếm ôm con vào lòng” và bảo: “Hai con tôi quý quá, dám tự do lấy áo đem cho người ta không sợ mẹ mắng ư?” làm cho câu chuyện thêm ý vị. Mẹ hiền dạy con bài học biết cách thương người.

4. Đánh giá khái quát

Thạch Lam là một cây bút, một thành viên của *Tự lực văn đoàn*. Sau hơn nửa thế kỉ văn chương của *Tự lực văn đoàn*, nói chung đã rơi dần vào quên lãng. Thế nhưng truyện ngắn Thạch Lam vẫn đem đến cho ta nhiều “nhã thú, có lẽ vì tâm hồn ông giàu tình thương và quý trọng người nghèo, ông đã dành cho tuổi thơ những trang văn đậm đà, trong sáng. Và ta càng thấy rõ tình nhân đạo thấm đẫm làm nên chất thơ trong truyện ngắn Thạch Lam. Vì thế, truyện "Gió lạnh đầu mùa" mãi mãi để lại trong lòng người sự ấm áp của tình người và tình đời.

VĂN BẢN : CON CHÀO MÀO (Mai Văn Phấn)

I. Tác giả

Mai Văn Phấn (1955)

- Quê quán: Ninh Bình
- Ông sáng tác thơ và viết tiểu luận phê bình.
- Thơ ông phong phú về đề tài, có những cách tân về nội dung và nghệ thuật, một số bài được dịch ra nhiều thứ tiếng.
- Tác phẩm chính: Một số tập thơ như *Giọt nắng*, *Gọi xanh*, *Bầu trời không mái che*, *Lặng yên cho nước chảy*, ...

II. Tác phẩm

1. **Thể loại:** Thơ tự do

2. **Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ được in trong tập thơ “*Bầu trời không mái che*” (2010). Tập thơ được dịch ra tiếng Anh và tiếng Pháp.

3. **Phương thức biểu đạt :** Biểu cảm

4. **Tóm tắt:** Bài thơ khắc họa hình ảnh con chim chào mào với bút pháp tả thực ngập tràn màu sắc và âm thanh. Đồng thời thấy được sự thay đổi trong ý nghĩ, cảm xúc, tình yêu dành cho thiên nhiên của nhân vật “tôi” khi hiểu rằng con chim chào mào mình yêu quý sẽ chỉ hạnh phúc trong cuộc sống tự do, tự nhiên giữa thiên nhiên.

5. **Bố cục:** Gồm 2 phần:

- Phần 1: Ba câu đầu: Hình ảnh con chào mào trong thực tế.
- Phần 2: Đoạn còn lại: Hình ảnh con chào mào trong suy nghĩ.

6. **Nội dung:** Bài thơ *Con chào mào* là tiếng lòng yêu thiên nhiên cùng khao khát tự do của tác giả.

7. **Nghệ thuật:** Thể thơ tự do kết hợp với bút pháp miêu tả linh hoạt, biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ,... đặc sắc.

III. Định hướng phân tích văn bản

1. Con chào mào trong thực tế

- Con chào mào xuất hiện ngay từ đầu bài thơ một cách trực tiếp "Con chào mào".
- Bức tranh đầy màu sắc và âm thanh miêu tả chào mào:
 - + Vị trí: trên cây cao chót vót. → Xác lập vị trí cao, mở rộng biên độ không gian.
 - + Màu sắc: đốm trắng mũ đỏ. → màu sắc rực rỡ.

+ Âm thanh: hót + triu... uýt... huýt... tu hù... → đây không chỉ là âm thanh tiếng chim hót mà còn là âm thanh vang vọng của thiên nhiên.
⇒ Bút pháp tả thực, bức tranh ngập tràn màu sắc và âm thanh.

2. Con chào mào trong ý nghĩ

- Con chào mào đi vào ý nghĩ của tác giả:
+ Xuất hiện "tôi".
+ Đi vào ý nghĩ do tác giả "vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ". → Chiếc lồng biểu hiện cho sự kìm giữ, hạn chế.
+ Hành động vội vàng, lo sợ chim bay đi.
- Con chào mào đồng điệu, nhập thân vào tác giả từ giây phút "Vừa vẽ xong nó cất cánh". → Hành động của tự do (đối lập với chiếc lồng).
- Cuộc rượt đuổi giữa hai nhân vật:
+ Ôm khung nắng, khung gió, nhành cây xanh. → Thâu trọn không gian thiên nhiên tươi đẹp vào vòng tay mình. Thiên nhiên có thêm màu sắc và ánh sáng, sự sống. → Biểu hiện của chiếc lồng.
+ Hối hả đuổi theo. → Vội vã, nối tiếp sự lo sợ phía trên. Đồng thời là biểu hiện của sự thăng hoa, tự do.
→ Ước muốn tận hưởng, hòa nhập thiên nhiên.
⇒ Bút pháp tượng trưng kết hợp sự độc

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị chủ đề đọc – hiểu: Yêu thương và chia sẻ

Ngày dạy: 11/10/2022

BUỔI 6:

ÔN TẬP CHỦ ĐỀ :YÊU THƯƠNG CHIA SẺ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Cốt truyện, nhân vật, đặc sắc nghệ thuật của các văn bản
- Niềm thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh

2. Năng lực

- Năng lực tự học các tác phẩm truyện.
- Năng lực giải quyết vấn đề liên quan đến nội dung của các văn bản.
- Năng lực sáng tạo trong nghệ thuật khi phân tích một vấn đề trong tác phẩm.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong quá trình cảm nhận một số chi tiết, hình ảnh tiêu biểu.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Biết đồng cảm và giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội; có tinh thần đấu tranh với những quan điểm thiếu lành mạnh, trái đạo lý

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, STK
- PHT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

VĂN BẢN : CON CHÀO MÀO

(Mai Văn Phan)

I. Tác giả

Mai Văn Phan (1955)

- Quê quán: Ninh Bình
- Ông sáng tác thơ và viết tiểu luận phê bình.
- Thơ ông phong phú về đề tài, có những cách tân về nội dung và nghệ thuật, một số bài được dịch ra nhiều thứ tiếng.
- Tác phẩm chính: Một số tập thơ như *Giọt nắng*, *Gọi xanh*, *Bầu trời không mái che*, *Lặng yên cho nước chảy*,...

II. Tác phẩm

1. **Thể loại:** Thơ tự do

2. **Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ được in trong tập thơ “*Bầu trời không mái che*” (2010). Tập thơ được dịch ra tiếng Anh và tiếng Pháp.

3. **Phương thức biểu đạt :** Biểu cảm

4. **Tóm tắt:** Bài thơ khắc họa hình ảnh con chim chào mào với bút pháp tả thực ngập tràn màu sắc và âm thanh. Đồng thời thấy được sự thay đổi trong ý nghĩ, cảm xúc, tình yêu dành cho thiên nhiên của nhân vật “tôi” khi hiểu rằng con chim chào mào mình yêu quý sẽ chỉ hạnh phúc trong cuộc sống tự do, tự nhiên giữa thiên nhiên.

5. **Bố cục:** Gồm 2 phần:

- Phần 1: Ba câu đầu: Hình ảnh con chào mào trong thực tế.
- Phần 2: Đoạn còn lại: Hình ảnh con chào mào trong suy nghĩ.

6. **Nội dung:** Bài thơ *Con chào mào* là tiếng lòng yêu thiên nhiên cùng khao khát tự do của tác giả.

7. **Nghệ thuật:** Thể thơ tự do kết hợp với bút pháp miêu tả linh hoạt, biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ,... đặc sắc.

III. Định hướng phân tích văn bản

1. Con chào mào trong thực tế

- Con chào mào xuất hiện ngay từ đầu bài thơ một cách trực tiếp "Con chào mào".

- Bức tranh đầy màu sắc và âm thanh miêu tả chào mào:

+ Vị trí: trên cây cao chót vót. → Xác lập vị trí cao, mở rộng biên độ không gian.

+ Màu sắc: đốm trắng mũ đỏ. → màu sắc rực rỡ.

+ Âm thanh: hót + triu... uýt... huýt... tu hìu... → đây không chỉ là âm thanh tiếng chim hót mà còn là âm thanh vang vọng của thiên nhiên.

⇒ Bút pháp tả thực, bức tranh ngập tràn màu sắc và âm thanh.

2. Con chào mào trong ý nghĩ

- Con chào mào đi vào ý nghĩ của tác giả:

+ Xuất hiện "tôi".

- + Đi vào ý nghĩ do tác giả "vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ". → Chiếc lồng biểu hiện cho sự kìm giữ, hạn chế.
- + Hành động vội vàng, lo sợ chim bay đi.
- Con chào mào đồng điệu, nhập thân vào tác giả từ giây phút "Vừa vẽ xong nó cất cánh". → Hành động của tự do (đối lập với chiếc lồng).
- Cuộc rượt đuổi giữa hai nhân vật:
- + Ôm khung nắng, khung gió, nhành cây xanh. → Thâu trọn không gian thiên nhiên tươi đẹp vào vòng tay mình. Thiên nhiên có thêm màu sắc và ánh sáng, sự sống. → Biểu hiện của chiếc lồng.
- + Hồi hả đuổi theo. → Vội vã, nối tiếp sự lo sợ phía trên. Đồng thời là biểu hiện của sự thăng hoa, tự do.
- Ước muốn tận hưởng, hòa nhập thiên nhiên.

⇒ Bút pháp tượng trưng kết hợp sự độc đáo trong từ vựng. Từ vựng trong câu thơ đều mang ý nghĩa ràng buộc, giữ lại, bắt, bó hẹp... nhưng nội hàm câu thơ lại mở ra, trải rộng, bay bổng... Câu thơ này cho thấy, tác giả khao khát mở rộng “chiếc lồng” của ông thành không gian bất tận, muốn để tâm hồn mình bao trùm cả thiên nhiên rộng lớn cho con chào mào khoe sắc và cất tiếng tự do.

3. Con chào mào trong tâm hồn

- Không gian: vô tâm tích → sự mơ hồ, không xác định.
- Hành động: tôi nghĩ → nhắc lại về chủ thể, hành động nghĩ đi vào tâm tưởng. Có thể tất cả đều là trong suy nghĩ sau khi đã trải nghiệm thực tế.
- Những hoạt động của chào mào:
- + Chào mào mổ những con sâu.
- + Chào mào ăn trái cây chín.
- + Chào mào uống nước.
- ⇒ Đi đến hóa thân vào chào mào với "Thanh sạch của tôi". Khái niệm “của tôi” trong trường hợp này cho thấy hồn vía kẻ sáng tạo đã được chiết ra, gạn lọc lấy những gì tinh túy nhất, đẹp nhất để “nuôi” chú chim bé nhỏ của ông.
- Nghệ thuật lặp lại tiếng chim chào mào, tách riêng thành một dòng thơ độc lập tạo ấn tượng.
- 2 câu cuối dường như đối lập với phần đầu nhưng lại vô cùng hợp lí.
- + Chẳng cần chim bay về vì hình ảnh con chim đã ở trong tâm hồn tác giả.
- + Hạnh phúc khi chim được bay cao, xa nhưng cũng gợi chút tiếc nuối.
- ⇒ Chào mào đã hợp nhất với tác giả.

4. Đánh giá chung

- Bài thơ miêu tả vẻ đẹp của chú chim chào mào. Từ đó ta thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên và tình yêu của con người đối với thiên nhiên.
- Thể thơ tự do phù hợp với mạch tâm trạng, cảm xúc; Sử dụng các biện pháp điệp ngữ nhằm miêu tả, nhấn mạnh hình ảnh, vẻ đẹp trong tiếng hót của con chim chào mào. Từ đó làm nổi bật vẻ đẹp thiên nhiên và cảm xúc của chủ thể trữ tình với thiên nhiên.

Phần I: Đọc hiểu

“ Tôi gặp em khi đến thăm trường giáo dưỡng. Đó là một em bé nhanh nhẹn, vui vẻ, có đôi mắt to thông minh. Khi được hỏi vì sao lại ở đây, em đã kể cho tôi nghe về tuổi thơ của mình. Khi mới sinh, cha mẹ đặt tên em là Phan Văn Thái.

Lúc trở thành trẻ bụi đời, đồng bọn gọi em là Ba Chẽ, bởi sau một lần đánh nhau, một bàn tay của em chỉ còn ba ngón. Với cái tên ấy đã nói lên cuộc sống phiêu bạt, bất hạnh của Thái. Đến nay, em mới tròn 13 tuổi, nhưng tuổi thơ của em đã đầy những bất hạnh, tủi hờn và cả tội lỗi. Năm em lên 4 tuổi, bố mẹ li hôn, cả hai đều bỏ em đi tìm hạnh phúc riêng. Em được bà ngoại nuôi dưỡng. Khi bà già không đủ sức làm nuôi cháu nữa, em phải rửa bát thuê kiếm sống. Chứng kiến cảnh làm lụng vất vả của chú bé đang tuổi cắp sách đến trường, một bà tốt bụng đã đem em về nuôi. Do không được dạy bảo chu đáo, một năm sau em đã lấy cắp xe đạp của mẹ nuôi, bỏ lên Hà Nội và trở thành kẻ bụi đời chuyên cướp giật ở cầu Long Biên. Phải mất một thời gian các trinh sát mới bắt quả tang cậu bé đã gây bao phiền toái cho khách qua cầu. Tại cơ quan Công an, Thái thú nhận: “ Mỗi ngày cháu tham gia cướp giật ở cầu Long Biên từ một đến hai vụ. Số tiền cướp được dùng để ăn uống, tối đến cháu ngủ ở gầm cầu. Tôi hỏi em: “ Ở đây thế nào ?”. Em hồn nhiên trả lời: “ Thích lắm chú ạ. Cháu được ăn uống đầy đủ, được đi học, lại chẳng phải lo tìm chỗ ngủ mỗi khi trời mưa.”

(Phỏng theo Kim Quý – Báo Công an Nhân dân, ngày 22/12/2000)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của câu chuyện trên ?

Câu 2. Nêu nội dung của câu chuyện ?

Câu 3. Nguyên nhân nào khiến tuổi thơ của Thái đầy những bất hạnh, tủi hờn và cả tội lỗi?

Câu 4. Từ câu chuyện trên, gửi đến chúng ta những thông điệp gì ?

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị chủ đề đọc – hiểu: Yêu thương và chia sẻ

Ngày dạy: 18/10/2022

BUỔI 7:

ÔN TẬP VĂN BẢN CHỦ ĐỀ : Quê hương yêu dấu

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Tình yêu quê hương đất nước, lòng yêu mến tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên hay vẻ đẹp tinh thần mà các tác giả thể hiện qua các văn bản.
- Tập viết cảm nhận một bài thơ lục bát.
- Học sinh chia sẻ suy nghĩ của mình về các vấn đề liên quan chủ đề đã học.

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Bước đầu biết viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ lục bát.

3. Phẩm chất:

- Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hoá truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

Văn bản: CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC

I. Ca dao và những đặc điểm cơ bản về ca dao cần nắm vững.

1. Khái niệm:

Ca dao là lời thơ trữ tình dân gian, thường có sự kết hợp với âm nhạc khi diễn xướng, được sáng tác nhằm diễn tả thế giới nội tâm của con người.

“Trong đầm gì đẹp bằng sen,

Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng.

Nhị vàng bông trắng lá xanh,

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”.

2. Đặc điểm cơ bản của ca dao

2.1. Nội dung thể hiện

Ca dao diễn tả đời sống tinh thần, tư tưởng, tình cảm của nhân dân trong các quan hệ đôi lứa, gia đình, quê hương, đất nước,... Trong đó, có các chủ đề chính là những tiếng hát than thân, những lời ca yêu thương tình nghĩa cất lên từ cuộc đời còn nhiều xót xa, cay đắng nhưng đầm thấm ân tình của con người Việt Nam và những bài ca dao hài hước thể hiện tinh thần lạc quan của người lao động.

Ví dụ:

"Anh đi anh nhớ quê nhà,
Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương.
Nhớ ai dãi nắng dầm sương,
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao ."

* Lưu ý:

Khác với thơ trữ tình trong văn học viết (nhân vật trữ tình mang đậm dấu ấn cá nhân người viết), trong ca dao, tình cảm, tâm trạng và cách bộc lộ nội tâm của các kiểu nhân vật trữ tình mang tính chất chung của giới tính, địa phương,... Trong cái chung đó, mỗi bài ca dao lại có cái riêng độc đáo sáng tạo. Bất cứ người nào, nếu thấy bài ca phù hợp đều có thể sử dụng, xem đó là tiếng lòng mình. Vì vậy, tìm hiểu một bài ca dao cụ thể, cần đặt nó vào nhóm tác phẩm cùng chủ đề và theo hệ thống (kiểu nhân vật trữ tình, hình ảnh, ngôn ngữ,...). Làm như vậy có nghĩa là dựa vào cái chung để hiểu cái cụ thể và từ cái cụ thể để hiểu cái chung của kho tàng ca dao Việt Nam.

2.2. Hình thức nghệ thuật

* Về thể loại: Các bài ca dao thường sử dụng thể lục bát. Thơ lục bát (6-8) là thể thơ thuần Việt, có khả năng phản ánh và diễn tả những phẩm chất thẩm mỹ của Tiếng

Việt. Cách gieo vần và phối thanh, ngắt nhịp giản dị mà biến hoá vô cùng linh hoạt, phong phú và đa dạng làm cho thơ lục bát dồi dào khả năng diễn tả đời sống tư tưởng, tình cảm người Việt. Đặc điểm của thể thơ này được thể hiện rõ qua các phương diện sau:

- Số câu, số tiếng:

- + Số dòng: Một câu gồm hai dòng (một cặp) gồm: Một dòng có sáu tiếng và một dòng có tám tiếng.
- + Số câu: Không giới hạn nhưng khi kết thúc phải dừng lại ở câu tám tiếng.
- + Một bài thơ lục bát: Có thể có một câu, hai câu, ba câu hay có thể có nhiều câu nối dài,
- Cách gieo vần:
 - + Âm tiết cuối của dòng sáu tiếng hiệp vần với âm tiết thứ sáu của dòng tám tá theo từng cặp. Âm tiết cuối của dòng tám tiếng lại hiệp vần với âm tiết thứ sáu của dòng sáu tiếng nối tiếp. Cứ thế luân chuyển như vậy cho đến hết bài.
 - + Vần cuối dòng là vần chân, vần ở giữa dòng là vần lưng.
- Phối thanh:
 - + Chỉ bắt buộc: Các tiếng thứ tư phải là trắc; các tiếng thứ hai, sáu, thứ tám phải là bằng.
 - + Những câu tám tiếng thì tiếng thứ sáu và tiếng thứ tám phải khác dấu (nếu tiếng trước là dấu huyền thì tiếng sau phải không có dấu và ngược lại).
 - + Các tiếng thứ một, ba, năm, bảy của cả hai câu sáu tiếng, tám tiếng và âm tiết thứ hai (của cả hai câu) có thể linh động tùy ý về bằng trắc.
- Nhịp và đối trong thơ lục bát:
 - + Cách ngắt nhịp khá uyển chuyển: Nhịp 2/4; Nhịp 3/3; Nhịp 2/2/4; Nhịp 4/4 (thông thường là nhịp chẵn).
 - + Đối: Thơ lục bát không nhất thiết phải sử dụng phép đối. Nhưng đôi khi để làm nổi bật một ý nào đó, người làm thơ có thể sử dụng tiểu đối trong từng cặp hoặc từng câu thơ.
- * Lưu ý: Trong ca dao, cũng có một số bài sử dụng thể thơ lục bát biến thể. Lục bát biến thể không tuân theo luật thơ lục bát thông thường:
 - + Số chữ tăng lên: Vần lưng tất nhiên cũng xê dịch theo.
 - + Thanh: Tiếng thứ hai có thể là thanh trắc.
 - + Gieo vần: Có thể gieo vần trắc:
 - + Nhịp: Cách ngắt nhịp có thể thay đổi. Ví dụ:

*Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát,
Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng, cũng bát ngát mênh mông,
Thân em như chèn lúa đồng đồng,
Phát phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.*
- * Về ngôn ngữ:
 - Ca dao đã vận dụng rất thành công trong việc sử dụng ngôn ngữ dân tộc. Đó là thứ ngôn ngữ rất giản dị, đẹp đẽ và trong sáng để diễn tả được tâm hồn đa dạng phong phú của con người.
 - Trong ca dao, có sự kết hợp giữa ngôn ngữ nghệ thuật với ngôn ngữ của đời sống và lời ăn tiếng nói hằng ngày. Vì sử dụng lời ăn tiếng nói hằng ngày nên ca dao sử dụng rữ mạnh với nhân dân lao động. Đó là vẻ đẹp của sự chân thực, giản dị. Ca dao và thể dễ đi vào lòng người hơn.
 - Có nhiều bài ca dao có mang tính nghệ thuật và giàu sức biểu cảm cao, ngôn ngữ trong các bài ca dao ấy được trau chuốt, tinh luyện dựa trên ngôn ngữ dân tộc.

* Về kết cấu: Ca dao chính là kết cấu ngắn gọn, có sử dụng lối đối đáp và công thức truy Song Kết cấu ngắn gọn chính là một bài ca dao có khi chỉ từ hai đến bốn dòng thơ - 2 cặp lục bát).

- Một số kết cấu thường gặp trong ca dao:

+ Kết cấu đối đáp.

+ Kết cấu tầng bậc.

+ Kết cấu đối lập....

* Thời gian và không gian nghệ thuật

- Thời gian nghệ thuật

+ Thời gian hiện tại, thời gian diễn xướng “bây giờ, hôm nay”.

+ Thời gian quá khứ gần “chiều, sáng, đêm, ngày xuân, ngày hè” (ước lệ, công thức).

- Không gian nghệ thuật

Không gian gần gũi, bình dị quen thuộc với con người: Dòng sông, con thuyền, cái cầu, bờ ao, cây đa, mái đình, ngôi chùa, cánh đồng, con đường, trong nhà, ngoài sân, bên khung cửa...

- Môi quan hệ thời gian và không gian.

- Quan hệ chặt chẽ.

- Gắn với nhân vật trữ tình: bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của mình.

* Một số biểu tượng trong ca dao

+ Cây trúc, cây mai: tượng trưng đôi bạn trẻ, tình duyên.

+ Hoa nhài (hoa lài) là loài hoa đẹp, quý bởi hương thơm. Tượng trưng thủy chung, tình nghĩa, cái đẹp cái duyên bên.

+ Con bống, con cò: (người thiếu nữ, thiếu phụ, hình ảnh cả trai, lẫn gái. Diễn đạt nỗi cực khổ vất vả.

*** Sử dụng nhiều biện pháp tu từ có giá trị biểu cảm cao.**

Để diễn tả sinh động những cung bậc tình cảm, cảm xúc của con người, ca dao sử dụng rất nhiều biện pháp tu từ có giá trị, trong đó so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ, nhân hóa được sử dụng phổ biến. Ví dụ:

Thân em như chèn lúa đồng đồng,

Phát phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.

(Biện pháp so sánh)

3. Giá trị của ca dao,

3.1. Ca dao chứa đựng giá trị nhân văn cao cả

Nhà phê bình văn học Hoài Thanh đã từng khẳng định vai trò của ca dao trong đời sống tinh thần của con người: “Từ bao giờ đến bây giờ, từ Homer đến Kinh Thi. đến ca dao Việt Nam, thơ ca có một sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại, nó ra đời từ những buồn vui của loài người và sẽ làm bạn với con người cho đến ngày tận thế”. Có thể nói, ca dao là một sản phẩm trí tuệ một sản phẩm trí tuệ của quần chúng nhân dân lao động giàu giá trị nhân văn.

- Chất nhân văn trong ca dao gắn với quan niệm về con người của người) dân, thể hiện ý thức và tình cảm của người bình dân, gắn với một quan niệm khỏe, lành mạnh, trong sáng của chính người lao động. Là quá trình tự nhận thức bản thân của người bình dân trong hoàn cảnh cuộc sống vất vả, chịu đựng nhiều nỗi bị bình, tủi nhục, đắng cay vẫn giữ được bản chất tốt đẹp, tình nghĩa đậm đà.

- Chất nhân văn thể hiện sâu sắc trong nội dung các sáng tác ca dao dân ca Việt Nam ca dao diễn tả rất phong phú cung bậc tình cảm, cảm xúc của con người như: tình yêu quê hương, gia đình, làng xóm, tình yêu đôi lứa, tình bạn, tình nghĩa thầy trò....

+ Tình yêu quê hương: niềm tự hào, thiết tha trước vẻ đẹp độc đáo, sự giàu có của mọi miền quê đất Việt:

*“Đường vô xứ Huế quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ
Ai vô xứ Huế thì vô ...”*

+ Nỗi nhớ tha thiết quê nhà và người thương, tình làng nghĩa xóm:

*Anh đi anh nhớ quê nhà,
Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương.
Nhớ ai dãi nắng dầm sương,
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao*

+ Tình cảm gia đình với nhiều mối quan hệ, nhiều cung bậc tình cảm: biết ơn, kính trọng phụng dưỡng ông bà, cha mẹ, chung thủy keo sơn gắn bó trọn đời giữa vợ chồng, tình cảm anh em như thể tay chân, yêu thương đùm bọc,...

“Công cha như núi ngất trời.

Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông”.

+ Kính trọng, biết ơn thầy cô, tình nghĩa bạn bè chia ngọt sẻ bùi, giúp nhau

hoạn nạn,...

*“Muốn sang thì bắc cầu kiều,
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.”*

+ Sự chia sẻ, cảm thông sâu sắc với những cuộc đời, số phận bất hạnh...

*“Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao,
Ông ơi! ông vớt tôi nao,
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng.
Có xáo thì xáo nước trong,
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.”*

+ Đả kích, phê phán sâu cay những thói hư, tật xấu, những tầng lớp, giai cấp quá lại, cường hào độc ác ...trong xã hội cũ.

*Bà già đi chợ cầu Đông
Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?
Thầy bói xem quẻ nói rằng,
Lợi thì có lợi, nhưng rằng không còn.”*

3.2. Giá trị của ca dao trong đời sống hiện nay

- Các cung bậc tình cảm, cảm xúc trong ca dao phản chiếu vẻ đẹp tâm hồn, Nha vọng sống, khát vọng hạnh phúc của người dân lao động.

Tình cảm, cảm xúc trong ca dao thường gắn liền với nghĩa tình, thủy chung son sắt,... Đó cũng chính là tấm gương phản chiếu truyền thống đạo lí tốt đẹp của dân tộc từ ngàn đời nay.

- Hiện nay, cuộc sống trên đà hội nhập kinh tế quốc tế, không tránh khỏi lối sống thực dụng, chạy theo vật chất, Người phụ nữ ngày càng được bình đẳng với

nam giới song vẫn chưa hết những cảnh ngộ éo le. Những cung bậc tình cảm, cảm xúc nói chung, tình yêu đôi lứa nói riêng trong các bài ca dao luôn hiện diện và chảy trong huyết mạch của những người dân Việt là lời nhắc nhở thấm thía về tình yêu thương, lối sống trọng tình nghĩa, thủy chung, ý thức trân trọng, giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

- Ca dao còn là nguồn mạch, cơ sở nuôi dưỡng văn học viết và các loại hình nghệ thuật (đặc biệt là thơ ca, âm nhạc).

4. KẾT LUẬN:

Ca dao Việt Nam đã chiếm một phần quan trọng không thể thay thế trong đời sống sinh hoạt cũng như đời sống tinh thần của người Việt, trở thành một mảnh ghép của hồn Việt, một mảnh ghép cổ xưa, chân thành, mộc mạc mà sâu sắc, dạt dào... Chính vì lẽ đó, nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu cũng đã khẳng định giá trị to lớn của ca dao đối với con người Việt Nam: "Ca dao là tấm gương tâm hồn dân tộc". Có thể nói ca dao Việt Nam là kho tàng văn hóa, tri thức dân gian, phản ánh những phong tục, tập quán, tâm tư nguyện vọng của con người Việt Nam, tạo thành một hệ thống hình ảnh thiên nhiên, con người và lao động cùng hoà quyện vào nhau, tạo dựng nên cách nghĩ, cách cảm về cuộc sống, thiên nhiên và con người rất Việt Nam.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Bài ca dao:

*“Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương
Mịt mù khói toả ngàn sương
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.”*

- Bài ca dao là một bức tranh tuyệt đẹp về cảnh mùa thu ở kinh thành Thăng Long. Mỗi câu thơ là một cảnh đẹp được chấm phá qua ngòi bút đặc sắc của các tác giả dân gian nhằm ca ngợi cảnh đẹp quê hương.

+ Cảnh mùa thu thật đẹp, gió nhẹ nhẹ đủ làm gọn sóng mặt hồ Tây, bên bờ hồ liễu rủ biêng biếc. Câu thơ mở đầu cho thấy gió rất nhẹ, gió không thổi mà chỉ đưa nhẹ nhàng làm đung đưa những cành trúc rậm rạp la đà sát mặt đất. Cành trúc được làn gió thu trong trẻo, mát lành vuốt ve êm dịu, cùng với gió cành trúc khẽ lay động bay cùng chiều gió “Gió đưa cành trúc la đà”. Cảnh đẹp thật gợi cảm, gợi tình trong khí thu mẻ trong lành. Câu thơ có màu xanh của trúc, khe khẽ của gió, và đương nhiên khí thời tiết thu, bầu trời khoáng đạt, những cánh diều vi vu trên không, đằng sau những cành trúc la đà là tiếng oanh vàng thánh thót..

+Ở câu thơ thứ nhất, nếu như ta chỉ cảm nhận bằng thị giác vẻ đẹp của mùa .. Hà Nội với “cành trúc la đà” thì câu thơ thứ hai tác giả dân gian lại gợi cho người đàn cảm nhận vẻ đẹp mùa thu thủ độ qua thính giác với âm thanh vang vọng của tiếng chuông chùa “Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương”. Đây là thủ pháp quen thuộc lấy xa tả gần, lấy động tả tĩnh. Xa xa vắng vắng tiếng chuông Trấn Vũ êm êm gây không khí rộn ràng nao động. Tiếng gà tàn canh Thọ Xương vọng tới. Tiếng chuông ngân vang hoà cùng tiếng gà gáy le te. Âm thanh như tan ra hoà cùng đất trời sương khói mùa thu. Trong làn sương khói, ánh sáng

đêm thu bao phủ tràn khắp mọi nẻo, nhìn chuông vang vọng cùng gà gáy như làm cho mọi vật càng mơ màng thơ mộng hơn.

+Câu thơ thứ ba, tác giả dân gian sử dụng biện pháp đảo ngữ. Khói toả mịt mù được đảo lại “mịt mù khói toả”. Nghệ thuật đảo ngữ làm tăng sự huyền ảo lung linh của cảnh vật, của cuộc sống. Mặt đất một màu trắng mờ, do màn sương bao phủ. Nhìn cận cảnh hay viễn cảnh đều có cảm giác như mặt đất đang chìm trong khói phủ. C yên bình tĩnh lặng, vũ trụ đang quay, thời gian trôi đi, trời trở về sáng. .

+ Câu thơ cuối của bài ca dao gọi lên âm thanh của cuộc sống lao động. Tiếng chày đều tay từ phường Yên Thái ngân vang dồn dập. Nhịp chày chính là nhịp đập của cuộc sống, sức sống mạnh mẽ của kinh đô này. Bình minh ửng hồng phía đằng Đông xua tan làn sương khói. Hồ Tây mênh mông phẳng lặng như chiếc gương khổng lồ sáng dần lên in hình phố cổ. Đây là hình ảnh trung tâm mặt gương Tây Hồ, một tứ thơ toả sáng làm cho cả bài bừng lên “Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.”

- Bài ca dao tả cảnh đẹp kinh thành Thăng Long, nhưng thông qua miêu tả cảnh, ẩn chứa tình cảm tự hào về quê hương đất nước. Bài ca dao để lại trong ta ấn tượng tuyệt vời về Thăng Long, giúp ta yêu và tự hào hơn về kinh đô ngàn năm văn hiến. Bài ca dao mang vẻ đẹp cổ điển hoa lệ như một bài cổ thi trác tuyệt.

2. Bài ca dao 2.

Đường lên xứ Lạng bao xa?

Cách một trái núi với ba quãng đồng.

Ai ơi đứng lại mà trông

Kìa núi thành Lạng, kìa sông Tam Cờ.”

- Lạng Sơn là một tỉnh ở phía Bắc nước ta, nơi đây có những đồi núi hùng vĩ về hoang sơ để lại nhiều ấn tượng cho khách du lịch. Nhắc đến Lạng Sơn, người đọc như đến một vùng đất văn hóa truyền thống từ lâu đời với cái tên thường gọi thân quen: Xứ Lạng. Đây là vùng đất có nhiều dân tộc cùng chung sống, là sự hoà nhập của cộng đoàn những tập quán sinh hoạt, những phong tục hội hè, những phiên chợ vùng cao, nhưng ngày hội Lồng thông, những sắc màu trang phục truyền thống, những áng ca dao, cù như những làn điệu dân ca, hát then, hát sli, hát lượn đều say đắm lòng người. Đã có rất nhiều bài ca dao nhắc đến những địa danh nổi tiếng của xứ Lạng khiến người đọc rung động, khơi dậy khát vọng được lên vùng đất có nhiều cảnh thiên nhiên hùng vĩ này. Con đường đến xứ Lạng ngoằn ngoèo, khúc khuỷu, phải vượt núi lội đèo mới cảm nhận sự thú vị của thiên nhiên của vùng cao.

- Câu thơ mở đầu bài ca dao là một câu hỏi đầy ẩn tượng: “Đường lên xứ Lạng bao xa?”. Và ngay sau câu hỏi đó là một câu trả lời trực tiếp: đường lên xứ Lạng xã hội, đầy khó khăn, vất vả: “Cách một trái núi với ba quãng đồng”. Cách diễn đạt về độ xe, độ dài của con đường lên xứ Lạng rất thú vị, đó không phải là một con số cụ thể khoa học bao nhiêu km mà là cách đo chiều dài của dân gian “một trái núi” và “ba quang đồng”. Thông qua cách sử dụng từ ngữ của tác giả dân gian, người đọc hình dung được con đường lên vùng đất xứ Lạng rất xa xôi và đề tận mắt chiêm ngưỡng những cảnh đẹp thú vị nơi đây, chúng ta phải vượt qua một quãng đường rất dài.

- Hai câu thơ cuối của bài ca dao là lời nhắn gửi: “Ai ơi, đứng lại mà trông”. Lời nhắn gửi được cất lên vô cùng tha thiết. Hai tiếng Ai ơi ấy như tiếng gọi, như trò chuyện với một ai đó, không hướng tới một đối tượng cụ thể nào mà câu ca dao như muốn hướng đến tất cả mọi người, tất cả những con người Việt Nam ta. Vượt qua quãng đường xa, đến với vùng đất xứ Lạng, chúng ta sẽ tận mắt chiêm ngưỡng cảnh đẹp nên thơ của vùng đất nơi đây: “Kìa núi thành Lạng, kìa sông Tam Cờ”. Trong chùm ca dao ca ngợi tình yêu quê hương, đất nước có rất nhiều bài nhắc đến “thành Lạng”, “sông Tam Cờ”. Ví như bài ca dao: “Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa Có nàng Tô thị có chùa Tam Thanh Ai lên xứ Lạng cùng anh...”, hay bài thơ “Xứ Lạng gọi mời” của tác giả Mỹ Hoa Lê từng viết: “Thu về xứ Lạng người ơi/ Chim kêu vượn hót gọi mời bạn xa/ Về đây sum họp một nhà Hát câu then lượn dân ca Tày-Nùng”. Đưa các địa danh của quê hương vào ca dao, thơ ca, lời bài hát là cách đó cũng là cách thể hiện tình yêu quê hương, nỗi nhớ cội nguồn sâu nặng của mỗi con người Việt Nam.

- Bài ca dao sử dụng mô típ quen thuộc trong ca dao, tục ngữ: sử dụng từ ai (đại từ phiếm chỉ), cách gọi mời thiết tha ẩn trong đó là lời nhắn nhủ ân tình “ Ai ơi.. Cách gieo vần bằng xa – ba, trông – sông cùng với cách ngắt nhịp chẵn: 2/4; 4/4...đã thể hiện được tình yêu quê hương xứ Lạng sâu nặng, thiết tha của nhân vật trữ tình.

3. Bài ca dao

*“Đồ từ Đông Ba, đồ qua Đập Đá,
Độ về Vĩ Dạ, thẳng ngã ba Sinh.
Lờ đờ bóng ngả trăng chênh,
Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non.”*

- Huế – cái tên không còn xa lạ đối với người dân Việt Nam lẫn du khách những để giới thiệu về thành phố Huế thì khó có thể miêu tả hết. Một vùng đất vùng đất văn hóa đặc sắc, nhiều di sản và lễ hội độc đáo. Cùng với đó là nét đẹp trầm lắng dịu dàng và bình yên của cảnh quan và con người nơi đây đã khiến sức hút của Huế không nằm ở sự sôi động, náo nhiệt mà *chính sự lặng lẽ, nên thơ và rất đổi oai hùng đã đi sâu vào lòng người. Để rồi ai phải đứng lại trước nét đẹp ấy, một cảm giác khó tả khiến bất kỳ ai cũng phải lo Huế đã đi vào thơ ca và giúp cho người yêu thơ hiểu biết thêm về vùng đất môn* này.

- Ấn tượng đầu tiên mà người đọc cảm nhận được ở bài ca dao này đó là trong hai câu đầu, tác giả dân gian đã sử dụng thể thơ lục bát biến thể (cả hai dòng đều có 8 tiếng thứ tám của dòng đầu tiên (đá) và tiếng thứ sáu của dòng thứ hai (ngã) không phải thanh bằng như quy luật mà là thanh trắc). Với việc sử dụng thể thơ lục bát biến thể ở hai dòng đầu của bài ca dao, tác giả dân gian đã giới thiệu cho người đọc những địa danh nổi tiếng của Huế: Đông Ba, Đập Đá, Vĩ Dạ, ba Sinh. Các địa danh nổi tiếng xứ Huế được nhắc đến bài ca dao giúp cho người đọc cảm nhận sâu sắc hơn vẻ đẹp của từng miền quê của xứ Huế. Chúng ta đã từng nghe nhiều bài hát, nhiều vần thơ viết và các địa danh này của Huế như bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” (Hàn Mặc Tử); hay lời của bài ca dao “Ai về An Cựu, Đông Ba /Ai qua Gia Hội, ai vô nội thành/Cùng nhau báo lấy tin mừng/Mỹ thua, Mỹ

cút, hòa bình về ta.”...Mỗi địa danh của xứ Huế đều có sức hút với người đọc, khơi dậy tình yêu, lòng tự hào của con người đối với cảnh đẹp cố đô.

- Để miêu tả thiên nhiên xứ Huế, bài ca dao đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh đầy ấn tượng và gợi cảm: Con đò, bóng trăng, tiếng hò, nước non. Cách sử dụng các mô típ quen thuộc, mang tính biểu tượng, gợi cho người đọc nhớ về quê hương- nơi chôn rau cắt rốn của mình. Qua những từ ngữ, hình ảnh quen thuộc này, bài ca dao đã khơi dậy trong tâm trí người đọc hình ảnh về quê hương, đất nước Việt Nam xinh đẹp, mến yêu; đồng thời bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước sâu nặng, thiết tha.

- Cặp câu thơ lục bát “Lờ đờ bóng ngả trăng chênh/ Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non” gợi lên vẻ đẹp nên thơ nhưng trầm buồn của xứ Huế. Huế đẹp với sông nước mênh mang, với những điệu hò mái nhì mới đây thiết tha, lay động lòng người.

=> Bài ca dao giúp người đọc hình dung Huế là một miền đất với cảnh sông nước thơ mộng, tươi đẹp, nghĩa tình. Cách kể kết hợp với miêu tả chân thực, sinh động của tác giả dân gian đã làm cho khung ảnh Huế trở nên sinh động, nên thơ, đậm đà hơn bao giờ hết. Bài ca dao đã để lại ấn tượng đẹp và đi vào trong tâm thức của con người Mỹ vùng đất giàu giá trị văn hóa, lịch sử: cố đô Huế!

KẾT LUẬN

Các bài ca dao trữ tình thường bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc của con người. Qua chùm ca dao về tình yêu quê hương, đất nước, chúng ta cảm nhận được tác giả dân gian đã nhận thức được cái đẹp cái toàn mỹ của quê hương, đất nước bằng cả trái tim của mình. Những tình cảm cao đẹp đó đã ăn sâu vào tâm hồn của họ, những tâm tình của người lao động đã được gửi gắm vào những câu ca dao với sự thương nhớ, vẫn vương quê hương, là vẻ đẹp quê hương xứ sở, là niềm tự hào về non sông đất nước những nét đẹp cổ kính ngàn đời, của thiên nhiên thơ mộng... Tình yêu đất nước trong các câu ca dao dạt dào như mạch suối ngầm chảy âm ỉ, chảy mãi không ngừng đến hôm nay và mãi mãi về sau.

Văn bản CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH (LÂM THỊ MỸ DẠ)

I. TÁC GIẢ

- Nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ sinh năm 1949, quê ở tỉnh Quảng Bình.
- Từ đầu những năm 70, thơ Lâm Thị Mỹ Dạ xuất hiện trên thị đàn Việt Nam với những biên độ cảm xúc mở rộng hơn, với nhiều tứ thơ mạnh mẽ, mang âm hưởng cuộc chiến đấu lớn lao của dân tộc.
- Phạm Phú Phong nhận định về nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ, một cái tên rất yêu kiều mà gần gũi đời thường thế này: “Người đọc có thể nhận ra đằng sau câu chữ ân sâu bên dưới những chi tiết bình thường dường như chỉ dùng để mô tả, là hình tượng tác giả đầy ước mơ, khát vọng đến cháy bỏng trước cuộc đời không thiếu những eo seo, nhiều nhượng và bất trắc. Chính điều ấy đã nâng tầm, đưa Lâm Thị Mỹ Dạ xếp vào hàng những nhà thơ nữ tiêu biểu của thi ca Việt Nam hiện đại”.
- Lâm Thị Mỹ Dạ từng nói: “Người ta có thể làm thơ khi vẫn còn một tấm lòng, một trái tim rung động trước cuộc sống”. Bởi vậy, đọc thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ

người yêu thơ thấy được sự nhẹ nhàng, đầm ấm, trong trẻo, thể hiện một tâm hồn tinh tế, một trái tim giàu yêu thương.

- Thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ được nhiều bạn trẻ chép vào sổ và đọc thuộc lòng.
- Các tập thơ đặc sắc của nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ: “Trái tim sinh nở” (1974), “Bài thơ không năm tháng” (1983), “Hái tuổi em đầy tay” (1984), “Mẹ và con” (1984), “Để tặng một giấc mơ” (1998), “Hồn đây hoa cúc dại” (2007), “Chỉ riêng mình em thấy” (2008)...

II. TÁC PHẨM

1. Xuất xứ

"Chuyện cổ nước mình" rút từ Tuyển tập, NXB Hội nhà văn, Hà Nội, 2011, tr.203.

2. Thể thơ

Bài thơ "Chuyện cổ nước mình" của Lâm Thị Mỹ Dạ viết bằng thể thơ lục bát, âm điệu nhẹ nhàng, mang màu sắc ca dao, dân ca.

3. Nội dung chính

Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ.

4. Nghệ thuật

- Dùng thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc để nói về những giá trị truyền thống, nhân văn.
- Giọng thơ nhẹ nhàng, tâm tình, thể hiện tình yêu quê hương tha thiết, đầm . nhưng đầy tự hào,

III, ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH

1. Những câu chuyện cổ được gọi ra từ bài thơ

- "Chuyện cổ nước mình" là những câu chuyện cổ, do nhân dân ta sáng tạo ra qua hàng ngàn năm lịch sử, thể hiện tâm hồn Việt Nam, bản sắc nền văn hóa Việt Nam.

- *Những câu chuyện cổ thường thể hiện tình thương người bao la mênh mông và triết lí về niềm tin "ở hiền gặp lành", đó chính là ý nghĩa sâu xa, là sự tuyệt vời của truyện cổ nước mình khiến cho nhà thơ "yêu" và quý trọng.*

- *Trong bài thơ, nhà thơ đã giúp người đọc hình dung lại những câu chuyện cổ giàu ý nghĩa nhân văn của dân tộc:*

+ Các câu chuyện “Ở hiền thì lại gặp hiền”:

+) Anh trai cây hiền lành được Phật trao cho câu thần chú: "Khắc nhập! Khắc xuất" mà lấy được vợ đẹp con nhà giàu (Truyện "Cây tre trăm đốt").

+) Người em cần cù, trung hậu được con chim phượng hoàng đền đáp "ăn một quả trà cục vàng" mà trở nên giàu có hạnh phúc; trái lại người anh tham lam mà chết chìm xuống đáy biển (Truyện "Cây khế").

+) Thạch Sanh được Tiên "độ trì" mà trở nên võ nghệ cao cường, có lắm phép thần thông biến hóa, đã giết chết Trăn tinh, bắn chết Đại Bàng, có đàn thân để lui giặc, được làm phò mã, rồi được làm vua; trái lại Lý Thông gian tham, độc ác, quỷ quyệt bị sét đánh rồi hóa thành bọ hung. Đúng như Lâm Thị Mỹ Dạ đã viết: "Ở hiền thì lại gặp hiền/ Người ngay thì được Phật tiên độ trì".

- + “Tắm Cám” (Thị thơm thì giầu người thơm/ Chăm làm thì được áo cơm của nhà).
- + “Đẻo cày giữa đường” (Đẻo cày theo ý người ta sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì).
- + “*Sự tích trầu cau*” (Đậm đà cái tích trầu cau/ Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người).

- Qua những từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ, người đọc đã liên tưởng đến những câu chuyện cổ mà nhà thơ đã nhắc đến trong tứ thơ của mình. Những câu chuyện cổ giàu giá trị nhân văn ấy đã in hằn sâu đậm trong suy nghĩ, trong trái tim của nhà thơ, bộ vậy mà ngay câu thơ đầu tiên, Lâm Thị Mỹ Dạ đã bộc lộ tình cảm trực tiếp “Tôi yêu chuyện cổ nước tôi”. Tác giả yêu những câu chuyện cổ của nước Việt, bởi truyện nước mình giàu lòng nhân ái và ý nghĩa phản ánh cuộc sống rất sâu xa. Giúp thế hệ sau tiếp nhận được những phẩm chất quý báu của cha ông như lễ công bằng, sự thông minh lòng độ lượng tình nhân ái bao la... Đồng thời những câu chuyện cổ đã bồi dưỡng cho chúng ta những phẩm chất tốt đẹp cần có trong cuộc sống như: lòng nhân hậu - lòng vị tha, lòng độ lượng bao dung, chăm chỉ, chuyên cần và ăn ở hiền lành phúc đức, như nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ viết: “Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa”.

2. Ý nghĩa của những câu chuyện cổ đối với tác giả

- Những câu chuyện cổ nước mình đã trở thành hành trang tinh thần, đem đến cho nhà thơ nhiều sức mạnh để vượt qua mọi thử thách "nắng mưa" trong cuộc đời, để đi tới mọi miền quê, mọi chân trời xa xôi đẹp đẽ: "Mang theo chuyện cổ tôi đi/ Nghe trong cuộc sống thâm thì tiếng xưa./ Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa/ Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi".
- Chuyện cổ là nhân chứng, sự lưu giữ những lời căn dặn, những suy nghĩ của ông cha. Là cái còn lại, còn mãi dấu ông cha có đi xa, dấu đời ông cha với đời tôi/ Như con sông với chân trời đã xa, (Chân trời đã xa: khó để nắm bắt được nữa, con sông: dòng chảy, sự tiếp nối).
- Tình yêu chuyện cổ không những là tình yêu sự nhân văn, bao dung, nhân hậu, mà còn là yêu quê hương, tổ tiên, đất nước, yêu những giá trị tinh thần truyền thông “Chỉ còn chuyện cổ thiết tha/ Cho tôi nhận mặt ông cha của mình”. Chuyện cổ dân gian chính là nhịp cầu nối liền bao thế hệ, là sự kết tinh những vẻ đẹp tình cảm, tư tưởng của người xưa. Đọc những câu chuyện cổ, nhà thơ như được gặp lại cha ông của mình, những con người đã làm nên lịch sử, vóc dáng của dân tộc.
- Chuyện cổ nước mình hàm chứa bao bài học quý báu, đó là bài học về đạo lí làm người: sống phải chân thật chân thành, phải chăm làm, siêng năng, phải có trí tuệ đừng a dua. Tác giả gợi lên thật khéo truyện "Tắm Cám", truyện "Đẻo cày giữa đường", ... để nói về những bài học do ông cha gửi lại "đời sau" qua những câu chuyện cổ: "Thị thơm thì giầu người thơm/ Chăm làm thì được áo cơm của nhà Đẻo cày theo ý người ta/ Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì".
- Những câu chuyện cổ chính là những lời răn dạy của cha ông đối với đời sau. Qua những câu chuyện cổ ám áp tình người, tình quê hương, đất nước ấy, ông cha dạy con cháu cần sống nhân hậu, độ lượng, công bằng, chăm chỉ, biệt trong nghĩa tình, sống ân nghĩa thủy chung: “Tôi nghe chuyện cô thâm thì/ Lời ông

cha dạy cũng vì đời sau Đậm đà cái tích trầu cau/ Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người”. Những câu chuyện cổ dân gian là sự kết tinh những vẻ đẹp tình cảm, tư tưởng của người xưa truyền lại cho con cháu đời sau, cần gìn giữ, trân trọng những bài học được gửi gắm qua mỗi câu chuyện.

(HS có thể phân tích ý nghĩa của các từ, câu thơ giàu ý nghĩa để làm nổi bật được tình cảm của nhà thơ đối với những câu chuyện cô nước mình, cũng như hiểu sâu sắc hơn giá trị nhân văn mà ông cha ta gửi gắm qua những câu chuyện cô: “thầm thì, thủ thi, tâm tình, nói nhỏ nhưng bên bí “chuyện cô thâm thì”: mạch nguồn âm ỉ bên bí. "Lời ông cha dạy cũng vì đời sau sống vì đời sau sự yêu thương của thế hệ trước dành cho thế hệ sau... mạch nguồn của truyền thống *nhân đạo, nhân văn, đạo lí làm người của dân tộc* được tiếp nối qua từng thế hệ...).

- Những câu chuyện cổ “vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm”: câu chuyện không bao giờ cũ, là viên ngọc vẫn tiếp tục tỏa sáng trong cuộc sống hiện tại. Những bài học từ những câu chuyện cổ vẫn tiếp tục tỏa sáng trong cuộc sống hiện tại của dân tộc không chỉ lưu giữ mà còn truyền gửi thông điệp cho thế hệ sau. Dù là cổ tích, truyện ngụ ngôn, tục ngữ hay ca dao đều bộc lộ khát vọng, gửi gắm một bộ của cha ông. Đặc biệt, trong thời đại mà con người chạy đua với thời gian để phát - thì những bài học ấy càng ngời sáng, khiến con người sống chậm lại, suy tư và điều chỉnh bản thân.

3. Đánh giá khái quát

Bài thơ “Chuyện cô nước mình” của Lâm Thị Mỹ Dạ viết bằng thể thơ lục bát âm điệu nhẹ nhàng, mang màu sắc ca dao, dân ca. Qua bài thơ, tác giả ca ngợi truyện cổ của nước mình mang nhiều ý nghĩa sâu xa, chứa đựng bao bài học quý báu của ông cha truyền lại cho con cháu đời sau. Bài thơ đã giúp mỗi tuổi thơ chúng ta yêu thêm truyện cổ của đất nước mình, dân tộc mình.

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị chủ đề đọc – hiểu: Quê hương yêu dấu

=====

Ngày dạy: 20/10/2022

BUỔI :8

ÔN TẬP VĂN BẢN CHỦ ĐỀ : Quê hương yêu dấu

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Tình yêu quê hương đất nước, lòng yêu mến tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên hay vẻ đẹp tinh thần mà các tác giả thể hiện qua các văn bản.
- Tập viết cảm nhận một bài thơ lục bát.
- Học sinh chia sẻ suy nghĩ của mình về các vấn đề liên quan chủ đề đã học.

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Bước đầu biết viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ lục bát.

3. Phẩm chất:

- Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hoá truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, STK.

- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

Văn bản CÂY TRE VIỆT NAM (THÉP MỚI)

I. TÁC GIẢ.

- Thép Mới (1925-1991), tên khai sinh là Hà Văn Lộc, ông sinh ra ở thành phố Nam Định.

- Ông là một nhà văn nổi tiếng tại Việt Nam, chuyên viết về đề tài Chiến tranh Đông Dương và Chiến tranh Việt Nam.

Thép Mới viết báo, viết văn từ thời còn là sinh viên trường Luật. Anh sinh viên Hà Văn Lộc đã viết những bài đầu đời của mình đăng trên các báo Tư Trị, Gió Mới của Tổng hội sinh viên trước Cách mạng Tháng Tám. Tham gia hoạt động cách mạng và thời kỳ bí mật, sau Tổng khởi nghĩa, ông được điều động về công tác tại cơ quan báo của Trung ương Đảng liên tục đến khi đột ngột từ trần. Bút danh Thép Mới do đồng chí

Chinh, Tổng Bí thư Đảng trực tiếp phụ trách báo Cờ Giải Phóng, đặt cho. Ông còn có bút danh khác là Phụng Kim, Hồng Châu.

Tháp Mới là một tài năng hiếm có, một nhà báo tài ba: ngoài báo chí, Thép còn viết nhiều bút kí, thuyết minh phim...

Tác phẩm của ông giàu chất trữ tình, cảm hứng nổi bật là ca ngợi tinh thần) nước của nhân dân ta.

- Một số tác phẩm tiêu biểu như: *kháng chiến sau lũy tre, trên đồng lúa (1947), ý nghĩ người phóng viên kháng chiến (1948), Trách nhiệm (1951)*

* Một số nội dung liên quan đến nhà văn Thép Mới, GV cần cung cấp khi ôn HSG:

- Hàng loạt bài báo của Thép Mới được viết với một bút pháp hoàn toàn mới Tin nhanh, chất văn hiện đại, tinh thần phơi phới, lạc quan, với giọng điệu sinh động, tươi trẻ. Đọc những bài báo ấm áp hơi thở cuộc sống chiến đấu ấy, người đọc thấy hiện lên, trong khung cảnh kháng chiến ở khắp mọi vùng, nhân dân và bộ đội ta từ đồng bằng đến rừng núi đã lao động và chiến đấu oanh liệt như thế nào. Những bài báo lâu Hai người dù trong thiếu thốn vất vả gian khổ hiểm nguy vẫn vững vàng tin vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến trường kỳ.

- Rực rỡ nhất trong các văn phẩm Thép Mới là Cây tre Việt Nam. Văn phẩm này được coi là một trong những áng văn hay nhất của văn chương đương đại Việt Nam, được đưa vào sách giáo khoa từ rất sớm. Suốt mấy thập niên này, hàng triệu học sinh các thế hệ thuộc lòng đoạn mở đầu thiên trang ca này: "Đất nước ta có muôn ngàn cây lá khác nhau, cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quý, nhưng

thân thuộc nhất vẫn là tre nứa. Nứa Đồng Nai, tre Việt Bắc, tre ngút ngàn Điện Biên Phủ, lũy tre thân mật làng tôi". Thép Mới ca ngợi chiến công của cây tre xưa cũng như nay, mỗi khi tổ quốc lâm nguy, đã cùng nhân dân ta đánh giặc, và ghi công tre: "Muôn ngàn đời ghi nhớ chiếc gậy tầm vông đã dựng nên Thành đồng Tổ quốc, và sông Hồng bắt khuất có cái chông tre". Cây tre quen thuộc thân thiết xanh các làng quê, tre thành các vật dụng trong đời sống thường ngày của tất cả mọi người...

- Sinh thời, Thép Mới thường nói với các phóng viên mới vào nghề: "Viết phải có văn, văn phải có hồn, nghĩa là phải có tình cảm. Nhưng chưa đủ, riêng với mình còn phải có nhạc nữa". Ngòi bút Thép Mới đã thể hiện được điều đó nhuần nhuyễn nhất trong Cây tre Việt Nam. Thiên tráng ca lộng lẫy chất chiến đấu và chất trữ tình này, Thép Mới đã thả hồn mình vào các câu văn đoạn văn, rung lên điệu nhạc lúc hào hùng, lúc dịu êm lời cuốn, quyến rũ tất cả người đọc. "Đây là tuyệt bút của Thép Mới", sự đánh giá này chính xác.

II. TÁC PHẨM

1. Hoàn cảnh ra đời

Bài “Cây tre Việt Nam” sáng tác năm 1955, là lời bình cho bộ phim cùng tên của nhà điện ảnh Ba Lan. Bộ phim thông qua hình ảnh cây tre thể hiện vẻ đẹp của đất nước và con người Việt Nam, ca ngợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta.

2. Thể loại

- Bút ký chính luận trữ tình, giới thiệu phim tài liệu;
- Phương thức biểu đạt: miêu tả kết hợp biểu cảm.

3. Bố cục: 3 phần.

- Phần 1 (từ đầu đến “chí khí như người”): Giới thiệu chung về cây tre.
- Phần 2 (tiếp đó đến “tiếng hát giữa trời của trúc, của tre”): Sự gắn bó của cây với con người trong lao động sản xuất và chiến đấu.
- Phần 3 (còn lại): Tre vẫn còn mãi với đất nước trong tương lai.

4. Đại ý.

“Cây tre Việt Nam” nói lên sự gắn bó thân thiết, lâu đời của tre với đời sống người Việt trong lao động, sản xuất, chiến đấu. Cây tre mang những phẩm chất quý của con người Việt Nam như ngay thẳng, nhũn nhặn, thủy chung, can đảm. Cây tre Việt Nam mãi gắn bó, đồng hành với người Việt trong tương lai.

5. Giá trị nội dung

Cây tre là người bạn thân thiết, lâu đời của người nông dân và nhân dân Việt Nam. Cây tre có vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu. Cây tre đã trở thành một biểu tượng của đất nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam

6. Giá trị nghệ thuật

- Sử dụng chi tiết, hình ảnh chọn lọc mang ý nghĩa biểu tượng.
- Sử dụng rộng rãi và thành công phép nhân hóa.
- Lời văn giàu cảm xúc và nhịp điệu.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH

1. Giới thiệu chung về cây tre

- Ngay từ những câu văn mở đầu tác giả đã khẳng định tre là người “bạn thân của nông dân Việt Nam, của nhân dân Việt Nam”. Câu văn như một lời khẳng

định chắc nịch về mối quan hệ gắn bó chặt chẽ, lâu bền của tre với con người. Để làm nổi bật với trò, ý nghĩa của tre, tác giả đã đặt nó trong muôn ngàn cây cối khác nhau, nhưng tre luôn giữ một vị trí đặc biệt quan trọng: “Nước Việt Nam xanh muôn ngàn cây lá khác nhau. Cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quý, nhưng thân thuộc nhất vẫn là tre nứa”. Câu văn nhịp nhàng kết hợp với biện pháp liệt kê đã cho thấy sự thân thuộc, gần gũi của tre với đời sống con người. Chỉ với ba câu văn, tác giả đã thuyết phục được chúng ta ở sự trân trọng, nâng niu (cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quý) nhưng là nhằm nhấn mạnh về quan hệ “thân thuộc nhất” với con người thì không gì bằng nứa bằng tre.

- Để tránh sự ngộ nhận, chủ quan, với cách viết dụng công và tâm huyết, ông trưng bày một hệ thống hình ảnh trùng điệp, liên hoàn có ấn tượng thị giác rất cao: “Tre Đồng Nai, nứa Việt Bắc, tre ngút ngàn Điện Biên Phủ, luỹ tre thân mật làng tôi...”. Nó hình dung cách viết này như một thứ ống kính quay phim, ta có một cái nhìn ở hai cô 46. viễn cảnh và cận cảnh, từ xa đến gần. Riêng hình ảnh cận cảnh (luỹ tre thân mật làng tôi) làm chúng ta không khỏi bồi hồi. Ấy là chưa nói sự cất cánh của lời văn bản nhạc một giai điệu say sưa ở sự cân đối, hài hoà. Nếu tách nhịp, chúng ta có kết cấu 3 5-6. Ngôn ngữ âm, nhạc điệu âm - từ cảm xúc vang lên như những bài thơ. Mạch cảm xúc dồi dào còn vắt xuống ý tiếp theo để đi vào phẩm chất.

- Nhà văn Thép Mới khẳng định những vẻ đẹp phẩm chất của tre: “mọc thẳng, ở đâu tre cũng xanh tốt, dáng tre mọc mướt, màu tre nhũn nhặn, cứng cáp, dẻo dai, vững chắc...”. Câu văn diễn đạt nhịp nhàng, cân đối tựa như một lời hát. Văn với phép so sánh, với lối văn trùng điệp, những nhịp điệu hài hoà, ta thấy hình tượng cây tre độc đáo hiện ra với lòng ham sống và sức sống dồi dào: “Vào đâu tre cũng sống, ở đâu tre cũng xanh tốt”, và từ cái gốc ấy, nó tự vun trồng những nét đặc trưng : mọc mướt, nhũn nhặn, cứng cáp, dẻo dai, thanh cao, chí khí. Quen thuộc với con người, lại “chỉ khi hơn người, cây tre còn độc đáo ở sự hoá thân. Nó là cốt cách người và chỉ con người Việt Nam mới có. Đọc câu văn ấy ta thấy đường biên phân định giữa cây tre với con người không còn chia tách rạch ròi được nữa.

2. Sự gắn bó của cây tre với con người trong lao động sản xuất và trong chiến đấu

2.1. Sự gắn bó của cây tre với con người trong lao động sản xuất

Không chỉ mang những phẩm chất đẹp đẽ của con người Việt Nam, tre còn gắn liền với đời sống dân tộc. Tác giả bắt đầu sự gắn bó đó bằng việc trích dẫn câu thơ của Tố Hữu: “Bóng tre trùm mát rượi”. Đây là câu nổi, khơi gợi sự gắn bó khăng khít giữa người và tre.

- Dưới “bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn, hiện ra toàn bộ đời sống con người từ ăn, ở, làm việc, tập quán, phong tục, buồn vui, từ dựng nhà dựng cửa, lấy vợ lấy chồng, sinh ra và mất đi” tre với mình, sống có nhau, chết có nhau chung thủy”. Trong đoạn văn quan trọng này, về cấu trúc có sự kết hợp đan cài giữa chiều ngang và chiều dọc. Về chiều ngang, ta nhận ra thấp thoáng mái chùa cổ kính, nền văn hoá nông trang, những công việc hằng ngày, cả những nhọc nhằn gian khổ, xay, giã của con người Việt trong lao động. Tre chẻ lạt gói bánh chưng mỗi lần tết đến, tre là niềm vui của tuổi thơ (các em bé còn có đồ

chơi gì nữa ngoài mấy que chuyền đánh chặt bằng tre), phút khoan khoái của tuổi già ..., tre đã chia sẻ với người khăng khít, thủy chung. Còn về chiều dọc, nhằm gắn kết, gia cố sự bền chặt, tác giả đã nhấn mạnh yếu tố thời gian : "mái đình cô kính", "nền văn hoá lâu đời", "đã từ lâu", "đời đời kiếp kiếp", "đã mấy nghìn năm". Đó chính là chiều dài bốn nghìn năm lịch sử. Riêng về yếu tố văn hoá, nếu nghĩ cho sâu, nó không chỉ thể hiện bằng chất liệu vật thể mà còn có cả nền văn hoá phi vật thể. Đó là những câu hát, những tâm sự, cách so sánh ví von.

- Cây tre vất vả mãi với người “Cối xay tre nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc”. Tre luôn gắn bó thân thiết với cuộc sống lao động của người nông dân. Những khó khăn, gian khổ, vất vả của con người đều được tre sẻ chia. Tre là người nhà, khăng khít với đời sống hằng ngày của con người. Tre trở thành người bạn tri kỉ của người dân lao động.

- Không chỉ thế, tre còn buộc chặt những tình cảm chân quê. Từ tuổi ấu thơ, tre là nguồn vui trong mỗi trò chơi dân gian chơi chuyên, đánh thẻ. Lúc trưởng thành, tre bên nường, khi về già, tre lại là bạn tâm giao trong chiếc điều cày khoan khoái. Tre chung thủy với người như dân làng thủy chung, gắn bó với quê hương mình vậy: Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay, nằm trên giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau, chung thủy”. Những hình ảnh nhân hóa đã làm tăng thêm tính gần gũi, thân quen của tre với nhân dân.

2.2. Sự gắn bó của cây tre với con người trong chiến đấu

- Cảm hứng chính của đoạn văn được khơi dậy từ hình ảnh: “Nhu tre mọc thẳng, An người không chịu khuất” một mặt tô đậm đặc điểm của tre nhưng đằng sau đó là lời ca ngợi ý chí kiên cường, bất khuất của dân tộc ta. Trước mưa bom, bão đạn của kẻ thù, cả tre và người không chịu khuất phục, tre giúp sức người: “gậy tre, chông tre chống lại sắt thép quân thù”.

- Tác giả đã khẳng định vai trò, vị trí của cây tre trong công cuộc giữ nước. Vì sự bất khuất, can trường vốn cũng là một thuộc tính của tre. Tác giả có nhắc tới ý của người xưa: "Trúc đầu cháy, đốt ngay vẫn thẳng" - ngay thẳng vốn là khí tiết, là cách ứng xử của trúc, của tre. Tiếp theo, tác giả đã sử dụng hàng loạt hình ảnh nhân hóa: “Tre là thẳng thắn, bất khuất!...tre là đồng chí chiến đấu của ta. Tre vốn cùng ta làm ăn, lại vì ta mà cùng ta đánh giặc” vừa tôn vinh giá trị của tre vừa làm sống dậy những năm tháng chiến tranh ác liệt mà hào hùng của dân tộc.

- Không chỉ thế, tre còn là vũ khí giúp nhân dân ta đánh giặc. Dân tộc Việt Nam ta muôn đời vẫn còn nhớ đến “chiếc gậy tầm vông đã dựng nên Thành đồng Tổ quốc

- Trong cuộc kháng chiến của dân tộc, tre trở thành một biểu tượng của người anh hùng hiên ngang, bất khuất, kiên cường, dũng cảm: "Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người". Tư thế của tre là lăn xả vào cái ác dù cái ác mạnh đến chừng nào để giữ gìn non sông, đạo lí và cũng là để chung thủy với phẩm chất của tre. Để tổng kết vai trò lớn lao của cây tre đối với đời sống con người và dân tộc Việt Nam, tác giả đã khái quát: “Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng

chiến đấu!”. Ở đoạn văn này, nhà văn Thép Mới đã sử dụng thành công biện pháp nhân hóa, điệp từ ngữ, thủ pháp liệt kê để nhấn mạnh vai trò, tầm quan trọng của cây tre trong công cuộc kháng chiến bảo vệ quê hương, đất nước. Tre tượng trưng cho khí phách, tâm hồn của người dân Việt Nam.

- Ở đây, một lần nữa yếu tố trữ tình lại được phát huy. Nhưng ở đoạn này nó còn gắn liền với tính chính luận. Để liên kết với đoạn trên cũng là để làm hiện lên một chân dung nguyên khối của cây tre, người viết luôn luôn lưu ý : "Ta kháng chiến, tre lại là đồng chí chiến đấu của ta. Tre vốn cùng ta làm ăn, lại vì ta mà cùng ta đánh giặc". Và kì lạ thay, nếu ở đoạn trên, chiếc cối xay tre là biểu tượng về cuộc đời lam lũ, sự chịu đựng đến mức bền bỉ, dẻo dai thì đến đây, vẫn là cây tre nhũn nhặn ấy, nó nhọn hoắt mũi tầm "ông với sức mạnh của Thánh Gióng năm nào đuổi giặc Ân cứu nước.

Như vậy, trong lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc, cây tre càng gắn bó khăng khít, chặt chẽ hơn với con người Việt Nam. Từ truyền thuyết cây tre đằng ngà cùng anh hùng làng Gióng đánh tan giặc Ân, đến câu ca dao: “Trồng tre nên gậy, gậy đâu đánh què!” cho tới cuộc kháng chiến chống Pháp... cây tre rất xứng danh anh hùng bất khuất, như dân tộc Việt Nam bất khuất anh hùng.

3. Vị trí của tre đối với đất nước trong tương lai

- Đoạn cuối của bài văn là một phác thảo về cây tre trên con đường đi tới để liên kết giữa hiện tại, quá khứ với tương lai. Đây mới là những dự cảm. Và, tuy mới chỉ là dự cảm, nhưng vì nói đến tương lai, nó thật là náo nức: "Nhạc của trúc, nhạc của tre là khúc nhạc của đồng quê. Nhớ một buổi trưa nào, nồm nam cơn gió thổi...". Sử dụng văn chương như một thứ nhạc nền nhằm thuyết minh thì sức thuyết phục của nó có cả từ lời lẫn nhạc.

- Tác giả viết "tre già măng mọc", nối liền với tâm hồn trẻ thơ bây giờ, và cả những ngày mai sắp tới. Và có lẽ vì là nhạc của trúc, của tre của thời đại mới, nó không còn là lời ca của những mối tình quê cái thuở ban đầu, nó là tiếng hát của lớp trẻ thơ măng mọc thẳng: Điều bay, điều lá tre bay lưng trời... Sáo tre, sáo trúc vang lang trời... Đó là lời của tre, trúc hay là lời của một thời đại đang bay mà phơi phới, rộn ràng, khớp khớp? Hồi kết của đoạn văn vừa là khúc tâm tình vừa khơi gợi lời nhắn nhủ: "Các em, các em rồi đây lớn lên...". Cây tre vật chất Việt Nam dĩ nhiên không thay thế được xi măng, sắt thép, nhưng người bạn son sắt thủy chung ấy ít nhất cũng là một nhân chứng chia vui. Còn "cây tre tinh thần" vẫn là bóng mát, là khúc nhạc tâm tình, là công chào thắng lợi. Nó vẫn bền chặt với con người, còn tri kỷ, tri âm mãi mãi.

- Câu văn chính luận cuối cùng như một khẳng định bất tử: "Cây tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam". Nghĩa là cây tre với những phẩm chất quý báu của nó lưu giữ biết bao giá trị lịch sử, giá trị văn hoá, tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam vẫn còn mãi với các thế hệ Việt Nam hôm nay và mai sau, với bao niềm tự hào và kiêu hãnh.

4. Những đặc sắc về nghệ thuật của văn bản “Cây tre Việt Nam”

- Trước hết người đọc dễ dàng nhận ra văn bản "Cây tre Việt Nam" có phẩm chất văn chương hơn báo chí dù tác giả của nó là nhà báo hơn một nhà văn. Phẩm chất văn chương biểu hiện cái nền của cảm xúc dồi dào, tình yêu nồng

niệt trước con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam mà cây tre là biểu tượng tuyệt vời. Tình cảm ấy cộng với những tri thức văn hoá, văn chương đã tìm đến những hình ảnh, những nhạc điệu như một thi nhân để thổ lộ, giải bày, diễn tả. Tuy nhiên, là một tuỳ bút chính luận, dù muốn dù không, bài văn có một tổ chức phân đoạn, phân ý rõ ràng. Cái khéo của nhà văn là tạo được mối liên kết cả bên ngoài và cả bên trong của nó. Bài văn có được sự liên mạch câu nọ nối liền câu kia, ý trên với ý dưới như dòng chảy một con sông. Đây là một chỉnh thể nghệ thuật.

Giá trị nghệ thuật chủ yếu của bài văn là chất thơ văn xuôi của nó. Chất thơ ấy thể hiện trên hai mặt, một là những hình ảnh táo bạo, phong phú và hai là nhạc điệu đặc biệt của câu về hình ảnh độc đáo, người viết tạo ra bằng biện pháp nhân hóa trong nhiều trường hợp. Thực ra cái cách này không mới. Ca dao từng đã có câu: "giã ơn cái cối cái chày", "Giã ơn cái cọc bờ ao". Nhưng sáng tạo của Thép Mới là sử dụng biện pháp ấy một cách tối đa, có hệ thống và đầy hiệu quả: "Tre với người như thế đã mấy nghìn năm...". Sự xuyên suốt theo kiểu tính đếm ấy sâu nặng nhân tình như một thứ lạt mềm buộc chặt để ai đó trong chúng ta chỉ cần thao thức một chút là không khỏi rung rung về cái nơi sinh thành gốc đa, giếng nước. Còn về nhạc điệu của lời văn, có gì xao xuyến hơn những câu văn đầy tính hoà thanh của bằng trắc, của cách ngắt nhịp khi dồn dập trào dâng, lúc lắng sâu, nỉ non, thủ thủ; lúc trầm tự như chiêm ngưỡng một bức tranh thuốc nước: "Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình mái chùa cổ kính"

- Bài ký bên cạnh sử dụng lớp ngôn ngữ giàu chất thơ với nhịp điệu phong phú biến hoá linh hoạt, phù hợp với nội dung bài viết thì hệ thống điệp từ, điệp ngữ, Chia làm " nhiều câu văn ngắn cũng góp phần thể hiện chủ đề, tư tưởng của bài văn giúp I899 đọc hình dung được không khí sục sôi, hào hùng trong những năm tháng chống Pháp.

- Không chỉ vậy, góp phần tạo nên sự thành công cho văn bản còn phải kể đến những lời bình giàu hình ảnh, gợi ra khung cảnh làng quê êm đềm. Giọng điệu dịu dàng kết hợp với các câu văn trữ tình (ca dao, câu thơ) hòa quyện với nhau tựa như một khúc hát ru tha thiết. Tất cả đã góp phần tạo nên sự thành công cho tác phẩm.

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị chủ đề đọc – hiểu: Những nẻo đường xứ sở.

=====

Ngày dạy: 24/10/2022

BUỔI 9:

ÔN TẬP VĂN BẢN CHỦ ĐỀ : *QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU*

I/MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hiểu được các tri thức ngữ văn của các bài kí (hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôn thứ nhất của du kí);
- Nhận biết được vẻ đẹp của cảnh và người Cô Tô. Vẻ đẹp của cảnh Cô Tô: tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt; vẻ đẹp của con người Cô Tô: sống cùng

sự kì vĩ mà khắc nghiệt của thiên nhiên, bền bỉ và lặng lẽ bám biển để lao động sản xuất và giữ gìn biển đảo quê hương;

- HS nhận biết được vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Vẻ đẹp đó khiến con người vừa ngỡ ngàng vừa thần phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người;

2. Năng lực:

- Phân tích được các đặc điểm của du kí thể hiện qua hình thức ghi chép, ngôi kể, trình tự kể;

3. Phẩm chất:

- Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- KHBD, STK

2. Chuẩn bị của HS: STK, vở ghi,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

VĂN BẢN: CÔ TÔ (Nguyễn Tuân)

I/ Tác giả

- Nguyễn Tuân (1910-1987), quê ở Hà Nội

- Ông là nhà văn nổi tiếng, có sở trường về thể tùy bút và kí

- Phong cách sáng tác: tác phẩm của ông luôn thể hiện phong cách độc đáo, tài hoa, sự hiểu biết phong phú về nhiều mặt và vốn ngôn ngữ giàu có, điêu luyện

II. Tác phẩm

1. Xuất xứ

Bài văn “Cô Tô” là phần cuối của bài kí Cô Tô – tác phẩm ghi lại những ấn tượng về thiên nhiên, con người lao động ở vùng đảo Cô Tô mà nhà văn thu nhận được trong chuyến ra thăm đảo.

2. Thể loại: Kí

3. Phương thức biểu đạt: Tả sự kết hợp với miêu tả.

4. Giá trị nội dung

Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người trên vùng đảo Cô Tô hiện lên thật trong sáng và tươi đẹp. Bài văn cho ta hiểu biết và yêu mến một vùng đất của Tổ quốc – quần đảo Cô Tô

5. Giá trị nghệ thuật

- Ngôn ngữ điêu luyện, độc đáo

- Miêu tả tinh tế, chính xác, giàu hình ảnh và cảm xúc

- Sử dụng nghệ thuật so sánh, nhân hóa, ẩn dụ,...

III. Định hướng phân tích:

1. Vẻ đẹp trong sáng, tươi trẻ của đảo Cô Tô sau khi trận bão đi qua:

- Sử dụng tính từ chỉ màu sắc và ánh sáng có sức gợi mạnh mẽ: trong trẻo, sáng sủa, xanh mượt, lam biếc, vàng giòn.

- Lựa chọn những cảnh sắc tiêu biểu để gợi ra khung cảnh của Cô Tô sau bão:

Bầu trời, nước biển, cây trên núi, bãi cát, cho người đọc những hình dung cơ bản nhất về bức tranh mà Nguyễn Tuân định tái hiện - đảo Cô Tô sau bão.

- Thiên nhiên nơi đây ngập tràn sức sống với hình ảnh "cây trên núi lại thêm xanh mượt", màu "lam biếc" đậm đà của nước biển, và sự "vàng giòn" của cát, đem đến một bức tranh khoáng đạt, trong trẻo, với những gam màu nhẹ nhàng, thanh sạch.

- Sự chuyển đổi cảm giác từ thị giác với những gam màu xanh, vàng sang vị giác với các tính từ "đậm đà", "giòn", bộc lộ những cảm nhận tinh tế, sâu sắc của Nguyễn Tuân về vẻ đẹp độc đáo, thanh khiết vô cùng nơi đảo xa.

2. Vẻ đẹp của cảnh bình minh trên đảo Cô Tô:

- Hình ảnh mặt trời mọc được đặt trong một khung cảnh rộng lớn, khoáng đạt và trong trẻo với hình ảnh so sánh hết sức độc đáo "*Sau trận bão chân trời, ngấn bể sạch như một tấm kính lau mây hết bụi*".

- Cảnh bình minh trong Cô Tô cũng được Nguyễn Tuân miêu tả một cách đặc biệt "*Mặt trời tròn trĩnh phúc hậu ... nước biển ửng hồng*" => chuyển đổi cảm giác => chân thực, mặt trời trở nên gần gũi, với vẻ đẹp âm áp "phúc hậu" và thân thuộc với con người.

- Sử dụng các tính từ "tròn trĩnh", "phúc hậu", "đầy đặn", "hồng hào", "thăm thẳm" đã đem đến cho người đọc những cảm nhận rõ nét về dáng hình của mặt trời buổi bình minh.

- Ví sự xuất hiện của mặt trời tựa như một "mâm lễ" quý giá thiêng liêng, một món quà mà tạo hóa hoan hỉ ban tặng cho con người để mừng sự "trường thọ".

- Tô điểm thêm cho quang cảnh bình minh rực rỡ là sự xuất hiện của vài "chiếc nhạn", của cánh hải âu là là, gợi cảm giác thanh bình, chậm rãi nơi biển khơi.
=> Nguyễn Tuân đã thực sự tinh tế và khéo léo khi chọn lọc những từ ngữ và hình ảnh so sánh vô cùng chính xác để đặc tả mặt trời, từ đó làm nổi bật lên vẻ đẹp tráng lệ, rực rỡ và hùng vĩ của bình minh nơi đây.

3. Vẻ đẹp của con người:

- Cảnh sinh hoạt được mở ra xoay quanh cái giếng nước ngọt ở rìa đảo rồi mở rộng ra cảnh con thuyền chuẩn bị ra khơi cùng cảnh dân chài gánh nước ngọt từ giếng xuống thuyền.

- Cảnh sinh hoạt ở giếng nước ngọt, vui vẻ tấp nập như một cái bến, tuy nhiên lại "đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền", gợi cho người đọc những hình dung sơ lược về tính cách của người dân đảo Cô Tô, náo nhiệt, sôi động nhưng hiền hòa, phóng khoáng.

- Cảnh lao động vừa tấp nập, khẩn trương:

+ "Cái giếng nước ngọt đảo Thanh Luân sớm nay không biết có bao nhiêu người đến và múc".

+ "Từ đoàn thuyền sắp ra khơi đến cái giếng ngọt, thùng và cong gánh nối tiếp nhau đi đi về về".

=> Tái hiện một khung cảnh con người chăm chú lao động, miệt mài với công việc không ngừng nghỉ, cũng làm nổi bật sự đông đúc và dòi dào của giếng nước ngọt với hình ảnh đoàn người nối tiếp nhau "đi đi về về" múc nước đổ lên thuyền chuẩn bị ra khơi.

- Cảnh sinh hoạt của đảo Cô Tô với dáng vẻ thanh bình, chậm rãi trong hình ảnh

chị Châu Hòa Mãn dịu con mà tác giả "thấy nó dịu dàng và yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành".

IV. Luyện đề

Dựa vào văn bản Cô Tô (Nguyễn Tuân), em hãy viết bài văn miêu tả cảnh bình minh và cuộc sống sinh hoạt của người dân ở vùng biển đảo này.

Gợi ý làm bài

1. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả Nguyễn Tuân và tác phẩm “Cô Tô”
- Giới thiệu bức tranh mặt trời mọc và cảnh sinh hoạt của người dân vùng biển đảo này.

Có thể viết đoạn mở bài như sau:

Mỗi người có một sở thích riêng, bạn thích ngắm cảnh sông nước hiền hòa chảy, bạn thích ngắm cánh đồng lúa xanh... Còn riêng em, em lại thích ngắm nhìn cảnh mặt trời mọc trên biển. Hình ảnh mặt trời mọc trên biển vào buổi sáng đẹp trời trong văn bản Cô Tô của nhà văn Nguyễn Tuân đã để lại trong em một sự hào hứng kì lạ.

2. Thân bài:

a. Cảnh mặt trời mọc trên đảo:

- Khi bầu trời còn ướt đầm sương đêm, màn sương mỏng manh, mờ mờ, ảo ảo như bao trùm cả mặt biển, không nom thấy đảo xa chỉ thấy một màu trắng đục. Sóng biển vỗ rì rào đều đều xô bờ cát trắng hệt như một bản tình ca không lời bất tận.

- Phía đông, ánh hồng dần dần bùng sáng, nước biển sóng sánh dần đổi màu. Chân trời ngấn bể sạch như một tấm kính lau hết mây, hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người dân chài lưới trên muôn thủa biển Đông. Chao ôi! Mặt trời mọc trên Cô Tô mới lộng lẫy, rực rỡ và tráng lệ làm sao.

b. Cảnh sinh hoạt buổi sáng của con người trên đảo Cô Tô:

- Quanh cái giếng nước ngọt ở rìa hòn đảo Cô Tô này mọi người đang tắm giặt, lấy nước ngọt gánh xuống thuyền, cảnh tượng đó còn vui vẻ hơn mọi cái chợ trong đất liền.
 - Anh hùng Châu Hòa Mãn cũng đang gánh nước cho thuyền của mình, dáng vẻ đầy phấn khởi. Anh đang chuẩn bị cho chuyến ra khơi dài ngày.
- => Cuộc sống sinh hoạt nhộn nhịp, khẩn trương, bình dị, ấm áp tình người.

3. Kết bài:

- Cảnh bình minh trên đảo Cô Tô rực rỡ
- Cảnh sinh hoạt của người dân nhộn nhịp, tấp nập, yên vui.
- Tình cảm của mình với đảo Cô Tô.

Có thể viết kết bài như sau:

Cảnh bình minh trên biển thật là đẹp, hết như một bức tranh sơn mài tuyệt mỹ. Và cuộc sống sinh hoạt của con người nơi đây cũng nhộn nhịp, đông vui, yên bình. Dù có đi đâu em cũng sẽ luôn hướng lòng mình về vùng hải đảo giàu đẹp của tổ quốc. Em còn mơ ước sẽ được đến nơi đây để chiêm ngưỡng vẻ đẹp kì diệu mà thiên nhiên ban tặng cho xứ sở Cô Tô.

VĂN BẢN: HANG ÉN (Hà My)

I. Tìm hiểu chung

1. Xuất xứ

- Văn bản trích trong trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình, 14/10/2020.

2. Bố cục: 4 phần

- Phần 1 (từ đầu cho đến “khám phá thú vị”): Giới thiệu sơ lược về hành trình khám phá Hang Én.
- Phần 2 (tiếp theo đến “giấc mộng đẹp”): Hành trình vào Hang Én.
- Phần 3 (tiếp theo đến “giấc mộng đẹp”): Vẻ đẹp của Hang Én.
- Phần 4 (đoạn còn lại): Cảm nhận của tác giả về Hang Én.

3. Thể loại: kí.

4. Giá trị nội dung

Hang Én là một bài kí kể lại cuộc hành trình khám phá hang én của nhân vật tôi. Tác phẩm đã cung cấp cho người đọc những thông tin từ khung cảnh, thảm thực vật,... vừa hùng vĩ, vừa mơ mộng của địa điểm này.

5. Giá trị nghệ thuật

Sử dụng ngôi kể thứ nhất tăng sự chân thực, trình tự miêu tả hấp dẫn, cách miêu tả thú vị cùng những thông tin chính xác.

II. Định hướng phân tích:

1. Hành trình đến với Hang Én

- Khởi đầu từ con dốc Ba Giàn dài gần 2 km.
- + Dốc cao và gập ghềnh.
- + Đường đi khó khăn: đường mòn vừa một người đi, khá trơn, nhiều chằng có cây đổ chắn ngang hoặc những vòm dây leo giăng kín.
- + Sự phong phú của sinh vật: cây cổ thụ tán cao; phong lan đang nở hoa; các loài sên, vắt, côn trùng, chim chóc...
- Đi hết dốc là tới thung lũng Rào Thương:
- + Được bao quanh bởi con suối cùng tên.
- + Con đường qua thung lũng trải theo tiếng suối.
- + Nước trong vắt, mát lạnh.
- + Dưới suối còn có làn đá cuội nơi đáy suối.
- + Những loại bướm bướm đủ màu sắc.
- => Ngõ mình đi trong một giấc mộng đẹp.

2. Vẻ đẹp của Hang Én

- Ba cửa lớn: cửa trước có 2 lớp, vòm cửa dẫn vào một “sảnh chờ” rộng rãi, cửa trong lại thấp hẹp, sát ngay dải sông ngầm đá rộng sâu quá thất lung...
- Lòng hang én:
- + Nơi rộng nhất 100m², có thể chứa hàng trăm người.

- + Trần hang cao tương đương tòa nhà 40 tầng (120m).
- + Cửa thứ 2 thông lên mặt đất như giếng trời đón khí và ánh sáng.
- + Quảng sông ngầm êm đềm trước thềm hang chính, len các hang phụ chừng 4km rồi đổ ra cửa sau.
- + Ở hang chính bờ sông cát mịn, nước mát, đáy toàn sỏi, đá đã bào nhẵn.
- Trong hang:
 - + Én: Hồn nhiên cư ngụ và chưa biết sợ con người.
 - + Bốn bên dày đặc én.
 - + Én bố mẹ tập nập đi, về, mãi móm mòi cho con; Én anh chị rập rờn bay đôi; Én con chấp chới vỗ cánh; Én thiếu niên ngủ nướng.
 - + Én xuống kiếm ăn, gãy cánh: ung dung mổ cơm trong tay con người, thản nhiên đi quanh lều.
 - + Đàn én cuối cùng về hang khi nền trời đã sẫm hẳn.
 - + Tiếng chim ríu rít như ru nhau, ru người,... đến cả đêm.
- Phía sau hang:
 - + Hàng trăm dải san hô uốn lượn tạo tầng bậc, đọng đầy nước trong.
 - + Trên dải hóa thạch sò, ốc, san hô...
 - + Nhũ đá, măng đá, ngọc động giăng đầy vách núi, sàn hang...
 - + Bóng tối trùm kín lòng hang Én thì khoảng trời phía trên cửa hang thứ hai vẫn sáng rất lâu.

3. Con người với Hang Én

- Trong lịch sử: Người A-rem ngày trước ở hang Én, trứng chim là nguồn thực phẩm của họ. Khi ra ngoài họ vẫn giữ hội “ăn én”, dấu tích của một thể hệ leo vách đá, trần hang: bàn chân mỏng, ngón dẹt.
 - Đoàn người hiện tại:
 - + Đối với nhân vật tôi, là một chuyến hành trình thú vị.
 - + Sự tương tác với động vật: đàn bướm, chú én ngủ nướng, chú én bị gãy cánh....
 - + Ai nấy nhào khỏi lều, chân trần chạy quanh sông rồi ngồi ngay bên bờ cát vực nước rửa mặt, hít căng lồng ngực không khí tinh khiết.
- => Sự hòa hợp, gắn bó của con người đối với thiên nhiên.

4. Đánh giá khái quát:

Từ sự trải nghiệm của bản thân trong hành trình khám phá Hang Én, tác giả với ngòi bút chân thực, dòng kí được kể theo trình tự thời gian và không gian hợp lí, cách miêu tả sắc nét, chọn lọc chi tiết và hình ảnh đặc sắc, văn bản đã thể hiện những cảm nhận chân thực về Hang Én (Quảng Bình) về cuộc sống nguyên thủy, hoang dã nhưng có vẻ đẹp hùng vĩ, hoang sơ, bí ẩn của thiên nhiên, thôi thúc người đọc trải nghiệm, khám phá, chinh phục.

III. Luyện đề

Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) nêu cảm nhận của em về hang Én.

Hướng dẫn làm bài:

(1) Hang Én nằm trong quần thể vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng của tỉnh Quảng Bình. Hành trình đến với Hang Én phải xuyên qua cánh rừng nguyên sinh, vượt qua nhiều đoạn dốc cao hay lội qua những con sông, suối. Nhưng vẻ đẹp của thiên nhiên nơi đây không phụ lòng những ai đã đặt chân đến mảnh đất

này. Vượt qua con dốc Ba Giàn đến với thung lũng Rào Thương được bao quanh bởi con suối cùng tên, Hang Én hiện ra trước mắt. Loài chim én đã sống trong hang hang từ rất lâu, chưa hề biết sợ con người. Những dải đá san hô uốn lượn cùng với nhũ đá, măng đá, ngọc động giăng đầy bên những vách núi...Vẻ đẹp của Hang Én gợi ra những nét đẹp hoang sơ thật hấp dẫn con người.

(2)Sau khi đọc văn bản Hang Én, tôi đã hình dung được rõ hơn về vẻ đẹp của nơi đây. Hang Én nằm tại khu vực trung tâm của Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Hành trình đến với Hang Én cũng rất khó khăn, phải xuyên qua cánh rừng nguyên sinh, vượt qua nhiều đoạn dốc cao hay lội qua những con sông, suối. Nhưng vẻ đẹp của thiên sẽ khiến du khách quên đi những mệt mỏi. Con đường dẫn vào hang Én đi qua tán rừng, dọc theo dòng sông Rào Thương uốn lượn với cảnh những chú bướm trắng bay khắp đường. Bên trong hang động, có hàng triệu con én sống như chưa hề biết sợ con người. Những dải đá san hô uốn lượn cùng với nhũ đá, măng đá, ngọc động giăng đầy bên những vách núi cũng là một điểm ấn tượng của hang động này. Hành trình khám phá Hang Én sẽ đem đến cho bạn thật nhiều trải nghiệm ấn tượng.

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị chủ đề đọc – hiểu: Quê hương yêu dấu

=====

Ngày dạy: 27/10/2022

BUỔI 10:

ÔN TẬP VĂN BẢN CHỦ ĐỀ : *QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU*

I/MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hiểu được các tri thức ngữ văn của các bài kí (hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôn thứ nhất của du kí);
- Nhận biết được vẻ đẹp của cảnh và người Cô Tô. Vẻ đẹp của cảnh Cô Tô: tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt; vẻ đẹp của con người Cô Tô: sống cùng sự kì vĩ mà khắc nghiệt của thiên nhiên, bền bỉ và lạng lẽ bám biển để lao động sản xuất và giữ gìn biển đảo quê hương;
- HS nhận biết được vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Vẻ đẹp đó khiến con người vừa ngỡ ngàng vừa thần phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người;

2. Năng lực:

- Phân tích được các đặc điểm của du kí thể hiện qua hình thức ghi chép, ngôi kể, trình tự kể;

3. Phẩm chất:

- Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- KHBD, STK

2. Chuẩn bị của HS: STK, vở ghi,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

VĂN BẢN: HANG ÉN (Hà My)

I. Tìm hiểu chung

1. Xuất xứ

- Văn bản trích trong trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình, 14/10/2020.

2. Bố cục: 4 phần

- Phần 1 (từ đầu cho đến “khám phá thú vị”): Giới thiệu sơ lược về hành trình khám phá Hang Én.

- Phần 2 (tiếp theo đến “giấc mộng đẹp”): Hành trình vào Hang Én.

- Phần 3 (tiếp theo đến “giấc mộng đẹp”): Vẻ đẹp của Hang Én.

- Phần 4 (đoạn còn lại): Cảm nhận của tác giả về Hang Én.

3. Thể loại: kí.

4. Giá trị nội dung

Hang Én là một bài kí kể lại cuộc hành trình khám phá hang én của nhân vật tôi. Tác phẩm đã cung cấp cho người đọc những thông tin từ khung cảnh, thảm thực vật,... vừa hùng vĩ, vừa mơ mộng của địa điểm này.

5. Giá trị nghệ thuật

Sử dụng ngôi kể thứ nhất tăng sự chân thực, trình tự miêu tả hấp dẫn, cách miêu tả thú vị cùng những thông tin chính xác.

II. Định hướng phân tích:

1. Hành trình đến với Hang Én

- Khởi đầu từ con dốc Ba Giàn dài gần 2 km.

+ Dốc cao và gập ghềnh.

+ Đường đi khó khăn: đường mòn vừa một người đi, khá trơn, nhiều chằng có cây đổ chắn ngang hoặc những vòm dây leo giăng kín.

+ Sự phong phú của sinh vật: cây cổ thụ tán cao; phong lan đang nở hoa; các loài sên, vắt, côn trùng, chim chóc...

- Đi hết dốc là tới thung lũng Rào Thương:

+ Được bao quanh bởi con suối cùng tên.

+ Con đường qua thung lũng trải theo tiếng suối.

+ Nước trong vắt, mát lạnh.

+ Dưới suối còn có làn đá cuội nơi đáy suối.

+ Những loại bướm bướm đủ màu sắc.

=> Ngỡ mình đi trong một giấc mộng đẹp.

2. Vẻ đẹp của Hang Én

- Ba cửa lớn: cửa trước có 2 lớp, vòm cửa dẫn vào một “sảnh chờ” rộng rãi, cửa trong lại thấp hẹp, sát ngay dải sông ngầm đá rộng sâu quá thất lung...

- Lòng hang én:

+ Nơi rộng nhất 100m 2, có thể chứa hàng trăm người.

+ Trần hang cao tương đương tòa nhà 40 tầng (120m).

+ Cửa thứ 2 thông lên mặt đất như giếng trời đón khí và ánh sáng.

- + Quãng sông ngằm êm đềm trước thềm hang chính, len các hang phụ chừng 4km rồi đổ ra cửa sau.
- + Ở hang chính bờ sông cát mịn, nước mát, đáy toàn sỏi, đá đã bào nhẵn.
- Trong hang:
 - + Én: Hồn nhiên cư ngụ và chưa biết sợ con người.
 - + Bốn bên dày đặc én.
 - + Én bố mẹ tập nập đi, về, mãi móm mòi cho con; Én anh chị rập rờn bay đôi; Én con chấp chới vỗ cánh; Én thiếu niên ngủ nướng.
 - + Én xuống kiếm ăn, gãy cánh: ung dung mổ cơm trong tay con người, thản nhiên đi quanh lều.
 - + Đàn én cuối cùng về hang khi nền trời đã sẫm hẳn.
 - + Tiếng chim ríu rít như ru nhau, ru người,... đến cả đêm.
- Phía sau hang:
 - + Hàng trăm dải san hô uốn lượn tạo tầng bậc, đọng đầy nước trong.
 - + Trên dải hóa thạch sò, ốc, san hô...
 - + Nhũ đá, măng đá, ngọc động giăng đầy vách núi, sàn hang...
 - + Bóng tối trùm kín lòng hang Én thì khoảng trời phía trên cửa hang thứ hai vẫn sáng rất lâu.

3. Con người với Hang Én

- Trong lịch sử: Người A-rem ngày trước ở hang Én, trứng chim là nguồn thực phẩm của họ. Khi ra ngoài họ vẫn giữ hội “ăn én”, dấu tích của một thể hệ leo vách đá, trần hang: bàn chân mỏng, ngón dẹt.
 - Đoàn người hiện tại:
 - + Đối với nhân vật tôi, là một chuyến hành trình thú vị.
 - + Sự tương tác với động vật: đàn bướm, chú én ngủ nướng, chú én bị gãy cánh....
 - + Ai nấy nhào khỏi lều, chân trần chạy quanh sông rồi ngồi ngay bên bờ cát vục nước rửa mặt, hít căng lồng ngực không khí tinh khiết.
- => Sự hòa hợp, gắn bó của con người đối với thiên nhiên.

4. Đánh giá khái quát:

Từ sự trải nghiệm của bản thân trong hành trình khám phá Hang Én, tác giả với ngòi bút chân thực, dòng kí được kể theo trình tự thời gian và không gian hợp lí, cách miêu tả sắc nét, chọn lọc chi tiết và hình ảnh đặc sắc, văn bản đã thể hiện những cảm nhận chân thực về Hang Én (Quảng Bình) về cuộc sống nguyên thủy, hoang dã nhưng có vẻ đẹp hùng vĩ, hoang sơ, bí ẩn của thiên nhiên, thôi thúc người đọc trải nghiệm, khám phá, chinh phục.

III. Luyện đề

Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) nêu cảm nhận của em về hang Én.

Hướng dẫn làm bài:

(1) Hang Én nằm trong quần thể vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng của tỉnh Quảng Bình. Hành trình đến với Hang Én phải xuyên qua cánh rừng nguyên sinh, vượt qua nhiều đoạn dốc cao hay lội qua những con sông, suối. Nhưng vẻ đẹp của thiên nhiên nơi đây không phụ lòng những ai đã đặt chân đến mảnh đất này. Vượt qua con dốc Ba Giàn đến với thung lũng Rào Thương được bao quanh bởi con suối cùng tên, Hang Én hiện ra trước mắt. Loài chim én đã sống

trong hang hang từ rất lâu, chưa hề biết sợ con người. Những dải đá san hô uốn lượn cùng với nhũ đá, măng đá, ngọc động giăng đầy bên những vách núi... Vẻ đẹp của Hang Én gợi ra những nét đẹp hoang sơ thật hấp dẫn con người.

(2) Sau khi đọc văn bản Hang Én, tôi đã hình dung được rõ hơn về vẻ đẹp của nơi đây. Hang Én nằm tại khu vực trung tâm của Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Hành trình đến với Hang Én cũng rất khó khăn, phải xuyên qua cánh rừng nguyên sinh, vượt qua nhiều đoạn dốc cao hay lội qua những con sông, suối. Nhưng vẻ đẹp của thiên sẽ khiến du khách quên đi những mệt mỏi. Con đường dẫn vào hang Én đi qua tán rừng, dọc theo dòng sông Rào Thượng uốn lượn với cảnh những chú bướm trắng bay khắp đường. Bên trong hang động, có hàng triệu con én sống như chưa hề biết sợ con người. Những dải đá san hô uốn lượn cùng với nhũ đá, măng đá, ngọc động giăng đầy bên những vách núi cũng là một điểm ấn tượng của hang động này. Hành trình khám phá Hang Én sẽ đem đến cho bạn thật nhiều trải nghiệm ấn tượng.

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị chủ đề đọc – hiểu: Ôn tập tiếng việt.

Ngày : 07/11/2022

BUỔI 11:

ÔN TẬP VỀ TỪ (Xét theo cấu tạo, xét về nghĩa)

A. Mục tiêu cần đạt:

- Khái niệm và đặc điểm cấu tạo của từ.
- Hiểu được đặc điểm của từ ghép, từ láy, từ mượn, từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ.

2. Năng lực

- Hiểu được nghĩa của từ là gì? Các cách giải nghĩa của từ.
- Biết cách dung từ, giải nghĩa được từ trong văn bản cụ thể.
- Viết được câu văn, đoạn văn sử dụng từ hay và đúng.
- Rèn kĩ năng làm bài tập.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, STK
- PHT
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

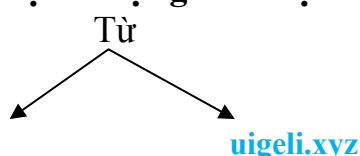
1. Ổn định:

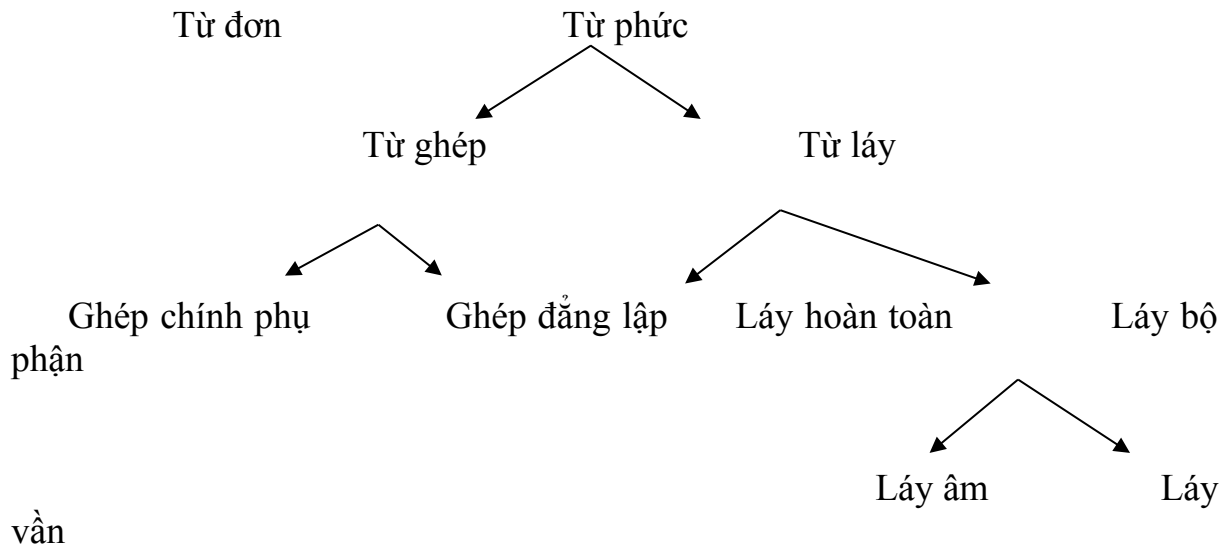
2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

I. Từ xét về cấu tạo.

Sơ đồ phân loại từ vựng theo đặc điểm cấu tạo :





1. Từ đơn: là những từ được cấu tạo bởi một tiếng. Tiếng tạo thành từ đơn phải có nghĩa.

Ví dụ: bàn, ghế, học,...

2. Từ phức:

2.1. Từ ghép

- Xét về cấu tạo thì từ ghép là từ bao gồm từ hai tiếng trở lên. Xét về mặt ngữ nghĩa thì từ các tiếng cấu tạo nên từ ghép phải tạo thành một từ có nghĩa.

- Từ định nghĩa trên người ta phân từ ghép thành hai loại đó là từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập, khá dễ dàng để phân biệt hai loại từ trên dựa vào cấu tạo và ngữ nghĩa. Người ta phân loại và nêu đặc điểm như sau:

a. Từ ghép chính phụ: Có tiếng chính và tiếng phụ, tiếng chính đứng trước tiếng phụ đứng sau.

- Từ ghép chính phụ có tính chất phân nghĩa như sau: Từ chính thể hiện vai trò ý nghĩa chính còn từ phụ chỉ đi theo để bổ sung ý nghĩa cho từ chính, phần từ chính thường có ý nghĩa khá rộng còn từ phụ thì có nghĩa hẹp hoặc không có nghĩa

Ví dụ: Bà ngoại (bà là chính, ngoại là phụ); Bút chì (bút là chính, chì là phụ); Xe đạp (Xe là từ chính, đạp là từ phụ)....

b. Từ ghép đẳng lập: Có các tiếng bình đẳng về mặt ngữ pháp (không phân ra tiếng chính, tiếng phụ). Từ ghép đẳng lập có tính chất hợp nghĩa.

- Thông thường các loại từ ghép đẳng lập thì sẽ có ngữ nghĩa rộng hơn từ ghép chính phụ. Cùng tìm hiểu qua một số ví dụ sau:

Ví dụ: quần áo; ăn uống; nhà cửa; cây cỏ; hoa lá...

Tác dụng của từ ghép.

- Người viết hoặc người nói sử dụng viết để diễn tả chính xác các từ ngữ cần được sử dụng trong các câu văn, các lời nói.

- Giúp người nghe, người đọc dễ dàng hiểu ý nghĩa hơn mà không cần phải suy đoán.

2.2. Từ láy

- Từ láy là loại từ được tạo thành từ hai tiếng trở lên. Các tiếng có cấu tạo giống nhau hoặc tương tự nhau về vần, tiếng đứng trước hoặc tiếng đứng sau.

- Trong các tiếng đó có 1 tiếng có nghĩa hoặc tất cả đều không có nghĩa nhưng khi ghép lại thành một từ có nghĩa.

- Dựa vào cấu trúc trùng lặp, cấu tạo giống nhau của các bộ phận thì từ láy thường được phân thành hai loại chính đó là:

- Từ láy toàn bộ
- Từ láy bộ phận

Tác dụng: Từ láy là loại từ đặc biệt có ý nghĩa trong việc nhấn mạnh vẻ đẹp của tự nhiên, con người hoặc sự việc nào đó. Sử dụng từ láy một cách linh hoạt, khoa học **giúp cho sự vật, sự việc được miêu tả trở nên sinh động và gây ấn tượng đối với người đọc, người nghe.**

VD:

- Em luôn luôn đi học đúng giờ: Khẳng định em không bao giờ đi học trễ
- Em là học sinh rất rất thông minh: Khẳng định em thông minh tuyệt đối, không chê vào đâu được
- Cô bé tròn trĩnh: Miêu tả bề ngoài tròn nhưng đẹp của cô bé ấy
- Bầu trời mênh mông: Miêu tả sự rộng lớn, bao la của bầu trời, diễn tả cảm xúc đó qua từ láy.

2.3. Từ tượng thanh: Là từ láy mô phỏng, gọi tả âm thanh trong thực tế: Mô phỏng tiếng người, tiếng của loài vật, tiếng động,... VD: rì rào, thì thầm, ào ào,...

2.4. Từ tượng hình: Là từ láy gọi tả hình ảnh, hình dáng của người, vật; gọi tả màu sắc, mùi vị.

VD:

- Gọi dáng dấp: lênh khênh, lè tè, tập tễnh, ...
- Gọi tả màu sắc: chon chót, sặc sỡ, lấp lánh,...
- Gọi tả mùi vị: thoang thoảng, nồng nàn, ngào ngạt,...

2.3. Cách phân biệt từ ghép và từ láy

Cách 1: Từ láy âm là từ ghép nghĩa

Trong Tiếng Việt đại đa số đều gặp các từ láy âm, vì thế nếu một trong hai từ đó thuộc từ Hán Việt thì đó chính là từ ghép chứ không phải từ láy. Mặc nhiên về mặt hình thức nó có nghĩa hay không có nghĩa đều vậy.

Cách 2: Từ ghép thuần Việt gồm 2 âm tiết khác nhau không thể là từ láy

Ví dụ như máu mủ, che chắn đều là từ ghép thuần Việt. Ngược lại nếu một trong hai số đó có ý nghĩa thì đó là từ láy âm chẳng hạn như: rõ ràng, lảm nhảm, lạnh lùng

Cách 3: Nếu hai tiếng trong từ có thể đảo trật tự thì đó là từ ghép

Nếu hai tiếng trong từ có thể đảo trật tự thì đó là từ ghép. Các từ sau là từ láy chứ không phải từ ghép bởi lẽ chúng không đảo trật tự từ được:

- mờ mịt / mịt mờ
- thần thờ / thờ thần

BÀI TẬP

Bài 1: Tìm và nêu tác dụng của từ láy trong đoạn văn sau:

a. Từng đợt, từng đợt, bảy tám con một lúc, những chú bọ ngựa bé tí ti như con muỗi, màu xanh cốm, lò cái đầu tinh nghịch có đôi mắt thô lỗ lách khoi kẽ hở trên ổ trứng mẹ, cổ rướn ra, cổ trườn ra, thoát được cái đầu, cái mình... rồi nhẹ nhàng tọt khỏi ổ trứng, người treo lơ lửng trên một sợi tơ rất mảnh bay bay theo chiều gió.

b. Một hôm, cô út vừa mang cơm đến chân đồi thì nghe tiếng sáo véo von. Cô lấy làm lạ, rón rén bước lên, nấp sau bụi cây rình xem, thì thấy một chàng trai khôi ngô đang ngồi trên chiếc võng đào mắc vào hai cành cây, thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ. Có tiếng động, chàng trai biến mất, chỉ thấy Sọ Dừa nằm lẫn lóc ở đấy. Nhiều lần như thế, cô gái biết Sọ Dừa không phải người phàm trần. Cô đem lòng yêu, có của ngon vật lạ đều giấu đem cho chàng.

Bài 2: Tìm và chỉ rõ tác dụng của việc sử dụng từ láy trong các trường hợp sau:

a. Thường thường, vào khoảng đó trời đã hết nồm, mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời ùng đục như màu pha lê mờ. Sáng dậy, nằm dài nhìn ra cửa sổ thấy những vệt xanh tươi hiện ở trên trời, mình cảm thấy rạo rức một niềm vui sáng sủa. Trên giàn hoa lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa. Chỉ độ tám chín giờ sáng, trên nền trời trong có những làn sáng hồng hồng rung động như cánh con ve mới lột.

b. Quýt nhà ai chín đỏ cây,
Hồi em đi học hây hây má tròn
Trường em mây tổ trong thôn
Ríu ra ríu rít chim non đầu mùa.
(Tổ Hữu)

Bài 3: Đoạn văn dưới đây có thành công gì nổi bật trong cách dùng từ? Điều đó đã góp phần miêu tả nội dung sinh động như thế nào?

Vai kiu kịt, tay vung vẩy, chân bước thoăn thoắt. Tiếng lợn eng éc, tiếng gà chíp chíp, tiếng vịt cạc cạc, tiếng người nói léo xéo. Thỉnh thoảng lại điểm những tiếng ăng ăng của con chó bị lôi sau sợi dây xích sắt, mặt buồn rầu, sợ sệt,... (Ngô Tất Tố)

Bài tập 4: Phân tích giá trị biểu cảm của từ láy trong đoạn thơ sau:

Anh đội viên mơ màng
Như nằm trong giấc mộng
Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng

Bài tập 5: Phân tích tác dụng của việc sử dụng từ láy trong đoạn thơ sau:

“Mặt trời càng lên tỏ
Bông lúa chín thêm vàng
Sương treo đầu ngọn gió
Sương lại càng long lanh

Bay vút tận rải xanh,
Chiền chiện cao tiếng hót
Tiếng chim nghe thánh thót,
Văng vẳng khắp cánh đồng

Bài 6: Viết một đoạn văn ngắn có sử dụng từ láy và từ ghép. Chỉ ra các từ ghép và từ láy được sử dụng.

Bài Làm:

Bài tham khảo 1:

Khi **mặt trời** vừa rút sau những **đỉnh núi** phía tây, **hoàng hôn** bắt đầu buông xuống. Nắng ngày hè chỉ còn **nhật nhòa**. **Thành phố** đượm một màu vàng óng. Lúc này đã quá giờ tan tầm, **dòng người** và **xe cộ** vẫn ngược xuôi nhưng đã thưa dần. **Đường phố** bớt **ồn ào, nhộn nhịp**. **Con đường** trở nên rộng lớn và **thênh thang** hơn. Giữa đường, ngăn cách dòng xe xuôi ngược là một bờ tường rào khoảng năm mươi phân. Phía trên là hàng rào lan can sắt màu **xanh biếc** chạy dọc theo con đường. Hai bên **vĩa hè**, hàng **cây si** già cỗi, cành **sum suê** đang trâm tư ngấm chiều tà. Những **cây xà cừ** đang **rung rinh** những lá non **xanh mượt**. Các em nhỏ **ríu rít** rủ nhau đi chơi sau một ngày **học tập**. Các bà mẹ chuẩn bị đi chợ nấu cơm chiều.

=> Từ láy : nhật nhòa, ồn ào, nhộn nhịp, sum suê,..

=> Từ ghép: đỉnh núi, dòng người, xe cộ, đường phố,..

Bài tham khảo 2:

Bầu trời buổi sớm thật là trong lành. Ông **mặt trời** đứng dậy vươn vai sau một giấc ngủ dài bắt đầu ngày mới, kéo cỗ **xe lửa** ban phát ánh nắng xuống khắp thế gian. Những cô mây dậy sớm để lên núi dạo chơi. Các giọt sương **long lanh** như những viên pha lê quý hiếm, điểm xuyết trên thảm cỏ non. Còn chị gió thì **mải miết** rong chơi và nô đùa cùng hoa lá. Lũ chim cũng đua nhau ca hát để đón chào một ngày mới. Tất cả đã tạo nên một bức tranh **thiên nhiên** thật **tươi đẹp**

=> Từ láy: long lanh

=> Từ ghép: bầu trời, mặt trời, xe lửa,...

Bài tham khảo 3:

Làng em khuất sau lũy tre **xanh ngát**. Sau làng là **cánh đồng** lúa rộng **mênh mông**. Làng em được **bao bọc** bởi màu xanh **trù phú**. **Màu xanh** của sự **ấm no**, màu xanh của sự **kiên cường**. Dù đi đâu xa, nhìn thấy màu xanh **tươi đẹp** ấy, em lại nhớ về làng. Em lại nhớ về nơi mình đã sinh ra và lớn lên trong tiếng **vỗ về** của **cánh đồng** lúa ngát hương thơm, trong tiếng **rì rào** của **lũy tre** đang mùa **trở gió**.

=> Từ láy: mênh mông, vỗ về, rì rào, bao bọc, ...

=> Từ ghép: cánh đồng, tươi đẹp, lũy tre ,...

II. Từ xét về nguồn gốc

1. Từ thuần việt: là những từ có nguồn gốc của người Việt

2. Từ mượn

+ **Từ Hán – Việt:** Là từ mượn tiếng Hán

+ **Tiếng Ấn – Âu:** Là những từ mượn tiếng Pháp, Anh

III. Từ xét về phạm vi sử dụng

1. Từ toàn dân: Là từ được sử dụng rộng rãi trên toàn quốc

2. Từ địa phương: Là những từ chỉ được dùng ở một địa phương hoặc một số địa phương nhất định.

Ví dụ :

Từ phổ thông	Từ địa phương (Quảng Nam)
Lợn	Heo
Vùng	Mè
Dứa	Thơm

3. Biệt ngữ xã hội: Là những từ chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định.

Ví dụ:

Từ phổ thông	Biệt ngữ xã hội (Học sinh, sinh viên)
Tài liệu	Phao
Điểm 1	Gậy
Điểm 0	Trúng ngỗng

IV. Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ

1. Từ nhiều nghĩa: Một từ có thể có nhiều nghĩa, giữa các nghĩa phải có mối quan hệ với nhau.

VD: Chân (bàn, người, gà, trời....)

Đầu (người, súng.....)

2. Chuyển nghĩa là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ làm cho từ có nhiều nghĩa.

- Sở dĩ có hiện tượng chuyển nghĩa của từ là vì trong quá trình phát triển của xã hội, nhiều sự vật hiện tượng mới ra đời, ngôn ngữ cũng phải phát triển theo để đáp ứng nhu cầu của cuộc sống. Trong quá trình phát triển của ngôn ngữ có hiện tượng tạo thêm nghĩa mới cho từ đã có sẵn để chỉ sự vật, hiện tượng mới. Hiện tượng này gọi là sự chuyển nghĩa tạo nên các từ nhiều nghĩa. Hiện tượng chuyển nghĩa của từ thể hiện quy luật tiết kiệm trong ngôn ngữ.

- Trong quá trình chuyển biến về nghĩa của từ, nghĩa ban đầu làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác gọi là nghĩa gốc. Các nghĩa được nảy sinh từ nghĩa gốc và có quan hệ với nghĩa gốc là nghĩa chuyển.

3. Phân biệt từ nhiều nghĩa với từ đồng âm

Từ đồng âm là những từ có vỏ ngữ âm giống nhau ngẫu nhiên. Giữa các từ đồng âm không có mối liên hệ nào về nghĩa.

Trong từ nhiều nghĩa, các từ ít nhiều có liên hệ với nghĩa gốc. Cụ thể là giữa nghĩa gốc và các nghĩa chuyển đều có ít nhất một nét nghĩa chung trùng với một nét nghĩa của nghĩa gốc.

Ví dụ 1 :

– Con chào bộ mẹ. -> Trường hợp này bộ là cha, bố.

– Giết bộ cho chó. -> Trường hợp này bộ là con bộ chết.

=> **bộ** là hiện tượng đồng âm.

Ví dụ 2 : – Đầu tôi to và nổi từng tảng, rất bướng. (Tô Hoài)

-> Trường hợp này đầu có nghĩa là bộ phận chủ chốt, ở trên hết hoặc phía trước nhất, có chứa bộ óc của người hay động vật. Đây là nghĩa gốc, từ đó nảy sinh ra các nghĩa khác.

- Các nghĩa của đầu ở trong: đầu bãi, đầu đề, đi đầu, hàng đầu, cứng đầu, mù đầu,... đều có liên hệ với nghĩa gốc. Đây là từ nhiều nghĩa.

4. Nghĩa trong câu của từ: Nghĩa của từ chỉ được bộc lộ cụ thể khi quan hệ với các từ trong câu.

Ví dụ :

– Trong câu : *Đôi mắt em nhìn hay chớp lửa đêm đông ?* (Tố Hữu)

-> từ mắt có nghĩa là : cơ quan để nhìn của người hay động vật. Đây là nghĩa gốc.

– Trong câu: *Cây mía này mắt thừa lắm.*

-> từ mắt có nghĩa là : chỗ lồi lõm, giống hình con mắt, mang chồi ở thân cây.

– Trong câu : *Mắt na hé mở nhìn trời trong veo.* (Trần Đăng Khoa)

-> từ mắt có nghĩa là : bộ phận giống hình con mắt ở ngoài vỏ một số loại quả.

Rõ ràng muốn hiểu được nghĩa cụ thể của từ trong câu ta phải liên hệ với các từ khác trong câu và ý chung của câu.

Trong tác phẩm văn học, một từ đôi khi được hiểu theo cả nghĩa gốc lẫn nghĩa chuyển, tạo ra những khám phá, những nhận thức bất ngờ, thú vị cho người đọc.

- Đoạn thơ sau đây trong trường ca Nước non ngàn dặm của Tố Hữu là một ví dụ :

Con thuyền rời bến sang Hiên

Xuôi dòng sông Cái, ngược triền sông Bung

Chập chùng thác Lửa, thác Chông Thác Dài,

thác Khó, thác Ông, thác Bà

Thác, bao nhiêu thác cũng qua

Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời.

-> Hình ảnh thuyền trong đoạn thơ là hình ảnh độc đáo, một chi tiết nghệ thuật đặc sắc. Mở đầu đoạn thơ là hình ảnh một con thuyền cụ thể xuôi ngược trên các dòng sông cụ thể. Gặp thác, thuyền biến mất, chỉ còn thác và quyết tâm vượt thác. Lúc đầu còn là những con thác cụ thể, đếm được : thác Lửa, thác Chông, thác Dài, thác Khó, thác ông, thác Bà. Thác ngày càng nhiều đến nỗi không đếm được thì quyết tâm vượt thác càng cao: *Thác, bao nhiêu thác, cũng qua*

Khi qua khỏi thác ghềnh, chiếc thuyền lại hiện ra nhưng thuyền ở đây không còn là thuyền cụ thể. Do kết hợp với trên đời mà thuyền được chuyển sang tầng ý nghĩa khác : nghĩa hình tượng (con thuyền cách mạng), đã đưa đến một nhận thức mới mẻ, bất ngờ, độc đáo cho người đọc. Từ nhận thức mới mẻ này, người đọc bất giác cảm thụ được các nghĩa hình tượng khác trước đó trong đoạn thơ.

V. Từ đồng âm: Những từ phát âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau (khác với từ nhiều nghĩa)

VI. Từ đồng nghĩa: Những từ có âm khác nhau nhưng nghĩa giống nhau.

Có 2 loại :

+ Từ đồng nghĩa hoàn toàn

+ Từ đồng nghĩa không hoàn toàn

Ví dụ : Hy sinh, từ trần, qua đời, mất → chết

*** Chú ý:**

+ Đồng nghĩa hoàn toàn có thể thay thế cho nhau được.

Ví dụ : Sân bay - phi trường

+ Đồng nghĩa không hoàn toàn không thể thay thế cho nhau được.

Ví dụ : hy sinh - bỏ mạng

VII. Từ trái nghĩa : Những từ có nghĩa trái ngược nhau. Chia 2 nhóm :

a. Trái nghĩa lượng phân : Biểu thị hai khái niệm đối lập nhau, loại trừ nhau

Ví dụ : Sống - Chết, Chấn - lẻ, Chiến tranh - hoà bình ...

b. Trái nghĩa thang độ: Biểu thị hai khái niệm có tính chất thang độ, khẳng định cái này này, không có nghĩa phủ định cái kia.

Ví dụ : Giá - rẻ, giàu nghèo, Yêu –ghét

VIII. Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ.

a. **Từ ngữ có nghĩa rộng:** Khi phạm vi nghĩa của từ đó bao hàm phạm vi nghĩa của nhiều từ ngữ khác.

b. **Từ ngữ có nghĩa hẹp:** Khi phạm vi nghĩa của từ đó được bao hàm trong phạm vi nghĩa của một từ ngữ khác.

c. Một từ ngữ có nghĩa rộng đối với những từ ngữ này, đồng thời có thể có nghĩa hẹp hơn đối với một từ ngữ khác.

Ví dụ : Y phục > Quần, áo > Quần đùi, áo dài, áo sơ mi

IX. Trường từ vựng: Là tập hợp của tất cả những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.

Ví dụ:

Tập hợp các từ	Nét nghĩa chung
Bút bi, bút chì, phấn, bút dạ...	Dụng cụ dùng để viết
Lông mi, con ngươi, nhìn, cận thị...	Về mắt

LUYỆN TẬP

1. Các từ sau đây là từ một nghĩa hay nhiều nghĩa, vì sao ?

a) Kim loại, pháp luật, triết học, bồ hòn, khoai tây, rau cải, cá chép, phốt pho, kẽm, mía.

b) Võ Thị Sáu, Dóc Miếu, Khe Sanh, Cồn Tiên, Trần Phú, Cầu Treo, Cửa Tùng, Hà Nội.

2. Xác định và giải thích nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ mũi trong các câu sau :

a) *Trùng trục như con chó thui*

Chín mắt chín mũi chín đuôi chín đầu. (Ca dao)

b) *Mũi thuyền ta đó, mũi Cà Mau* (Xuân Diệu)

c) *Quân ta chia làm hai mũi tấn công.*

d) *Tôi đã tiêm phòng ba mũi.*

3. Trong đoạn trích sau đây từ đường có những nghĩa nào ? Hãy giải thích nghĩa của các từ đường có trong đoạn thơ :

Nghìn năm nửa lạ nửa quen

Đường xuôi về biển đường lên núi rừng.

Bàn chân đặt lại bàn chân

Tóc xanh rơi mọc mấy tầng cỏ may

Lưới đường chẳng chịt trên tay
 Trời ghi định mệnh tháng ngày lao đao
 Từ nơi vắng trán thanh cao
 Buồn vui chi cũng hằn bao nếp đường
 Bây giờ tóc đã thành sương
 Tìm đâu thấy lại nẻo đường tuổi thơ
 Ước mơ chỉ để mà mơ
 Bến bờ cũng chỉ bến bờ xa xăm
 Con đường lên đạo cung trăng
 Xưa là hư ảo nay gần tắc gang
 Sao đường ở giữa thế gian
 Người không mở được lối sang với người.
 (Lê Quốc Hán – Lời khấn nguyện)

4. Hãy giải thích nghĩa các từ mặt trong các câu thơ sau của Nguyễn Du. Các nghĩa đó có nghĩa nào là nghĩa gốc hay không ?

- Người quốc sắc kẻ thiên tài,
 Tình trong như đã mặt ngoài còn e.
- Sương in mặt tuyết pha thân,
 Sen vàng lãng đãng như gần như xa.
- Làm cho rõ mặt phi thường,
 Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia.
- Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
 Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.

5. Hai em học sinh tranh luận với nhau. Một em nói :

- Từ cây chỉ có một nghĩa là chiếc cây thôi.
 Một em khác nói:

– Không phải đâu, từ cây còn có nghĩa là chỉ hoạt động cây ruộng. Vậy là từ cây có hai nghĩa cơ.

Theo em, hai bạn nói đã đúng chưa ? Từ cây còn có nghĩa nào nữa không ?

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị chủ đề đọc – hiểu: Ôn tập tiếng việt.

Ngày : 10/11/2022

BUỔI 12:

ÔN TẬP VỀ CỤM TỪ (Cụm động từ, cụm tính từ, cụm danh từ)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ
- Nhận biết được cụm danh từ, cụm tính từ, cụm động từ
- Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ, cụm tính từ, cụm động từ

2. Năng lực

- Năng lực nhận biết và phân tích tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ; nhận biết và phân tích được cụm danh từ, cụm tính từ, cụm động từ
- Năng lực mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ, cụm tính từ, cụm động từ

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, STK
- PHT
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

I. Cụm từ

Trong câu tiếng Việt, thành phần chính gồm có chủ ngữ (C) và vị ngữ (V). Chủ ngữ và vị ngữ có thể chỉ là một từ (Ví dụ: Gà gáy; Hoa nở) nhưng cũng có thể là mô. cụm từ (Ví dụ: Những bông hoa cúc nở vàng rực cả khu vườn)

- Cụm từ có hai từ trở lên kết hợp với nhau nhưng chưa tạo thành sau, trong đó .. một từ (danh từ, động từ, tính từ) đóng vai trò thành phần trung tâm, các từ còn lại bị sung ý nghĩa cho thành phần trung tâm. Cụm từ đóng vai trò chung" và ngữ trong câu thường có những loại như:

Cụm từ đóng vai trò chủ ngữ và vị ngữ trong câu thường có những loại sau:

1 Cụm danh từ

a. Khái niệm.

Cụm danh từ là một tổ hợp từ do danh từ và những từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.

b. Đặc điểm.

- Về khả năng kết hợp: có khả năng kết hợp với số từ và lượng từ về phía trước, các từ này, ấy, đó và một số từ ngữ khác... về phía sau.
- Về ý nghĩa và cấu tạo: Cụm danh từ có nghĩa đầy đủ và có cấu tạo phức tạp hơn danh từ.

c. Cấu tạo.

Cụm DT gồm 3 phần:

- Phần phụ trước: Do các từ chỉ ý nghĩa số và lượng đảm nhiệm.
- Phần trung tâm: Do danh từ đảm nhiệm.
- Phần phụ sau: Do các từ ngữ chỉ đặc điểm sự vật và các từ xác định ý nghĩa của sự vật trong không gian và thời gian đảm nhiệm.

Ví dụ: một góc tường, một em gái nhỏ, chiếc tạp dề cũ kĩ của em, ..

2 Cụm động từ

a. Khái niệm

Cụm động từ là loại tổ hợp từ do động từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.

b.Cấu tạo của cụm động từ

* Trong cụm động từ:

- Các phụ ngữ ở phần trước bổ sung cho động từ các ý nghĩa: quan hệ thời gian sự tiếp diễn tương tự; sự khuyến khích hoặc ngăn cản hành động; sự khẳng định hoặc phủ định hành động...
- Các phụ ngữ ở phần sau bổ sung cho động từ các chi tiết về đối tượng, hướng, địa điểm, thời gian, mục đích, nguyên nhân, phương tiện và cách thức hoạt động,...

* Mô hình cấu tạo đầy đủ của cụm động từ gồm 3 phần:

Cấu tạo	Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau
Ví dụ	<i>đã</i>	<i>nghe</i>	<i>tiếng phành phạch giòn giã</i>
	<i>cũng</i>	<i>nhai</i>	<i>ngoàm ngoạp như... liên tục</i>
		<i>đi đứng</i>	<i>oai vệ</i>
	<i>rất</i>	<i>lo lắng</i>	

c. Chức năng của cụm động từ

- Cụm động từ có thể làm thành phần cấu: chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ

VD. Tôi / **đã hiểu** vấn đề này rồi.

=>Cụm động từ làm vị ngữ.

- Cụm động từ có thể làm thành phần cụm từ: Cụm động từ là thành phần cấu tạo nên cụm C-V để mở rộng câu.

3 Cụm tính từ**a. Khái niệm**

- Cụm tính từ là tổ hợp từ do tính từ làm trung tâm và một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.
- Cụm tính từ có ý nghĩa đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn tính từ, nhưng hoạt động giống như tính từ.

b.Cấu tạo của cụm tính từ

* Trong cụm tính từ:

- Các phụ ngữ ở phần trước bổ sung cho tính từ các ý nghĩa:
 - + Mức độ: rất, hơi, quá ...
 - + Sự khẳng định hoặc phủ định: có, không, không hẳn, chưa, ...
 - + Sự tiếp diễn tương tự: vẫn, còn, cứ, đều...
- Các phụ ngữ ở phần sau bổ sung cho tính từ về:
 - +Mức độ của tính chất: đẹp quá, ngon lắm..
 - + Phạm vi, phương diện: xấu người, đẹp nét...
 - + Nội dung của tính chất: bình tĩnh suy nghĩ, chăm chỉ học tập...
 - + So sánh: cao bằng anh, khỏe như anh

* Mô hình cấu tạo đầy đủ của cụm tính từ gồm 3 phần:

Cấu tạo	Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau
Ví dụ	<i>không được</i>	<i>bao lâu</i>	
		<i>nhANH</i>	<i>quá</i>
	<i>cũng</i>	<i>quen thuộc</i>	<i>mình cả</i>

	<i>còn</i>	<i>minh mẫn</i>	<i>lắm</i>
--	------------	-----------------	------------

c. Chức năng của cụm tính từ

- Cụm động từ có thể làm thành phần cấu: chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ.

VD. Bà cụ/con mình mẫn lắm.

=>Cụm tính từ làm vị ngữ.

- Cụm tính từ có thể làm thành phần cụm từ: Cụm tính từ là thành phần cố. nên cụm C-V để mở rộng câu.

* Cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ:

- Biến chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu từ một từ thành cụm từ, có thể là cum từ, cụm động từ hoặc cụm tính từ. Ví dụ:

Hoa // nở có thể mở rộng thành Những bông hoa nhà em // nở rực rỡ khắp vườn.

CN VN

CN

VN

- Biến chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu mà cụm từ có thông tin đơn giản thành cụm từ có thông tin cụ thể, chi tiết hơn. Ví dụ:

Con gà trống // đang gáy có thể mở rộng thành:

CN

VN

Con gà trống tía nhà bác Thanh / đang rướn cao cái cổ gáy vang khắp xóm.

CN

VN

- Có thể mở rộng chủ ngữ hoặc vị ngữ, hoặc mở rộng cả chủ ngữ lẫn vị ngữ của câu.

* Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ:

Việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ làm cho thông tin của câu trở lên chi tiết, rõ ràng, tăng hiệu quả cho sự diễn đạt. Đó là lý do các em nên luyện tập cách mở rộng chủ ngữ và vị ngữ của câu thành một cụm từ. Ví dụ:

Thay vì nói: (1) *Hoa // thơm.*

Em có thể mở rộng thành cách nói như sau:

(2) *Những bông hoa hồng nhung // đang tỏa hương thơm ngát khắp vườn.*

C (cụm danh từ)

V (cụm tính từ)

Câu (2) cung cấp thông tin cụ thể chi tiết về chủ thể (hoa) và tính chất, trạng thái của nó (tỏa hương thơm ngát).

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập

- Chuẩn bị chủ đề đọc – hiểu: Ôn tập tiếng việt: *So sánh, nhân hóa*

Ngày dạy: 15/11/2022

BUỔI 13:

ÔN TẬP VỀ BIỆN PHÁP TU TỪ (So sánh, nhân hóa)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó, tích cực hoá vốn từ (đặt câu với các từ cho trước); nhận biết và nêu tác dụng của một số biện pháp tu từ đặc sắc

- Biện pháp tu từ: So sánh, nhân hoá.

2. Năng lực

- Năng lực nhận diện từ Hán Việt, các phép tu từ và tác dụng của chúng. Hiểu và biết cách sử dụng từ ghép và từ láy để tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Tự lập, tự tin, tự chủ ; giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt..

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- KHBD, STK, PHT

2. Chuẩn bị của HS:

-STK, vở ghi, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định :

2. Kiểm tra bài cũ :

3. Bài mới :

I. Nghĩa của từ:

1. Thế nào là nghĩa của từ?

Nghĩa của từ là nội dung mà từ biểu thị.

2. Cách giải thích nghĩa của từ Có thể giải thích nghĩa của từ bằng các cách sau đây:

- Trình bày khái niệm mà từ biểu thị.

Ví dụ:

+ Danh từ là những từ chỉ người, chỉ loài vật, cây cối, đồ vật,...

+Chạy là hoạt động dời chỗ bằng chân của người hoặc động vật với tốc độ cao.

– Dùng từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ mà mình giải thích.

Ví dụ:

+ Tổ quốc là đất nước mình.

+ Dài là số đo chiều nằm ngang, đối lập với ngắn.

+ Bấp bênh là không vững chắc.

3. Dùng từ đúng nghĩa

Muốn dùng từ đúng nghĩa trước hết ta phải nắm vững được nghĩa của từ 1 thường một từ có rất nhiều nghĩa.

Vì thế muốn hiểu đúng nghĩa của từ ta phải đặt từ trong câu cụ thể. Do sự kết giữa các từ trong câu mà nghĩa cụ thể của từ được bộc lộ. Ta cũng có thể tra từ nắm được nghĩa của từ. Cách tốt nhất là đặt từ trong câu cụ thể.

Ví dụ: Trong các câu :

- Tôi ăn cơm. Từ ăn có nghĩa là hoạt động đưa thực phẩm vào dạ dày.

- Tôi đi ăn cưới. Từ ăn có nghĩa là ăn uống nói chung, nhân dịp lễ thành hôn.

- Họ ăn hoa hồng. Từ ăn có nghĩa là nhận lấy để hưởng.

Chúng ta phải luôn luôn học hỏi, tìm tòi để hiểu đúng nghĩa của từ, tập nói ti. viết thường xuyên. Khi nói, khi viết phải lựa chọn và phải kết hợp một cách thành th.. các từ, nhất là khi gặp một từ có nhiều từ đồng nghĩa thì phải cân nhắc một cách cẩn thận.

Ví dụ: chết, mất, toi, qua đời, từ trần, hi sinh.

Muốn hiểu đúng nghĩa của từ ta phải liên hệ được quan hệ giữa từ với sự vật, hoạt động, trạng thái, tính chất mà từ biểu thị. Từ đó chỉ ra những đặc điểm, những thuộc tính của sự vật, hoạt động, trạng thái, tính chất,... mà từ biểu thị.

II. Các biện pháp tu từ:

STT	BIỆN PHÁP	KHÁI NIỆM	HIỆU QUẢ NGHỆ THUẬT (TD NGHỆ THUẬT)
1	So sánh	Là đối chiếu sự vật sự việc này với sự vật sự việc khác có nét tương đồng	Giúp sự vật, sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể tác động tới trí tưởng tượng, gợi hình dung và cảm xúc
3	Nhân hóa	Là cách dùng những từ ngữ vốn dùng để miêu tả hành động của con người để miêu tả vật, dùng loại từ gọi người để gọi sự vật không phải người	Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn gần với con người

1. So sánh:

Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác cả nĐt t–ng ®ảng.

VD: Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

(Ca dao)

* *Tác dụng của so sánh*: So sánh nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

– So sánh tạo ra những hình ảnh cụ thể, sinh động. Phần lớn các phép so sánh đều lấy cái cụ thể so sánh với cái trừu tượng (VD như các cung bậc tình cảm cảm xúc của con người: thương, nhớ, vui, buồn, mừng, giận,...) và ngược lại; giúp mọi người hình dung được cảm xúc, sự vật, sự việc cần nói tới và cần miêu tả.

VD1: Qua đình ngả nón trông đình

Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu.

(Ca dao)

VD2: Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét

Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng

Như xuân đến chim rừng lông trở biếc

Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương.

(Chế Lan Viên)

- So sánh giúp cho câu văn hàm súc, gợi trí tưởng tượng của ta bay bổng.
- Mục đích của so sánh nhiều khi không phải là tìm sự giống nhau hay khác nhau mà nhằm diễn tả một cách hình ảnh một bộ phận hay đặc điểm nào đó của sự vật; giúp người nghe, người đọc có cảm giác hiểu biết sự vật một cách cụ thể, sinh động.

Trong cách nói hằng ngày, người Việt Nam thường dùng so sánh ví von : *Đẹp như tiên giáng trần, hôi như cú, vui như tết, xấu như ma mút ...* Khiến lời nói vừa có hình ảnh vừa thâm thúy.

Còn trong văn bản nghệ thuật, so sánh được dùng như một biện pháp tu từ với thể mạnh đặc biệt khi gợi hình, gợi cảm. Đôi khi có những so sánh rất bất ngờ, thú vị, góp phần cụ thể hóa được những gì hết sức trừu tượng, khó cân đo, đong đếm.

* *Các kiểu so sánh*: Dựa vào mục đích và các từ so sánh người ta chia phép so sánh thành hai kiểu:

– So sánh ngang bằng (còn gọi là so sánh tương đồng): thường được thể hiện bởi các từ như *là, như, y như, tựa như, giống như* hoặc cặp đại từ *bao nhiêu...bấy nhiêu*.

– So sánh hơn – kém (còn gọi là so sánh tương phản): thường sử dụng các từ như *hơn, hơn là, kém, kém gì, khác, chẳng khác, chẳng bằng, ...*

* Cần phân biệt so sánh tu từ với so sánh có tính chất luận lí:

SO SÁNH TU TỪ	SO SÁNH LUẬN LÍ
<p>- <i>Qua đình ngả nón trông đình Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu.</i></p> <p>- <i>Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét</i></p> <p><i>Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng Như xuân đến chim rừng lông trở biếc</i></p> <p><i>Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương.</i></p>	<p>- <i>Con hơn cha là nhà có phúc</i> (Tục ngữ)</p> <p>- <i>Khôi đã cao bằng mẹ.</i></p> <p>- <i>Nam học giỏi, thông minh hơn Bắc.</i></p>

* Mô hình cấu tạo của phép so sánh: (HS nêu)

VD thêm về đảo trật tự so sánh:

*Chòng chành như nón không quai
Như thuyền không lái, như ai không chòng.*
(Ca dao)

2. Nhân hóa:

Là cách gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật ... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người.

* *Tác dụng*: Nhân hóa khiến sự vật trở nên sống động, gần với đời sống con người. Cách diễn đạt nhân hóa đem lại cho lời thơ, văn có tính biểu cảm cao.

Phân loại: Nhân hoá được chia thành các kiểu sau đây:

- Gọi sự vật bằng những từ vốn gọi người.

– Những từ chỉ hoạt động, tính chất của con người được dùng để chỉ hoạt động, tính chất của đối tượng không phải là người.

VD: *Anh đóm chuyên cần/ Lên đèn đi gác.*

- Gọi, tâm tình, trò chuyện với vật như với người.

Ví dụ: *Khăn thương nhớ ai
Khăn rơi xuống đất?
Khăn thương nhớ ai
Khăn vắt trên vai ?*

(Ca dao)

* Ngoài ra còn có biện pháp vật hoá. Đó là cách dùng các từ ngữ chỉ thuộc tính, hoạt động của loài vật, đồ vật sang chỉ những thuộc tính và hoạt động của con người.

Biện pháp này thường được dùng trong khẩu ngữ và trong văn thơ châm biếm.

VD: *Gái chính chuyên lấy được chín chồng*

Vo viên bỏ lọ gánh gồng đi chơi

Ai ngờ quang đứt lọ rơi

Bò ra lồm ngồm chín nơi chín chồng.

(Ca dao)

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập

- Chuẩn bị chủ đề đọc – hiểu: Ôn tập tiếng việt: *Ấn dụ và hoán dụ*

Ngày dạy: 17/11/2022

BUỔI 14:

ÔN TẬP VỀ BIỆN PHÁP TU TỪ (Ấn dụ và hoán dụ)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó, tích cực hoá vốn từ (đặt câu với các từ cho trước); nhận biết và nêu tác dụng của một số biện pháp tu từ đặc sắc
- Biện pháp tu từ: So sánh, nhân hoá.

2. Năng lực

- Năng lực nhận diện từ Hán Việt, các phép tu từ và tác dụng của chúng. Hiểu và biết cách sử dụng từ ghép và từ láy để tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.
- Tự lập, tự tin, tự chủ ; giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt..

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- KHBD, STK, PHT

2. Chuẩn bị của HS:

- STK, vở ghi, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định :

2. Kiểm tra bài cũ :

3. Bài mới :

STT	BIỆN PHÁP	KHÁI NIỆM	HIỆU QUẢ NGHỆ THUẬT (TD NGHỆ THUẬT)
1	Ấn dụ	Là cách dùng sự vật hiện tượng này để gọi tên sự vật hiện tượng	Giúp sự vật sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể tác động đến trí tưởng tượng gọi hình

		khác dựa vào nét tương đồng (giống nhau)	dùng và cảm xúc
2	Hoán dụ	Là gọi tên sự vật, sự việc, hiện tượng, khái niệm này bằng tên sự vật, sự việc, hiện tượng, khái niệm khác vì giữa chúng có quan hệ gần gũi, đi đôi với nhau trong thực tế.	dùng hoán dụ làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

a, Ẩn dụ:

VD:

*Về thăm nhà Bác, làng Sen**Có hàng dâm bụt thấp lên lửa hồng -> ẩn dụ cách thức (thấp) và ẩn dụ hình thức (lửa hồng)**Có con bướm trắng lượn vòng**Có chùm ôi chín vàng ong sắc trời.*

(Về thăm nhà Bác - Nguyễn Đức Mậu)

– Ẩn dụ phẩm chất: đó là sự chuyển đổi tên gọi những sự vật, hiện tượng có nét tương đồng với nhau ở một vài điểm nào đó về tính chất, phẩm chất (là cách lấy phẩm chất của sự vật A để chỉ phẩm chất của sự vật B).

VD: *Người cha mái tóc bạc**Đốt lửa cho anh nằm.*

(Minh Huệ)

-**Ẩn dụ** chuyển đổi cảm giác: đó là sự chuyển đổi tên gọi những sự vật, hiện tượng có nét tương đồng với nhau ở một vài điểm nào đó về cảm giác ẩn dụ này thường dùng kết hợp các từ ngữ chỉ cảm giác loại này với cảm giác loại khác (là những ẩn dụ trong đó B là một cảm giác vốn thuộc một loại giác quan dùng để chỉ những cảm giác A vốn thuộc các loại giác quan khác hoặc cảm xúc nội tâm. Nói gọn là lấy cảm giác A để chỉ cảm giác B).

VD: *Cha lại dắt con đi trên cát mịn/ Ánh nắng chảy đầy vai.*

- Ẩn dụ thực chất là một kiểu so sánh ngầm trong đó yếu tố được so sánh giảm đi chỉ còn yếu tố làm chuẩn so sánh được nêu lên.
- Muốn có được phép ẩn dụ thì giữa hai sự vật, hiện tượng được so sánh ngầm phải có nét tương đồng quen thuộc nếu không sẽ trở nên khó hiểu.
- Câu thơ:

- *Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*
- *Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.*

– (Viễn Phương)

- *mặt trời* ở dòng thơ thứ hai chính là ẩn dụ.

- Ca dao có câu :

- *Thuyền về có nhớ bến chăng ?*

– *Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.*

- Bến được lấy làm ẩn dụ để làm thời biểu thị người có tấm lòng thủy chung chờ đợi, bởi những hình ảnh cây đa, bến nước thường gắn với những gì không thay đổi là đặc điểm quen thuộc ở những con người có tấm lòng chung thủy.
- Ẩn dụ chính là một phép chuyển nghĩa làm thời khác với phép chuyển nghĩa thường xuyên trong từ vựng. Trong phép ẩn dụ, từ chỉ được chuyển nghĩa làm thời mà thôi.

* Các kiểu ẩn dụ

- Dựa vào bản chất của sự vật, hiện tượng được đưa ra so sánh ngầm, ta chia ẩn dụ thành các loại sau :
- Ẩn dụ hình tượng là cách gọi sự vật A bằng sự vật B.
- Ví dụ :
 - *Người Cha mái tóc bạc* – (Minh Huệ)
- Lấy hình tượng Người Cha để chỉ Bác Hồ.
- Ẩn dụ cách thức là cách gọi hiện tượng A bằng hiện tượng B.
- Ví dụ :
 - *Về thăm quê Bác làng Sen*
 - *Có hàng râm bụt thắp lên lửa hồng.* – (Nguyễn Đức Mậu)
- Nhìn “hàng râm bụt” với những bông hoa đỏ rực, tác giả tưởng như những ngọn đèn “thắp lên lửa hồng”.
- Ẩn dụ phẩm chất là cách lấy phẩm chất của sự vật A để chỉ phẩm chất của sự vật B.
- Ví dụ : *Ớ bầu thì tròn, à ống thì dài.*
- Tròn và dài được làm thời chỉ những phẩm chất của sự vật B.
- + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác là những ẩn dụ trong đó B là một cảm giác vốn thuộc một loại giác quan dùng để chỉ những cảm giác A vốn thuộc các loại giác quan khác hoặc cảm xúc nội tâm. Nói gọn là lấy cảm giác A để chỉ cảm giác B.
- Ví dụ :
 - *Mời được nghe giọng hồn dịu ngọt*
 - *Huế giải phóng nhanh mà anh lại muộn về.* – (Tố Hữu)

* Tác dụng của ẩn dụ

- Ẩn dụ làm cho câu văn thêm giàu hình ảnh và mang tính hàm súc. Sức mạnh của ẩn dụ chính là tính biểu cảm. Cùng một đối tượng nhưng ta có nhiều cách thức diễn đạt khác nhau (thuyền – biển, mạn – đào, thuyền – bến, biển – bờ) cho nên một ẩn dụ có thể dùng cho nhiều đối tượng khác nhau. Ẩn dụ luôn biểu hiện những hàm ý mà phải suy ra mới hiểu. Chính vì thế mà ẩn dụ làm cho câu văn giàu hình ảnh và hàm súc, lôi cuốn người đọc, người nghe.
- Ví dụ : Trong câu : Người Cha mái tóc bạc nếu thay Bác Hồ mái tóc bạc thì tính biểu cảm sẽ mất đi.

b. Hoán dụ

* Phân loại: Có 4 kiểu hoán dụ thường gặp:

- Lấy một bộ phận để gọi toàn thể;
- Lấy vật chứa đựng để chỉ vật bị chứa đựng.
- Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật.
- Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng.
- Ví dụ:

- Áo chàm đưa buổi phân ly
- Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay

- (Tố Hữu, Việt Bắc)

- Trong câu thơ trên, áo chàm được dùng với nghĩa hoán dụ chỉ những người dân Việt Bắc với trang phục đặc trưng là áo chàm. Quan hệ giữa trang phục với người mang trang phục đó được gọi là quan hệ tương cận (gần nhau).

***Các kiểu hoán dụ:** Có 4 kiểu hoán dụ thường gặp:

-Lấy một bộ phận để gọi toàn thể

- Ví dụ:

- “Bàn tay ta làm nên tất cả
- Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.”

- (Hoàng Trung Thông)

- Bàn tay - một bộ phận của con người, được dùng thay cho người lao đa. chung (quan hệ bộ phận - toàn thể).

- Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng

- Ví dụ:

- “Vì sao? Trái Đất nặng ân tình
- Nhắc mãi tên Người: Hồ Chí Minh.”

- (Tố Hữu)

- Trái Đất (chỉ những người sống trên trái đất – nhân loại nói chung): quan hệ giữa cái chứa đựng và cái bị chứa đựng.

- Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật

- Ví dụ:

- “Ngày Huế đổ máu
- Chú Hà Nội về
- Tình cờ chú cháu
- Gặp nhau Hàng Bè.”.

- (Tố Hữu)

- Đổ máu - dấu hiệu, thường được dùng thay cho sự hi sinh, mất mát nói chung (quan hệ dấu hiệu của sự vật - sự vật). Trong bài thơ “Lượm” của Tố Hữu, đổ máu chỉ dấu hiệu của chiến tranh.

- Ví dụ 2:

- Áo nâu liền với áo xanh

- Nông thôn cùng với thị thành đứng lên

- Áo nâu, áo xanh: chỉ những người nông dân và công nhân.(Giữa áo nâu, áo xanh với sự vật được chỉ có mối quan hệ giữa đặc điểm, tính chất:

người nông dân thường mặc áo nâu, còn người công nhân thường mặc áo xanh khi làm việc” lấy đầu hiệu của sự vật để gọi tên sự vật).

- Nông thôn và thị thành: chỉ những người sống ở nông thôn và sống ở thị trấn. Giữa nông thôn, thị thành với sự vật được chỉ có mối quan hệ giữa vật chứa độ (nông thôn, thị thành) với vật bị chứa đựng (những người sống ở nông thôn và thị trấn).
- ***-Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng.***
- ***Ví dụ:***
- ***“Một cây làm chẳng nên non***
- ***Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.”***
- Một, ba - số lượng cụ thể, được dùng thay cho số ít và số nhiều nói chung (quan hệ cụ thể - trừu tượng).

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị :Viết văn kể lại một trải nghiệm.

Ngày dạy: 21/11/2022

BUỔI 15:

LUYỆN VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM

I.MỤC TIÊU

a. Kiến thức

- Kiểu văn bản kể lại một trải nghiệm của bản thân

b. Năng lực

- Biết viết bài văn bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập dữ liệu); tìm ý và lập dàn ý; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm
- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

c. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SBT
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

I.Tìm hiểu chung về bài văn kể lại một trải nghiệm:

1/Trải nghiệm là gì?

2/ Kể về một trải nghiệm của bản thân là dạng bài trong đó người viết kể về diễn biến của một việc làm, hoạt động, tình huống mà mình đã trực tiếp trải qua hoặc tham gia để bộc lộ những kinh nghiệm, bài học nào đó.

3/Những nội dung của dạng bài kể về một trải nghiệm:

a.Những trải nghiệm vui vẻ, hạnh phúc, đáng nhớ:

- Kỉ niệm với người thân trong gia đình (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em, ...)
- Kỉ niệm với bạn bè
- Kỉ niệm với thầy, cô
- Kỉ niệm với người mới gặp
- Chuyển đi có ý nghĩa
- + Một lần em giúp đỡ người khác hay được người khác giúp đỡ,...
-

b.Những trải nghiệm buồn, nuối tiếc:

- Một lỗi lầm của bản thân
- Sự việc em đã gây ra khiến bố mẹ buồn phiền
- Em hiểu lầm một người hoặc bị người khác hiểu lầm
- Chia tay mái trường lớp

c.Những trải nghiệm khiến em thay đổi, tự hoàn thiện bản thân:

- Câu chuyện đã làm thay đổi suy nghĩ, cách sống của em
- Một hành trình khám phá
- Một lần bị lạc đường
- Một lần bị phê bình,...
-

4/ Các dạng đề kể về một trải nghiệm của bản thân:

a/ Dạng đề cụ thể (dạng đề đóng) là dạng đề nêu rõ yêu cầu kể, nội dung và đối tượng kể.

Ví dụ 1: Bằng tình yêu và sự kính trọng của mình với mẹ, em hãy viết bài văn kể lại một kỉ niệm đáng nhớ nhất của em với mẹ.

Ví dụ 2: Từ những trải nghiệm trong cuộc sống tình bạn, em hãy viết bài văn kể lại kỉ niệm sâu sắc với một người bạn của mình.

->Với dạng đề này, HS căn cứ vào yêu cầu, nội dung và đối tượng kể được nêu ra ở đề bài, hồi tưởng lại một trải nghiệm đã qua rồi kể.

b. Dạng đề mở: là dạng đề chỉ nêu yêu cầu kể về một trải nghiệm của bản thân mà không nêu nội dung và đối tượng kể.

Ví dụ: Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ nhất của em.

->Với dạng đề này, HS có thể tùy ý lựa chọn nội dung trải nghiệm (vui, buồn, khiến bản thân thay đổi) và đối tượng kể: trải nghiệm đó xảy ra có liên quan đến người thân trong gia đình (ông, bà, bố, mẹ, anh, chị,...) hoặc bạn bè, thầy cô,... nhưng phải là trải nghiệm ấn tượng và đáng nhớ nhất.

II/ Phương pháp làm bài văn kể lại một trải nghiệm

1/ Phương pháp chung:

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Lựa chọn đề tài:
- Thu thập tư liệu

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

a/Tìm ý:

- Em nhớ và định kể lại trải nghiệm gì?
- Trải nghiệm xảy ra trong tình huống (hoàn cảnh: thời gian, địa điểm) nào?
- Những ai có liên quan đến trải nghiệm đó? Họ đã nói và làm gì?
- Sự việc nào đã xảy ra trong trải nghiệm đó? Và được giải quyết ra sao?

- Trải nghiệm ấy đem lại cho em cảm xúc, thái độ, ấn tượng gì? (vui vẻ, hạnh phúc, buồn, tiếc nuối, khiến em thay đổi, tự hoàn thiện bản thân...). Vì sao có được những cảm xúc, thái độ, ấn tượng đó?
- Từ trải nghiệm, em rút ra cho mình bài học gì?

b/ Lập dàn ý:

b.1.Mở bài: Giới thiệu khái quát về trải nghiệm em sẽ kể.

Ví dụ: Kể về một kỉ niệm hồi thơ ấu làm em nhớ mãi.

Ta có thể mở bằng theo 2 cách sau:

Mở bài trực tiếp: Giới thiệu trực tiếp về trải nghiệm.

Tuổi thơ của tôi là cả một bầu trời kỉ niệm đầy nắng gió với những cánh diều bay khắp triền đê. Nơi ấy, tôi đã có thời thơ ấu thật đẹp bên tiếng sáo diều, nó như chấp cánh cho tâm hồn tôi.

Mở bài gián tiếp:

***Từ hiện tại nhớ lại trải nghiệm trong quá khứ:**

Ví dụ: Ôi! Thời gian sao trôi qua nhanh thật đấy. Mới tung tăng vui chơi, vô tư thì giờ đây tôi đã là học sinh lớp sáu rồi. Tôi thực sự rất nhớ những chuyến vui chơi của tôi lúc nhỏ. Lúc ấy, chẳng cần phải suy nghĩ gì nhiều và tuổi thơ của tôi là những chuỗi ngày đáng nhớ.

*** Từ một trải nghiệm ở hiện tại nhớ về trải nghiệm trong quá khứ:**

Ví dụ: Chiều hôm nay, trời lại mưa to, ngồi trong nhà nhìn ra màn mưa trắng xóa, những kí ức về tuổi thơ năm nào lại dội về trong tâm trí tôi. Kí ức của những cảm giác sung sướng, hồ hởi về những lần tắm mưa hồi đó mãi không phai mờ.

*** Từ những trải nghiệm chung rồi đi đến những trải nghiệm riêng theo yêu cầu của đề bài:**

Ví dụ: Tuổi thơ là quãng thời gian đẹp đẽ và êm đềm nhất đối với mỗi chúng ta. Tuổi thơ ấy lưu giữ biết bao kỉ niệm, có những kỉ niệm vui, cũng có những kỉ niệm buồn, nhưng tất cả chúng đều giúp ta khôn lớn, trưởng thành hơn. Trong những kí ức đẹp đẽ ấy, lần...đã để lại trong tôi nhiều ấn tượng sâu sắc trở thành một kỉ niệm khiến tôi không thể quên.

*** Thông qua lời câu hát, câu ca dao hoặc một câu nói cùng chủ đề...rồi kể về trải nghiệm của mình:**

Ví dụ: “ Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ, để trở về với giấc mơ ngày xưa... ”. Lời của câu hát được trích từ ca khúc “Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ” của ca sĩ Lynk Lee là nỗi lòng chung của mỗi chúng ta. Nỗi lòng ấy chẳng có gì lạ khi những ngày tháng tuổi hồng mộng mơ ấy quá đẹp đẽ, qua tuyệt vời. Và còn lung linh hơn khi nó đã trôi qua không trở lại. Nó chỉ có thể trở lại trong hồi tưởng của mỗi người. Cũng như em, em lại nhớ mãi về kỉ niệm...năm đó.

b.2.Thân bài: Kể chi tiết, cụ thể về trải nghiệm

- **Tình huống:** (hoàn cảnh: địa điểm và thời gian) xảy ra trải nghiệm, các nhân vật có liên quan.

Lưu ý: Khi làm bài các em nhớ đan xen các yếu tố miêu tả cảnh sắc thiên nhiên, con người.

- **Diễn biến của trải nghiệm:** (từ sự việc mở đầu-> sự việc tiếp diễn-> sự việc cao trào-> sự việc kết thúc)

- **Điều đặc biệt của trải nghiệm đó khiến em** (vui vẻ, hạnh phúc, buồn,...) nhớ nó đến tận bây giờ hoặc khiến em thay đổi, tự hoàn thiện bản thân mình.

Lưu ý: Khi làm bài các em nhớ kết hợp yếu tố miêu tả + biểu cảm (người viết trực tiếp tham gia trải nghiệm nên dễ dàng bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ,... Tuy nhiên sử dụng hợp lý, tránh lạm dụng làm mất đi yếu tố tự sự của dạng bài.

b.3.Kết bài: Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân **hoặc** bài học rút ra từ trải nghiệm ấy.

Ví dụ:

-**Nêu ý nghĩa của trải nghiệm với bản thân:**

Ví dụ: Kỷ niệm đó là mảnh ghép đẹp nhất, trân quý nhất của em về những ngày tháng tuổi thơ đã trôi qua. Bây giờ, em đã lớn rồi bạn em cũng chẳng còn í ới gọi nhau đi thả diều như ngày trước, nhưng trong tâm trí em những cánh diều vẫn là những kí ức đẹp, gợi nhớ đến những kỉ niệm ngọt ngào nhất của thời thơ ấu.

Lưu ý: Đối với trải nghiệm khiến em vui vẻ, hạnh phúc, đáng nhớ->rút ra ý nghĩa với bản thân: động viên, khuyến khích, động lực, điềm tựa tinh thần,... để bản thân hướng tới những điều tốt đẹp hơn nữa trong cuộc sống.

-**Bài học rút ra từ trải nghiệm ấy:**

Ví dụ: Các bạn ạ! Khi hiểu lầm ai đó, có thể ta sẽ nuối tiếc, ân hận mãi vì sự thiếu sót của bản thân mình. Hãy xem như đó là một bài học, một kinh nghiệm để sống tốt hơn nha bạn. Từ những hiểu lầm đó, bạn nên học cách thay đổi bản thân theo hướng tích cực để hoàn thiện chính mình.

Lưu ý: Với những trải nghiệm buồn, tiếc nuối,... thì rút ra bài học, kinh nghiệm, lời nhắc nhở để bản thân tự thay đổi, tự hoàn thiện mình hơn nữa trong cuộc sống.

- Vừa nêu ý nghĩa của trải nghiệm vừa rút ra bài học từ trải nghiệm ấy:

Ví dụ: Đó thực sự là một câu chuyện buồn với tôi. Từ đó, tôi rút ra được bài học cho bản thân mình rằng *“Phải biết vâng lời người lớn, biết tự chăm lo cho bản thân mình, không nên để người khác lo lắng”*. Bài học ấy đã giúp tôi thêm kính trọng, yêu thương ông bà hơn, giúp tôi trưởng thành hơn.

Bước 3: Viết bài

- Nhất quán về ngôi kể: xưng tôi hoặc em.
- Xây dựng được cốt truyện
- Sắp xếp các sự việc hợp lý theo trình tự hợp lý
- Đan xen các yếu tố miêu tả
- Thể hiện được cảm xúc của người viết

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

III. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG (cho HS về nhà làm)

Đề 1: Bằng tất cả tình yêu và sự kính trọng, em hãy viết bài văn kể lại một kỉ niệm sâu sắc, đáng nhớ của em với mẹ.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

-**Lựa chọn đề tài:** Với đề bài kể lại một kỉ niệm sâu sắc, đáng nhớ của em với mẹ, em có thể hồi tưởng lại những kỉ niệm đã qua: kỉ niệm lần đầu tiên đi học, kỉ niệm mẹ chăm sóc em khi em bị ốm, kỉ niệm em cùng gia đình chuẩn bị sinh nhật cho mẹ, kỉ niệm mẹ chỉ em học toán, làm văn,...

- **Xác định mục đích làm bài:** Với đề bài kể lại một kỉ niệm sâu sắc, đáng nhớ của em với mẹ thì người viết kể về những diễn biến của sự việc mình đã trải qua cùng mẹ, chia sẻ với người đọc kinh nghiệm trong cuộc sống được rút ra từ kỉ niệm đó.

- **Thu thập tài liệu:**

+ Nhớ lại những sự việc, trải nghiệm đã để lại cho em những kỉ niệm vui, hạnh phúc, đáng nhớ

+ Đọc các câu chuyện đã học, đọc các bài viết tham khảo,...

+ Tìm những kỉ vật có liên quan đến câu chuyện.....

+.....

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

a.Tìm ý:

- Em nhớ và định kể kỉ niệm sâu sắc nào với mẹ?

- Kỉ niệm ấy xảy ra trong tình huống nào? (địa điểm, thời gian)

- Những ai đã liên quan đến kỉ niệm đó? Họ đã làm gì?

- Sự việc nào xảy ra trong kỉ niệm đó? Và được giải quyết như thế nào?

- Kỉ niệm ấy đem lại cho em cảm xúc gì, thái độ gì?

- Từ kỉ niệm đó em rút ra cho mình bài học gì?

b.Lập dàn ý:

Mở bài: Giới thiệu khái quát về trải nghiệm đáng nhớ của em với mẹ

Thân bài:

-Tình huống (hoàn cảnh: địa điểm và thời gian) xảy ra trải nghiệm, các nhân vật có liên quan.

Lưu ý: Giới thiệu tình huống, hoàn cảnh cần kết hợp yếu tố miêu tả không gian, cảnh sắc thiên nhiên, con người.

- Diễn biến trải nghiệm:

- Điều đặc biệt của trải nghiệm đó khiến em nhớ nó đến tận bây giờ hoặc khiến em thay đổi để tự hoàn thiện bản thân.

Lưu ý: Khi kể sự việc thông qua các hành động, lời nói của nhân vật cần kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm.

Kết bài: Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân hoặc bài học rút ra từ trải nghiệm ấy.

Bước 3: Viết bài

Trong cuộc đời mỗi người chắc hẳn ai cũng từng có rất nhiều kỉ niệm. Những kỉ niệm khó phai với những cảm xúc hồn nhiên. Và tôi cũng có những kỉ niệm trong trẻo ấy. Nhưng một trong những kỉ niệm mà tôi không thể nào quên trong cuộc đời của mình đó là kỉ niệm lần đầu tiên đến trường cùng mẹ..

Tôi còn nhớ như in ngày đầu tiên tôi đi học. Tối hôm đó, sau bữa ăn tối, mẹ đã mang vào phòng tôi một bọc quà rất to. Tôi cứ nghĩ là được mẹ mua cho đồ chơi hay là một bộ lego mà tôi hằng mong muốn. Tôi háo hức mở bọc quà, thì ra đó toàn là sách, vở, đồ dùng học tập và có cả một chiếc cặp sách in hình siêu nhân mà tôi rất thích. Bộ đồng phục đã được mẹ là phẳng phiu. Mẹ mặc thử cho tôi bộ đồng phục học sinh lớp Một. Tôi cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn hẳn ra. Tôi ngắm nghía hồi lâu rồi bật cười. Cả đêm hôm đó tôi không thể nào ngủ được.

Sáng hôm sau, mẹ âu yếm dắt tôi đến trường trên con đường làng dài và hẹp. Tôi vẫn nhớ cảm giác hồi hộp và lo sợ lúc đó, tôi không biết mình sẽ làm gì và mình sẽ như thế nào khi không có mẹ ở bên. Rồi tay mẹ, tôi bước vào cổng trường, tôi thấy mình thật bơ vơ và lạc lõng. Thế là mẹ ôm tôi vào lòng âu yếm: *"Con lớn rồi mà, từ hôm nay con đã là học sinh lớp Một rồi. Hãy tự tin lên nào!"*. Tôi nghe lời mẹ, vào lớp học. Ngày hôm đó đối với tôi thật dài, tôi rất nhớ mẹ, chưa bao giờ tôi lại thấy yêu mẹ và cần mẹ hơn lúc này.

Đã năm năm trôi qua kể từ ngày đầu tiên đi học nhưng tôi không thể nào quên được hình ảnh thân thương của mẹ và những cảm xúc của mình trong cái ngày đáng nhớ ấy. Mẹ đã giúp tôi tự tin, vững vàng bước những bước đi đầu tiên trên con đường tri thức.

Ngày đầu tiên ấy đã trôi qua nhưng những cảm xúc vẫn còn nguyên vẹn trong tôi không bao giờ mờ phai. Với tôi, mẹ như một làn mây che cho tôi mưa nắng, mẹ là ngọn lửa thúc con tim tôi để vững bước trên đường đời. Dù mai đây nếu mẹ có mất đi thì trong tôi, mẹ luôn sống và theo tôi suốt cuộc đời.

Đề 2: Từ những trải nghiệm của cuộc sống tình bạn, em hãy viết bài văn kể lại kỉ niệm sâu sắc của em với một người bạn của mình.

Hướng dẫn làm bài

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

a. Tìm ý:

- Em nhớ và định kể kỉ niệm sâu sắc nào với bạn?
- Kỉ niệm ấy xảy ra trong tình huống nào? (địa điểm, thời gian)
- Những ai đã liên quan đến kỉ niệm đó? Họ đã làm gì?
- Sự việc nào xảy ra trong kỉ niệm đó? Và được giải quyết như thế nào?
- Kỉ niệm ấy đem lại cho em cảm xúc gì, thái độ gì?
- Từ kỉ niệm đó em rút ra cho mình bài học gì?

b. Lập dàn ý:

1/ Mở bài: Giới thiệu khái quát về trải nghiệm đáng nhớ của em với người bạn của mình.

Ví dụ: Trong cuộc đời mỗi người, ai chẳng có những phút giây lỗi lầm. Nhưng điều quan trọng là, sau mỗi lần mắc lỗi, chúng ta biết hối hận và sửa chữa sai lầm ấy. Tôi cũng đã có một lần mắc lỗi với chính người bạn thân của mình hồi năm học lớp 4. Đó là một trải nghiệm buồn vì suýt chút nữa chính tôi đã tự tay giết chết đi một tình bạn đẹp.

2/ Thân bài:

***Tình huống** (hoàn cảnh: địa điểm và thời gian) xảy ra trải nghiệm, các nhân vật liên quan.

-Miêu tả đôi nét về người bạn làm nên kỉ niệm với em:

Ví dụ:

Hoa có vóc dáng nhỏ nhắn, thân hình mảnh khảnh nhưng rất khỏe. Gương mặt xinh tươi, vàng trán cao. Ở Hoa toát lên sự thông minh. Hoa là học sinh giỏi nhiều năm liền. Bạn ấy còn rất tốt tính, hay giúp đỡ mọi người. Hàng ngày, ngoài việc đi học cùng nhau, Hoa còn giúp tôi rất nhiều trong học tập, nhờ có Hoa mà tôi đã tiến bộ lên rất nhiều.

-Nêu thời gian, địa điểm xảy ra kỉ niệm: **Ví dụ:** Tôi vẫn còn nhớ như in năm lớp 4. Hôm đó, cô giáo vào lớp và gọi một số bạn lên kiểm tra bài cũ, trong đó có tôi.....

Lưu ý: Giới thiệu tình huống, hoàn cảnh; địa điểm và thời gian kết hợp yếu tố miêu tả không gian, cảnh sắc thiên nhiên, con người.

***Diễn biến trải nghiệm:**

- Hôm đó, cô giáo vào lớp và gọi một số bạn lên kiểm tra bài cũ, trong đó có tôi.
- Vì đã học bài ở nhà nên tôi trả lời rất đông dạ, tự tin, cô cho tôi một điểm 10 đỏ chói vào trong sổ. Bạn bè trong lớp nhìn tôi đầy ngưỡng mộ khi có thể nhớ chi tiết từng ngày tháng, địa danh trong bài lịch sử dài dằng dặc.
- Tối hôm đó, vì tivi có chương trình rất hay mà tôi yêu thích, cũng vì chủ quan rằng mình đã có điểm nên tôi không học lại bài.
- Ai ngờ hôm sau, cô bất ngờ cho kiểm tra 15 phút, tôi ngồi vò đầu bứt tai, cắn bút mãi mà cũng không thể nhớ nổi một chữ.
- Trong khi đó, ở bên cạnh tôi, Hoa đã làm xong từ bao giờ. Chỉ còn có 5 phút, tôi cuống quá liền giật lấy bài của Hoa và vội vàng chép.

*** Điều đặc biệt của trải nghiệm đó khiến em nhớ nó đến tận bây giờ hoặc khiến em thay đổi, tự hoàn thiện bản thân.**

- Tiết học sau, cô trả bài kiểm tra hôm ấy và nói rằng: “Cô rất buồn rằng trong lớp ta có hiện tượng chép bài của nhau, đó là của Lan và Hoa, cô cho cả hai bạn 3 điểm, nếu các em có gì thắc mắc thì sau giờ học lên gặp cô”.
- Tôi sững sờ, còn Hoa mắt nhòe đi khi nhận bài kiểm tra của mình. Tôi vô tâm nghĩ rằng chỉ là một bài kiểm tra thôi mà, sau giờ học mình sẽ xin lỗi nó sau. Lúc tan học, Hoa chẳng đợi tôi về cùng mà đi trước. Mấy đứa bạn cùng lớp thì thầm rằng:
- Sao hôm nay Hoa lại không học bài nhỉ, mọi khi cậu ấy chăm lắm mà.
- Bây giờ, tôi mới ân hận và hiểu ra lỗi lầm của mình. Vì vô tâm mà tôi đã làm tổn thương Hoa. Chẳng biết làm gì khác, tôi vội vàng chạy đuổi theo Hoa để xin lỗi.....
- Lúc ấy, tôi mới thở phào nhẹ nhõm. Nếu không sửa lỗi kịp thời, có lẽ tôi đã đánh mất một người bạn tốt như Hoa.

Lưu ý: Khi kể sự việc thông qua các hành động, lời nói của nhân vật cần kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm.

3/ Kết bài: Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân hoặc bài học rút ra từ trải nghiệm ấy.

Ví dụ: Mỗi lần nhớ lại kỉ niệm ấy, tôi thấy thẹn với lòng và tự dặn mình phải biết chú ý tới cảm xúc của người khác hơn, nếu không, tôi sẽ đánh mất những người luôn yêu thương và giúp đỡ tôi trong cuộc sống.

Bước 3: Viết bài

Trong cuộc đời mỗi người, ai chẳng có những phút giây lỗi lầm. Nhưng điều quan trọng là, sau mỗi lần mắc lỗi, chúng ta biết hối hận và sửa chữa sai lầm ấy. Tôi cũng đã có một lần mắc lỗi với chính người bạn thân của mình hồi năm học lớp 4. Đó là một trải nghiệm buồn vì suýt chút nữa chính tôi đã tự tay giết chết đi một tình bạn đẹp.

Tôi và Hoa chơi với nhau từ nhỏ, nhà ở cạnh nhau nên chúng tôi lại càng thân hơn, đi đến đâu cũng dính lấy nhau như hai chị em vậy. Hoa có vóc dáng nhỏ nhắn, thân hình mảnh khảnh nhưng rất khỏe. Gương mặt xinh tươi, vàng trăn cao. Ở Hoa toát lên sự thông minh. Hoa là học sinh giỏi nhiều năm liền. Bạn ấy còn rất tốt tính, hay giúp đỡ mọi người. Hàng ngày, ngoài việc đi học cùng nhau, Hoa còn giúp tôi rất nhiều trong học tập, nhờ có Hoa mà tôi đã tiến bộ lên rất nhiều.

Tôi vẫn còn nhớ như in năm lớp 4. Hôm đó, cô giáo vào lớp và gọi một số bạn lên kiểm tra bài cũ, trong đó có tôi. Vì đã học bài ở nhà nên tôi trả lời rất đồng dạng, tự tin, cô cho tôi một điểm 10 đỏ chói vào trong sổ. Bạn bè trong lớp nhìn tôi đầy ngưỡng mộ khi có thể nhớ chi tiết từng ngày tháng, địa danh trong bài lịch sử dài dằng dặc. Tối hôm đó, vì tivi có chương trình rất hay mà tôi yêu thích, cũng vì chủ quan rằng mình đã có điểm nên tôi không học lại bài. Ai ngờ hôm sau, cô bắt ngờ cho kiểm tra 15 phút, tôi ngồi vò đầu bứt tai, cắn bút mãi mà cũng không thể nhớ nổi một chữ. Trong khi đó, ở bên cạnh tôi, Hoa đã làm xong từ bao giờ. Chỉ còn có 5 phút, tôi cuống quá liền giật lấy bài của Hoa và vội vàng chép. Tiết học sau, cô trả bài kiểm tra hôm ấy và nói rằng:

- Cô rất buồn rằng trong lớp ta có hiện tượng chép bài của nhau, đó là của Lan và Hoa, cô cho cả hai bạn 3 điểm, nếu các em có gì thắc mắc thì sau giờ học lên gặp cô.

Tôi sững sờ, còn Hoa mắt nhòe đi khi nhận bài kiểm tra của mình. Tôi vô tâm nghĩ rằng chỉ là một bài kiểm tra thôi mà, sau giờ học mình sẽ xin lỗi nó sau. Lúc tan học, Hoa chẳng đợi tôi về cùng mà đi trước. Mấy đứa bạn cùng lớp thì thầm rằng:

- Sao hôm nay Hoa lại không học bài nhỉ, mọi khi cậu ấy chăm lắm mà.

Bây giờ, tôi mới ân hận và hiểu ra lỗi lầm của mình. Vì vô tâm mà tôi đã làm tổn thương Hoa. Chẳng biết làm gì khác, tôi vội vàng chạy đuổi theo Hoa để xin lỗi. Bắt kịp Hoa, tôi nói bằng giọng hỗn hển chẳng ra hơi:

- Hoa ơi. Mình xin lỗi nhé. Tại mình mà cậu bị điểm kém.

Hoa mỉm cười dịu dàng:

- Thôi, không sao đâu, mình cũng không giận cậu nữa.

Lúc ấy, tôi mới thở phào nhẹ nhõm. Nếu không sửa lỗi kịp thời, có lẽ tôi đã đánh mất một người bạn tốt như Hoa.

Mỗi lần nhớ lại kỉ niệm ấy, tôi thấy thẹn với lòng và tự dặn mình phải biết chú ý tới cảm xúc của người khác hơn, nếu không, tôi sẽ đánh mất những người luôn yêu thương và giúp đỡ tôi trong cuộc sống.

Đề 3: Kể về một kỉ niệm đáng nhớ đối với một con vật nuôi mà em yêu thích

a. Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.

- Đọc và xác định yêu cầu đề bài, lựa chọn trải nghiệm mà em có ấn tượng sâu sắc về một con vật nuôi mà em yêu thích: chú chó Milo

- Nhớ lại các chi tiết về trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của em qua trải nghiệm: Milo đã cứu em thoát chết

- Tìm các tư liệu, tranh, ảnh liên quan để minh họa cho trải nghiệm (nếu thấy cần thiết).

b. Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

*** Tìm ý**

- Sự việc chính:

+ Đó là sự việc: em đi tắm sông, bị chuột rút chân, chìm xuống, em được Milo cứu.

+ không gian, địa điểm diễn ra: con sông trước cửa nhà em

+ thời gian cụ thể: kì nghỉ hè, buổi chiều...

- Nhân vật

+ Hình ảnh chú chó Milo: giống chó, bộ lông, huyền đề ở chân, đôi mắt...

+ Em và Milo đã có sự gắn bó thế nào: cảm nhận của em về ý nghĩ, hành động, cử chỉ gì của Milo lúc ở nhà, lúc ở bên sông? (chào hỏi khi đi học về, âu yếm ngắm nhìn, lăm lét nhìn trộm khi bị em quát, lo lắng khi thấy em bơi...

- Cốt truyện:

+ Diễn biến của câu chuyện: Điều gì đã xảy ra? Theo thứ tự như thế nào? (sự việc mở đầu, sự việc phát triển, sự việc kết thúc)

- Ý nghĩa: Trải nghiệm Milo cứu em thoát chết, em nhận ra tình yêu thương, sự dũng cảm, sẵn sàng hi sinh vì bạn của Milo...

- Cảm xúc của người kể: Cảm xúc của em khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại: xúc động, hạnh phúc, sung sướng...

*** Lập dàn ý**

- Mở bài:

Giới thiệu trải nghiệm với chú chó Milo của mình. Nhân vật: Milo, sự việc chính là em được Milo cứu.

- Thân bài:

Kể lại diễn biến của câu chuyện theo trình tự nhất định (tự thời gian, không gian, các sự việc đã sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa, làm nổi bật nhân vật, sự việc chính)

+ Kỉ niệm diễn ra theo trình tự thời gian: lúc bà tặng, lúc đi học về, khi xảy ra sự việc đi tắm sông, sau sự việc được cứu...

+ Không gian: bên bờ sông, ồn ào...

+ Trải nghiệm thú vị nào:

+ Được đi tắm sông, thi bơi với các bạn

+ Ngắm nhìn Milo lúc đang bơi, cảm nhận thấy khó khăn khi bơi.

+ Nhiều người vây quanh khi tỉnh lại. Xúc động vì được Milo cứu...

+ Nhân vật Milo được hiện lên trong lời kể: Miêu tả về bộ lông, chân huyền đề, động tác vui mừng, lúc sợ hãi của nó....

+ Bài học sâu sắc cháu nhận ra: tình yêu động vật, ý nghĩa của tình bạn

+ Cảm xúc nhân vật cháu: bộc lộ qua tâm trạng vui sướng khi được chơi cùng Milo, hạnh phúc, biết ơn Milo...

- Kết bài:

Nêu cảm nghĩ về trải nghiệm với con vật nuôi, bài học về cách đối xử với động vật.

ĐỀ 4.

Trong chúng ta, ai cũng từng ít nhất một lần mắc lỗi. Những lỗi lầm ấy sẽ giúp chúng ta nhận ra hạn chế, khuyết điểm của bản thân nhưng cũng để lại trong ta nhiều cảm xúc buồn hay tiếc nuối. Em hãy kể lại một lần mắc lỗi đó của em.

Bước 1: Trước khi viết

-Lựa chọn đề tài: Với đề bài kể lại một lần mắc lỗi của em, em có thể hồi tưởng lại những trải nghiệm đã qua: bỏ học, nói dối, nghịch ngợm gây nên hậu quả, ham chơi quên lời dạy của bố mẹ, xem trộm nhật kí người khác, ăn trộm tiền,...

-Xác định mục đích làm bài: Kể lại một kỉ niệm buồn, tiếc nuối hoặc một kỉ niệm khiến em thay đổi, trưởng thành là kiểu bài trong đó người viết kể về những diễn biến của sự việc mình đã trải qua cùng với bố mẹ, ông bà, thầy cô, bạn bè, những người xung quanh để chia sẻ với người đọc kinh nghiệm trong cuộc sống được rút ra từ kỉ niệm đó.

- Thu thập tư liệu:

+ Nhớ lại những sự việc, trải nghiệm đã để lại cho em những kỉ niệm buồn, tiếc nuối hoặc khiến bản thân em thay đổi.

+ Đọc các câu chuyện đã học, đọc các bài viết tham khảo,...

+ Tìm những kỉ vật có liên quan đến câu chuyện.....

+.....

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

a.Tìm ý:

- Em nhớ và định kể kỉ niệm (buồn, tiếc nuối hoặc khiến bản thân thay đổi) có liên quan đến ai?

- Kỉ niệm ấy xảy ra trong tình huống nào? (địa điểm, thời gian)

- Những ai đã liên quan đến kỉ niệm đó? Họ đã nói và làm gì?

- Sự việc nào xảy ra trong kỉ niệm đó? Và được giải quyết như thế nào?

- Kỉ niệm ấy đem lại cho em cảm xúc gì, thái độ gì, ấn tượng gì?

- Vì sao em có được những cảm xúc, thái độ, ấn tượng đó?

- Từ kỉ niệm đó em rút ra cho mình bài học gì?

b.Lập dàn ý:

Mở bài: Giới thiệu khái quát về lỗi lầm mà em đã gây ra.

Thân bài:

-Tình huống (hoàn cảnh: địa điểm và thời gian) xảy ra trải nghiệm, các nhân vật có liên quan.

Ví dụ:

+ Hôm ấy là một ngày tồi tệ nhất trong cuộc đời tôi...

+ Vì:.....

Lưu ý: Giới thiệu tình huống, hoàn cảnh cần kết hợp yếu tố miêu tả không gian, cảnh sắc thiên nhiên, con người.

- Diễn biến trải nghiệm: (lần phạm lỗi đó)

+.....

+.....

+.....

- Điều đặc biệt của trải nghiệm đó khiến em nhớ nó đến tận bây giờ hoặc khiến em thay đổi để tự hoàn thiện bản thân.

Ví dụ: Mỗi khi nhớ lại, tôi vẫn tự trách mình và cảm thấy có lỗi với thầy giáo vô cùng. Tôi nợ cô một lời xin lỗi.

Lưu ý: Khi kể sự việc thông qua các hành động, lời nói của nhân vật cần kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm.

Kết bài:

- Bài học nhận được sau lỗi lầm ấy.
- Tôi đã, đang và sẽ thay đổi bản thân sau khi nhận ra được bài học đó.

Bước 3: Viết bài**Bài tham khảo**

Trong cuộc sống không ai là chưa một lần mắc lỗi. Đến tận bây giờ, mỗi khi nhớ lại lần đó, tôi vẫn thấy xấu hổ và hối hận vô cùng. Ngày đó tôi vẫn còn là một cô nhóc lớp 5 ngây ngô, đại dốt.

Hồi ấy, tôi vốn là một học sinh giỏi Tiếng Anh của lớp. Bài kiểm tra nào tôi cũng đạt điểm cao khiến cô giáo rất hài lòng. Mỗi lần được gọi lên phát biểu, tôi đều trả lời chuẩn xác trước con mắt thán phục của bạn bè. Có một lần trong giờ Tiếng Anh ôn tập, tôi đã không học bài. Tối hôm trước đó, trên ti vi chiếu một bộ phim hoạt hình mà tôi rất thích, tôi đã xem đến quên cả thời gian. Đến khi hết phim thì đã 10 giờ mất rồi. Thế rồi tôi chủ quan, nghĩ rằng mình đã có điểm kiểm tra miệng rồi nên cô sẽ không gọi nữa đâu. Chính bởi vậy nên tôi đã yên tâm đi ngủ.

Nhưng rồi hôm sau đến lớp, có một chuyện bất ngờ đã xảy ra, hôm ấy lớp tôi kiểm tra 15 phút. Tôi ngơ ngác, ngồi im như bất động. Bạn Lan bên cạnh phải nhắc nhở; “Chép đề bài đi kia!” Tiết kiểm tra hôm ấy như kéo dài vô tận. Tôi cứ viết rồi lại xóa. Vì lo sợ nên đầu óc cứ rối cả lên, không nghĩ được cái gì. Thời gian đã hết, tôi nộp bài mà lòng cứ thấp thỏm, lo âu mãi.

Tuần sau, cô giáo trả bài. Như mọi lần, tôi nhận bài từ tay cô để phát cho các bạn. Liếc qua bài mình, thấy bị điểm 5, tim tôi thất lại. Rồi không để cho ai kịp nhìn thấy và cố giữ nét mặt thản nhiên để che giấu bao nhiêu bối rối trong lòng. Thật là chuyện chưa từng có. Ăn nói làm sao với cô, với bạn, với bố mẹ bây giờ? Tôi quay cuồng lo nghĩ và bất chợt nảy ra một ý. Cô giáo gọi điểm vào sổ. Đến tên tôi, tôi bình tĩnh xưng to: Tám ạ! Cô gọi tiếp bạn khác. Tôi thở phào nhẹ nhõm và tự nhủ chắc cô giáo sẽ không để ý đâu vì có gần chục bài bị điểm kém cơ mà!

Trên đường đi học về, tôi cứ suy nghĩ mãi, nghĩ về những tràng vỗ tay, những lời khen ngợi chân thành, vẻ hài lòng và tự hào của cha mẹ... Tất cả những điều ấy vô tình khơi dậy sự day dứt và xấu hổ trong tôi. Tôi không xứng đáng với sự kì vọng đó. Tối hôm ấy, tôi trằn trọc cả đêm không ngủ được, nỗi ân hận cứ bám theo tôi. Và thế là tôi đã quyết định sẽ thú nhận tất cả và xin lỗi cô giáo.

Ngày hôm sau đến lớp, tôi đã gặp cô và trình bày rõ mọi việc, xin lỗi cô và nói sẽ chấp nhận mọi hình phạt. Cứ tưởng sẽ bị cô mắng và kỉ luật, ấy vậy mà cô chỉ nhẹ nhàng nhìn, xoa đầu tôi và nói: “Cuộc đời này không ai là không mắc sai lầm cả. Quan trọng là ta phải biết nhận ra và sửa đổi lỗi lầm của mình. Cô hy vọng đây là một bài học cho em và mong em sẽ không tái phạm nữa.” Tôi vô cùng biết ơn cô vì cô đã tha thứ cho mình.

Đến bây giờ, tuy chuyện đã xảy ra khá lâu rồi, thời gian đã đẩy lùi chúng vào dĩ vãng nhưng nỗi ân hận và xấu hổ vẫn luôn bám theo tôi. Tôi luôn ghi nhớ và coi đó là một bài học quý báu cho mình. Tôi tự nhủ sẽ không bao giờ mắc lại lỗi lầm đó một lần nữa.

ĐỀ 5:

Kể lại sự việc em đã gây ra khiến bố mẹ buồn phiền.

Dàn ý:**1. Mở bài**

- Mở bài trực tiếp: giới thiệu về sự việc em lỡ gây ra khiến bố mẹ phiền lòng.
- Mở bài gián tiếp: dẫn dắt kể về hoàn cảnh khiến em gợi nhớ về một lần đã khiến bố mẹ phải buồn phiền ở trong quá khứ. Từ đó dẫn vào phần thân bài kể về sự việc đó.

2. Thân bài

- Kể lại diễn biến của sự việc em đã lỡ gây ra khiến bố mẹ phiền lòng, chú ý:
 - + Kể lại sự việc đã diễn ra theo trình tự thời gian (cái gì diễn ra trước thì kể trước, cái gì diễn ra sau thì kể sau).
 - + HS sắp xếp câu chuyện kể theo mô tip nguyên nhân xảy ra sự việc - diễn biến sự việc - kết quả sự việc.
- Nêu những cảm xúc, suy nghĩ (buồn bã, hối hận...) của em sau khi diễn ra sự việc ấy.
- Em đã làm những gì để khắc phục lỗi lầm của mình (bằng lời nói và hành động cụ thể...)
- Thái độ của bố, mẹ sau khi em thể hiện sự hối lỗi của mình.

3. Kết bài

- Suy nghĩ, bài học mà em rút ra được sau sự việc mà em đã kể.

Viết bài**Tham khảo bài văn mẫu**

Con người sinh ra vốn bất toàn, có ai là người chưa từng một lần mắc sai lầm trong cuộc đời dài của chính mình, điều quan trọng là ta phải biết thức tỉnh, sửa sai, đứng lên trên sai lầm ấy mà trưởng thành. Tôi cũng đã từng phạm sai lầm, điều đáng buồn hơn cả là sự việc tôi gây ra đã khiến bố mẹ, những người yêu thương, tin tưởng tôi nhất đau lòng, phiền muộn. Sự việc ấy dù đã qua đi được một thời gian dài nhưng mỗi khi nhắc đến tôi vẫn cảm thấy day dứt và hối hận vô cùng.

Vì công việc bận rộn, bố mẹ cũng ít có thời gian quan tâm sát sao tôi. Nhưng tính tôi hiền lành, nhút nhát, lại rất thương bố mẹ nên tôi rất ngoan ngoãn, lễ phép, biết vâng lời và giúp đỡ bố mẹ công việc nhà. Thành tích học tập của tôi cũng vào loại khá đủ khiến bố mẹ đặt lòng tin ở tôi để tu chí làm ăn. Nhưng tất cả sự tin tưởng, niềm tự hào của bố mẹ dành cho tôi đã hoàn toàn sụp đổ vào năm tôi học lớp bốn.

Tôi còn nhớ như in năm đó, ở gần trường tôi có mở thêm vài quán nét mới. Vốn tính nhút nhát lại không ham chơi, đua đòi nên tôi rất ít ra vào nơi đó. Nhưng hôm ấy, tôi còn nhớ vì bị điểm kém bài thi toán tôi đã rất buồn, lại có phần hụt hẫng và chán nản bởi đó là môn mà tôi đã hi vọng và nỗ lực rất nhiều để đạt điểm cao. Trong lúc tâm trạng đang rối bời, có mấy bạn đã rủ tôi vào quán nét chơi game cho thoải mái đầu óc. Sau một hồi đắn đo, phân vân tôi đã quyết định đi cùng các bạn. Chưa bao giờ tôi nghĩ những trò chơi game lại có ma lực lôi cuốn mình đến thế. Những trận đánh ảo, những gia tài khổng lồ

trong game khiến tôi như quên đi mọi thứ xung quanh mà chìm đắm vào nó. Một lần, hai lần, ba lần rồi dần dần tôi thường xuyên vào quán nét. Hằng ngày, số tiền bố mẹ cho tôi để ăn sáng tôi đều dành để đi chơi game. Tôi lỗi và đáng trách hơn cả là tôi bắt đầu biết nói dối bố mẹ. Tôi nói rằng mình phải đi học thêm, học nhóm để thoát thác các công việc nhà mà tôi thường hay làm, bỏ qua những giờ tự học ở nhà để đến quán nét. Tôi dần trở nên hư đốn, tha hóa khi thường xuyên trốn học, bỏ tiết để đi chơi game. Thậm chí có lần, vì ham chơi lại không có tiền nên tôi đã nói dối bố mẹ xin tiền đi học phụ đạo để phục vụ cho việc làm sai trái của mình. Tôi học hành sa sút nghiêm trọng, tự bản thân tôi cũng cảm thấy mình như trở thành một con người hoàn toàn khác. Bố mẹ tôi đi sớm về khuya có lẽ chưa kịp phát hiện ra sự thay đổi của tôi, cho nên tôi vẫn ngang nhiên bỏ học chơi game.

Sự việc này cứ thế diễn ra hơn ba tháng trời, chỉ đến khi cô giáo gọi điện mời bố mẹ tôi lên trường để gặp gỡ, trao đổi thì mọi chuyện mới vỡ lở. Vì trốn học quá nhiều, tôi còn không biết đến cuộc gặp mặt này. Buổi chiều hôm ấy, cũng như bao ngày khác, tôi bước ra từ quán nét vào đúng giờ tan học và trở về nhà cũng rất đúng giờ như các bạn khác. Bước vào nhà, tôi ngạc nhiên vô cùng khi cả bố và mẹ đều đang ngồi ở phòng khách. Tôi chào bố mẹ và tỏ ra thắc mắc “sao bố mẹ hôm nay đi làm về sớm thế ạ”. Về mặt tôi cố tỏ ra thật tự nhiên nhưng nhìn nét mặt nghiêm nghị của bố và ánh mắt buồn rầu của mẹ tôi biết chắc chắn đã xảy ra chuyện gì. Bố hỏi tôi:

- Con vừa đi đâu về?

Tôi vẫn tỏ ra ngoan cố vì không nghĩ rằng bố mẹ chưa biết chuyện:

- Dạ, con vừa đi học về ạ.

Lúc này, ánh mắt bố tôi đục ngầu, tôi cảm nhận được những tia giận giữ lóe lên từ cái nhìn về tôi. Bố gằn giọng, cố kìm nén cơn nóng giận và nói:

- Bố mẹ vừa đi gặp cô giáo chủ nhiệm của con về.

Chỉ nghe đến đây thôi, chân tay của tôi như rụng rời, tim tôi đập nhanh, môi run run không thốt lên lời. Tôi biết bão tố sắp ập đến với mình. Tôi cũng đã từng nghĩ ngày này sớm muộn cũng sẽ đến nhưng tôi không sao kiềm chế được bản thân. Tôi khóc nức không thành tiếng rồi rít xin lỗi bố mẹ. Thực sự khi ấy, lời xin lỗi của tôi không đơn thuần xuất phát từ nỗi sợ hãi mà tôi đang ăn năn, day dứt về dẫn vật thực sự về việc làm của mình. Tôi sẵn sàng đón nhận sự trừng phạt, những trận đòn roi, những lời chửi mắng từ bố mẹ. Thế nhưng, mọi thứ hoàn toàn không như tôi nghĩ, mẹ tôi đã khóc, khóc rất nhiều, từ bé đến giờ tôi chưa bao giờ phải thấy mẹ khóc nhiều đến thế. Tôi đau lòng vô cùng, những giọt nước mắt ấy còn làm tôi xót hơn cả những trận đòn roi. Tôi càng trách bản thân nhiều hơn, tôi tự cảm thấy xấu hổ cho chính bản thân mình. Bố điềm tĩnh giảng giải chỉ ra những sai lầm và khuyên răn tôi. Tôi thức tỉnh thực sự, tôi hối hận về những hành động sai trái của mình, tôi yêu thương và kính trọng bố mẹ mình nhiều hơn. Kể từ hôm ấy, tôi chuyên tâm học hành, trở về là chính mình và tự hứa với bản thân sẽ học tập chăm chỉ hơn, ngoan ngoãn hơn để bù đắp những sai lầm mà mình gây ra.

Giờ đây, tôi đã trưởng thành, tôi thấu hiểu rằng, sai lầm không đáng sợ, thứ đáng sợ hơn cả là bản thân không nhận ra được lỗi sai và sửa chữa, Từ ngày ấy,

mỗi lần đưa ra các quyết định hay hành động gì tôi đều nghĩ đến bố mẹ, những người đã bao dung rộng lòng cho tôi biết sai, sửa sai và có được một bài học đường đời quý giá.

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị :Viết văn kể lại một trải nghiệm.

Ngày dạy: 24/11/2022

BUỔI 16:

LUYỆN VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM (MỘT TRẢI NGHIỆM VUI VẺ, HẠNH PHÚC, ĐÁNG NHỚ)

I.MỤC TIÊU

b. Kiến thức

- Kiểu văn bản kể lại một trải nghiệm của bản thân

b. Năng lực

- Biết viết bài văn bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập dữ liệu); tìm ý và lập dàn ý; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm
- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

c. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SBT
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

Đề 1: Bằng tất cả tình yêu và sự kính trọng, em hãy viết bài văn kể lại một kỉ niệm sâu sắc, đáng nhớ của em với mẹ.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

-**Lựa chọn đề tài:** Với đề bài kể lại một kỉ niệm sâu sắc, đáng nhớ của em với mẹ, em có thể hồi tưởng lại những kỉ niệm đã qua: kỉ niệm lần đầu tiên đi học, kỉ niệm mẹ chăm sóc em khi em bị ốm, kỉ niệm em cùng gia đình chuẩn bị sinh nhật cho mẹ, kỉ niệm mẹ chỉ em học toán, làm văn,...

- **Xác định mục đích làm bài:** Với đề bài kể lại một kỉ niệm sâu sắc, đáng nhớ của em với mẹ thì người viết kể về những diễn biến của sự việc mình đã trải qua cùng mẹ, chia sẻ với người đọc kinh nghiệm trong cuộc sống được rút ra từ kỉ niệm đó.

- **Thu thập tài liệu:**

- + Nhớ lại những sự việc, trải nghiệm đã để lại cho em những kỉ niệm vui, hạnh phúc, đáng nhớ
- + Đọc các câu chuyện đã học, đọc các bài viết tham khảo,...

+ Tìm những kỉ vật có liên quan đến câu chuyện.....

+.....

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

a.Tìm ý:

- Em nhớ và định kể kỉ niệm sâu sắc nào với mẹ?
- Kỉ niệm ấy xảy ra trong tình huống nào? (địa điểm, thời gian)
- Những ai đã liên quan đến kỉ niệm đó? Họ đã làm gì?
- Sự việc nào xảy ra trong kỉ niệm đó? Và được giải quyết như thế nào?
- Kỉ niệm ấy đem lại cho em cảm xúc gì, thái độ gì?
- Từ kỉ niệm đó em rút ra cho mình bài học gì?

b.Lập dàn ý:

Mở bài: Giới thiệu khái quát về trải nghiệm đáng nhớ của em với mẹ

Thân bài:

-Tình huống (hoàn cảnh: địa điểm và thời gian) xảy ra trải nghiệm, các nhân vật có liên quan.

Lưu ý: Giới thiệu tình huống, hoàn cảnh cần kết hợp yếu tố miêu tả không gian, cảnh sắc thiên nhiên, con người.

- Diễn biến trải nghiệm:

- Điều đặc biệt của trải nghiệm đó khiến em nhớ nó đến tận bây giờ hoặc khiến em thay đổi để tự hoàn thiện bản thân.

Lưu ý: Khi kể sự việc thông qua các hành động, lời nói của nhân vật cần kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm.

Kết bài: Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân hoặc bài học rút ra từ trải nghiệm ấy.

Bước 3: Viết bài

Trong cuộc đời mỗi người chắc hẳn ai cũng từng có rất nhiều kỉ niệm. Những kỉ niệm khó phai với những cảm xúc hồn nhiên. Và tôi cũng có những kỉ niệm trong trẻo ấy. Nhưng một trong những kỉ niệm mà tôi không thể nào quên trong cuộc đời của mình đó là kỉ niệm lần đầu tiên đến trường cùng mẹ..

Tôi còn nhớ như in ngày đầu tiên tôi đi học. Tối hôm đó, sau bữa ăn tối, mẹ đã mang vào phòng tôi một bọc quà rất to. Tôi cứ nghĩ là được mẹ mua cho đồ chơi hay là một bộ lego mà tôi hằng mong muốn. Tôi háo hức mở bọc quà, thì ra đó toàn là sách, vở, đồ dùng học tập và có cả một chiếc cặp sách in hình siêu nhân mà tôi rất thích. Bộ đồng phục đã được mẹ là phẳng phiu. Mẹ mặc thử cho tôi bộ đồng phục học sinh lớp Một. Tôi cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn hẳn ra. Tôi ngấm ngấm hồi lâu rồi bật cười. Cả đêm hôm đó tôi không thể nào ngủ được.

Sáng hôm sau, mẹ âu yếm dắt tôi đến trường trên con đường làng dài và hẹp. Tôi vẫn nhớ cảm giác hồi hộp và lo sợ lúc đó, tôi không biết mình sẽ làm gì và mình sẽ như thế nào khi không có mẹ ở bên. Rồi tay mẹ, tôi bước vào cổng trường, tôi thấy mình thật bơ vơ và lạc lõng. Thế là mẹ ôm tôi vào lòng âu yếm: "*Con lớn rồi mà, từ hôm nay con đã là học sinh lớp Một rồi. Hãy tự tin lên nào!*". Tôi nghe lời mẹ, vào lớp học. Ngày hôm đó đối với tôi thật dài, tôi rất nhớ mẹ, chưa bao giờ tôi lại thấy yêu mẹ và cần mẹ hơn lúc này.

Đã năm năm trôi qua kể từ ngày đầu tiên đi học nhưng tôi không thể nào quên được hình ảnh thân thương của mẹ và những cảm xúc của mình trong cái ngày đáng nhớ ấy. Mẹ đã giúp tôi tự tin, vững vàng bước những bước đi đầu tiên trên con đường tri thức.

Ngày đầu tiên ấy đã trôi qua nhưng những cảm xúc vẫn còn nguyên vẹn trong tôi không bao giờ mờ phai. Với tôi, mẹ như một làn mây che cho tôi mưa nắng, mẹ là ngọn lửa thôi thúc con tim tôi để vững bước trên đường đời. Dù mai đây nếu mẹ có mất đi thì trong tôi, mẹ luôn sống và theo tôi suốt cuộc đời.

Từ những trải nghiệm của cuộc sống tình bạn, em hãy viết bài văn kể lại kỉ niệm sâu sắc của em với một người bạn của mình.

Hướng dẫn làm bài

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

a. Tìm ý:

- Em nhớ và định kể kỉ niệm sâu sắc nào với bạn?
- Kỉ niệm ấy xảy ra trong tình huống nào? (địa điểm, thời gian)
- Những ai đã liên quan đến kỉ niệm đó? Họ đã làm gì?
- Sự việc nào xảy ra trong kỉ niệm đó? Và được giải quyết như thế nào?
- Kỉ niệm ấy đem lại cho em cảm xúc gì, thái độ gì?
- Từ kỉ niệm đó em rút ra cho mình bài học gì?

b. Lập dàn ý:

1/ Mở bài: Giới thiệu khái quát về trải nghiệm đáng nhớ của em với người bạn của mình.

Ví dụ: Trong cuộc đời mỗi người, ai chẳng có những phút giây lỗi lầm. Nhưng điều quan trọng là, sau mỗi lần mắc lỗi, chúng ta biết hối hận và sửa chữa sai lầm ấy. Tôi cũng đã có một lần mắc lỗi với chính người bạn thân của mình hồi năm học lớp 4. Đó là một trải nghiệm buồn vì suýt chút nữa chính tôi đã tự tay giết chết đi một tình bạn đẹp.

2/ Thân bài:

***Tình huống** (hoàn cảnh: địa điểm và thời gian) xảy ra trải nghiệm, các nhân vật liên quan.

-Miêu tả đôi nét về người bạn làm nên kỉ niệm với em:

Ví dụ:

Hoa có vóc dáng nhỏ nhắn, thân hình mảnh khảnh nhưng rất khỏe. Gương mặt xinh tươi, vàng trán cao. Ở Hoa toát lên sự thông minh. Hoa là học sinh giỏi nhiều năm liền. Bạn ấy còn rất tốt tính, hay giúp đỡ mọi người. Hàng ngày, ngoài việc đi học cùng nhau, Hoa còn giúp tôi rất nhiều trong học tập, nhờ có Hoa mà tôi đã tiến bộ lên rất nhiều.

-Nêu thời gian, địa điểm xảy ra kỉ niệm: **Ví dụ:** Tôi vẫn còn nhớ như in năm lớp 4. Hôm đó, cô giáo vào lớp và gọi một số bạn lên kiểm tra bài cũ, trong đó có tôi.....

Lưu ý: Giới thiệu tình huống, hoàn cảnh; địa điểm và thời gian kết hợp yếu tố miêu tả không gian, cảnh sắc thiên nhiên, con người.

***Diễn biến trải nghiệm:**

- Hôm đó, cô giáo vào lớp và gọi một số bạn lên kiểm tra bài cũ, trong đó có tôi.

- Vì đã học bài ở nhà nên tôi trả lời rất đồng dạc, tự tin, cô cho tôi một điểm 10 đỏ chói vào trong sổ. Bạn bè trong lớp nhìn tôi đầy ngưỡng mộ khi có thể nhớ chi tiết từng ngày tháng, địa danh trong bài lịch sử dài dằng dặc.
- Tối hôm đó, vì tivi có chương trình rất hay mà tôi yêu thích, cũng vì chủ quan rằng mình đã có điểm nên tôi không học lại bài.
- Ai ngờ hôm sau, cô bắt ngờ cho kiểm tra 15 phút, tôi ngồi vò đầu bứt tai, cắn bút mãi mà cũng không thể nhớ nổi một chữ.
- Trong khi đó, ở bên cạnh tôi, Hoa đã làm xong từ bao giờ. Chỉ còn có 5 phút, tôi cuống quá liền giật lấy bài của Hoa và vội vàng chép.

*** Điều đặc biệt của trải nghiệm đó khiến em nhớ nó đến tận bây giờ hoặc khiến em thay đổi, tự hoàn thiện bản thân.**

- Tiết học sau, cô trả bài kiểm tra hôm ấy và nói rằng: “Cô rất buồn rằng trong lớp ta có hiện tượng chép bài của nhau, đó là của Lan và Hoa, cô cho cả hai bạn 3 điểm, nếu các em có gì thắc mắc thì sau giờ học lên gặp cô”.
- Tôi sững sờ, còn Hoa mắt nhòe đi khi nhận bài kiểm tra của mình. Tôi vô tâm nghĩ rằng chỉ là một bài kiểm tra thôi mà, sau giờ học mình sẽ xin lỗi nó sau. Lúc tan học, Hoa chẳng đợi tôi về cùng mà đi trước. Mấy đứa bạn cùng lớp thì thầm rằng:
- Sao hôm nay Hoa lại không học bài nhỉ, mọi khi cậu ấy chăm lắm mà.
- Bây giờ, tôi mới ân hận và hiểu ra lỗi lầm của mình. Vì vô tâm mà tôi đã làm tổn thương Hoa. Chẳng biết làm gì khác, tôi vội vàng chạy đuổi theo Hoa để xin lỗi.....
- Lúc ấy, tôi mới thở phào nhẹ nhõm. Nếu không sửa lỗi kịp thời, có lẽ tôi đã đánh mất một người bạn tốt như Hoa.

Lưu ý: Khi kể sự việc thông qua các hành động, lời nói của nhân vật cần kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm.

3/ Kết bài: Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân hoặc bài học rút ra từ trải nghiệm ấy.

Ví dụ: Mỗi lần nhớ lại kỉ niệm ấy, tôi thấy thẹn với lòng và tự dặn mình phải biết chú ý tới cảm xúc của người khác hơn, nếu không, tôi sẽ đánh mất những người luôn yêu thương và giúp đỡ tôi trong cuộc sống.

Bước 3: Viết bài

Trong cuộc đời mỗi người, ai chẳng có những phút giây lỗi lầm. Nhưng điều quan trọng là, sau mỗi lần mắc lỗi, chúng ta biết hối hận và sửa chữa sai lầm ấy. Tôi cũng đã có một lần mắc lỗi với chính người bạn thân của mình hồi năm học lớp 4. Đó là một trải nghiệm buồn vì suýt chút nữa chính tôi đã tự tay giết chết đi một tình bạn đẹp.

Tôi và Hoa chơi với nhau từ nhỏ, nhà ở cạnh nhau nên chúng tôi lại càng thân hơn, đi đến đâu cũng dính lấy nhau như hai chị em vậy. Hoa có vóc dáng nhỏ nhắn, thân hình mảnh khảnh nhưng rất khỏe. Gương mặt xinh tươi, vầng trán cao. Ở Hoa toát lên sự thông minh. Hoa là học sinh giỏi nhiều năm liền. Bạn ấy còn rất tốt tính, hay giúp đỡ mọi người. Hàng ngày, ngoài việc đi học cùng nhau, Hoa còn giúp tôi rất nhiều trong học tập, nhờ có Hoa mà tôi đã tiến bộ lên rất nhiều.

Tôi vẫn còn nhớ như in năm lớp 4. Hôm đó, cô giáo vào lớp và gọi một số bạn lên kiểm tra bài cũ, trong đó có tôi. Vì đã học bài ở nhà nên tôi trả lời rất đồng dạng, tự tin, cô cho tôi một điểm 10 đỏ chói vào trong sổ. Bạn bè trong lớp nhìn tôi đầy ngưỡng mộ khi có thể nhớ chi tiết từng ngày tháng, địa danh trong bài lịch sử dài dằng dặc. Tối hôm đó, vì tivi có chương trình rất hay mà tôi yêu thích, cũng vì chủ quan rằng mình đã có điểm nên tôi không học lại bài. Ai ngờ hôm sau, cô bắt ngờ cho kiểm tra 15 phút, tôi ngồi vò đầu bứt tai, cắn bút mãi mà cũng không thể nhớ nổi một chữ. Trong khi đó, ở bên cạnh tôi, Hoa đã làm xong từ bao giờ. Chỉ còn có 5 phút, tôi cuống quá liền giật lấy bài của Hoa và vội vàng chép. Tiết học sau, cô trả bài kiểm tra hôm ấy và nói rằng:

- Cô rất buồn rằng trong lớp ta có hiện tượng chép bài của nhau, đó là của Lan và Hoa, cô cho cả hai bạn 3 điểm, nếu các em có gì thắc mắc thì sau giờ học lên gặp cô.

Tôi sững sờ, còn Hoa mắt nhòe đi khi nhận bài kiểm tra của mình. Tôi vô tâm nghĩ rằng chỉ là một bài kiểm tra thôi mà, sau giờ học mình sẽ xin lỗi nó sau. Lúc tan học, Hoa chẳng đợi tôi về cùng mà đi trước. Mấy đứa bạn cùng lớp thì thầm rằng:

- Sao hôm nay Hoa lại không học bài nhỉ, mọi khi cậu ấy chăm lắm mà.

Bây giờ, tôi mới ân hận và hiểu ra lỗi lầm của mình. Vì vô tâm mà tôi đã làm tổn thương Hoa. Chẳng biết làm gì khác, tôi vội vàng chạy đuổi theo Hoa để xin lỗi. Bắt kịp Hoa, tôi nói bằng giọng hỗn hển chẳng ra hơi:

- Hoa ơi. Mình xin lỗi nhé. Tại mình mà cậu bị điểm kém.

Hoa mỉm cười dịu dàng:

- Thôi, không sao đâu, mình cũng không giận cậu nữa.

Lúc ấy, tôi mới thở phào nhẹ nhõm. Nếu không sửa lỗi kịp thời, có lẽ tôi đã đánh mất một người bạn tốt như Hoa.

Mỗi lần nhớ lại kỉ niệm ấy, tôi thấy thẹn với lòng và tự dặn mình phải biết chú ý tới cảm xúc của người khác hơn, nếu không, tôi sẽ đánh mất những người luôn yêu thương và giúp đỡ tôi trong cuộc sống.

Đề 3: Kể về một kỉ niệm đáng nhớ đối với một con vật nuôi mà em yêu thích
a. Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.

- Đọc và xác định yêu cầu đề bài, lựa chọn trải nghiệm mà em có ấn tượng sâu sắc về một con vật nuôi mà em yêu thích: chú chó Milo

- Nhớ lại các chi tiết về trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của em qua trải nghiệm: Milo đã cứu em thoát chết

- Tìm các tư liệu, tranh, ảnh liên quan để minh họa cho trải nghiệm (nếu thấy cần thiết).

b. Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

*** Tìm ý**

- Sự việc chính:

+ Đó là sự việc: em đi tắm sông, bị chuột rút chân, chìm xuống, em được Milo cứu.

+ không gian, địa điểm diễn ra: con sông trước cửa nhà em

+ thời gian cụ thể: kì nghỉ hè, buổi chiều...

- Nhân vật

- + Hình ảnh chú chó Milo: giống chó, bộ lông, huyền đề ở chân, đôi mắt...
- + Em và Milo đã có sự gắn bó thế nào: cảm nhận của em về ý nghĩ, hành động, cử chỉ gì của Milo lúc ở nhà, lúc ở bên sông? (chào hỏi khi đi học về, âu yếm ngắm nhìn, lăm lét nhìn trộm khi bị em quát, lo lắng khi thấy em bơi...

- Cốt truyện:

- + Diễn biến của câu chuyện: Điều gì đã xảy ra? Theo thứ tự như thế nào?

(sự việc mở đầu, sự việc phát triển, sự việc kết thúc)

- Ý nghĩa: Trải nghiệm Milo cứu em thoát chết, em nhận ra tình yêu thương, sự dũng cảm, sẵn sàng hi sinh vì bạn của Milo...

- Cảm xúc của người kể: Cảm xúc của em khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại: xúc động, hạnh phúc, sung sướng...

* Lập dàn ý

- Mở bài:

Giới thiệu trải nghiệm với chú chó Milo của mình. Nhân vật: Milo, sự việc chính là em được Milo cứu.

- Thân bài:

Kể lại diễn biến của câu chuyện theo trình nhất định (tự thời gian, không gian, các sự việc đã sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa, làm nổi bật nhân vật, sự việc chính)

+ Kỷ niệm diễn ra theo trình tự thời gian: lúc bà tặng, lúc đi học về, khi xảy ra sự việc đi tắm sông, sau sự việc được cứu...

+ Không gian: bên bờ sông, ồn ào...

+ Trải nghiệm thú vị nào:

+ Được đi tắm sông, thi bơi với các bạn

+ Ngắm nhìn Milo lúc đang bơi, cảm nhận thấy khó khăn khi bơi.

+ Nhiều người vây quanh khi tỉnh lại. Xúc động vì được Milo cứu...

+ Nhân vật Milo được hiện lên trong lời kể: Miêu tả về bộ lông, chân huyền đề, động tác vui mừng, lúc sợ hãi của nó....

+ Bài học sâu sắc cháu nhận ra: tình yêu động vật, ý nghĩa của tình bạn

+ Cảm xúc nhân vật cháu: bộc lộ qua tâm trạng vui sướng khi được chơi cùng Milo, hạnh phúc, biết ơn Milo...

- Kết bài:

Nêu cảm nghĩ về trải nghiệm với con vật nuôi, bài học về cách đối xử với động vật.

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị : Ôn tập tiếng việt: viết văn kể lại một trải nghiệm.

Ngày dạy: 01/12/2022

BUỔI 17:

**LUYỆN VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM
(MỘT TRẢI NGHIỆM BUỒN, TIẾC NUỐI HOẶC MỘT TRẢI
NGHIỆM KHIẾN BẢN THÂN EM THAY ĐỔI, TRƯỞNG THÀNH)**

I.MỤC TIÊU

c. Kiến thức

- Kiểu văn bản kể lại một trải nghiệm của bản thân

b. Năng lực

- Biết viết bài văn bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập dữ liệu); tìm ý và lập dàn ý; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

c. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

ĐỀ 1.

Trong chúng ta, ai cũng từng ít nhất một lần mắc lỗi. Những lỗi lầm ấy sẽ giúp chúng ta nhận ra hạn chế, khuyết điểm của bản thân nhưng cũng để lại trong ta nhiều cảm xúc buồn hay tiếc nuối. Em hãy kể lại một lần mắc lỗi đó của em.

Bước 1: Trước khi viết

-Lựa chọn đề tài: Với đề bài kể lại một lần mắc lỗi của em, em có thể hồi tưởng lại những trải nghiệm đã qua: bỏ học, nói dối, nghịch ngợm gây nên hậu quả, ham chơi quên lời dặn của bố mẹ, xem trộm nhật kí người khác, ăn trộm tiền,...

-Xác định mục đích làm bài: Kể lại một kỉ niệm buồn, tiếc nuối hoặc một kỉ niệm khiến em thay đổi, trưởng thành là kiểu bài trong đó người viết kể về những diễn biến của sự việc mình đã trải qua cùng với bố mẹ, ông bà, thầy cô, bạn bè, những người xung quanh để chia sẻ với người đọc kinh nghiệm trong cuộc sống được rút ra từ kỉ niệm đó.

- Thu thập tư liệu:

+ Nhớ lại những sự việc, trải nghiệm đã để lại cho em những kỉ niệm buồn, tiếc nuối hoặc khiến bản thân em thay đổi.

+ Đọc các câu chuyện đã học, đọc các bài viết tham khảo,...

+ Tìm những kỉ vật có liên quan đến câu chuyện.....

+.....

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

a.Tìm ý:

- Em nhớ và định kể kỉ niệm (buồn, tiếc nuối hoặc khiến bản thân thay đổi) có liên quan đến ai?

- Kỉ niệm ấy xảy ra trong tình huống nào? (địa điểm, thời gian)

- Những ai đã liên quan đến kỉ niệm đó? Họ đã nói và làm gì?

- Sự việc nào xảy ra trong kỉ niệm đó? Và được giải quyết như thế nào?

- Kỉ niệm ấy đem lại cho em cảm xúc gì, thái độ gì, ấn tượng gì?

- Vì sao em có được những cảm xúc, thái độ, ấn tượng đó?

- Từ kỉ niệm đó em rút ra cho mình bài học gì?

b.Lập dàn ý:

Mở bài: Giới thiệu khái quát về lỗi lầm mà em đã gây ra.

Thân bài:

-Tình huống (hoàn cảnh: địa điểm và thời gian) xảy ra trải nghiệm, các nhân vật có liên quan.

Ví dụ:

+ Hôm ấy là một ngày tồi tệ nhất trong cuộc đời tôi...

+ Vì:.....

Lưu ý: Giới thiệu tình huống, hoàn cảnh cần kết hợp yếu tố miêu tả không gian, cảnh sắc thiên nhiên, con người.

- Diễn biến trải nghiệm: (lần phạm lỗi đó)

+.....

+.....

+.....

- Điều đặc biệt của trải nghiệm đó khiến em nhớ nó đến tận bây giờ hoặc khiến em thay đổi để tự hoàn thiện bản thân.

Ví dụ: Mỗi khi nhớ lại, tôi vẫn tự trách mình và cảm thấy có lỗi với thầy giáo vô cùng. Tôi nợ cô một lời xin lỗi.

Lưu ý: Khi kể sự việc thông qua các hành động, lời nói của nhân vật cần kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm.

Kết bài:

- Bài học nhận được sau lỗi lầm ấy.

- Tôi đã, đang và sẽ thay đổi bản thân sau khi nhận ra được bài học đó.

Bước 3: Viết bài**Bài tham khảo**

Trong cuộc sống không ai là chưa một lần mắc lỗi. Đến tận bây giờ, mỗi khi nhớ lại lần đó, tôi vẫn thấy xấu hổ và hối hận vô cùng. Ngày đó tôi vẫn còn là một cô nhóc lớp 5 ngây ngô, dại dột.

Hồi ấy, tôi vốn là một học sinh giỏi Tiếng Anh của lớp. Bài kiểm tra nào tôi cũng đạt điểm cao khiến cô giáo rất hài lòng. Mỗi lần được gọi lên phát biểu, tôi đều trả lời chuẩn xác trước con mắt thán phục của bạn bè. Có một lần trong giờ Tiếng Anh ôn tập, tôi đã không học bài. Tối hôm trước đó, trên ti vi chiếu một bộ phim hoạt hình mà tôi rất thích, tôi đã xem đến quên cả thời gian. Đến khi hết phim thì đã 10 giờ mất rồi. Thế rồi tôi chủ quan, nghĩ rằng mình đã có điểm kiểm tra miệng rồi nên cô sẽ không gọi nữa đâu. Chính bởi vậy nên tôi đã yên tâm đi ngủ.

Nhưng rồi hôm sau đến lớp, có một chuyện bất ngờ đã xảy ra, hôm ấy lớp tôi kiểm tra 15 phút. Tôi ngơ ngác, ngồi im như bất động. Bạn Lan bên cạnh phải nhắc nhở; “Chép đề bài đi kìa!” Tiết kiểm tra hôm ấy như kéo dài vô tận. Tôi cứ viết rồi lại xóa. Vì lo sợ nên đầu óc cứ rối cả lên, không nghĩ được cái gì. Thời gian đã hết, tôi nộp bài mà lòng cứ thấp thỏm, lo âu mãi.

Tuần sau, cô giáo trả bài. Như mọi lần, tôi nhận bài từ tay cô để phát cho các bạn. Liếc qua bài mình, thấy bị điểm 5, tim tôi thất lại. Rồi không để cho ai kịp nhìn thấy và cố giữ nét mặt thản nhiên để che giấu bao nhiêu bối rối trong lòng. Thật là chuyện chưa từng có. Ăn nói làm sao với cô, với bạn, với bố mẹ bây

giờ? Tôi quay cuồng lo nghĩ và bất chợt nảy ra một ý. Cô giáo gọi điểm vào sổ. Đến tên tôi, tôi bình tĩnh xưng to: Tám ạ! Cô gọi tiếp bạn khác. Tôi thở phào nhẹ nhõm và tự nhủ chắc cô giáo sẽ không để ý đâu vì có gần chục bài bị điểm kém cơ mà!

Trên đường đi học về, tôi cứ suy nghĩ mãi, nghĩ về những tràng vỗ tay, những lời khen ngợi chân thành, về hài lòng và tự hào của cha mẹ... Tất cả những điều ấy vô tình khơi dậy sự day dứt và xấu hổ trong tôi. Tôi không xứng đáng với sự kì vọng đó. Tối hôm ấy, tôi trằn trọc cả đêm không ngủ được, nỗi ân hận cứ bám theo tôi. Và thế là tôi đã quyết định sẽ thú nhận tất cả và xin lỗi cô giáo.

Ngày hôm sau đến lớp, tôi đã gặp cô và trình bày rõ mọi việc, xin lỗi cô và nói sẽ chấp nhận mọi hình phạt. Cứ tưởng sẽ bị cô mắng và kỉ luật, ấy vậy mà cô chỉ nhẹ nhàng nhìn, xoa đầu tôi và nói: “Cuộc đời này không ai là không mắc sai lầm cả. Quan trọng là ta phải biết nhận ra và sửa đổi lỗi lầm của mình. Cô hy vọng đây là một bài học cho em và mong em sẽ không tái phạm nữa.” Tôi vô cùng biết ơn cô vì cô đã tha thứ cho mình.

Đến bây giờ, tuy chuyện đã xảy ra khá lâu rồi, thời gian đã đẩy lùi chúng vào dĩ vãng nhưng nỗi ân hận và xấu hổ vẫn luôn bám theo tôi. Tôi luôn ghi nhớ và coi đó là một bài học quý báu cho mình. Tôi tự nhủ sẽ không bao giờ mắc lại lỗi lầm đó một lần nữa.

ĐỀ 2:

Kể lại sự việc em đã gây ra khiến bố mẹ buồn phiền.

Dàn ý:

1. Mở bài

- Mở bài trực tiếp: giới thiệu về sự việc em lỡ gây ra khiến bố mẹ phiền lòng.
- Mở bài gián tiếp: dẫn dắt kể về hoàn cảnh khiến em gợi nhớ về một lần đã khiến bố mẹ phải buồn phiền ở trong quá khứ. Từ đó dẫn vào phần thân bài kể về sự việc đó.

2. Thân bài

- Kể lại diễn biến của sự việc em đã lỡ gây ra khiến bố mẹ phiền lòng, chú ý:
 - + Kể lại sự việc đã diễn ra theo trình tự thời gian (cái gì diễn ra trước thì kể trước, cái gì diễn ra sau thì kể sau).
 - + HS sắp xếp câu chuyện kể theo mô tip nguyên nhân xảy ra sự việc - diễn biến sự việc - kết quả sự việc.
- Nêu những cảm xúc, suy nghĩ (buồn bã, hối hận...) của em sau khi diễn ra sự việc ấy.
- Em đã làm những gì để khắc phục lỗi lầm của mình (bằng lời nói và hành động cụ thể...)
- Thái độ của bố, mẹ sau khi em thể hiện sự hối lỗi của mình.

3. Kết bài

- Suy nghĩ, bài học mà em rút ra được sau sự việc mà em đã kể.

Viết bài

Tham khảo bài văn mẫu

Con người sinh ra vốn bất toàn, có ai là người chưa từng một lần mắc sai lầm trong cuộc đời dài của chính mình, điều quan trọng là ta phải biết thức tỉnh, sửa sai, đứng lên trên sai lầm ấy mà trưởng thành. Tôi cũng đã từng phạm sai lầm, điều đáng buồn hơn cả là sự việc tôi gây ra đã khiến bố mẹ, những người yêu thương, tin tưởng tôi nhất đau lòng, phiền muộn. Sự việc ấy dù đã qua đi được một thời gian dài nhưng mỗi khi nhắc đến tôi vẫn cảm thấy day dứt và hối hận vô cùng.

Vì công việc bận rộn, bố mẹ cũng ít có thời gian quan tâm sát sao tôi. Nhưng tính tôi hiền lành, nhút nhát, lại rất thương bố mẹ nên tôi rất ngoan ngoãn, lễ phép, biết vâng lời và giúp đỡ bố mẹ công việc nhà. Thành tích học tập của tôi cũng vào loại khá đủ khiến bố mẹ đặt lòng tin ở tôi để tu chí làm ăn. Nhưng tất cả sự tin tưởng, niềm tự hào của bố mẹ dành cho tôi đã hoàn toàn sụp đổ vào năm tôi học lớp bốn.

Tôi còn nhớ như in năm đó, ở gần trường tôi có mở thêm vài quán nét mới. Vốn tính nhút nhát lại không ham chơi, đua đòi nên tôi rất ít ra vào nơi đó. Nhưng hôm ấy, tôi còn nhớ vì bị điểm kém bài thi toán tôi đã rất buồn, lại có phần hụt hẫng và chán nản bởi đó là môn mà tôi đã hi vọng và nỗ lực rất nhiều để đạt điểm cao. Trong lúc tâm trạng đang rối bời, có mấy bạn đã rủ tôi vào quán nét chơi game cho thoải mái đầu óc. Sau một hồi đắn đo, phân vân tôi đã quyết định đi cùng các bạn. Chưa bao giờ tôi nghĩ những trò chơi game lại có ma lực lôi cuốn mình đến thế. Những trận đánh ảo, những gia tài khổng lồ trong game khiến tôi như quên đi mọi thứ xung quanh mà chìm đắm vào nó. Một lần, hai lần, ba lần rồi dần dần tôi thường xuyên vào quán nét. Hằng ngày, số tiền bố mẹ cho tôi để ăn sáng tôi đều dành để đi chơi game. Tội lỗi và đáng trách hơn cả là tôi bắt đầu biết nói dối bố mẹ. Tôi nói rằng mình phải đi học thêm, học nhóm để thoát thác các công việc nhà mà tôi thường hay làm, bỏ qua những giờ tự học ở nhà để đến quán nét. Tôi dần trở nên hư đốn, tha hóa khi thường xuyên trốn học, bỏ tiết để đi chơi game. Thậm chí có lần, vì ham chơi lại không có tiền nên tôi đã nói dối bố mẹ xin tiền đi học phụ đạo để phục vụ cho việc làm sai trái của mình. Tôi học hành sa sút nghiêm trọng, tự bản thân tôi cũng cảm thấy mình như trở thành một con người hoàn toàn khác. Bố mẹ tôi đi sớm về khuya có lẽ chưa kịp phát hiện ra sự thay đổi của tôi, cho nên tôi vẫn ngang nhiên bỏ học chơi game.

Sự việc này cứ thế diễn ra hơn ba tháng trời, chỉ đến khi cô giáo gọi điện mời bố mẹ tôi lên trường để gặp gỡ, trao đổi thì mọi chuyện mới vỡ lở. Vì trốn học quá nhiều, tôi còn không biết đến cuộc gặp mặt này. Buổi chiều hôm ấy, cũng như bao ngày khác, tôi bước ra từ quán nét vào đúng giờ tan học và trở về nhà cũng rất đúng giờ như các bạn khác. Bước vào nhà, tôi ngạc nhiên vô cùng khi cả bố và mẹ đều đang ngồi ở phòng khách. Tôi chào bố mẹ và tỏ ra thắc mắc “sao bố mẹ hôm nay đi làm về sớm thế ạ”. Về mặt tôi cố tỏ ra thật tự nhiên nhưng nhìn nét mặt nghiêm nghị của bố và ánh mắt buồn rầu của mẹ tôi biết chắc chắn đã xảy ra chuyện gì. Bố hỏi tôi:

- Con vừa đi đâu về?

Tôi vẫn tỏ ra ngoan cố vì không nghĩ rằng bố mẹ chưa biết chuyện:

- Dạ, con vừa đi học về ạ.

Lúc này, ánh mắt bố tôi đục ngầu, tôi cảm nhận được những tia giận giữ lóe lên từ cái nhìn về tôi. Bố gằn giọng, cố kìm nén cơn nóng giận và nói:

- Bố mẹ vừa đi gặp cô giáo chủ nhiệm của con về.

Chỉ nghe đến đây thôi, chân tay của tôi như rụng rời, tim tôi đập nhanh, môi run run không thốt lên lời. Tôi biết bão tố sắp ập đến với mình. Tôi cũng đã từng nghĩ ngày này sớm muộn cũng sẽ đến nhưng tôi không sao kiềm chế được bản thân. Tôi khóc nức không thành tiếng rồi rít xin lỗi bố mẹ. Thực sự khi ấy, lời xin lỗi của tôi không đơn thuần xuất phát từ nỗi sợ hãi mà tôi đang ăn năn, day dứt về dấn vặt thực sự về việc làm của mình. Tôi sẵn sàng đón nhận sự trừng phạt, những trận đòn roi, những lời chửi mắng từ bố mẹ. Thế nhưng, mọi thứ hoàn toàn không như tôi nghĩ, mẹ tôi đã khóc, khóc rất nhiều, từ bé đến giờ tôi chưa bao giờ phải thấy mẹ khóc nhiều đến thế. Tôi đau lòng vô cùng, những giọt nước mắt ấy còn làm tôi xót hơn cả những trận đòn roi. Tôi càng trách bản thân nhiều hơn, tôi tự cảm thấy xấu hổ cho chính bản thân mình. Bố điềm tĩnh giảng giải chỉ ra những sai lầm và khuyên răn tôi. Tôi thức tỉnh thực sự, tôi hối hận về những hành động sai trái của mình, tôi yêu thương và kính trọng bố mẹ mình nhiều hơn. Kể từ hôm ấy, tôi chuyên tâm học hành, trở về là chính mình và tự hứa với bản thân sẽ học tập chăm chỉ hơn, ngoan ngoãn hơn để bù đắp những sai lầm mà mình gây ra.

Giờ đây, tôi đã trưởng thành, tôi thấu hiểu rằng, sai lầm không đáng sợ, thứ đáng sợ hơn cả là bản thân không nhận ra được lỗi sai và sửa chữa. Từ ngày ấy, mỗi lần đưa ra các quyết định hay hành động gì tôi đều nghĩ đến bố mẹ, những người đã bao dung rộng lòng cho tôi biết sai, sửa sai và có được một bài học đường đời quý giá.

Đề 3.

Kể lại câu chuyện đã làm thay đổi suy nghĩ, cách sống của em.

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị: Luyện viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ, đoạn thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

Ngày dạy: 03/12/2022

BUỔI 18:

LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS viết được bài văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát;
- HS yêu thích và bước đầu có ý thức tìm hiểu thơ văn.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất

- Giáo dục tình cảm yêu mến thơ ca, tự hào về ngôn ngữ phong phú của đất nước.

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Tự lập, tự tin, tự chủ ; giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt..

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- KHBD, STK, PHT

2. Chuẩn bị của HS:

-STK, vở ghi, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định :

2. Kiểm tra bài cũ :

3. Bài mới :

I.Tìm hiểu chung về viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ.

1. Đoạn văn: là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, biểu đạt một nội dung tương đối trọn vẹn. Đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành, được viết bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng.

2. Đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ:

Viết đoạn văn *ghi lại cảm xúc về một bài thơ* là ghi lại những cảm xúc tinh tế nhất, sâu sắc nhất của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ đó hay một phần, một khía cạnh (câu thơ, đoạn thơ, khổ thơ, một từ ngữ, một hình ảnh, một biện pháp tu từ....) có giá trị trong bài thơ.

3. Những nội dung chính của viết đoạn văn trong chương trình NV6:

-Viết đoạn văn ghi cảm nghĩ về một bài thơ lục bát. (Bộ chân trời)

Ví dụ: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em sau khi học bài “*Việt Nam quê hương ta*” của Nguyễn Đình Thi

-Viết đoạn văn ghi lại một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. (Bộ kết nối, cánh diều)

Ví dụ: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em sau khi học bài Chuyện cổ tích về loài người của Xuân Quỳnh.

4. Rèn kĩ năng viết đoạn văn

a. Đọc kỹ đề, nắm chắc yêu cầu của đề:

-Phạm vi yêu cầu: giới hạn bài nào? Của tác giả nào?

-Bài thơ viết về vấn đề gì? Cần nêu bật ý nghĩa gì?

-Độ dài của đoạn văn (5-7 câu, 7-10 câu, 150-200 chữ, 10 dòng,...)

b. Đọc kỹ bài thơ để nắm nội dung và nghệ thuật:

- Nếu là bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả thì điểm sáng nghệ thuật tập trung ở hoàn cảnh, sự việc, miêu tả nhân vật.

+ Chỉ ra các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả.

+ Vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung.

-Nếu là bài thơ lục bát thì điểm sáng nghệ thuật thể hiện ở tình cảm, cảm xúc, thể thơ, cách gieo vần, hình ảnh, giọng điệu, cách ngắt nhịp, các biện pháp tu từ....

c. Cách viết đoạn văn:

- Đoạn diễn dịch
- Đoạn quy nạp
- Đoạn song hành
- Đoạn móc xích
- Đoạn tổng-phân-hợp

5. Dàn ý chung

-Mở đoạn:

- + Giới thiệu tên bài thơ, tác giả.
- + Nêu cảm nghĩ khái quát về bài thơ.

-Thân đoạn:

- + Trình bày chi tiết cảm xúc của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.
- + Đánh giá tài năng, tấm lòng của tác giả.

-Kết đoạn:

- + Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ.
- + Nêu ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.

II. Kỹ năng viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết:

-Xác định, lựa chọn đề tài: HS có thể lựa chọn một bài thơ lục bát đã học hoặc đã đọc mà em ấn tượng.

- Xác định mục đích: Trình bày cảm nghĩ của em về cái hay về nội dung, đặc sắc về nghệ thuật - > giúp người đọc cảm nhận tư tưởng, tình cảm của tác giả, thấy được tài năng, nghệ thuật và sáng tạo của nhà thơ. Qua đó bản thân rút ra những bài học có ý nghĩa trong cuộc sống.

-Thu thập tài liệu: Tìm đọc các bài thơ khác của cùng tác giả, cùng chủ đề.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

a.Tìm ý:

- Em có cảm xúc gì về bài thơ? Nội dung, yếu tố nghệ thuật nào làm em thích? Vì sao?
- Em cảm nhận được điều gì về tài năng và tấm lòng của tác giả?
- Bài thơ gợi lên trong em suy nghĩ và bài học gì?

b. Lập dàn ý:

-Mở đoạn:

- + Giới thiệu bài thơ, tác giả
- + Cảm xúc chung về bài thơ

Ví dụ:

Ca dao Việt Nam có rất nhiều bài nói về công ơn của cha mẹ, nhưng tôi cảm thấy yêu thích nhất là bài:

*“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”*

-Thân đoạn:

- +Chỉ ra cụ thể nội dung bài thơ mà em yêu thích? Vì sao?

Ví dụ: Về nội dung, bài thơ viết về đề tài gia đình quen thuộc....Nội dung bài thơ gọi cho em những kỉ niệm về ông, bà,...

+ Chỉ ra nét đặc sắc về nghệ thuật cụ thể của bài thơ mà em yêu thích? Vì sao?

Ví dụ: Về nghệ thuật sử dụng thể thơ lục bát quen thuộc, gần gũi, cách ngắt nhịp, gieo vần, sử dụng các biện pháp tu từ,...

Lưu ý: Khi trình bày có trích dẫn thơ làm minh chứng.

Ví dụ: Qua bài ca dao, tác giả dân gian đã khẳng định công ơn to lớn của đấng sinh thành, và qua đó khuyên nhủ con cái phải biết hiếu thảo với cha mẹ. Không chỉ nội dung ý nghĩa, mà nghệ thuật được sử dụng cũng khiến tôi cảm thấy ấn tượng. “Công cha” được so sánh với “núi Thái Sơn” - một ngọn núi có thật ở Trung Quốc. Đây là ngọn núi cao, có địa hình hiểm trở và từng trở thành cảm hứng sáng tác của nhiều nhà văn nhà thơ. Khi so sánh công ơn dưỡng dục của người cha với núi Thái Sơn, mỗi người mới hiểu hết được sự lớn lao của cha. Trên hành trình của sự trưởng thành, cha chính là người dạy dỗ con những điều hay lẽ phải, hướng con trở thành một người có đạo đức. Tiếp đến là “nghĩa mẹ” được so sánh với hình ảnh “nước trong nguồn chảy ra” - dòng nước mát mẻ và tinh khiết. Hình ảnh so sánh gợi nhắc về những hy sinh của mẹ. Người mẹ mang nặng đẻ đau suốt chín tháng mười ngày, sinh con ra và chăm sóc con từng miếng ăn giấc ngủ. Con lớn lên nhờ dòng sữa trong trẻo và ngọt ngào của mẹ. Ngay cả khi trưởng thành, dù có bất cứ khó khăn gì, đứa con vẫn đều tìm về bên mẹ để được vỗ về, yêu thương.

-Kết bài:

+ Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ.

+ Nêu ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.

Bước 3: Viết bài

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

III. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1/Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ “Chuyện cổ nước mình” của Lâm Thị Mỹ Dạ.

Hướng dẫn làm bài

“Chuyện cổ nước mình” của Lâm Thị Mỹ Dạ đưa người đọc bước vào thế giới của những câu chuyện cổ. Những câu chuyện đó đem đến những giá trị nhân văn cao đẹp. Đó là tinh thần tương thân tương ái, tình nghĩa thủy chung son sắc và ở hiền gặp lành. Nhà thơ đã sử dụng những hình ảnh quen thuộc trong những câu chuyện cổ. Người đọc thấy hiện ra trước mắt mình là hình ảnh Thạch Sanh dũng cảm, cô Tấm hiền lành, hay anh chàng đèo cày giữa đường... Từ đó, nhà thơ khẳng định “chuyện cổ” đã trở thành hành trang quan trọng trong cuộc sống. Và những câu chuyện cổ gửi gắm bài học nhân văn sâu sắc chắc chắn sẽ còn mãi với thời gian. Tóm lại, bài thơ đã giúp người đọc nhận ra những bài học ý nghĩa.

2/Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ “Chuyện cổ tích về loài người” của Xuân Quỳnh.

Hướng dẫn làm bài

Nhan đề “Chuyện cổ tích về loài người” của Xuân Quỳnh đã gợi nhắc cho người đọc nhớ về những câu chuyện cổ tích mà bà thường kể về một thời đại xa

xưa ngày trước. Khi đọc tác phẩm, người đọc cảm thấy cách lý giải nguồn gốc loài người của tác giả thật thú vị. Dưới hình thức một bài thơ, nhưng tác phẩm lại giàu tính tự sự, giống như một câu chuyện được kể lại theo trình tự thời gian. Trước hết tác giả khẳng định trời sinh ra trước tiên là trẻ em. Sau đó, để trẻ em có được một môi trường sống thật tốt, mới có sự ra đời của những sự vật khác trên trái đất. Ở đây, nhà thơ đã sử dụng những hình ảnh miêu tả sinh động để giúp người đọc hiểu hơn về sự ra đời của thiên nhiên. Kế tiếp là sự ra đời của mẹ giúp trẻ em cần có tình yêu thương, sự chăm sóc. Bà được sinh ra để giáo dục trẻ em về những giá trị truyền thống, đạo đức tốt đẹp. Còn bố được sinh ra để dạy trẻ em thêm hiểu biết, trưởng thành. Cuối cùng trường lớp là nơi trẻ em đến để học tập, vui chơi còn thấy giáo là người dạy dỗ trẻ em ở đó. Có thể khẳng định, với bài thơ này, Xuân Quỳnh muốn gửi gắm tình yêu thương của Xuân Quỳnh dành cho trẻ em.

3/ Em hãy viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về bài thơ “Mây và sóng” của nhà thơ Ta-go.

Hướng dẫn làm bài

Bất cứ ai yêu thơ cũng đều biết đến bài thơ “Mây và sóng” của nhà thơ Ta-go, bài thơ viết về tình yêu mẹ tha thiết và những ước mơ kì diệu của tuổi thơ. Bài thơ dẫn người đọc vào một câu chuyện kể về lời tâm tình của một em bé với mẹ, em kể cho mẹ nghe về cuộc trò chuyện của em bé với mây và sóng. Người đọc bị hấp dẫn bởi những lời mời mọc, rủ rê của mây và sóng. Mây và sóng rủ em đi chơi, và như bao đứa trẻ khác, em bé thiết tha mong muốn được lặn du tới những xứ sở thần tiên, được rong ruổi khắp nơi, được vui chơi với những trò chơi thú vị, hấp dẫn. Những câu em bé hỏi lại, hỏi về cách thức đi chơi: “*Nhưng làm thế nào mình lên đó được?*”, “*Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?*” chứa bao háo hức, thể hiện khao khát được đến những chân trời mới. Cùng với tự sự, bài thơ có những hình ảnh miêu tả vô cùng sống động về thế giới của những người trên mây, dưới sóng là: “*Bình minh vàng, vàng trăng bạc*”. Đây là những hình ảnh ẩn dụ đặc sắc, mở ra trước mắt em bé một thế giới xa xôi, rộng lớn, chứa đựng biết bao điều bí ẩn; một thế giới rực rỡ lung linh, huyền ảo tượng trưng cho niềm vui và hạnh phúc. Nhưng khi em nhớ đến mẹ, em đã dứt khoát từ chối và đưa ra lí do từ chối. Với em, điều quan trọng và có ý nghĩa hơn những cuộc phiêu du chính là sự chờ đợi, mong mỏi em trở về nhà của mẹ. Mẹ yêu em nên luôn mong muốn em ở bên mẹ. Chính tình yêu mẹ đã khiến em sáng tạo trò chơi “*Con là mây và mẹ sẽ là trăng*”, “*Con là sóng, mẹ sẽ là bến bờ kì lạ*”. Quan hệ “mẹ- con” được nâng lên ngang tầm vũ trụ, mang kích cỡ rộng lớn như mối quan hệ giữa “*mây- trăng*”, “*sóng- bến bờ*”. Tình mẹ con đã hòa quyện lan tỏa trong sóng, thâm nhập khắp vũ trụ mênh mông nên “*không ai trên thế gian này biết mẹ con ta ở chốn nào*”. Đặt tình mẫu tử trong mối quan hệ với thiên nhiên vũ trụ, nhà thơ đã thể hiện cảm hứng tôn vinh ca ngợi tình mẫu tử bao la, thiêng liêng, vĩnh cửu. Bài thơ “Mây và sóng” đã đem đến một sức hấp dẫn bởi phong cách viết vô cùng độc đáo, thể thơ tự do, với dòng thơ dài ngắn đan xen tuôn chảy theo cảm xúc. Bài thơ giống như một câu chuyện kể, kết hợp các yếu tố tự sự và miêu tả để làm nổi bật cảm xúc, tình cảm yêu mến của nhà thơ với trẻ

thơ. Giọng điệu tâm tình, cách thức lặp lại biến đổi, bài thơ ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt, đồng thời thể hiện tình yêu thương trẻ thơ, tấm lòng nhân hậu yêu thương con người của nhà thơ. Tóm lại, “*Mây và sóng*” là một bài ca cảm động về tình mẹ con, giúp mỗi người cảm nhận được tình mẹ ngọt ngào và trân trọng hơn những giây phút hạnh phúc được ở bên mẹ.

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị: Luyện viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ, đoạn thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

Ngày dạy: 10/12/2022

BUỔI 19:

CHUYÊN ĐỀ 4: Viết đoạn văn biểu cảm về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS viết được bài văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát;
- HS yêu thích và bước đầu có ý thức tìm hiểu thơ văn.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất

- Giáo dục tình cảm yêu mến thơ ca, tự hào về ngôn ngữ phong phú của đất nước.
- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.
- Tự lập, tự tin, tự chủ; giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt..

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- KHBD, STK, PHT

2. Chuẩn bị của HS:

- STK, vở ghi, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định :

2. Kiểm tra bài cũ :

3. Bài mới :

I. Tìm hiểu chung về viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ.

1. Đoạn văn: là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, biểu đạt một nội dung tương đối trọn vẹn. Đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành, được viết bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng.

2. Đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ:

Viết đoạn văn *ghi lại cảm xúc về một bài thơ* là ghi lại những cảm xúc tinh tế nhất, sâu sắc nhất của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ đó hay một phần, một khía cạnh (câu thơ, đoạn thơ, khổ thơ, một từ ngữ, một hình ảnh, một biện pháp tu từ....) có giá trị trong bài thơ.

3. Những nội dung chính của viết đoạn văn trong chương trình NV6:

-Viết đoạn văn ghi cảm nghĩ về một bài thơ lục bát. (Bộ chân trời)

Ví dụ: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em sau khi học bài “*Việt Nam quê hương ta*” của Nguyễn Đình Thi

-Viết đoạn văn ghi lại một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. (Bộ kết nối, cánh diều)

Ví dụ: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em sau khi học bài Chuyện cổ tích về loài người của Xuân Quỳnh.

4. Rèn kĩ năng viết đoạn văn

a. Đọc kỹ đề, nắm chắc yêu cầu của đề:

-Phạm vi yêu cầu: giới hạn bài nào? Của tác giả nào?

-Bài thơ viết về vấn đề gì? Cần nêu bật ý nghĩa gì?

-Độ dài của đoạn văn (5-7 câu, 7-10 câu, 150-200 chữ, 10 dòng,...)

b. Đọc kỹ bài thơ để nắm nội dung và nghệ thuật:

- Nếu là bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả thì điểm sáng nghệ thuật tập trung ở hoàn cảnh, sự việc, miêu tả nhân vật.

+ Chỉ ra các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả.

+ Vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung.

-Nếu là bài thơ lục bát thì điểm sáng nghệ thuật thể hiện ở tình cảm, cảm xúc, thể thơ, cách gieo vần, hình ảnh, giọng điệu, cách ngắt nhịp, các biện pháp tu từ....

c. Cách viết đoạn văn:

- Đoạn diễn dịch

- Đoạn quy nạp

- Đoạn song hành

- Đoạn móc xích

- Đoạn tổng-phân-hợp

5. Dàn ý chung

-Mở đoạn:

+ Giới thiệu tên bài thơ, tác giả.

+ Nêu cảm nghĩ khái quát về bài thơ.

-Thân đoạn:

+ Trình bày chi tiết cảm xúc của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

+ Đánh giá tài năng, tấm lòng của tác giả.

-Kết đoạn:

+ Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ.

+ Nêu ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.

II. Kĩ năng viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết:

-Xác định, lựa chọn đề tài: HS có thể lựa chọn một bài thơ lục bát đã học hoặc đã đọc mà em ấn tượng.

- **Xác định mục đích:** Trình bày cảm nghĩ của em về cái hay về nội dung, đặc sắc về nghệ thuật - > giúp người đọc cảm nhận tư tưởng, tình cảm của tác giả, thấy được tài năng, nghệ thuật và sáng tạo của nhà thơ. Qua đó bản thân rút ra những bài học có ý nghĩa trong cuộc sống.

-**Thu thập tài liệu:** Tìm đọc các bài thơ khác của cùng tác giả, cùng chủ đề.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

a. Tìm ý:

-Em có cảm xúc gì về bài thơ? Nội dung, yếu tố nghệ thuật nào làm em thích? Vì sao?

-Em cảm nhận được điều gì về tài năng và tấm lòng của tác giả?

-Bài thơ gợi lên trong em suy nghĩ và bài học gì?

b. Lập dàn ý:

-Mở đoạn:

+ Giới thiệu bài thơ, tác giả

+ Cảm xúc chung về bài thơ

Ví dụ:

Ca dao Việt Nam có rất nhiều bài nói về công ơn của cha mẹ, nhưng tôi cảm thấy yêu thích nhất là bài:

*“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”*

-Thân đoạn:

+Chỉ ra cụ thể nội dung bài thơ mà em yêu thích? Vì sao?

Ví dụ: Về nội dung, bài thơ viết về đề tài gia đình quen thuộc....Nội dung bài thơ gợi cho em những kỉ niệm về ông, bà,...

+ Chỉ ra nét đặc sắc về nghệ thuật cụ thể của bài thơ mà em yêu thích? Vì sao?

Ví dụ: Về nghệ thuật sử dụng thể thơ lục bát quen thuộc, gần gũi, cách ngắt nhịp, gieo vần, sử dụng các biện pháp tu từ,...

Lưu ý: Khi trình bày có trích dẫn thơ làm minh chứng.

Ví dụ: Qua bài ca dao, tác giả dân gian đã khẳng định công ơn to lớn của đấng sinh thành, và qua đó khuyên nhủ con cái phải biết hiếu thảo với cha mẹ. Không chỉ nội dung ý nghĩa, mà nghệ thuật được sử dụng cũng khiến tôi cảm thấy ấn tượng. “Công cha” được so sánh với “núi Thái Sơn” - một ngọn núi có thật ở Trung Quốc. Đây là ngọn núi cao, có địa hình hiểm trở và từng trở thành cảm hứng sáng tác của nhiều nhà văn nhà thơ. Khi so sánh công ơn dưỡng dục của người cha với núi Thái Sơn, mỗi người mới hiểu hết được sự lớn lao của cha. Trên hành trình của sự trưởng thành, cha chính là người dạy dỗ con những điều hay lẽ phải, hướng con trở thành một người có đạo đức. Tiếp đến là “nghĩa mẹ” được so sánh với hình ảnh “nước trong nguồn chảy ra” - dòng nước mát mẻ và tinh khiết. Hình ảnh so sánh gợi nhắc về những hy sinh của mẹ. Người mẹ mang nặng đẻ đau suốt chín tháng mười ngày, sinh con ra và chăm sóc con từng miếng ăn giấc ngủ. Con lớn lên nhờ dòng sữa trong trẻo và ngọt ngào của mẹ. Ngay cả khi trưởng thành, dù có bất cứ khó khăn gì, đứa con vẫn đều tìm về bên mẹ để được vỗ về, yêu thương.

-Kết bài:

- + Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ.
- + Nêu ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.

Bước 3: Viết bài**Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm****III. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

1/Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ “Chuyện cổ nước mình” của Lâm Thị Mỹ Dạ.

Hướng dẫn làm bài

“Chuyện cổ nước mình” của Lâm Thị Mỹ Dạ đưa người đọc bước vào thế giới của những câu chuyện cổ. Những câu chuyện đó đem đến những giá trị nhân văn cao đẹp. Đó là tình thân tương thân tương ái, tình nghĩa thủy chung son sắc và ở hiền gặp lành. Nhà thơ đã sử dụng những hình ảnh quen thuộc trong những câu chuyện cổ. Người đọc thấy hiện ra trước mắt mình là hình ảnh Thạch Sanh dũng cảm, cô Tấm hiền lành, hay anh chàng đèo cày giữa đường... Từ đó, nhà thơ khẳng định “chuyện cổ” đã trở thành hành trang quan trọng trong cuộc sống. Và những câu chuyện cổ gửi gắm bài học nhân văn sâu sắc chắc chắn sẽ còn mãi với thời gian. Tóm lại, bài thơ đã giúp người đọc nhận ra những bài học ý nghĩa.

2/Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ “Chuyện cổ tích về loài người” của Xuân Quỳnh.

Hướng dẫn làm bài

Nhan đề “Chuyện cổ tích về loài người” của Xuân Quỳnh đã gợi nhắc cho người đọc nhớ về những câu chuyện cổ tích mà bà thường kể về một thời đại xa xưa ngày trước. Khi đọc tác phẩm, người đọc cảm thấy cách lý giải nguồn gốc loài người của tác giả thật thú vị. Dưới hình thức một bài thơ, nhưng tác phẩm lại giàu tính tự sự, giống như một câu chuyện được kể lại theo trình tự thời gian. Trước hết tác giả khẳng định trời sinh ra trước tiên là trẻ em. Sau đó, để trẻ em có được một môi trường sống thật tốt, mới có sự ra đời của những sự vật khác trên trái đất. Ở đây, nhà thơ đã sử dụng những hình ảnh miêu tả sinh động để giúp người đọc hiểu hơn về sự ra đời của thiên nhiên. Kế tiếp là sự ra đời của mẹ giúp trẻ em cần có tình yêu thương, sự chăm sóc. Bà được sinh ra để giáo dục trẻ em về những giá trị truyền thống, đạo đức tốt đẹp. Còn bố được sinh ra để dạy trẻ em thêm hiểu biết, trưởng thành. Cuối cùng trường lớp là nơi trẻ em đến để học tập, vui chơi còn thấy giáo là người dạy dỗ trẻ em ở đó. Có thể khẳng định, với bài thơ này, Xuân Quỳnh muốn gửi gắm tình yêu thương của Xuân Quỳnh dành cho trẻ em.

3/ Em hãy viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về bài thơ “Mây và sóng” của nhà thơ Ta-go.

Hướng dẫn làm bài

Bất cứ ai yêu thơ cũng đều biết đến bài thơ “Mây và sóng” của nhà thơ Ta-go, bài thơ viết về tình yêu mẹ tha thiết và những ước mơ kì diệu của tuổi thơ. Bài thơ dẫn người đọc vào một câu chuyện kể về lời tâm tình của một em bé với mẹ, em kể cho mẹ nghe về cuộc trò chuyện của em bé với mây và sóng. Người đọc

bị hấp dẫn bởi những lời mời mọc, rủ rê của mây và sóng. Mây và sóng rủ em đi chơi, và như bao đứa trẻ khác, em bé thiết tha mong muốn được lặn du tới những xứ sở thần tiên, được rong ruổi khắp nơi, được vui chơi với những trò chơi thú vị, hấp dẫn. Những câu em bé hỏi lại, hỏi về cách thức đi chơi: “*Nhưng làm thế nào mình lên đó được ?*”, “*Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được*” chứa bao háo hức, thể hiện khao khát được đến những chân trời mới. Cùng với tự sự, bài thơ có những hình ảnh miêu tả vô cùng sống động về thế giới của những người trên mây, dưới sóng là : “*Bình minh vàng, vàng trắng bạc*”. Đây là những hình ảnh ẩn dụ đặc sắc, mở ra trước mắt em bé một thế giới xa xôi, rộng lớn, chứa đựng biết bao điều bí ẩn; một thế giới rực rỡ lung linh, huyền ảo tượng trưng cho niềm vui và hạnh phúc. Nhưng khi em nhớ đến mẹ, em đã dứt khoát từ chối và đưa ra lí do từ chối. Với em, điều quan trọng và có ý nghĩa hơn những cuộc phiêu du chính là sự chờ đợi, mong mỏi em trở về nhà của mẹ. Mẹ yêu em nên luôn mong muốn em ở bên mẹ. Chính tình yêu mẹ đã khiến em sáng tạo trò chơi “*Con là mây và mẹ sẽ là trăng*”, “*Con là sóng, mẹ sẽ là bến bờ kì lạ*”. Quan hệ “mẹ- con” được nâng lên ngang tầm vũ trụ, mang kích cỡ rộng lớn như mối quan hệ giữa “*mây- trăng*”, “*sóng- bến bờ*”. Tình mẹ con đã hòa quyện lan tỏa trong sóng, thâm nhập khắp vũ trụ mênh mông nên “*không ai trên thế gian này biết mẹ con ta ở chốn nào*”. Đặt tình mẫu tử trong mối quan hệ với thiên nhiên vũ trụ, nhà thơ đã thể hiện cảm hứng tôn vinh ca ngợi tình mẫu tử bao la, thiêng liêng, vĩnh cửu. Bài thơ “*Mây và sóng*” đã đem đến một sức hấp dẫn bởi phong cách viết vô cùng độc đáo, thể thơ tự do, với dòng thơ dài ngắn đan xen tuôn chảy theo cảm xúc. Bài thơ giống như một câu chuyện kể, kết hợp các yếu tố tự sự và miêu tả để làm nổi bật cảm xúc, tình cảm yêu mến của nhà thơ với trẻ thơ. Giọng điệu tâm tình, cách thức lặp lại biến đổi, bài thơ ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt, đồng thời thể hiện tình yêu thương trẻ thơ, tấm lòng nhân hậu yêu thương con người của nhà thơ. Tóm lại, “*Mây và sóng*” là một bài ca cảm động về tình mẹ con, giúp mỗi người cảm nhận được tình mẹ ngọt ngào và trân trọng hơn những giây phút hạnh phúc được ở bên mẹ.

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị: Luyện viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ lục bát.

Ngày dạy: 12/12/2022

BUỔI 20:

LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN GHI ĐẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Nắm được đặc điểm của bài văn biểu cảm về bài thơ lục bát.
- Thực hành viết bài văn phát biểu cảm nghĩ về quê hương, con người.

2. Năng lực:

- Năng lực trình bày cảm xúc cá nhân; năng lực viết, tạo lập văn bản

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV:

- Giáo án, STK

2. Chuẩn bị của HS: SGK, STK

III. Tiến trình dạy học

1. Ôn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

I. Tìm hiểu chung về viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài lục bát.

1. Đoạn văn: là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, biểu đạt một nội dung tương đối trọn vẹn. Đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành, được viết bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng.

2. Đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ:

Viết đoạn văn *ghi lại cảm xúc về một bài thơ* là ghi lại những cảm xúc tinh tế nhất, sâu sắc nhất của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ đó hay một phần, một khía cạnh (câu thơ, đoạn thơ, khổ thơ, một từ ngữ, một hình ảnh, một biện pháp tu từ....) có giá trị trong bài thơ.

3. Những nội dung chính của viết đoạn văn trong chương trình NV6:

-Viết đoạn văn ghi cảm nghĩ về một bài thơ lục bát. (Bộ chân trời)

Ví dụ: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em sau khi học bài “*Việt Nam quê hương ta*” của Nguyễn Đình Thi

-Viết đoạn văn ghi lại một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. (Bộ kết nối, cánh diều)

Ví dụ: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em sau khi học bài Chuyện cổ tích về loài người của Xuân Quỳnh.

4. Rèn kĩ năng viết đoạn văn

a. Đọc kỹ đề, nắm chắc yêu cầu của đề:

-Phạm vi yêu cầu: giới hạn bài nào? Của tác giả nào?

-Bài thơ viết về vấn đề gì? Cần nêu bật ý nghĩa gì?

-Độ dài của đoạn văn (5-7 câu, 7-10 câu, 150-200 chữ, 10 dòng,...)

b. Đọc kỹ bài thơ để nắm nội dung và nghệ thuật:

- Nếu là bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả thì điểm sáng nghệ thuật tập trung ở hoàn cảnh, sự việc, miêu tả nhân vật.

+ Chỉ ra các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả.

+ Vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung.

-Nếu là bài thơ lục bát thì điểm sáng nghệ thuật thể hiện ở tình cảm, cảm xúc, thể thơ, cách gieo vần, hình ảnh, giọng điệu, cách ngắt nhịp, các biện pháp tu từ....

c. Cách viết đoạn văn:

- Đoạn diễn dịch

- Đoạn quy nạp

- Đoạn song hành

- Đoạn móc xích

- Đoạn tổng-phân-hợp

5. Dàn ý chung

-Mở đoạn:

- + Giới thiệu tên bài thơ, tác giả.
- + Nêu cảm nghĩ khái quát về bài thơ.

-Thân đoạn:

- + Trình bày chi tiết cảm xúc của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.
- + Đánh giá tài năng, tấm lòng của tác giả.

-Kết đoạn:

- + Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ.
- + Nêu ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.

II. Kỹ năng viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết:

-Xác định, lựa chọn đề tài: HS có thể lựa chọn một bài thơ lục bát đã học hoặc đã đọc mà em ấn tượng.

- Xác định mục đích: Trình bày cảm nghĩ của em về cái hay về nội dung, đặc sắc về nghệ thuật - > giúp người đọc cảm nhận tư tưởng, tình cảm của tác giả, thấy được tài năng, nghệ thuật và sáng tạo của nhà thơ. Qua đó bản thân rút ra những bài học có ý nghĩa trong cuộc sống.

-Thu thập tài liệu: Tìm đọc các bài thơ khác của cùng tác giả, cùng chủ đề.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

a.Tìm ý:

-Em có cảm xúc gì về bài thơ? Nội dung, yếu tố nghệ thuật nào làm em thích? Vì sao?

-Em cảm nhận được điều gì về tài năng và tấm lòng của tác giả?

-Bài thơ gợi lên trong em suy nghĩ và bài học gì?

b. Lập dàn ý:

-Mở đoạn:

- + Giới thiệu bài thơ, tác giả
- + Cảm xúc chung về bài thơ

Ví dụ:

Ca dao Việt Nam có rất nhiều bài nói về công ơn của cha mẹ, nhưng tôi cảm thấy yêu thích nhất là bài:

*“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”*

-Thân đoạn:

+Chỉ ra cụ thể nội dung bài thơ mà em yêu thích? Vì sao?

Ví dụ: Về nội dung, bài thơ viết về đề tài gia đình quen thuộc....Nội dung bài thơ gợi cho em những kỉ niệm về ông, bà,...

+ Chỉ ra nét đặc sắc về nghệ thuật cụ thể của bài thơ mà em yêu thích? Vì sao?

Ví dụ: Về nghệ thuật sử dụng thể thơ lục bát quen thuộc, gần gũi, cách ngắt nhịp, gieo vần, sử dụng các biện pháp tu từ,...

Lưu ý: Khi trình bày có trích dẫn thơ làm minh chứng.

Ví dụ: Qua bài ca dao, tác giả dân gian đã khẳng định công ơn to lớn của đấng sinh thành, và qua đó khuyên nhủ con cái phải biết hiếu thảo với cha mẹ. Không

chỉ nội dung ý nghĩa, mà nghệ thuật được sử dụng cũng khiến tôi cảm thấy ấn tượng. “Công cha” được so sánh với “núi Thái Sơn” - một ngọn núi có thật ở Trung Quốc. Đây là ngọn núi cao, có địa hình hiểm trở và từng trở thành cảm hứng sáng tác của nhiều nhà văn nhà thơ. Khi so sánh công ơn dưỡng dục của người cha với núi Thái Sơn, mỗi người mới hiểu hết được sự lớn lao của cha. Trên hành trình của sự trưởng thành, cha chính là người dạy dỗ con những điều hay lẽ phải, hướng con trở thành một người có đạo đức. Tiếp đến là “nghĩa mẹ” được so sánh với hình ảnh “nước trong nguồn chảy ra” - dòng nước mát mẻ và tinh khiết. Hình ảnh so sánh gợi nhắc về những hy sinh của mẹ. Người mẹ mang nặng đẻ đau suốt chín tháng mười ngày, sinh con ra và chăm sóc con từng miếng ăn giấc ngủ. Con lớn lên nhờ dòng sữa trong trẻo và ngọt ngào của mẹ. Ngay cả khi trưởng thành, dù có bất cứ khó khăn gì, đứa con vẫn đều tìm về bên mẹ để được vỗ về, yêu thương.

-Kết bài:

- + Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ.
- + Nêu ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.

Bước 3: Viết bài

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị: Luyện viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ lục bát.

Ngày dạy: 13/12/2022

BUỔI 21:

LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN GHI ĐẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Nắm được đặc điểm của bài văn biểu cảm về bài thơ lục bát.
- Thực hành viết bài văn phát biểu cảm nghĩ về quê hương, con người.

2. Năng lực:

- Năng lực trình bày cảm xúc cá nhân; năng lực viết, tạo lập văn bản

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV:

- Giáo án, SGK

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SGK

III. Tiến trình dạy học

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

I. Thực hành viết theo các bước:

Trước khi viết

* Yêu cầu khi viết:

- Giới thiệu được tác giả và bài thơ (nếu có).
- Nêu được cảm xúc về nội dung hoặc một khía cạnh nội dung của bài thơ.
- Thể hiện được cảm xúc về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ.

* Các bước cần thực hiện:

- Nhớ lại những bài thơ lục bát em đã học đã đọc, hoặc tìm đọc một bài thơ lục bát mới.

- Bài thơ được chọn có thể là một bài ca dao hoặc là sáng tác của một nhà thơ(thơ lục bát).

b. Tìm ý cho bài viết

- Đọc bài thơ nhiều lần, khi lời thơ vang lên hãy lắng nghe những cảm xúc, suy nghĩ của em và ghi lại điều đó, nên viết nhanh ra giấy các ý tưởng nảy sinh bằng các cụm từ ngắn gọn.
- Có thể tìm ý bằng cách tự đặt ra câu hỏi và trả lời: Cảm nhận chung khi đọc bài thơ là gì? Bài thơ thể hiện những điều gì? Bài thơ có những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nào nổi bật?

c. Lập dàn ý

Sắp xếp các thông tin ý tưởng cho bài viết thành dàn ý chung như sau:

Phần	Nội dung
Mở đoạn	Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ và tác giả (nếu có) trong khoảng 2 – 3 câu.
Thân đoạn	Trình bày cảm xúc về bài thơ. + Nêu cảm xúc về nội dung chính của bài thơ. + Nêu ý nghĩa, chủ đề của bài thơ. + Nêu cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật bài thơ.
Kết đoạn	Khái quát lại những ấn tượng cảm xúc về bài thơ

2. Viết bài

Bám sát dàn ý, chú trọng những yếu tố đã khơi gợi cảm xúc của em như nhan đề bài thơ, thể thơ, nhịp thơ, vần từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ...

- Lựa chọn từ ngữ để diễn tả cảm xúc văn; mỗi nên diễn đạt thành 2 - 3 câu.
- Đảm bảo cách trình bày của một bài văn: *Bố cục đoạn văn bao gồm ba phần mở bài - thân bài - kết bài các câu trong đoạn cần hướng về một chủ đề chung.*

3. Chỉnh sửa bài viết

- Chỉnh sửa bài viết và soát chỉnh sửa bài viết theo các gợi ý sau:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được nhan đề và tác giả của bài thơ lục bát	Nếu bài thơ có nhan đề và tên tác giả mà bài viết chưa nêu được thì cần bổ sung
Nêu được cảm xúc về nội dung chính	Nếu cần thì bổ sung các ý cụ thể

của bài thơ	để người đọc hiểu rõ nội dung bài thơ
Nêu cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật	Rà soát những ý trong bài viết nêu cảm nhận về từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,... nổi bật của bài thơ. Hãy chỉnh sửa bổ sung Nếu thấy còn thiếu
Bảo đảm các yêu cầu về chính tả và diễn đạt	Rà soát lỗi chính tả dùng từ đặt câu và diễn đạt chỉnh sửa nếu phát hiện có lỗi.

II. Luyện tập, vận dụng

Đề 1: Có ý kiến cho rằng: “Ca dao thấm đậm tình yêu quê hương đất nước”. Bằng những bài ca dao viết về tình yêu quê hương đất nước mà em biết, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

MB:

Đối với mỗi người Việt Nam chúng ta – ca dao, dân ca là những dòng sữa ngọt ngào, như lời ru nhẹ nhàng, âu yếm, vỗ về vắn ỏi của bà và mẹ. Nó như một món ăn không thể thiếu đối với mỗi người Việt ta. Có lẽ vì thế mà có ý kiến cho rằng: Ca dao, dân ca thấm đậm tình yêu quê hương đất nước.

TB:

Mỗi miền quê trên đất nước ta nơi nào cũng đều có những câu hay, đẹp mượt mà, mộc mạc để tô điểm cho niềm tự hào của quê hương mình. Không ít câu ca dao ca ngợi vẻ đẹp của từng xứ sở tuyệt đẹp mà mẹ thiên nhiên đã ban tặng cho chúng ta: những cảnh sắc hùng vĩ rộng lớn; những đại dương mênh mông bao la không thấy bờ; những bìa rừng xanh ngát với biết bao điều kì diệu mới lạ;... Bao gồm địa hình uốn khúc quanh co, bằng phẳng hay nhấp nhô,... Chẳng hạn như:

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non sông nước biếc như tranh họa đồ

Hay:

Gió đưa cảnh trúc la đà
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương
Mịt mù khói tỏa ngàn sương
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ

Chỉ với bốn câu thôi ta có thể hình dung ra được những cảnh trúc đang đung đưa theo gió, một quang cảnh mịt mù khói sương. Trong thời đó có thể nghe được tiếng chuông của chùa Trấn Vũ, tiếng chày Yên Thái nhịp nhàng bên mặt gương Tây Hồ. Từ quang cảnh, sự việc cho tới món ăn – canh gà Thọ Xương. Người miền Bắc đã phải rất yêu quê hương Hà Nội của mình mới có thể diễn đạt tình cảm qua những câu thơ tuy ngắn nhưng lại vô cùng đáng quý như vậy.

Bên cạnh tình yêu quê hương đất nước thì tình cảm gia đình là thiêng liêng hơn cả. Như tình cảm của ông bà – cha mẹ – vợ chồng – anh em cũng được nhắc đến trong kho tàng ca dao – dân ca Việt Nam.

Mỗi người con cháu chúng ta đối với cha mẹ, ông bà là phải hiếu thảo. Chữ “hiếu” trong Nho học được “trung bày” rất đơn giản và cụ thể. Trong khi đó, chúng ta cũng không thể không nhắc đến tổ tiên ông bà chúng ta:

Ngó lên nuột lạt mái nhà

Bao nhiêu nuốt lạt nhớ ông bà bấy nhiêu
Tình cảm dành cho cha mẹ là tình cảm không thể thiếu đối với những người con chúng ta. Để nêu cao vấn đề này nhân dân ta đã có câu:

Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con

Dân gian đã so sánh công cha nghĩa mẹ như “núi ngất trời” và “nước trong nguồn” là những thứ trừu tượng. Qua đó ta có thể thấy được công lao của cha mẹ là vô cùng to lớn, không bao giờ vơi. Bốn phận của những người con là phải ghi lòng tạc dạ, thực hiện tốt vai trò của đứa con ngoan, báo hiếu công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ.

Một gia đình hạnh phúc thì phải dựa vào tình cảm của vợ chồng thì đứa con cũng sẽ thấy hạnh phúc theo. Vợ chồng là gốc rễ của một gia đình đầy tình yêu thương và phải biết tôn trọng lẫn nhau. Như:

Râu tôm nấu với ruột bầu
Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon

Hay:

Thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn

Quan hệ ruột thịt máu mủ là vô cùng quan trọng trong cuộc đời của mỗi con người. Anh chị em là những người kề vai sát cánh và không thể phủ nhận điều đó. Dân ca rất xem trọng vấn đề “máu chảy ruột mềm”, “chị ngã em nâng”, “môi hở răng lạnh”,...:

Anh em như thể tay chân
Rách lành đùm bọc đỡ hay đỡ đần

Tình anh em thân thiết, cùng bú chung một dòng sữa mẹ, cùng sống chung dưới một mái nhà, được nhận tình yêu thương của cha mẹ, cùng được dạy bảo và lớn lên như hình với bóng, như tay với chân trên một cơ thể không thể tách rời.

Vì vậy nên mọi người đã khuyên nhủ rằng anh em một nhà không nên đấu đá lẫn nhau kéo đánh mất tình cảm quan trọng ấy:

Khôn ngoan đối đáp người ngoài
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau

KB:

Tình yêu quê hương đất nước và tình cảm gia đình là những thứ tình cảm đáng quý và trân trọng, nó không thôi chảy mãi trong trái tim của mỗi người. Ca dao – dân ca là tiếng nói tâm hồn của con người, nó chân thật, sâu lắng, đi thẳng vào trái tim và in mãi trong tâm trí con người.

Đề 2. Viết bài văn trình bày cảm nhận của em về bài thơ ”*Chuyện cổ nước mình*” của Lâm Thị Mỹ Dạ.

Định hướng làm bài

Bài thơ "*Truyện cổ nước mình*" của Lâm Thị Mỹ Dạ viết bằng thể thơ lục bát, âm điệu nhẹ nhàng, mang màu sắc ca dao, dân ca. Qua bài thơ tác giả ca ngợi truyện cổ của nước mình mang nhiều ý nghĩa sâu xa, chứa đựng bao bài học quý báu của ông cha truyền lại cho con cháu đời sau.

"Truyện cổ nước mình" là những truyện cổ, do nhân dân ta sáng tạo ra qua hàng ngàn năm lịch sử, thể hiện tâm hồn Việt Nam, bản sắc nền văn hóa Việt Nam.

1. Tình thương người bao la mênh mông và triết lí về niềm tin "ở hiền gặp lành" là ý nghĩa sâu xa, là sự tuyệt vời của truyện cổ nước mình khiến cho nhà thơ phải "yêu" và quý trọng:

*"Tôi yêu truyện cổ nước tôi
Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa
Thương người rồi mới thương ta
Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm
Ở hiền thì lại gặp hiền*

Người ngay thì được Phật tiên độ trì".

"Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo" là triết lí, là niềm tin của nhân dân ta gửi gắm trong truyện cổ. Câu thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ gợi nhớ trong lòng ta bao truyện cổ, bao hình ảnh, bao nhân vật. Anh trai cày hiền lành được Phật trao cho câu thần chú: "Khắc nhập! Khắc xuất" mà lấy được vợ đẹp con nhà giàu (Truyện "Cây tre trăm đốt"). Người em cần cù, trung hậu được con chim phượng hoàng đền đáp "ăn một quả trà cục vàng" mà trở nên giàu có hạnh phúc; trái lại người anh tham lam mà chết chìm xuống đáy biển (Truyện "Cây khế". Thạch Sanh được Tiên "độ trì" mà trở nên võ nghệ cao cường, có lắm phép thần thông biến hóa, đã giết chết Trăn tinh, bắn chết Đại Bàng, có đàn thần để lui giặc, được làm phò mã, rồi được làm vua; trái lại Lý Thông gian tham, độc ác, quỷ quyệt bị sét đánh rồi hóa thành bộ hung...

Đúng như Lâm Thị Mỹ Dạ đã viết:

*"Ở hiền thì lại gặp hiền
Người ngay thì được Phật tiên độ trì".*

2. Truyện cổ nước mình đã trở thành hành trang tinh thần, đem đến cho nhà thơ nhiều sức mạnh để vượt qua mọi thử thách "nắng mưa" trong cuộc đời, để đi tới mọi miền quê, mọi chân trời xa xôi đẹp đẽ:

*"Mang theo truyện cổ tôi đi
Nghe trong cuộc sống thâm thì tiếng xưa.
Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa
Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi".*

3. Đọc truyện cổ nước mình như được "nhận mặt", như được gặp ông cha, khám phá được bao phẩm chất tốt đẹp của tổ tiên mình:

*"Chỉ còn truyện cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình
Rất công bằng, rất thông minh
Vừa độ lượng, lại đa tình, đa mang".*

4. Truyện cổ nước mình hàm chứa bao bài học quý báu, đó là bài học về đạo lí làm người: sống phải chân thật chân thành, phải chăm làm siêng năng, phải có trí tuệ đừng a dua. Tác giả gợi lên thật khéo truyện "Tám Cám", truyện "Đeo cày giữa đường", ...để nói về những bài học do ông cha gửi lại "đời sau" qua truyện cổ:

"Thị thom thị giầu người thom

Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà

Đẻo cày theo ý người ta

Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì".

"Truyện cổ nước mình" là một bài thơ hay, giản dị mà đậm đà. Bài thơ đã giúp mỗi tuổi thơ chúng ta yêu thêm truyện cổ của đất nước mình, dân tộc mình.

Đọc bài thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ, chúng ta mới hiểu rõ vì sao nhân dân ta từ người trẻ đến người già, ai cũng yêu thích truyện cổ nước mình.

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị: Luyện viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại câu truyện cổ tích.

Ngày dạy: 17/12/2022

BUỔI 22:

LUYỆN VIẾT BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI CÂU CHUYỆN CỔ TÍCH.

I/Mục tiêu

1/ Kiến thức:

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất, thứ ba.
- Cảm xúc của người viết trước sự việc được kể

2. Năng lực:

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất, thứ ba
- Giới thiệu được câu chuyện.
- Tập trung vào sự việc đã xảy ra

3. Phẩm chất:

- Nhân ái, trân trọng, yêu thương, chia sẻ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

-STK, KHBD,..

-STK, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

I/Tìm hiểu chung về bài văn kể lại một truyện cổ tích

1. Các kiểu bài làm văn kể lại một cổ tích thường gặp

Kiểu một: Kể lại truyện truyền thuyết/ cổ tích bằng lời văn của em.

Kiểu hai: Kể lại truyện truyền thuyết/ cổ tích bằng lời nói của nhân vật (Đóng vai nhân vật)

Kiểu ba: Tưởng tượng gặp một nhân vật trong truyện thuyết hoặc cổ tích rồi kể lại.

Kiểu bốn: Viết thêm hoặc thay đổi một kết thúc mới cho truyện.

2. Các dạng đề thường gặp:

a. Dạng đề cụ thể: là dạng đề đã nêu đầy đủ đối tượng kể và yêu cầu kể ở đề bài.

Ví dụ 1: Bằng lời văn của mình, em hãy kể lại truyện Thánh Gióng.

Ví dụ 2: Nhập vai người em kể lại truyện cổ tích Cây khế.

b. Dạng đề mở: là dạng đề không cụ thể về đối tượng kể mà chỉ nêu yêu cầu kể ở đề bài hoặc cụ thể về đối tượng kể nhưng mở về cách kể.

Ví dụ 1: Em hãy kể lại một truyện thuyết hoặc cổ tích đã học bằng lời văn của em.

Ví dụ 2: Hãy nhập vai một nhân vật trong truyện cổ tích mà em yêu thích để kể lại truyện đó.

Ví dụ 3: Kể lại truyện “Sọ Dừa” bằng cách kể mà em thích nhất.

II. Phương pháp làm bài văn kể lại một truyện cổ tích:

Bước 1: Trước khi viết:

a. Xác định đối tượng kể, yêu cầu kể để chọn ngôi kể và đại từ xưng hô phù hợp.

- Xác định đối tượng kể và yêu cầu kể

+ Đối tượng kể: là truyện truyền thuyết hay cổ tích?

+ Yêu cầu kể: Dùng lời văn của mình hay nhập vai nhân vật hoặc tưởng tượng gặp nhân vật trong truyện để kể lại.

- Chọn ngôi kể và đại từ xưng hô phù hợp

+ Khi kể bằng lời văn của mình thì dùng ngôi 3.

+ Khi kể bằng nhân vật trong truyện thì dùng ngôi 1.

(Chọn đại từ xưng hô: ta, tôi,...phù hợp với địa vị, giới tính của nhân vật)

b. Chọn lời kể phù hợp

- Lời kể, cách xưng hô phải phù hợp với giới tính, tuổi tác, địa vị, nghề nghiệp, ...của nhân vật.

- Tính chất lời kể (vui, buồn, nghiêm trang, thân mật, hóm hỉnh,...)cần phù hợp với nội dung câu chuyện được kể, bối cảnh kể.

c. Ghi nhớ những nội dung chính của câu chuyện

- Đọc kĩ tác phẩm mà mình định kể

- Tóm tắt đầy đủ các sự việc, nhân vật chính của truyện rồi sắp xếp theo trình tự hợp lí, chú ý các yếu tố kì ảo, hoang đường.

Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý

a. Tìm ý:

- Truyện có tên là gì? Vì sao em chọn kể truyện này?

- Diễn biến của sự việc (khởi đầu, phát triển-kết thúc-kết quả) ra sao? Ý nghĩa của truyện là gì?

- Cảm nghĩ của em về truyện đó?

b. Lập dàn ý:

b.1.Mở bài: Giới thiệu truyện cổ dân gian định kể (tên truyện, lí do chọn kể)

***Mở bài trực tiếp**

Ví dụ: Trong những câu chuyện truyền thuyết, câu chuyện mà em thích nhất là “*Sơn Tinh Thủy Tinh*”, đây là câu chuyện lí giải hiện tượng lũ lụt xảy ra hàng năm ở nước ta và là một câu chuyện hay, hấp dẫn.

***Mở bài gián tiếp**

-Mở bài từ trải nghiệm thực tế

Ví dụ: Đã một tuần nay, trời mưa tầm tã, gây nên lũ lụt làm cây cối, nhà cửa, tài sản bị hư hại . Cảnh tàn phá nặng nề ấy khiến em nhớ lại cuộc chiến không cân sức giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh đã xảy ra từ hàng nghìn năm trước trong câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh.

-Mở bài từ việc dẫn những câu văn, câu thơ,...liên quan đến nội dung của truyện:

*“Sơn Tinh, Thủy Tinh lòng tơ vương
Không quản rừng cao, sông cách trở
Cùng đến Phong Châu xin Mỵ Nương”.*

(Nguyễn Nhược Pháp)

Ba câu thơ ngắn ngủi, câu từ đơn giản chỉ cần lướt qua cũng đủ đưa ta tìm về với câu chuyện truyền thuyết năm xưa đó là Sơn Tinh – Thủy Tinh. Câu chuyện này vẫn còn mãi dư âm, nét đặc sắc cùng nhiều ý nghĩa mang đến cho độc giả dù đã từ rất lâu rồi. Câu chuyện Sơn Tinh –Thủy Tinh với em luôn để lại trong em nhiều ấn tượng sâu sắc.

b.2.Thân bài:

- Giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện
- Trình bày diễn biến sự việc theo trình tự thời gian.

b.3.Kết bài: Nêu cảm nghĩ về truyện vừa kể.

Bước 3: Viết bài

- Tiến hành viết bài theo dàn ý đã làm
- Khi viết chú ý
 - + Nhất quán về ngôi kể
 - + Kể lại câu chuyện: Dựa vào truyện gốc nhưng cố gắng sáng tạo ở chỗ cho phép (chi tiết hóa, cụ thể hóa những chỗ truyện gốc còn chung chung, gia tăng yếu tố kì ảo, tưởng tượng; tăng cường bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc, đánh giá của người kể chuyện; gia tăng việc miêu tả, bình luận, liên tưởng,...)
 - + Đảm bảo sự kết nối giữa các phần.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa bài viết

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập

Chuẩn bị: Luyện viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại câu truyện cổ tích

=====

Ngày dạy: 22/12/2022

BUỔI 23:

LUYỆN VIẾT BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI CÂU CHUYỆN CỔ TÍCH.

I/Mục tiêu

1/ Kiến thức:

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất, thứ ba.
- Cảm xúc của người viết trước sự việc được kể

2. Năng lực:

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất, thứ ba
- Giới thiệu được câu chuyện.
- Tập trung vào sự việc đã xảy ra

3. Phẩm chất:

- Nhân ái, trân trọng, yêu thương, chia sẻ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

-STK, KHBD,...

-STK, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

* Định hướng,

Yêu cầu đối với bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.

- Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện đóng. vật trong truyện.
- Khi kể có tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc nội dung được kể không làm sai lạc nội dung vốn có của truyện.
- Cần có sự sắp xếp hợp lí các chi tiết và bảo đảm có sự kết nối gia. Nên nhấn mạnh, khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo..
- Có thể bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay tả. xúc của nhân vật.

* Yêu cầu cụ thể:

- + Một câu chuyện có thể được nhiều người chứng kiến, đánh giá và kể theo những cách khác nhau. Nhập vai một nhân vật trong truyện là một trong những cách để làm cho truyện trở nên khác lạ, thú vị tạo ra hiệu quả bất ngờ.
- + Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể nhập vai vào một nhân vật trong truyện.
- + Khi kể có tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát ly truyện gốc: dung kể không được sai lạc nội dung vốn có của truyện.
- + Cần có sự sắp xếp hợp lý các chi tiết và đảm bảo có sự kết nối giữa các phần. Nên nhấn mạnh, khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo.
- + Có thể bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật.

* Thực hành viết theo các bước:

Trước khi viết

a. Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng

- Nhập vai nhân vật kể lại câu chuyện, ngôi kể sẽ là ngôi thứ nhất. Tuy nhiên, có thể chọn những đại từ khác nhau để chỉ ngôi thứ nhất như: ta, tôi, mình, tớ,...phù hợp với địa vị, giới tính,...của nhân vật nhập vai cũng như mỗi cảnh kể.
- Khi kể lại chuyện trong vai một nhân vật cụ thể, cần xác định được giới tính, tuổi làm địa vị,...của nhân vật để lựa chọn lời kể phù hợp (cách xưng hô dùng từ ngữ,...).
- Tính chất lời kể (vui, buồn, thân mật, nghiêm trang,...cũng cần phù hợp với nội dung câu chuyện được kể, bối cảnh kể.

b. Ghi những nội dung chính của câu chuyện

- Cần ghi nhớ và tôn trọng những chi tiết đã biết về nhân vật cũng như cốt truyện gốc
- Dự kiến những yếu tố, chi tiết sẽ được sáng tạo thêm.
- Có thể lập một bản tóm tắt các sự kiện, tình tiết theo thứ tự trước sau để dễ dàng ghi nhớ và kể lại.

c. Lập dàn ý

- Sau khi đã chuẩn bị theo các bước như trên hãy lập một dàn ý cho bài viết theo gợi ý sau đây:

Mở bài: Nhập vai nhân vật tự giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.

Thân bài: Kể lại diễn biến của câu chuyện.

- Xuất thân của các nhân vật.
- Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện.
- Diễn biến chính:
 - + Sự việc 1: nguyên nhân – kết quả
 - + Sự việc 2: nguyên nhân- kết quả
 - + Sự việc 3: nguyên nhân – kết quả
- +Nêu lên cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật kể, sự việc, tình huống và ý nghĩa câu chuyện.

Kết bài: Kết thúc câu chuyện và nêu bài học được rút ra từ câu chuyện.

Viết bài

Khi viết bài cần lưu ý:

- Nhất quán về ngôi kể: trong bài này người viết sẽ vào vai người kể chuyện ngôi thứ nhất để kể lại câu chuyện.
- Kể lại câu chuyện: dựa vào truyện gốc (nhân vật, sự kiện, ngôn ngữ,...) nhưng hãy cố gắng sáng tạo ở những chỗ cho phép (chi tiết hóa, cụ thể hóa những chỗ truyện gốc còn chung chung; gia tăng yếu tố kỳ ảo, tưởng tượng; tăng cường bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc, đánh giá của người kể chuyện; gia tăng việc miêu tả, bình luận, liên tưởng,...)

Chỉnh sửa bài viết

- Xem lại và chỉnh sửa bài viết theo một số những yêu cầu sau:
- Được kể từ ngôi thứ nhất. Người kể nhập vai một nhân vật trong truyện nên cần rà soát lại chính xác về ngôi kể, từ ngữ xưng hô.
- Có sự tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát ly truyện gốc, nội dung được kể không làm sai nội dung vốn có của truyện: Đánh dấu các diễn biến chính, các chi tiết được lấy từ chuẩn gốc, kiểm tra tính chính xác. Kiểm tra tính

hợp lý, nhất quán giữa các chi tiết được sáng tạo thêm với truyện gốc (quan hệ nhân quả, trật tự thời gian,...). Nếu chưa phù hợp cần sửa lại.

- Cần có sự sắp xếp hợp lý các chi tiết và đảm bảo sự kết nối giữa các phần.
- Rà soát trình tự lô gic và sự kết nối giữa các chi tiết, các đoạn các phần. Chỉnh sửa nếu chưa hợp lý.
- Cần bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận để tả người, tả vật hay thể: cảm xúc của nhân vật.
- Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt: rà soát các lỗi về dùng từ, đặt câu..

* Luyện đề

Đề 1. Đóng vai người em kể lại truyện cổ tích Cây khế

Bài làm

Tôi sinh ra trong một gia đình nông dân. Vì chăm chỉ làm lụng nên bố mẹ tôi cũng có bát ăn bát để, hi vọng sau này cho anh em tôi làm vốn sinh nhai. Nhưng rồi cha mẹ tôi mất đột ngột. Anh trai tôi đã không làm như lời cha mẹ dặn trước lúc lâm chung là chia đều tài sản cho hai anh em mà chiếm hết gia tài, chỉ để lại cho tôi một túp lều nhỏ và cây khế còi cọc ở góc vườn.

Tôi chấp nhận mà không hề kêu ca, than phiền gì. Hằng ngày, tôi phải mò cua bắt ốc, cày thuê, cuốc mướn để sống. Cây khế trở thành tài sản quý giá nhất và là người bạn thân thiết của tôi. Tôi chăm sóc nó chu đáo, tận tình như người bạn. Vì vậy mà cây khế lớn rất nhanh và chẳng bao lâu đã ra hoa kết quả. Đến mùa khế chín, những chùm khế chín vàng óng, thơm lừng báo hiệu một mùa khế bội thu. Không thể nào nói hết được niềm hạnh phúc của mọi người trong gia đình tôi. Tôi đã đan những chiếc sọt để ngày mai đem khế ra chợ đổi lấy gạo. Sáng hôm đó, khi vừa thức dậy, tôi đã nhìn thấy trên cây khế có một con chim to với bộ lông sặc sỡ đang ăn những quả khế chín. Lòng tôi đau như cắt. Tôi chạy đến dưới gốc cây và nói: “Chim ơi! Người ăn khế của ta thì gia đình ta biết lấy gì để sống?”. Chim bỗng ngừng ăn và cất tiếng trả lời: “Ăn một quả trả một cục vàng, may túi ba gang mang đi và đựng”. Nói rồi chim bay đi. Tôi không tin lắm vào chuyện lạ lùng đó nhưng vẫn bảo vợ may cho mình một chiếc túi ba gang. Sáng hôm sau, chim đến từ sớm và đưa tôi ra một hòn đảo nhỏ giữa biển. Tôi không thể tin vào những gì hiện ra trước mắt. Cả hòn đảo toàn vàng bạc châu báu chất đống. Cả hòn đảo ánh lên màu vàng làm tôi bị lóa mắt. Không hề có một bóng người. Tôi cảm thấy lo sợ, cứ đứng yên một chỗ. Nhưng rồi chim vỗ cánh và giục giã: “Anh hãy lấy vàng bạc, châu báu vào túi, rồi tôi đưa về.” Lúc đó tôi mới dám nhặt vàng cho vào đầy túi ba gang rồi lên lưng chim để trở về đất liền.

Từ đó, gia đình tôi không còn phải ăn đói mặc rách nữa. Tôi dựng một căn nhà khang trang ngay trong khu vườn, nhưng vẫn giữ lại túp lều và cây khế. Tôi dùng số của cải đó chia cho những người dân nghèo khổ trong làng. Cũng không hiểu sao từ bữa đó, chim không còn đến ăn khế nữa. Cây khế bây giờ đã to lớn, toả bóng mát xuống cả một góc vườn. Mùa khế nào tôi cũng chờ chim thần đến để bày tỏ lòng biết ơn.

Tiếng lành đồn xa, câu chuyện lan đến tai người anh trai tôi. Một sáng, anh đến nhà tôi rất sớm. Đây là lần đầu tiên anh tới thăm tôi kể từ ngày bố mẹ mất. Anh đòi tôi đổi toàn bộ gia sản của anh lấy túp lều và cây khế. Tôi rất buồn khi phải chia tay với căn nhà và cây khế. Nhưng trước lời cầu khẩn của anh, tôi đành bằng lòng. Cả gia đình anh chuyển về túp lều cũ của tôi. Ngày nào anh cũng ra dưới gốc khế chờ chim thần đến. Mùa khế chín, chim cũng trở về ăn khế. Vừa thấy chim, anh tôi đã khóc lóc, kêu gào thảm thiết và đòi chim phải trả vàng. Chim cũng hứa sáng mai sẽ đưa anh tôi ra đảo vàng và dặn may túi ba gang. Tối hôm đó, anh tôi thức cả đêm để may túi mười gang ngày mai đi lấy vàng. Sáng hôm sau, vừa ra tới đảo vàng, anh tôi đã hoa mắt bởi vàng bạc châu báu của hòn đảo. Anh tôi vội nhét vàng vào đầy túi mười gang, vào túi quần, túi áo và mồm cũng ngậm vàng nữa. Trên đường trở về nhà, chim nặng quá, kêu anh tôi vứt bớt vàng xuống biển cho đỡ nặng. Vốn tính tham lam, anh không những không vứt bớt vàng xuống mà còn bắt chim bay nhanh hơn. Nặng quá, chim càng lúc càng mệt. Đôi cánh trở nên quá sức, yếu dần. Cuối cùng, không còn gắng được nữa, chim chao đảo rồi hất luôn người anh xuống biển cùng với số vàng.

Tôi trở lại sống ở nhà cũ, cùng túp lều và cây khế. Nhưng chim thần không bao giờ còn quay trở lại nữa...Anh trai tôi đã không thể quay trở về chỉ vì lòng tham vô đáy. Một nỗi buồn man mác dâng lên trong lòng tôi.

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập

Chuẩn bị: Luyện viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại câu truyện cổ tích

=====

Ngày dạy: 24/12/2022

BUỔI 24:

LUYỆN VIẾT BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI CÂU CHUYỆN CỔ TÍCH.

I/Mục tiêu

1/ Kiến thức:

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất, thứ ba.
- Cảm xúc của người viết trước sự việc được kể

2. Năng lực:

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất, thứ ba
- Giới thiệu được câu chuyện.
- Tập trung vào sự việc đã xảy ra

3. Phẩm chất:

- Nhân ái, trân trọng, yêu thương, chia sẻ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- STK, KHBD,...
- STK, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

KIỂU 1: KỂ LẠI TRUYỆN TRUYỀN THUYẾT HOẶC CỔ TÍCH BẰNG LỜI VĂN CỦA EM

Lưu ý

- Kể bằng lời văn của mình nghĩa là không chép nguyên vẹn lời văn trong SGK cũng không dùng lời kể của người khác mà dùng lời của mình để diễn đạt.
- Giữ nguyên cốt truyện cũ, có thể thêm các yếu tố kì ảo và các yếu tố miêu tả, biểu cảm, suy nghĩ, đánh giá, bình luận... của mình nhưng không được lạm dụng để làm sai lệch sự việc, nhân vật trong truyện.
- Chuyển những lời dẫn trực tiếp của nhân vật (nếu có) thành lời văn của mình và chuyển đổi ngôi nhân xưng cho phù hợp.

Đề 1. Bằng lời văn của mình, em hãy kể lại truyện truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh.

Dàn ý câu chuyện Cây khế lớp 6 - Mẫu số 1

1. Mở bài:

Giới thiệu câu chuyện Cây khế

2. Thân bài:

- Câu chuyện xảy ra ở đâu? Có những nhân vật nào? Hoàn cảnh sống của các nhân vật như thế nào?

ADVERTISEMENT

- Tính cách của nhân vật người anh ra sao? Nhân vật người em có tính tình như thế nào?
- Sau khi người cha mất, người anh đã đối xử với em trai ra sao? (người anh chia gia tài, người em chỉ được cây khế)
- Có chuyện gì đã xảy ra với cây khế của người em? (Có một con chim đến ăn khế và nó kêu ăn một quả trả cục vàng)
- Sau cùng người em nhận được những gì? (Cuộc sống thay đổi, đỡ vất vả, được sung sướng)
- Biết chuyện người anh đã hành động ra sao? (Người anh đòi gia tài mình lấy cây khế, người em bằng lòng)
- Kết cục của người anh như thế nào?

3. Kết bài

- Câu chuyện có ý nghĩa gì? Bài học em rút ra được

Bài viết tham khảo

Ngày xưa, gia đình nọ có hai anh em phải ra ở riêng do cha mất sớm và người anh đã có vợ.

Vợ chồng người anh tham lam, giành hết của cải với lí do phải lo hương hỏa cho cha. Họ chỉ chia cho em khoảnh đất nhỏ có trồng một cây khế. Người em hiền lành và siêng năng, ngày ngày chăm chút cho cây. Đến ngày thu hoạch, người em buồn rầu vì một đàn chim lạ đến ăn gần hết những quả khế ngọt mà chàng đã dày công vun trồng. Đang ngồi bó gối ủ rũ, giọt ngấn giọt dài khóc lóc cho số phận hẩm hiu của mình, người em nghe văng vẳng tiếng nói phát ra từ trên cành khế: “Chúng tôi không phải chim thường đâu. Ăn khế trả vàng. May túi ba gang, mang theo mà đựng”.

Y lời hẹn, sáng sớm hôm sau, Chim Thần dịu anh trên lưng và bay ra một hòn đảo xa tít ngoài khơi. Trên đảo không một bóng người, không có dấu hiệu của sự sống, chỉ toàn vàng bạc châu báu. Bản chất thật thà, người em làm đúng lời dặn của Chim Thần. Chim mang chàng về nhà với túi ba gang đầy vàng bạc đủ sống cả đời.

Cuộc sống người em thay đổi. vẫn lao động chăm chỉ, thêm của cải trời cho, chẳng bao lâu, người em trở nên giàu có nhất vùng. Người anh hay tin tìm đến để rõ ngọn nguồn.

Sau khi nghe em kể đầu đuôi câu chuyện, người anh đề nghị đổi cả gia tài để lấy mảnh đất nhỏ có cây khế. Người anh cũng gặp và được Chim Thần hứa trả vàng sau khi ngồi khóc than, kể lể. Vốn tính tham lam, thêm nghe lời vợ xúi, người anh đã may ba bao, mỗi bao dài bảy gang, trái hẳn với lời dặn của Chim Thần. Dọc đường bay về, vì số của cải quá nặng, Chim Thần kêu người anh bỏ bớt nhưng vì tham lam, tiếc của, hẳn không nghe. Kết quả, chim đuổi sức, chao cánh và kẻ tham lam bị rơi xuống biển cùng số của cải.

Kẻ tham lam và tàn nhẫn với máu mủ ruột thịt có một kết cục bi đát. Một câu chuyện thật hay, để lại cho chúng ta một bài học quý giá trong cuộc đời, đó là “Tham thì thâm”.

KIỂU 2:

NHẬP VAI TRONG CỔ TÍCH KỂ LẠI TRUYỆN.

Lưu ý:

-Khi đóng vai nhân vật thì dùng ngôi thứ nhất. Từ ngữ xưng hô là: “tôi”, “ta”. Tuy nhiên, nhân vật trong truyền thuyết có liên quan đến lịch sử thì nên xưng là “ta” hoặc trong truyện cổ tích nếu nhân vật có sự thay đổi về thân phận thì cũng nên xưng là “ta”. **Ví dụ:** truyện Thạch Sanh có sự thay đổi về thân phận thì xưng “ta”, những truyện không có sự thay đổi về thân phận thì không xưng “ta” mà xưng “tôi”, không nên xưng hô “mình”, “tớ” vì đây là truyện cổ dân gian.

Đề . Kể lại câu chuyện “Vua Chích chòe bằng lời của nàng công chúa.

Ta là một công chúa, sống trong cung điện với nhiều người hầu hạ. Vua cha chỉ có một đứa con là ta nên rất cưng chiều. Bởi vậy, ta luôn tỏ ra kiêu ngạo. Nhiều hoàng tử ở các vương quốc láng giềng đến cầu hôn. Nhưng ta đều từ chối. Một lần, nhà vua mở tiệc kén rể, cho mời các chàng trai từ xa gần tới tham dự. Họ đứng theo ngôi thứ, đứng trên cùng là vua các nước rồi các công tước, các ông hoàng, các bá tước, các nam tước, cuối cùng là những người dòng dõi quý tộc.

Ta theo vua cha đi xem mắt từng người. Người nào cũng bị ta chê bai: người thì quá mập; người quá mảnh khảnh; người thì lại lùn; người thì mặt mày xanh xao... Người cuối cùng khiến ta đặc biệt ấn tượng. Hắn có cảm hơi cong như mỏ chim chích chòe, ta liền nói anh ta trông giống như chim chích chòe có mỏ.

Tất cả khách mời đều bị ta chế giễu, chê bai. Điều này khiến vua cha vô cùng tức giận, liền nói rằng nếu có người ăn mày nào đi qua hoàng cung, sẽ gả ta cho người ấy.

Mấy hôm sau, một người hát rong đi ngang qua hoàng cung, đứng ngậy dưới cửa sổ cất tiếng hát. Hắn được vua cha gọi vào cung. Ta cảm thấy lo lắng lắm. Vua cha yêu cầu hắn hát. Hát xong, hắn liền xin một ít tiền thưởng. Nhưng vua cha nói rằng:

- Ta rất thích tiếng hát của ngươi, vì vậy ta gả con gái ta cho ngươi.

Nghe vậy, ta liền nài nỉ van xin, nhưng vua cha vẫn cương quyết:

- Cha đã thề rằng sẽ gả con cho người ăn mày đầu tiên đi qua cung vua, cha muốn giữ lời thề đó.

Thế rồi, linh mục được mời ngay tới để làm hôn lễ của ta lấy người hát rong.

Hôn lễ cử hành xong, vua cha nói với ta:

- Theo tục lệ, vợ một người hát rong không được ở lâu lại trong cung vua, giờ thì con phải theo chồng ra khỏi cung.

Ta đành chấp nhận, đi theo người chồng của mình. Tới một khu rừng lớn, ta hỏi:

- Rừng đẹp này của ai?

Người hát rong nói:

- Rừng của Vua chích choè, nếu nàng lấy ông ta thì hẳn rừng đã là của nàng.

Ta than rằng:

- Tôi là cô gái thật đáng thương, đáng ra nên lấy Vua chích choè.

Một lúc sau tới một thảo nguyên, ta lại hỏi:

- Thảo nguyên xanh đẹp của ai?

- Thảo nguyên của Vua chích choè.

- Tôi thật đáng thương, đáng ra nên đồng ý lấy Vua chích choè.

Đi mãi thì tới một thành phố lớn, ta lại hỏi:

- Thành phố mỹ lệ này của ai?

- Thành phố mỹ lệ của Vua chích choè.

- Tôi thật đáng thương, đáng lẽ ra tôi nên đồng ý lấy Vua chích choè.

Chồng tôi tỏ vẻ không hài lòng. Cả hai im lặng bước đi cho tới khi về nhà. Đó là một túp lều rách nát. Ta than phiền:

- Trời ơi, nhà ai mà nhỏ, thảm thương thế này?

Chồng ta đáp:

- Nhà của chúng ta đó!

Ta cúi người bước vào trong, rồi hỏi:

- Người hầu của anh đâu?

Anh ta trả lời:

- Người hầu nào? Muốn làm gì thì tự mình làm lấy. Giờ em hãy nhóm bếp nấu ăn đi, anh mệt lắm rồi.

Từ nhỏ đến lớn, bất kể là việc gì, ta đều có người phục vụ. Nào có biết nấu nướng. Người hát rong thấy vậy đành phải nhúng tay vào làm công việc mới xong. Sau bữa ăn, ta mệt mỏi ngủ thiếp đi. Hôm sau, ta bị anh ta đánh thức dậy để làm việc nhà. Cứ như vậy mấy ngày thì lương ăn dự trữ hết. Người hát rong liền bảo:

- Mình ạ, chỉ ngồi ăn không kiếm được thêm gì cả cứ như thế này mãi chắc không được lâu, hay là em đan sọt bán.

Anh ta vào rừng lấy tre nứa về, còn ta phải chẻ lạt đan sọt. Đôi bàn tay mềm mại bị cạnh sắc của tre nứa cửa rỉ máu. Chồng ta nói:

- Thế thì không được, có lẽ dệt vải hợp với em hơn.

Ta lại ngồi tập quay sợi, nhưng rồi những ngón tay lại bị sợi cửa chảy máu.

Chồng ta nói:

- Em chẳng thể làm được việc gì, sống với em thật khổ. Giờ thì chắc ta phải xoay ra đi buôn nôi và bát đĩa. Em ngồi ở chợ và bán hàng.

Ta nghe vậy, thì nghĩ bụng:

- Nếu như dân nước mình họ tới đây mua bán, nhìn thấy mình họ sẽ cười nhạo mình mất.

Dù vậy, ta vẫn phải nghe theo lời chồng của mình. Lúc đầu, khách đến mua khá đông, họ trả tiền hàng mà không hề mặc cả, thậm chí có người trả tiền nhưng không lấy hàng. Cuộc sống của chúng ta khá sung túc. Một lần nọ, ta đang ngồi coi hàng thì có một chàng hiệp sĩ từ xa phi ngựa lao thẳng vào chợ làm cho đông hàng sành sứ của ta đổ vỡ hết cả ra thành hàng nghìn mảnh lớn nhỏ ngổn ngang ở chợ. Ta lo lắng lắm, không biết làm sao nên chỉ ngồi ôm mặt khóc.

Về nhà, ta kể cho chồng nghe chuyện chẳng may ấy. Nghe xong chuyện, anh ta trách móc. Mấy hôm sau, anh ta về nhà rồi nói rằng đã hỏi được công việc phụ bếp trong cung cho ta. Công việc cũng không nặng nhọc nên ta có thể làm được. Một hôm, trong cung tổ chức chúc hôn lễ cho nhà vua. Đã lâu rồi ta mới được nhìn thấy cung điện nguy nga như vậy. Ta buồn bã và hối hận vô cùng. Bỗng nhiên nhà vua bước vào, lựa là châu báu đầy người, cổ đeo dây chuyền vàng. Nhà vua nhìn thấy ta, bước tới tỏ ý muốn ta nhảy cùng. Ta sợ hãi lùi lại, rồi chạy ra ngoài.

Thì ra, người đó chính là Vua chích chòe từng bị ta chế giễu. Ta vội vàng giặt tay lại nhưng chẳng ăn thua, vẫn bị người kéo vào tới giữa phòng làm dây buộc nôi đứt, hai cái nôi rơi xuống đất, súp và bánh mì vung ra khắp nền nhà. Khách khứa và những người đứng đó thấy cảnh tượng ấy đều bật cười và chêm pha những lời nhạo báng. Ta xấu hổ vô cùng, lao thẳng ra phía cửa để chạy trốn, nhưng mới tới được cầu thang lại bị một người đàn ông lôi lại. Ta nghe thấy người đó nói:

- Em đừng có sợ hãi, người hát rong sống chung với em trong căn lều lụp xụp chính là anh. C hính anh cũng là kỵ sĩ cho ngựa chạy đổ vỡ hết hàng sành sứ của em. Tất cả những việc đó chỉ nhằm uốn nắn tính kiêu ngạo của em.

Nghe xong, ta liền bật khóc:

- Em đã làm những điều sai trái, không xứng đáng là vợ của anh.

Nhưng chàng đã nói với ta

- Em đừng buồn nữa, những ngày cay đắng đã qua, giờ chúng ta hãy làm đám cưới.

Ta nghe theo lời Vua chích chòe, vào thay quần áo. Toàn thể triều đình đều có mặt để chúc mừng.

KIỂU 3:

TƯỜNG TƯỢNG GẶP LẠI NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN RỜI KỂ

Lưu ý:

- Chọn được tình huống gặp gỡ nhân vật trong truyện một cách hợp lí.
- Tưởng tượng ra thời gian, không gian và bối cảnh gặp gỡ
- Trong bài kể mình chỉ đóng vai trò phụ để nêu những ý kiến hoặc gợi mở sự việc để nhân vật trong truyện kể lại (trong truyện sẽ có hai câu chuyện lồng nhau: câu chuyện của người viết bài và câu chuyện của nhân vật trong truyện)
- Sử dụng lời thoại của mình với nhân vật phải hợp lí, không sử dụng quá nhiều, chuyện kể sẽ vụn vặt hoặc bị rối.

Đề 1.

Tưởng tượng và kể lại cuộc gặp gỡ với một nhân vật trong truyện cổ mà em đã học hoặc đọc thêm.

1. Mở Bài

Giới thiệu về hoàn cảnh của cuộc gặp gỡ:

- Từ khi còn nhỏ tôi đã rất thích được nghe mẹ kể những câu chuyện cổ, tích những truyền thuyết xa xưa
- Khi lớn lên, bắt đầu đi học tôi lại càng thêm ưa thích môn Văn, đặc biệt trong năm học lớp 6 được học lại những câu chuyện cổ tích thật hay, tôi lại càng thêm thích thú. Đến mức tôi còn nằm mơ thấy mình được gặp công chúa Mị Châu ở dưới Thủy cung.

2. Thân Bài

*** Cảnh sắc dưới thủy cung:**

- Cảnh xung quanh là một màu xanh biếc, các vách tường được kết toàn bằng những loài san hô tuyệt đẹp.
- Những viên minh châu sáng lấp lánh được gắn trên tường, trên đá, đặt trên sàn, làm thủy cung trông thật lung linh.
- Phía trên là ánh mặt trời xuyên tầng nước chiếu xuống một loại ánh sáng mờ mờ.

*** Cảnh gặp Mị Châu:**

- Tôi lang thang khắp thủy cung, hết nhìn cá lại nhìn tôm, nhìn mực bơi thành đàn, cuối cùng tôi đi đến một cung điện nhìn có vẻ thanh lệ
- Phóng tầm mắt ra xa tôi thấy một ngôi đình nghi mát, hình như bên trong có người, tôi bước đến gần hơn, hóa ra là một cô gái rất xinh đẹp.
- Nàng ấy mặc một bộ xiêm áo nhiều lớp, dài chấm gót chân, lưng thắt một sợi dây lưng bản to màu xanh nhạt, áo bên trong màu trắng, riêng áo khoác ngoài thì có màu xanh nhạt. Tóc nàng ấy vấn cao một nửa, bên trên cài một cây trâm bạc hình bướm bướm, thêm một cây trâm ngọc nạm trên châu, nửa tóc còn lại thì thả dài tới qua lưng.

*** Cảnh đối thoại với Mị Châu:**

- Mị Châu giải bày nỗi lòng ân hận vì nợ nước thù nhà
- An ủi Mị Châu rằng đó không phải lỗi của nàng, chỉ là số mệnh đã sắp đặt, chỉ là kẻ thù quá xảo quyệt, chỉ vì nàng quá tin yêu Trọng Thủy. Nàng đáng thương hơn đáng trách.
- Mị Châu dần nghĩ thông suốt, muốn được đầu thai sống kiếp người mới.

3. Kết Bài

- Tôi choàng tỉnh sau cơn mộng dài, cuộc gặp gỡ với Mị Châu vẫn còn nguyên ký ức, tôi mỉm cười, hóa ra là mộng, một giấc mộng thật ý nghĩa.

Đề 2.

Tưởng tượng và kể lại cuộc gặp gỡ với nhân vật Lang Liêu trong truyền thuyết “*Bánh chưng, bánh giầy*” mà em đã học

DÀN Ý

1. Mở bài

- Giới thiệu về hoàn cảnh trước buổi gặp đó.
- Ngày hôm đó trên lớp, em đã rất hứng thú với tiết học Truyền thuyết “*Bánh chưng, bánh giầy*” và em cũng vô cùng khâm phục chàng Lang Liêu
- Về nhà em đã đem câu chuyện đó kể cho bố mẹ. Sau khi cả nhà ăn cơm xong, em nghỉ ngơi và đi ngủ ngay

2. Thân bài

*** Không gian em nhìn thấy trong giấc mơ**

- Đó là một cung điện rất nguy nga, lộng lẫy, bên trong dát mát
- Em thấy các cung nữ đang bưng đồ ra cho nhà vua vô cùng xinh đẹp.
- Bên dưới cung điện là các quan đang nhìn về phía nhà vua với dáng vẻ tôn kính
- Em đang không biết tại sao mình lại ở đây thì nhìn lên ngai vàng đó chính là chàng Lang Liêu. Em mới chợt nhớ ra. Hay là mình đã lạc vào trong cung điện của vua khi giờ Lang Liêu đã làm vua rồi

*** Cuộc nói chuyện của em và Lang Liêu**

- Em đánh liều mình đến với ông vua
- Lúc đó, em đã rất hoảng sợ khi quân lính định bắt em. Nhưng với dáng vẻ hiền từ, Lang Liêu đã bảo dừng lại và ân cần hỏi em
- Em đã trả lời thành thực và không biết tại sao mình lại lạc vào đây. Nhưng em vô cùng ngưỡng mộ ngài. Vì từ lâu, món ăn mà ngài đã làm ra em vô cùng thích thú và tự hỏi không biết nó có từ đâu.
- Ngài còn hỏi em: “*Vậy giờ dân ta vẫn đang làm món ăn đó hả cháu*”
- Em đã trả lời: “*Dạ vâng, dân ta đã lấy món ăn đó làm món ăn truyền thống của ngày Tết. Ngày của tụ họp gia đình*”
- Em hỏi nhà vua: “*Vậy ngài ơi, tại sao hai chiếc bánh lại có có tên là bánh chưng bánh giầy*”
- Vua ân cần trả lời em tất cả.

*** Kết thúc buổi nói chuyện**

- Bỗng dưng em có cảm giác sắp phải rời xa nơi đây. Em chào tạm biệt nhà vua. Nhà vua đã dặn dò em. Cháu hãy học thật tốt, để sau này xây dựng đất nước mình giàu mạnh nhé. Để không phụ công ta và các bậc vua Hùng đã dựng nước

3. Kết bài

“*Con ơi! Tỉnh dậy đi, đến giờ đi học rồi*” Em òa lên tỉnh giấc, hóa ra là một giấc mơ nhưng em vẫn cảm thấy vui, vì đã gặp được Lang Liêu. Người mà em vô cùng kính phục.

Bài viết tham khảo

Ngày hôm đó trên lớp, em đã rất hứng thú với tiết học Truyền thuyết “**Bánh chưng, bánh giày**” và em cũng vô cùng khâm phục chàng Lang Liêu. Về nhà em đã đem câu chuyện đó kể cho bố mẹ. Sau khi cả nhà ăn cơm xong, em nghỉ ngơi và đi ngủ ngay.

Đang lơ mơ không biết mình đang ở nơi đây thì em ngạc nhiên vô cùng khi trước mặt em là một cung điện rất nguy nga, long lẫy, bên trong dát vàng. Lần đầu tiên, em thấy một nơi đẹp như vậy. Em thấy các cung nữ đang bưng đồ ăn ngon, vật lạ ra cho nhà vua. Những cung nữ đó vô cùng xinh đẹp. Em thấy được những cô cung nữ thì đang nhảy múa trông rất dẻo nữa. Bên dưới cung điện là các quan đang nhìn về phía nhà vua với dáng vẻ tôn kính. Trông họ ăn mặc vô cùng kì quái, em nhìn trông rất giống các quan thời xưa. Em đang không biết tại sao mình lại ở đây thì nhìn lên ngai vàng đó chính là chàng Lang Liêu. Em mới sực nhớ ra. Hay là mình đã lạc vào trong cung điện của vua khi giờ Lang Liêu đã làm vua rồi.

Niềm sung sướng tột cùng, em đánh liều mình đến với ông vua. Lúc đó, em đã rất hoảng sợ khi quân lính định bắt em. Nhưng với dáng vẻ hiền từ, Lang Liêu đã bảo dừng lại và ân cần hỏi em. Em đã trả lời thành thực và không biết tại sao mình lại lạc vào đây. Nhưng em vô cùng ngưỡng mộ ngài. Vì từ lâu, món ăn mà ngài đã làm ra em vô cùng thích thú và tự hỏi không biết nó có từ đâu. Ngài còn hỏi em: “*Vậy giờ dân ta vẫn đang làm món ăn đó hả cháu*”. Em đã trả lời: “*Dạ vâng, dân ta đã lấy món ăn đó làm món ăn truyền thống của ngày Tết. Ngày của tụ họp gia đình*” Em hỏi nhà vua: “*Vậy ngài ơi, tại sao ngài lại chọn gạo nếp và làm được hai thứ bánh ngon như vậy ạ?*”. Vua ân cần trả lời em tất cả. “*Vì lúc đó, khi nghe yêu cầu của vua cha, ta đã rất lo lắng. Vì hồi đó, ta có được như các anh đâu. Ta sống với đồng ruộng, gắn bó với cuộc sống của nhân dân nên hiểu được nỗi vất vả của họ. Nhưng trên đời này, thứ gì là quý giá nhất. Ta đã trăn trở mấy đêm liền*”. Nhà vua nói tiếp với em: “*May ta được thần bao mộng chọn gạo nếp đó. Ta làm ra hai thứ bánh đó, bằng nguyên liệu gạo nếp. Bánh hình vuông tượng trưng cho đất, bánh hình tròn tượng trưng cho trời. Nhưng nguyên liệu khác thì hầu như là sản phẩm của nền nông nghiệp ra. Không ngờ, nhờ vậy mà ta đã được vua cha truyền ngôi và đặt tên cho hai thứ bánh đó là bánh chưng, bánh giày* “. Nhà vua thật gần gũi, giọng cũng rất nhẹ nhàng.

Bỗng dưng em có cảm giác sắp phải rời xa nơi đây. Em chào tạm biệt nhà vua. Nhà vua đã dặn dò em. Cháu hãy học thật tốt, để sau này xây dựng đất nước mình giàu mạnh nhé. Để không phụ công ta và các bậc vua Hùng đã dựng nước

“*Con ơi! Tỉnh dậy đi, đến giờ đi học rồi*” Em òa lên tỉnh giấc, hóa ra là một giấc mơ. Nhưng em vẫn cảm thấy vui, vì đã gặp được Lang Liêu. Người mà em vô cùng kính phục. Giá như em còn được gặp nhiều những vị vua Hùng như trong truyền thuyết thì tốt biết mấy?

KIỂU 4:

VIẾT THÊM HOẶC THAY ĐỔI MỘT KẾT THÚC MỚI CHO TRUYỆN

Lưu ý:

Viết thêm hay thay đổi một kết thúc mới cho truyện là một cách kể chuyện sáng tạo rất hấp dẫn và lí thú. Vì thế cần phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- Tùy theo cốt truyện cũ của truyện đặc biệt là phần kết thúc của truyện vì kiểu bài này thường phù hợp với những truyện có kết thúc mở.
- Tùy theo sự tưởng tượng của người viết nhưng phải hợp lí theo mạch logic của truyện.
- Viết theo kết thúc mới nhưng trước đó vẫn phải kể các sự việc trước của truyện.
- Phần viết thêm hoặc thay đổi kết thúc của truyện có thể có quan hệ tương đồng hoặc cũng có thể có quan hệ đối lập với chuỗi sự việc trước đó của truyện.
- Sự tưởng tượng phải ngắn gọn, hợp lí, không tưởng tượng lan man dài dòng, không đúng với bản chất cốt truyện.
- Kiểu bài này phù hợp với nhiều cách kể (bằng lời văn của em, nhập vai nhân vật hoặc gặp nhân vật...)

Ví dụ:

- 1/ Kể lại câu chuyện “*Tám Cám*” theo một kết thúc khác.
- 2/ Kể lại câu chuyện “*Cây Khế*” theo một kết thúc khác.
- 3/ Kể lại câu chuyện “*Cô bé bán diêm*” theo một kết thúc khác.

Đề 1.

Kể lại câu chuyện “*Cây Khế*” theo một kết thúc khác.

DÀN Ý:

1/ **Mở bài:** Giới thiệu hoàn cảnh câu chuyện

2/ **Thân bài:** Kể diễn biến các sự việc chính

- Từ khi lập gia đình, vợ chồng người anh lười biếng, bắt vợ chồng người em làm những công việc nặng nhọc, người anh chiếm hết gia sản, chỉ chia cho người em một gian nhà lụp xụp với một cây khế ngọt. **(Khi kể thêm yếu tố miêu tả)**
- Vợ chồng người em dọn ra ở riêng, vừa chăm chỉ làm thuê kiếm sống, vừa chăm sóc cây khế.
- Cây khế có quả, chim đến ăn, người em phàn nàn và chim hện trả ơn bằng vàng
- Chim chở người em bay ra đảo lấy vàng, nhờ thế người em trở nên giàu có
- Người anh biết chuyện, đòi gia tài của mình lấy cây khế, người em bằng lòng
- Chim lại đến ăn, mọi chuyện diễn ra như cũ, nhưng người anh may túi quá to và lấy quá nhiều vàng **(Có thể thêm yếu tố đánh giá)**
- Do vàng nhiều, lại bay ngược gió, chim không chở nổi, buông cánh, người anh bị rơi xuống biển và chết.

3/ **Kết bài:** Kể kết cục sự việc.

Ví dụ 1:

Người anh bị ngọn sóng cuốn đi. Khi tỉnh dậy đã thấy mình nằm trên một hòn đảo hoang. Tay nải đựng vàng bạc, châu báu đã bị sóng đánh đi xa. Hấn kêu gào thảm thiết nhưng không có một tiếng trả lời. Người anh không còn cách nào, liền đánh liều đi về phía khu rừng. Lang thang nhiều ngày trong rừng, người anh

phải ăn quả dại, uống nước suối để tiếp tục sống. Hắn cảm thấy hối hận vì lòng tham của mình, nhưng đã quá muộn.

Ví dụ 2:

Khi đến hòn đảo, người anh cố nhặt vàng và kim cương cho thật đầy tay nải. Trên đường về, vì quá nặng lại gặp gió lớn, chim đâm bổ xuống biển. Sau khi bị rơi xuống biển, người anh trôi dạt vào bờ, được một người đánh cá cứu. Anh ta nhận ra sai lầm của bản thân, trở về nhà khuyên vợ tu chí làm ăn. Khi biết được anh mình thay đổi, người em ra sức giúp đỡ anh. Hai anh em ngày càng hòa thuận, yêu thương nhau hơn.

Ví dụ 3:

Sau khi bị rơi xuống biển, người anh bị sóng đánh trôi dạt vào một hòn đảo hoang. Nơi đây không có một bóng người sinh sống. Người anh phải ăn trái cây rừng, uống nước suối để tiếp tục sống. Sau nhiều ngày, anh ta cảm thấy vô cùng hối hận vì hành động của mình. Tưởng như sắp hết hy vọng, thì một ngày nọ có chiếc thuyền đi ngang qua. Anh ta tìm cách báo hiệu cho người trong thuyền biết. Người anh được đưa về đất liền, gặp lại vợ và em trai liền cảm thấy vô cùng sung sướng. Những ngày tháng sau đó, người anh chăm chỉ làm ăn, sống hạnh phúc bên gia đình.

Đề 2.

Kể câu chuyện “Thạch Sanh” theo một kết thúc khác.

Dàn ý:

1. Mở bài

Cách 1: Nêu bối cảnh, hoàn cảnh, thời gian diễn ra câu chuyện.

Cách 2: Dẫn dắt, giới thiệu về câu chuyện cổ tích Thạch Sanh.

2. Thân bài: Kể lại câu chuyện Thạch Sanh bằng chính ngôn ngữ, cách hành văn của em. Tuy nhiên, cần có đủ và đúng các sự kiện nòng cốt sau:

- Sự ra đời và lớn lên kì lạ của Thạch Sanh.
- Thạch Sanh gặp Lý Thông và kết nghĩa anh em với hắn, rồi chuyển đến nhà Lý Thông sống.
- Thạch Sanh đi canh miếu và tiêu diệt được chằn tinh, thu được một chiếc cung tên bằng vàng.
- Thạch Sanh dùng cung tên vàng giết đại bàng tinh.
- Thạch Sanh xuống hang cứu công chúa, bị Lý Thông cướp công và lấp cửa hang.
- Thạch Sanh cứu con trai vua Thủy Tề, được đưa ra khỏi hang, thiết đãi thịnh soạn và nhận một cây đàn làm quà tặng.
- Thạch Sanh bị hồn chằn tinh và đại bàng vu oan, hãm hại, nên bị bắt vào ngục giam.
- Tiếng đàn của Thạch Sanh giúp công chúa khỏi bệnh, vạch trần bộ mặt thật của Lý Thông và minh oan cho bản thân.
- Thạch Sanh cưới công chúa và trở thành phò mã.
- Thạch Sanh đẩy lùi được quân đội của 18 nước chư hầu nhờ tiếng đàn thần và niêu cơm thần.
- Thạch Sanh được nhà vua nhường ngôi báu.

Chú ý:

- HS không bắt buộc phải kể theo đúng trình tự của câu chuyện, có thể kể kết quả trước, diễn biến sau, hoặc kể diễn biến câu chuyện trước, nguyên nhân kể sau...

- Các sự kiện, chi tiết phải sắp xếp một cách hợp lý, có logic.

- Kể một cách linh động, sáng tạo, mang màu sắc cá nhân.

3. Kết bài: Kể kết cục của truyện.

Ví dụ:

Sau khi được Thạch Sanh xá tội, mẹ con Lí Thông lập tức quay về quê để làm ăn lương thiện. Bỗng nhiên, trời đang nắng hóa âm u. Thạch Sanh thấy liền biết là Thượng Đế sai Ông Thiên Lôi xuống trừng phạt mẹ con Lí Thông, chàng liền xin vua rồi bay đến chỗ họ. Hai mẹ con nhà nọ vẫn chưa biết là Ông Thiên Lôi đã ở đó nên vẫn cứ ung dung đi. Rồi...” Đùng! Đùng! Đùng!” , tiếng sấm rền vang, mẹ con Lí Thông giật mình, nằm cuôi xuống. May sao Thạch Sanh tới kịp và dùng sức mạnh của mình để che chở mẹ con họ. Chàng dùng đến những phép thần thông đánh lại Ông Thiên Lôi. Hai bên cứ giao chiến mãi rồi Thạch Sanh thắng. Ông Thiên Lôi vẫn tỏ ra kiêu ngạo:” Hừ, may là có nhà ngươi, nếu không ta đã nướng chín hai kẻ bội bạc ấy rồi!” Nói rồi, Ông bay về trời. Mẹ con Lí Thông lạy Thạch Sanh như sùng bái thần thánh rồi lại tiếp tục lên đường. Kể từ đó, họ làm ăn tốt và được nhân dân yêu quý.

Viết bài: HS tự viết

IV. Hướng dẫn về nhà

– Hoàn thành bài tập

Chuẩn bị: Luyện viết đoạn văn trình bày ý kiến về một hiện tượng, một vấn đề.

Ngày dạy: 02/02/2023

BUỔI 25:

VIẾT ĐOẠN VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG, VẤN ĐỀ EM QUAN TÂM

I. MỤC TIÊU

1/ Kiến thức:

- HS biết chọn một hiện tượng (vấn đề) để trình bày ý kiến của bản thân bằng một bài viết được thực hiện theo các bước của quy trình viết bài bản.

- Bài viết bảo đảm các đặc trưng của kiểu bài nghị luận, dùng lí lẽ, bằng chứng, có phương thức biểu đạt phù hợp.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết, phân tích, trình bày ý kiến của bản thân bằng bài nghị luận về một hiện tượng, vấn đề

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức đời sống vào bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

-STK, KHBD,...

-STK, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

I/ Tìm hiểu chung về bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống

1. Thế nào là bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống?

Bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống là một văn bản nghị luận mà trong đó người viết bày tỏ quan điểm, ý kiến của mình về một vấn đề nào đó trong cuộc sống nhằm thuyết phục người đọc, người nghe.

2. Các yếu tố trong bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống:

- **Vấn đề nghị luận:** chủ đề, đề tài?

- **Luận điểm:**

- **Luận cứ:** Hệ thống lí lẽ, dẫn chứng và phân tích, bình luận để làm sáng rõ vấn đề

Lớp 6: HS làm quen với việc bày tỏ ý kiến về một hiện tượng đời sống chủ yếu là để bày tỏ ý kiến, quan điểm của mình về vấn đề đó. Những vấn đề còn lại như bình, phân tích, đánh giá,... lên lớp trên các em mới học.

- **Lập luận:** Sử dụng luận cứ làm rõ vấn đề nghị luận nhằm thuyết phục người đọc, người nghe.

3. Nội dung của bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống rất phong phú và đa dạng:

- Bạo lực học đường, gia đình
- Môi trường
- Tệ nạn xã hội
- Văn hóa ứng xử, ăn mặc
- Tình bạn
- Thần tượng tuổi học trò
- Thiên nhiên
- Hiện tượng vô cảm
- Hiện tượng học vẹt, học tủ của hs
-

=> **Ta có thể xếp vào 2 phạm vi sau:**

- Trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống gia đình.
- Trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống xã hội.

4. Các dạng đề của một bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống:

a. Dạng cụ thể và trực tiếp: là dạng đề mà yêu cầu và vấn đề nghị luận trong đời sống được thể hiện trực tiếp trong đề bài.

Ví dụ 1: Môi trường xung quanh chúng ta ngày càng bị ô nhiễm nặng nề. Hãy viết bài văn bày tỏ suy nghĩ của mình về vấn đề này.

Ví dụ 2: Hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về **hiện tượng lũ lụt**.

Ví dụ 3: Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng một bộ phận học sinh **đắm chìm trong thế giới ảo** của game, online, facebook,...mà **xa rời những gì gần gũi bình dị xung quanh mình**.

b. Dạng đề mở và gián tiếp: là dạng bài mà đề bài chỉ nêu vấn đề nghị luận, không nêu yêu cầu hoặc vấn đề nghị luận lại phải thông qua một ngữ liệu. Ngữ liệu có thể là một văn bản trong SGK, một bài viết trên các phương tiện thông tin đại chúng, một mẫu chuyện, bản tin, ca dao, tục ngữ,...

Ví dụ 1:

Có những bạn trẻ chỉ biết mãi mê dán hình thần tượng khắp nơi, chỉ biết đắm chìm trong sở thích của riêng mình...

Họ đâu thấy rằng bên cạnh đó có những người đang vì họ mà vất vả, lo toan ; có những người đã dành cho họ bao nhiêu yêu thương, trù mến...

*Những bạn trẻ ấy đâu biết rằng họ đang **sống vô cảm ngay trong chính gia đình mình**.*

Viết bài văn ngắn (khoảng 01 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề trên.

Ví dụ 2:

Mùa hè này, những học trò nghèo của làng chài bãi ngang xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, ngày nào cũng xuống biển bắt cua, sò, ốc ... để kiếm vài ngàn ít ỏi nuôi mơ ước đến trường. Từng giọt mồ hôi “non nớt” sớm rơi trên gành đá, hòa vào lòng biển vì ước mong có được bộ sách, cái cặp... cho năm học mới. Đồng hành với khát khao của con trẻ, những người mẹ nghèo của vùng đất này cũng nói với con: “Ăn khổ mấy má cũng chịu, miễn con có sách vở, quần áo mới tới trường là má vui rồi!”

(Theo Báo Thanh Niên ngày 18-6-2013, *Ôm ước mơ đi về phía biển*)

Hãy viết bài văn ngắn (khoảng 01 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em được gợi ra từ câu chuyện trên.

Ví dụ 3:

Văn hóa ứng xử của người học sinh.

Ví dụ 4:

Dưới đây là một số hình ảnh trong cuộc chiến chống giặc Covid 19 tại nước ta. Những hình ảnh này gợi cho em suy nghĩ gì?



Các bác sĩ không quản ngày đêm điều trị cho bệnh nhân Covid 19



Vài phút chớp mắt, nghỉ ngơi ngắn ngủi của các y bác sĩ nơi tuyến đầu



Cậu bé Andy Đào Nguyên (Tp.HCM) dùng 10 triệu đồng mừng tuổi của mình để mua khẩu trang tặng mọi người



Cây ATM gạo dành cho người nghèo giữa tâm dịch

Hình ảnh gợi nhiều suy nghĩ

- Sự đồng cảm, thương yêu, chia sẻ để cùng vượt qua đại dịch (tình người ấm áp)
- Sự hi sinh của bản thân mỗi người vì người khác, vì cộng đồng
- Ý chí quyết tâm chung sức chống lại đại dịch.

=> Khi làm bài HS có thể chọn một trong số những nội dung trên để làm

II/ Phương pháp làm bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống:

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

-Xác định, lựa chọn đề tài: HS có thể tham khảo các đề được giới thiệu hoặc tự tìm đề tài mới.

-Xác định mục đích: trình bày ý kiến để tạo sự thuyết phục mọi người đồng tình với quan điểm của bản thân, từ đó rút ra giải pháp, đề xuất bài học phù hợp.

- Thu thập tư liệu: thu thập các bằng chứng xác đáng để tăng tính thuyết phục cho lập luận. Bằng chứng có thể là con người, các hiện tượng, sự việc trong đời sống. Nguồn dẫn chứng cũng rất đa dạng: sách vở, báo chí, trên mạng internet, thực tế cuộc sống mà em chứng kiến.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý:

a. Tìm ý:

- Hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận là gì?
- Ý kiến của em về hiện tượng (vấn đề) đó?
- Cần đưa ra những lí lẽ gì để bàn luận về hiện tượng (vấn đề) đó?
- Cần nêu ra những bằng chứng nào để làm sáng tỏ hiện tượng (vấn đề) đó?
- Mở rộng vấn đề? Tìm ra nguyên nhân và cách khắc phục.
- Bức thông điệp/ bài học rút ra từ vấn đề?

b. Lập dàn ý:

- **Mở bài:** Giới thiệu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.
- **Thân bài:** Xây dựng hệ thống ý cần trình bày. Thông thường sẽ có những ý sau:

- + Em có quan điểm/ nhận xét gì về hiện tượng/ vấn đề trên hoặc đồng tình/ không đồng tình với ý kiến trên hay không? Vì sao?
- + Chỉ ra biểu hiện của hiện tượng (vấn đề)? Chỉ ra tác động tích cực/ tiêu cực của hiện tượng (vấn đề)?
- + Hiện tượng (vấn đề) bắt nguồn từ nguyên nhân nào? Giải pháp khắc phục/ phát huy?
- + Rút ra bài học nhận thức và hành động

- Kết bài:

- + Khẳng định lại ý kiến của bản thân về hiện tượng (vấn đề)
- +Bức thông điệp em muốn gửi tới mọi người?

Bước 3: Viết bài

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập

Chuẩn bị: Luyện viết đoạn văn trình bày ý kiến về một hiện tượng, một vấn đề.

Ngày dạy: 07/02/2023

BUỔI 26:

VIẾT ĐOẠN VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG, VẤN ĐỀ EM QUAN TÂM

I. MỤC TIÊU

1/ Kiến thức:

- HS biết chọn một hiện tượng (vấn đề) để trình bày ý kiến của bản thân bằng một bài viết được thực hiện theo các bước của quy trình viết bài bản.
- Bài viết bảo đảm các đặc trưng của kiểu bài nghị luận, dùng lí lẽ, bằng chứng, có phương thức biểu đạt phù hợp.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết, phân tích, trình bày ý kiến của bản thân bằng bài nghị luận về một hiện tượng, vấn đề

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức đời sống vào bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

-STK, KHBD,...

-STK, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

DẠNG 1: DẠNG CỤ THỂ, TRỰC TIẾP**ĐỀ 1.**

Chuyên mục “*Việc tử tế*” trong chương trình của VTV1- Đài truyền hình Việt Nam đã tái hiện nhiều hành động đẹp, nhiều tấm gương tốt. Em hãy viết đoạn văn nêu suy nghĩ của mình về những hành động và tấm gương trong những phóng sự ấy.

DÀN Ý:**I/ Mở bài:**

Giới thiệu những việc làm, hành động đẹp trong xã hội nói chung rồi dẫn dắt đến chuyên mục “*Việc tử tế*” trên VTV1.

II/ Thân bài:**1. Thực trạng (biểu hiện)**

- **Việc tử tế:** là những việc làm tốt đẹp, phù hợp với chuẩn mực đạo đức trong xã hội, có ích cho mình và cho mọi người.

- Biểu hiện:

+ Bác sĩ 9X Nguyễn Văn Hiếu tốt nghiệp bằng giỏi, có 1 công việc ổn định ở bệnh viện Thanh Nhàn (Hà Nội) song đã vượt 700km, bỏ phố lên rừng chữa bệnh cho đồng bào miền núi Điện Biên.

+ Thầy giáo Huỳnh Hạnh Phúc trở về từ Đại học Harvard (Mỹ) và đóng góp cho Việt Nam với dự án phi lợi nhuận nhằm chung tay xây dựng nền giáo dục bình đẳng và hoàn thiện cho trẻ em Việt Nam mang tên “Teach For Vietnam”, giảng dạy vì Việt Nam.

+ Xe cấp cứu nhân đạo...

2. Nguyên nhân

- Dân tộc ta giàu lòng nhân ái “Thương người...”, “Lá lành..”

- Những người tử tế có trái tim nhân hậu.

- Sự góp mặt của giới truyền thông

3/ Tác động , ảnh hưởng:

- Thể hiện truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta, tăng thêm sức mạnh đoàn kết của dân tộc.

- Động viên con người vượt qua khó khăn.

- Bản thân những người tử tế cũng cảm thấy hạnh phúc bởi “Sống là cho đi...”

4/ Giải pháp:

- Truyền thông tích cực lan tỏa, phản ánh chính xác những việc tử tế trong cộng đồng.

- Con người biết yêu thương, chia sẻ xuất phát từ tấm lòng chân thành.

+ Giúp đỡ đúng người, đúng cảnh, đúng lúc để việc làm có ý nghĩa.

+ Học tập những tấm gương tử tế, phê phán những người ích kỉ, vô cảm.

III/ Kết bài:

- Những việc làm, hành động đẹp ấy mãi trái tim của mọi người.

- Cho đi là còn mãi.

ĐỀ 2.

Viết bài văn nghị luận ngắn (khoảng 1 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng một bộ phận học sinh **đắm chìm trong thế giới ảo** của game, online, facebook,...mà **xa rời những gì gần gũi bình dị xung quanh mình**.

DÀN Ý**I/ Mở bài:**

Giới thiệu hiện tượng một bộ phận học sinh **đắm chìm trong thế giới ảo** của game, online, facebook,...mà **xa rời những gì gần gũi bình dị xung quanh mình**.

II/ Thân bài**1/ Thực trạng (biểu hiện)**

* Giải thích:

- Thế giới ảo?
- Game, online, facebook,...?
- Những gì gần gũi bình dị xung quanh?

* Biểu hiện:

- Biểu hiện của việc quá đam mê game, online, facebook.
- Biểu hiện xa rời những gì gần gũi bình dị xung quanh.

2/ Nguyên nhân:

- Sức hấp dẫn của game,....
- Sự quản lí lỏng lẻo của gia đình hoặc một số cơ quan chức năng.
- Học sinh không có ý thức tự giác, không làm chủ bản thân.
- ...

3/ Tác động, ảnh hưởng

- Không quan tâm đến cuộc sống thực, đến những người người thân, sống thờ ơ vô cảm, thiếu trách nhiệm, thậm chí độc ác....
- Ảnh hưởng đến xã hội.
- Ngợi ca những bạn trẻ tích cực tham gia các hoạt động xã hội thiện nguyện.

4/ Giải pháp:

- Động viên, khuyến khích tham gia những câu lạc bộ thiện nguyện để làm phong phú thêm đời sống tinh thần.
- Gia đình, nhà trường, xã hội quan tâm, chăm sóc, động viên.

III/ Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề.
- Gửi gắm thông điệp.

ĐỀ 3.

Viết bài văn ngắn (1 trang giấy thi) trình bày ý kiến của em về *nạn bạo hành trong xã hội*.

DÀN Ý:**I/ Mở bài:**

Giới thiệu về nạn bạo hành trong xã hội

II/ Thân bài**1/Thực trạng (biểu hiện)**

- Nạn bạo hành: sự hành hạ, xúc phạm người khác một cách thô bạo, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần của người khác.
- Nạn bạo hành thể hiện ở nhiều góc độ, nhiều phương diện của đời sống xã hội:
 - + Gia đình
 - + Trường học
 - + Công sở

2/ Nguyên nhân:

- Do bản tính hung hăng, thiếu kiềm chế của một số người.
- Do ảnh hưởng của phim ảnh mang tính bạo lực nhất là với tầng lớp thanh thiếu niên.
- Do áp lực cuộc sống
- Do sự thiếu kiên quyết trong cách xử lý nạn bạo hành

3/ Tác động, ảnh hưởng

- Làm tổn hại đến sức khỏe, tinh thần con người.
- Làm ảnh hưởng đến tâm lý, sự phát triển nhân cách, đặc biệt là tuổi trẻ.

4/ Giải pháp:

- Cần lên án với nạn bạo hành
- Cần xử lý nghiêm khắc hơn với những người trực tiếp thực hiện hành vi bạo hành.
- Cần quan tâm, giúp đỡ kịp thời đối với nạn nhân bạo hành.

III/ Kết bài:

- Lên án hiện tượng
- Bài học nhận thức và hành động của bản thân.

ĐỀ 4.

Viết bài văn ngắn (1 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về *văn hóa nói lời cảm ơn và xin lỗi của con người trong xã hội hiện nay.*

DÀN Ý:

I/ Mở bài:

Giới thiệu trực tiếp vấn đề: văn hóa xin lỗi, cảm ơn.

II/ Thân bài:

1. Thực trạng, biểu hiện:

- Cảm ơn là bày tỏ thái độ biết ơn, cảm kích trước lời nói, hành động hay sự giúp đỡ của một ai đó đối với những người giúp mình.
- Xin lỗi là bày tỏ thái độ ân hận, hối lỗi trước những sai lầm mình đã gây ra cho người khác.
- Vì sao phải cảm ơn và xin lỗi:
 - + Nguyên tắc đạo đức.
 - + Đề lương tâm được thanh thản
 - + Làm cho xã hội trở nên gắn kết, loài người gần gũi và hiểu nhau hơn.
- Biểu hiện:
 - + Ghi nhớ công ơn những người giúp đỡ mình.
 - + Có thái độ ăn năn hối lỗi trước lỗi lầm của mình
- Thực trạng:
 - + Nhiều thanh niên ngày nay ngại nói lời cảm ơn và xin lỗi.
 - + Văn hóa cảm ơn, xin lỗi ngày càng bị mai một.

2/ Nguyên nhân:

- Do đời sống xã hội ngày càng phát triển, lối sống vô cảm khiến người ta bớt quan tâm nhau hơn, tính toán nhiều hơn.

3/ Tác động, ảnh hưởng

- Tạo ra những con người chai lì, vô cảm khiến xã hội mất đi sự gắn kết, lẻ tẻ, rời rạc.

- Những đứa trẻ không biết cảm ơn, xin lỗi khi lớn lên sẽ trở thành những người vô ơn, bất nghĩa, không chung thủy.

4/ Giải pháp:

- Hãy biết nói lời cảm ơn và xin lỗi mỗi ngày.

III/ Kết bài:

- Thể hiện ý kiến của mình và liên hệ bản thân.

ĐỀ 5.

Viết bài văn ngắn (1trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về **hiện tượng lũ lụt**.

DÀN Ý

I/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề: hiện tượng lũ lụt.

II/ Thân bài:

1.Thực trạng, biểu hiện:

- Những năm gần đây lũ lụt xảy ra ngày càng nhiều và phạm vi ảnh hưởng rất rộng.
- Hằng năm miền Trung nước ta là nơi hứng nhiều nhiều cơn bão lớn đổ bộ. Nhưng năm nay, những cơn bão mạnh hơn và có sức tàn phá kinh khủng hơn.

2.Nguyên nhân:

Do con người gây ô nhiễm môi trường nặng nề và biến đổi khí hậu, Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng rõ ràng và nặng nề nhất.

3.Tác động, ảnh hưởng

- Đời sống người dân gặp nhiều khó khăn.
- Gây thiệt hại nặng nề về tính mạng (người dân, chiến sĩ bộ đội đi cứu trợ cứu nạn), ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người.
- Tàn phá nhà cửa, ruộng vườn, vật nuôi, hoa màu. Hơn hết, lũ kéo theo sạt lở đất, tổn hại lớn tới các công trình đường xá, công trình. -> Thiệt hại kinh tế nặng nề.

D/C:

Có nhiều tấm gương người tốt việc tốt (ca sĩ Thủy Tiên,...) đã không ngại khó khăn, nguy hiểm lao vào tâm lũ để cứu trợ đồng bào, tự đứng ra quyên góp được số tiền lớn để giúp đỡ đồng bào.

Người dân cả nước đều hướng về miền Trung, ủng hộ về cả vật chất và tinh thần để giúp đồng bào của mình vượt qua khó khăn.

4. Giải pháp:

- Cần bảo vệ môi trường để hạn chế tác hại của thiên tai lũ lụt
- Những căn nhà phao cần được phổ biến rộng rãi hơn.
- Khi lũ qua đi là lúc cần trợ giúp nhất để người dân vùng lũ sớm ổn định cuộc sống, từ nhân lực để sửa chữa nhà cửa, vệ sinh môi trường, khôi phục sản xuất.
- Nhà nước cần có những biện pháp kịp thời để cứu trợ bà con.

III/ Kết bài:

- Khẳng định vấn đề
- Hãy bảo vệ trái đất.

ĐỀ 6.

Trình bày suy nghĩ của em về *hiện tượng học tủ, học vẹt* (qua loa, đối phó) của học sinh hiện nay.

I/ Mở bài: Giới thiệu hiện tượng học vẹt, học tủ trong học sinh hiện nay

Ví dụ: Sidney Jourard đã từng khẳng định: “Học tập không phải là một nhiệm vụ hay một vấn đề khó giải quyết – nó là cách để sống trong thế giới. Con người học tập khi theo đuổi các mục tiêu và kế hoạch có ý nghĩa cho chính mình.”. Câu nói đã nhắc nhở bản thân mỗi người hãy coi việc học là điều tất yếu. Thế nhưng tại sao hiện nay một bộ phận không nhỏ học sinh lại không nhìn nhận được giá trị đích thực của việc học rồi đi theo lối mòn “*học tủ, học vẹt*”.

II/ Thân bài:

1. Thực trạng (biểu hiện)

- Học vẹt dùng để chỉ việc học nhưng không hiểu bản chất của vấn đề đang học, người học nhắc lại những kiến thức SGK như con vẹt hay cái máy mà thôi. Giống như người xưa từng nói “thực bất kì vi” - ăn nhưng không biết vị cũng để chỉ cách học này.
- Học tủ thường gặp trong các kì thi học sinh chỉ chăm chăm học phần kiến thức mà được cho là “tủ” – chắc chắn đề thi sẽ cho vào, bỏ rơi các phần kiến thức khác, nhưng tất cả các thông tin về “tủ” chỉ do “truyền mồm” người nọ nói với người kia chứ không có thật.
- Việc học vẹt, học tủ không phải là trường hợp hiếm hoi hay đơn lẻ mà trở thành một thực trạng phổ biến đáng buồn trong các bạn học sinh.
- Nhất là vào các dịp thi như học kì, tốt nghiệp và ngay cả kì thi đại học quan trọng cũng diễn ra việc học vẹt học tủ. Thời gian không dành cho việc “sôi kinh nấu sử” mà đoán già đoán non đề vào phần gì.
- Nếu được hỏi 10 bạn sẽ không dưới 5 bạn học sinh sẽ trả lời rằng mình có học vẹt, học tủ.

2/ Nguyên nhân:

*Chủ quan:

- Do lười học.
- Trong lớp mãi nói chuyện, làm việc riêng, không chú ý vào bài giảng nên không hiểu lâu dần thành mất gốc, học vẹt chỉ là học phần ngọn không hiểu chắc chắn về kiến thức cơ bản.

* **Khách quan:** Một thực tế không thể phủ nhận là nguyên nhân còn có từ chính những người lớn, từ chương trình học còn nặng về lí thuyết yếu thực hành của nước ta.

3/ Tác động, ảnh hưởng

- Việc học như trên để lại hậu quả nghiêm trọng. Học vẹt nên kiến thức không chắc nếu bài học thuộc lòng thì có thể thi qua nhưng nếu cần vận dụng thì đành cắn bút hay gian lận, quay cóp.
- Học tủ gây nên nhiều việc dở khóc dở cười, bị tủ đề không biết trách ai, đến lúc thi xong hối hận thì việc cũng đã rồi. Đôi khi kì thi ấy vô cùng quan trọng trong đời mỗi người.
- Từ việc trên ấy tới những tiêu cực đau lòng trong giáo dục Việt Nam nhiều năm qua như bài toán chưa tìm ra lời giải.

4/ Giải pháp

- Chăm dứt học lệch, học tủ

III/ Kết bài:

-Khẳng định lại quan điểm của cá nhân về học lệch, học tủ.

-Gửi gắm thông điệp

Ví dụ: Lê-nin từng dạy : học, học nữa, học mãi. Mỗi bạn học sinh cần lựa chọn một phương pháp học cho phù hợp.

Ví dụ: Học tập vốn là một con đường gian nan đầy chông gai thử thách đòi hỏi sự quyết tâm. Trên con đường chiếm lĩnh tri thức, ai cũng cần bỏ ra mồ hôi, nước mắt để đạt được những thành quả nhất định. Và nếu muốn hưởng trái ngọt đó ta cần phải tránh xa cách “học tủ, học vẹt”. Tương lai ta nắm trong tay ta, một cách học đúng đắn sẽ là kim chỉ nam hiệu quả dẫn ta đến con đường thành công.

IV. Hướng dẫn về nhà

– Hoàn thành bài tập

Chuẩn bị: Luyện viết đoạn văn trình bày ý kiến về một hiện tượng, một vấn đề.

Ngày dạy: 09/02/2023

BUỔI 27:

VIẾT ĐOẠN VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG, VẤN ĐỀ EM QUAN TÂM

I. MỤC TIÊU

1/ Kiến thức:

- HS biết chọn một hiện tượng (vấn đề) để trình bày ý kiến của bản thân bằng một bài viết được thực hiện theo các bước của quy trình viết bài bản.
- Bài viết bảo đảm các đặc trưng của kiểu bài nghị luận, dùng lí lẽ, bằng chứng, có phương thức biểu đạt phù hợp.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết, phân tích, trình bày ý kiến của bản thân bằng bài nghị luận về một hiện tượng, vấn đề

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức đời sống vào bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

-STK, KHBD,..

-STK, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

DẠNG 2: DẠNG ĐỀ MỞ, GIÁN TIẾP**ĐỀ 1.**

Sài Gòn hôm nay đầy nắng. Cái nắng gắt như thiêu như đốt khiến dòng người chạy bạt mạng hơn. Ai cũng muốn chạy cho nhanh để thoát khỏi cái nóng. Một người phụ nữ độ tuổi trung niên đeo trên vai chiếc ba lô thật lớn, tay còn xách giỏ trái cây. Phía sau bà là một thiếu niên. Cứ đi được một đoạn, người phụ nữ phải dừng lại nghỉ mệt. Bà lắc lắc cánh tay, xoay xoay bờ vai cho đỡ mỏi. Chiếc ba lô nặng oằn cả lưng. Chàng thiếu niên con bà bước lững thững, nhìn trời ngó đất. Cậu chẳng mấy may để ý đến những giọt mồ hôi đang thấm ướt vai áo mẹ. Chốc chốc thấy mẹ đi chậm hơn mình, cậu còn quay lại gắt gỏng: “Nhanh lên mẹ ơi! Mẹ làm gì mà đi chậm như rùa”.

(Những câu chuyện xót xa về sự vô cảm của con trẻ - <http://vietnamnet.vn>)

Viết bài văn ngắn (khoảng 1 trang giấy thi) nêu suy nghĩ của em về hiện tượng được nhắc đến trong câu chuyện trên.

DÀN Ý:**I/ Mở bài**

Trong cuộc sống, nếu như chúng ta có sự quan tâm lẫn nhau, biết suy nghĩ về nhau thì cuộc đời sẽ đẹp biết bao. Thế nhưng, hiện nay sự thờ ơ vô cảm của giới trẻ đang xuất hiện ngày càng nhiều. Những câu chuyện xót xa về sự vô cảm của con trẻ được đăng trên vietnamnet.vn đã gọi cho chúng ta nhiều suy tư về quan niệm sống trong xã hội.”

II/ Thân bài:**1.Thực trạng (biểu hiện)**

- Thờ ơ, vô tâm; quát mắng cha mẹ; đánh đập, thậm chí làm người thân tổn thương vì những hành vi bạo lực,..
- Xuất hiện mọi lúc, mọi nơi

2.Nguyên nhân:

* Khách quan:

- Gia đình (cha mẹ quá nuông chiều con cái, thiếu giáo dục ý thức cộng đồng cho con cái...).
- Nhà trường (chỉ chăm lo dạy chữ mà coi nhẹ việc giáo dục đạo đức, bồi dưỡng tình cảm cho học sinh...).
- Xã hội (sự phát triển không ngừng của khoa học, con người trở nên xơ cứng, chỉ nghĩ đến cá nhân, thiếu ý thức cộng đồng...).

* Chủ quan: Bản thân (thiếu ý thức chia sẻ gian khó với mọi người xung quanh, chỉ biết vụ lợi...).

3. Tác động, ảnh hưởng

- Con người trở nên lãnh cảm với mọi thứ, tình cảm thiếu thốn dễ nảy sinh tội ác, khó hình thành nhân cách tốt đẹp.
- Gia đình thiếu hơi ấm, nguội lạnh, thiếu hạnh phúc, dễ gây bất hòa.
- Sự vô cảm, cái ác sẽ thống trị và nhân lên trong xã hội,...

4.Giải pháp:

- Mỗi người cần sống yêu thương và trách nhiệm hơn. Sống với thế giới thực nhiều hơn thế giới ảo. Trước hết phải yêu thương, quan tâm đối với những người thân trong gia đình. Có như thế mới biết yêu thương đồng loại nói chung.

III. Kết bài:

- Hiện tượng đáng báo động mà mỗi chúng ta cần đấu tranh và loại bỏ ra khỏi bản thân mình và xã hội.
- Cần học tập và rèn luyện nhân cách, sống cao đẹp, chan hòa, chia sẻ, có ý thức cộng đồng.

ĐỀ 2.

Có những bạn trẻ chỉ biết mãi mê dán hình thần tượng khắp nơi, chỉ biết đắm chìm trong sở thích của riêng mình...

Họ đâu thấy rằng bên cạnh đó có những người đang vì họ mà vất vả, lo toan ; có những người đã dành cho họ bao nhiêu yêu thương, trù mến...

Những bạn trẻ ấy đâu biết rằng họ đang sống vô cảm ngay trong chính gia đình mình.

Viết bài văn ngắn (1 trang giấy thi), trình bày suy nghĩ của em về vấn đề trên.

DÀN Ý

I/ Mở bài:

- Dẫn dắt vấn đề: Thái độ sống của giới trẻ nói chung
- Nêu vấn đề: Thái độ vô cảm của một số bạn trẻ trong chính gia đình mình khi sống chỉ biết quan tâm đến các thần tượng trên phim ảnh, đắm chìm với sở thích riêng mà thờ ơ với những vất vả lo toan, yêu thương trù mến của cha mẹ, người thân.

II/ Thân bài:

1. Thực trạng (biểu hiện)

* **Định nghĩa:** Sống vô cảm ngay trong chính gia đình mình là sự thờ ơ, không quan tâm, không biết chia sẻ với những người thân yêu, gần gũi.

* **Biểu hiện:**

- Mãi mê dán hình thần tượng khắp nơi
- Đắm chìm trong những sở thích riêng.
- Không quan tâm đến những người thân trong gia đình.

Dẫn chứng

* **Thực trạng:**

Hiện tượng con cái sống vô cảm ngay trong chính gia đình mình đang xảy ra không ít ở các gia đình, trở thành hiện tượng cần phê phán trong xã hội hiện nay.

2/ Nguyên nhân:

- NN khách quan:
 - + Sự nuông chiều/ không quan tâm của gia đình.
 - + Tác động của lối sống thực dụng
 - NN chủ quan:
 - + Sống ích kỉ, thực dụng, chỉ biết đến mình.
 - + Thiếu sự giáo dục của gia đình.

3/ Tác động, ảnh hưởng

- Với cá nhân:
 - + Ảnh hưởng đến nhân cách.
 - + Bị những người xung quanh xa lánh.
 - Với gia đình:

- + Quan hệ giữa những người trong gia đình mất đi sự gắn kết của tình yêu thương, chia sẻ.
- + Ý nghĩa của gia đình trong đời sống của mỗi cá nhân sẽ bị giảm sút.
 - Với xã hội:
- + Tạo ra những công dân vô trách nhiệm.
- + Lối sống vô cảm trở nên phổ biến.

4/ Giải pháp:

- Gia đình: Cha mẹ là tấm gương cho con, tạo điều kiện tốt nhất để thường xuyên chia sẻ cùng con; tăng cường giáo dục về trách nhiệm gắn kết, xây dựng tình cảm gia đình của mỗi thành viên.
- Nhà trường: Chú ý giáo dục kĩ năng sống, tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh hiểu về giá trị của gia đình, tránh xa lối sống vô cảm.
- Xã hội: tăng cường tuyên truyền, tổ chức các hoạt động xã hội, các diễn đàn giúp các bạn trẻ bộc lộ được tâm tư, nguyện vọng, cảm xúc,...

III/ Kết bài:

- Khái quát vấn đề nghị luận
- Rút ra bài học cho bản thân
- + Nhận thức: Sống vô cảm trong chính gia đình mình là một hiện tượng tiêu cực cần lên án.
- + Hành động: Tích cực rèn luyện bản thân, trau dồi kĩ năng sống để hiểu về ý nghĩa của việc quan tâm, sẻ chia, kết nối trong gia đình (trong xã hội)

ĐỀ 3.

NHỮNG VẾT ĐÌNH

Một cậu bé nọ có tính xấu là rất hay nổi nóng. Một hôm, cha cậu bé đưa cho cậu một túi đinh rồi nói với cậu: *“Mỗi khi con nổi nóng với ai đó thì hãy chạy ra sau nhà và đóng một cái đinh lên chiếc hàng rào gỗ.”*

Ngày đầu tiên, cậu bé đã đóng tất cả 37 cái đinh lên hàng rào. Nhưng sau vài tuần, cậu bé đã tập kiềm chế cơn giận của mình và số lượng đinh cậu đóng trên hàng rào ngày một ít đi. Cậu nhận thấy rằng kiềm chế cơn giận của mình còn dễ hơn là phải đi đóng một cây đinh lên hàng rào.

Đến n một ngày, cậu đã không nổi giận một lần nào suốt cả ngày. Cậu đến thưa với cha và ông bảo: *“Tốt lắm, bây giờ nếu sau mỗi ngày mà con không hề nổi giận với ai dù chỉ một lần, con hãy nhổ một cây đinh ra khỏi hàng rào.”*

Ngày lại ngày trôi qua, rồi cũng đến một hôm cậu bé đã vui mừng hãnh diện tìm cha mình báo rằng đã không còn một cái đinh nào trên hàng rào nữa. Cha cậu liền đến bên hàng rào. Ở đó, ông nhỏ nhẹ nói với cậu: *“Con đã làm rất tốt, nhưng con hãy nhìn những lỗ đinh còn để lại trên hàng rào. Hàng rào đã không giống như xưa nữa rồi*

(Trích “*Quà tặng cuộc sống*”)

Nêu suy nghĩ của em về câu chuyện trên bằng bài văn nghị luận ngắn(1 trang giấy thi)

DÀN Ý:

1/ Mở bài: *Xác định vấn đề nghị luận:* Biết kiềm chế bản thân.

Có thể viết mở bài như sau: Không phải ai trên cuộc đời này đều có lòng vị tha và bao dung đủ lớn, để tha thứ cho ta những lần ta phạm lỗi và khiến họ bị tổn

thương. Và hẳn trong cuộc đời không ai từng chưa một lần khiến người khác đau lòng, những kí ức đau buồn ấy không phải chỉ có người nhận mới cảm thấy tổn thương, mà cả người làm điều đó cũng sẽ day dứt trong một khoảng thời gian dài. Đọc xong câu chuyện nhỏ “*Những vết đinh*”, ta mới chợt nhận ra sự vô tâm của mình, và câu chuyện chính là một bài học cảnh tỉnh đáng nhớ và thấm thía cho những ai đã từng khiến người khác bị tổn thương.

2/ Thân bài:

a. Tóm tắt câu chuyện, rút ra ý nghĩa:

– Tóm tắt ngắn gọn câu chuyện: câu chuyện kể về một cậu bé có tính cách nóng nảy. Theo lời người cha, mỗi khi nổi nóng với ai đó thì cậu bé đóng một cây đinh lên hàng rào. Ban đầu, số lượng đinh được đóng lên tường ngày một nhiều. Nhưng sau đó cậu ta dần kiềm chế cơn nổi nóng của mình và dần nhổ được hết những chiếc đinh đã đóng trước kia. Sau khi nhổ, những lỗ đinh vẫn để lại trên hàng rào mà không cách nào lành lại được.

– Ý nghĩa rút ra: Câu chuyện là bài học điển hình về sự nóng giận. Nóng giận có thể sửa đổi và kiềm chế theo thời gian nhưng những cơn nổi nóng đã qua có thể gây ra những tổn thương và vết sẹo trong tâm hồn người khác và khó lòng xóa nhòa được

b. Bàn luận, mở rộng

– Cuộc sống hằng ngày của mỗi chúng ta luôn tồn tại vô vàn áp lực. Đôi lúc khó khăn, thử thách khiến bạn không giữ được bình tĩnh và dễ nổi nóng. Điều này sẽ ảnh hưởng không tốt đến mối quan hệ với người khác trong xã hội.

– Trong cuộc sống, không ai là không từng mắc những sai lầm. Tuy nhiên điều quan trọng là khi mắc những sai phạm đó, chúng ta rút ra được bài học gì để sai lầm đó không còn lặp lại. Câu chuyện về cậu bé với “những vết đinh” là bài học cho mỗi người. Câu chuyện là bài học sâu sắc về cách ứng xử của con người trong cuộc sống

– Khi con người ta nóng giận, con người sẽ không có đủ bình tĩnh, tỉnh táo để làm chủ lời nói, hành động của mình. Những lời nói, hành động ấy như những mũi đinh nhọn đâm vào tâm hồn người khác khiến họ đau đớn, tổn thương. Ấn tượng ấy để lại dấu ấn không tốt lâu dài, không dễ gì mất đi.

– Nóng giận là nhược điểm của không ít người trong cuộc sống. Nhiều người vì nóng giận mà gây ra những hậu quả khôn lường với người khác và bản thân.

(Dẫn chứng: tại Lào Cai, Tẩn Láo Lở vì do cãi nhau nên nổi nóng với chị Mây. Trong cơn tức giận, y đã giết chết chị Mây cùng 3 đứa con của chị. Đó là sai phạm gây ra hậu quả khôn lường)

– Nếu kiên trì, nỗ lực, tự rèn luyện, con người sẽ kiềm chế được những cơn nóng giận. Mỗi chúng ta cần phải biết kiềm chế và học cách kiềm chế cơn nóng giận của bản thân giống cậu bé trong câu chuyện.

– Kiềm chế sự nóng giận sẽ khiến tâm hồn mình được thanh thản và mối quan hệ giữa người với người trở nên tốt đẹp hơn.

c. Bài học nhận thức

– Rèn luyện để kiềm chế sự nóng nảy của bản thân

– Xây dựng thói quen tốt trong giao tiếp, ứng xử

– Bao dung với những người nóng nảy phạm sai lầm nhưng quyết tâm sửa chữa...

3/ Kết bài: Khẳng định lại ý nghĩa của câu chuyện.

Có thể viết kết bài như sau: Câu chuyện thật ý nghĩa, nó dạy cho chúng ta bài học về cách ứng xử, và là một liều thuốc xoa dịu chính bản thân mỗi người khi có tính xấu là nóng giận vô cớ và hay gây tổn thương người khác. Hãy luôn biết trân trọng các mối quan hệ quanh mình, và đừng vì lý do gì khiến những tình cảm ấy xa rời mình vì những điều không đáng, các bạn nhé!

ĐỀ 4.

GOM ƯỚC MƠ ĐI VỀ PHÍA BIỂN

Mùa hè này, những học trò nghèo của làng chài bãi ngang xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, ngày nào cũng xuống biển bắt cua, sò, ốc ... để kiếm vài ngàn ít ỏi nuôi mơ ước đến trường. Từng giọt mồ hôi “non nớt” sớm rơi trên gành đá, hòa vào lòng biển vì ước mong có được bộ sách, cái cặp... cho năm học mới. Đồng hành với khát khao của con trẻ, những người mẹ nghèo của vùng đất này cũng nói với con: “Ăn khổ mấy má cũng chịu, miễn con có sách vở, quần áo mới tới trường là má vui rồi!”

(Theo Báo Thanh Niên ngày 18-6-2013, *Ôm ước mơ đi về phía biển*)

Hãy viết bài văn ngắn (khoảng 01 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em được gợi ra từ câu chuyện trên.

DÀN Ý:

1/Mở bài:

Giới thiệu câu chuyện được đăng tải trên báo Thanh Niên ngày 18/06/2013 với tựa đề Ôm ước mơ đi về phía biển.

2/Thân bài :

- *Giải thích ý nghĩa của câu chuyện nói trên:* Đối với những học trò nghèo của làng chài, đó là ước mơ được đi học một cách đàng hoàng (có bộ sách, cái cặp, ... cho năm học mới); đối với những người mẹ nghèo của vùng đất này: đó là sự đồng cảm của họ đối với mơ ước của con và tình cảm yêu thương con, sẵn sàng chịu cực chịu khổ vì con. Nói một cách khái quát, câu chuyện có ý nghĩa nói lên khát khao học tập, tình mẫu tử thiêng liêng của con người, nhất là những người nghèo.

- *Bàn bạc vấn đề :*

+ Học tập có vai trò và ý nghĩa lớn đối với cuộc sống con người, nó giúp con người vươn lên hoàn thiện nhân cách, có tri thức và tìm được sự thành công trong cuộc sống. Hiếu học là một trong những truyền thống quý của dân tộc Việt Nam. Trong lịch sử cũng đã từng có nhiều tấm gương hiếu học và vượt khó để hoàn thành sự học.

+ Khao khát học tập là một khát vọng chính đáng rất đáng trân trọng cảm thông sẽ chia giúp đỡ, nhất là đối với những người sống trong hoàn cảnh khó khăn như những học trò nghèo ở làng chài bãi ngang xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Khát vọng học tập ở những em học trò nghèo ở làng chài xã Phổ Châu gợi cho mọi người sự xúc động và những cái suy nghĩ về cuộc sống nghèo và trách

nhệm xã hội của mọi người đối với những người khó khăn và đặc biệt đối với những em nhỏ, đối với quyền được học tập của các em.

+ Tình mẫu tử là một tình cảm thiêng liêng của con người. Lịch sử cũng như văn học Việt Nam không thiếu những câu chuyện cảm động về tình mẫu tử. Tình mẫu tử có sức mạnh to lớn giúp người mẹ vượt qua mọi khó khăn thử thách thậm chí hi sinh để lo cho con. Câu nói cũng như hành động của những người mẹ nghèo ở làng chài Phở Châu đã nói lên điều đó.

+ Hành động và lời nói của những người mẹ này mang lại cho mọi người những suy nghĩ về tình mẫu tử, về sự hi sinh, mong ước của cha mẹ nói chung đối với con cái về việc học.

Rút ra bài học:

+ Cảm thông và trân trọng với khát vọng học tập chính đáng của các bạn trẻ em nghèo ở Phở Châu; của trẻ em nói chung. Thấy được sự may mắn và thuận lợi của hoàn cảnh cá nhân để có ý thức học tập tốt hơn.

+ Thấy mình cần có trách nhiệm chung tay giúp đỡ các bạn học sinh nghèo để các bạn được đến trường và học tập một cách thuận lợi (ví dụ như giúp sách giáo khoa, tập vở, quần áo cho các bạn học sinh nghèo hoặc tham gia các hoạt động xã hội giúp học sinh nghèo như chương trình “Đèn đom đóm”,...).

+ Thấy được tình mẫu tử thiêng liêng; hiểu được lòng yêu thương, hi sinh của cha mẹ đối với mình.

+ Phân đấu để trở thành con ngoan, trò giỏi.

3/Kết bài:

Khẳng định câu chuyện của báo Thanh Niên mang lại cho người đọc, cho chính bản thân nhiều xúc động và suy nghĩ. Ước mong những bạn học sinh nghèo, những người mẹ nghèo của xã Phở Châu đạt được những ước mơ bình dị của mình. Ước mong họ sẽ thoát nghèo, được học hành đến nơi đến chốn và đạt được những hạnh phúc trong cuộc sống. Ước mong xã hội sẽ quan tâm và đồng hành với họ.

IV. Hướng dẫn về nhà

– Hoàn thành bài tập

Chuẩn bị: Ôn luyện cảm thụ văn học.

Ngày dạy: 13/02/2023

BUỔI 28:

ÔN LUYỆN CẢM THỤ VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU

1/ Kiến thức:

Củng cố kĩ năng cảm thụ đoạn thơ, đoạn văn.

2. Năng lực

Viết đoạn văn cảm thụ đoạn thơ, đoạn văn.

3. Phẩm chất

- tạo tâm thế cho học sinh có một tình yêu quê hương, yêu đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

-STK, KHBD,...

-STK, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

Câu 1 (3,0 điểm): Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*"Rừng mơ ôm lấy núi
Mây trắng đọng thành hoa
Gió chiều đông gòn gợn
Hương bay gần bay xa..."*

(Rừng mơ - Trần Lê Văn)

Hướng dẫn:

1/ Yêu cầu về kỹ năng:

- HS biết cách viết bài văn cảm thụ có bố cục rõ ràng, văn viết trôi chảy, giàu cảm xúc.
- Lời văn chuẩn xác, không mắc lỗi chính tả.

2/ Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có những cảm nhận khác nhau song cần đảm bảo những yêu cầu cơ bản sau:

-Cảm nhận được vẻ đẹp của bức tranh rừng mơ đẹp, thơ mộng, và đầy hấp dẫn trong một buổi chiều:

-Với nghệ thuật nhân hóa “rừng mơ ôm lấy núi” đã gợi tả hình ảnh một rừng mơ bạt ngàn, mơ bao trùm ôm ấp lên tất cả ngọn núi tưởng như là cánh rừng mệnh mông bất tận.

-Câu thơ thứ 2 có lẽ là câu thơ hay nhất trong đoạn. Bằng nghệ thuật liên tưởng nhà thơ vẽ ra một hình ảnh thật thơ mộng: màu trắng của hoa hòa vào màu trắng của mây trời tưởng như là những đám mây trắng trên trời đậu xuống, kết đọng thành muôn nghìn bông hoa mơ trắng tinh khôi...

-Từ láy “gòn gợn” gợi cơn gió nhẹ nhàng lướt qua làm cả rừng mơ trắng bạt ngàn đong đưa theo chiều gió, gió mang hương thơm lan tỏa khắp núi rừng “bay gần bay xa” khiến không gian như tràn ngập mùi hương.

-Từ vẻ đẹp của thiên nhiên rừng mơ, ta thấy được tâm hồn nhạy cảm tinh tế của nhà thơ trước vẻ đẹp của đất trời, từ đó gửi gắm tình yêu thiên nhiên tha thiết, sự gắn bó với quê hương, đất nước. Đoạn thơ bồi đắp cho ta tình yêu và niềm tự hào trước vẻ đẹp của đất nước mình

Câu 2 (2,0 điểm): Chỉ ra và phân tích giá trị nghệ thuật của phép tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

“ Quê hương là con diều biếc.
Tuổi thơ con thả trên đồng.”

Quân)

Hướng dẫn:**Chỉ ra và phân tích được đầy đủ tác dụng của phép tu từ so sánh:**

- Chỉ ra được biện pháp so sánh.

- Phân tích giá trị nghệ thuật:

+ Hình ảnh “con điều biếc” được so sánh với quê hương tạo nên hình ảnh đẹp, sáng tạo. Cánh điều biếc gắn liền với hoài niệm tuổi thơ trên quê hương; cánh điều biếc khiến ta liên tưởng đến bầu trời bát ngát, mênh mông, cao, trong và xanh...

+ Tình cảm đắm thắm thiết tha với quê hương, yêu quê hương là yêu cánh đồng, bầu trời, kỉ niệm tuổi thơ đẹp đẽ.

+ Biện pháp tu từ so sánh đặc sắc gợi tả không gian nghệ thuật, có trời cao, có sắc biếc bầu trời, chiều rộng cánh đồng, chiều dài của năm tháng; quê hương còn là điểm tựa nâng cánh ước mơ cho em bay tới những đỉnh cao trí tuệ và thành công trên bước đường rèn luyện trưởng thành.

Câu 3: (2,0 điểm)

Trong bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* của Minh Huệ, ta thấy có một sự kết hợp tuyệt đẹp giữa hình ảnh Bác và hình ảnh ngọn lửa hồng. Em hãy chỉ ra vẻ đẹp của sự kết hợp này.

Hướng dẫn:

- Học sinh trình bày dưới dạng đoạn văn, lời văn trong sáng, không mắc lỗi dùng từ, ngữ pháp.

- Viết lại được những câu thơ có sự kết hợp giữa hình ảnh Bác và hình ảnh ngọn lửa hồng.

- “Người cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm”

- “Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng”

- “Anh đội viên nhìn Bác
Bác nhìn ngọn lửa hồng”

- Vẻ đẹp của sự kết hợp giữa hình ảnh Bác và hình ảnh ngọn lửa hồng:

Ánh lửa trong lều sưởi ấm các chiến sĩ trong đêm lạnh. Ánh lửa trong lòng Bác làm ấm lòng các chiến sĩ – Bác Hồ là một ngọn lửa, vừa gần gũi, vừa vĩ đại, một nguồn tình cảm ấp áp của toàn dân, toàn quân ta trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến gian nan, thiếu thốn.

Câu 4: (2,0 điểm)

Hãy phân tích cái hay, cái đẹp mà em cảm nhận được từ bốn câu thơ sau:

Con là lửa ấm quanh đời mẹ mãi

Con là trái xanh mùa gieo vãi

Mẹ nâng niu. Nhưng giặc đến nhà
Nặng đã chiều...vẫn muốn hất tia xa!

(Trích Mẹ - Phạm Ngọc Cảnh)

Hướng dẫn:

+ So sánh: “ Con” được so sánh với “ lửa ấm”, với “ trái xanh”=> Sự quan trọng, cần thiết của đứa con trong cuộc đời người mẹ, đứa con chính là tất cả cuộc sống của mẹ.
+ Ấn dụ: - “ Nặng đã chiều”: Hình ảnh bà mẹ tuổi cao sức yếu. - “ vẫn muốn hất tia xa”: Tấm lòng vì nước vì dân của bà mẹ: động viên con trai lên đường đánh giặc.
+ Cách sử dụng từ “ <i>nhưng</i> ” kết hợp với dấu chấm ngắt câu giữa dòng thơ thứ 3 -> tách hai ý của đoạn thơ. Con là “ <i>lửa ấm</i> ”, là “ <i>trái xanh</i> ”, là cuộc sống của mẹ...mà mẹ luôn nâng niu gìn giữ.
- Nhưng khi giặc Mĩ xâm lược đất nước ta, tuy tuổi đã già sức đã yếu, mẹ vẫn muốn đóng góp một phần sức lực cho cuộc chiến đấu bảo vệ dân tộc bằng cách động viên con trai ra trận. ⇒ Lòng yêu nước, sự hi sinh lớn lao của mẹ. ⇒ Ca ngợi các bà mẹ Việt Nam hết lòng hi sinh vì Tổ Quốc.

Câu 5 (5,0 điểm):

Đọc hai đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*Con bắt gặp mùa xuân
Trong vòng tay của mẹ
Ước chi vòng tay ấy
Ôm hoài tuổi thơ con.*

(Vòng tay mùa xuân, Hoàng Như Mai)

*Ánh mắt bố thân thương
Soi sáng tâm hồn bé
Và trong bầu sữa mẹ
Xuân ngọt ngào dâng hương.*

(Mùa xuân của bé, Lâm Thị Quỳnh Anh)

- Hai đoạn thơ có điểm gì chung về nội dung thể hiện? (1,0 điểm)
- Từ “ xuân” trong hai đoạn thơ được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Nêu ý nghĩa của từ “ xuân” trong hai đoạn thơ? (1,0 điểm)
- Em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 từ) trình bày cảm nhận của em về hai câu sau:

*Ước chi vòng tay ấy
Ôm hoài tuổi thơ con.*

(Vòng tay mùa xuân, Hoàng Như Mai)

Hướng dẫn:

- Điểm chung trong nội dung của hai đoạn thơ: *Bộc lộ được niềm hạnh phúc lớn lao của người con khi được sống trong vòng tay yêu thương của*

cha mẹ.

- Từ “ xuân” trong hai đoạn thơ trên được hiểu theo nghĩa chuyển.
- Ý nghĩa:
 - + Xuân (đoạn 1): chính là tình yêu thương của mẹ đối với tuổi thơ của bé. Bé ước mãi được ở trong vòng tay yêu thương ấm áp ấy.
 - +Xuân (đoạn 2): dòng sữa mẹ ấm áp là mùa xuân nuôi bé lớn với nghĩa đầy đủ nhất cả về vật chất và tinh thần.

Câu 6 (4.0 điểm).

Chỉ ra và phân tích nghệ thuật của biện pháp tu từ được dùng trong đoạn văn sau:

“Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh, phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào, thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc, đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hừng hừng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông”.

(Trích “Cô Tô” – Nguyễn Tuân –

Ngữ văn 6, tập II)

Hướng dẫn:

- Học sinh phải chỉ ra được các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn (2 điểm, đúng mỗi ý sau cho 1 điểm)
 - Biện pháp so sánh (1 điểm)
 - "Tròn trĩnh, phúc hậu như lòng đỏ ... đầy đặn
 - " Y như một mâm lễ phẩm....biển Đông"
 - Các từ láy gợi tả: tròn trĩnh, đầy đặn, hồng hào, thăm thẳm. Đặc biệt là hình ảnh ẩn dụ quả trứng hồng hào, thăm thẳm.... (1điểm)
- Học sinh nêu giá trị nghệ thuật của các phép tu từ (2 điểm)
 - Cảnh mặt trời mọc trên đảo Cô Tô thật sự rực rỡ, tráng lệ. Đó là một bức tranh thiên nhiên đầy màu sắc kì ảo nhưng lại chân thực và sống động.
 - Diễn đạt lưu loát tác dụng của việc sử dụng nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, lời văn đậm chất trữ tình.

Câu 7. (2,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các yêu cầu của đề:

*Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh
Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng...*

(Tố Hữu, *Lượm*)

- a. Xác định các từ láy có trong đoạn thơ.

b. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ được tác giả sử dụng để miêu tả chú bé Lượm.

Hướng dẫn:

a. Các từ láy có trong đoạn thơ: <i>loắt choắt, xinh xinh, thoăn thoắt, nghênh nghênh</i>
b. Tác dụng của biện pháp tu từ: - Xác định định được biện pháp tu từ so sánh - Tác dụng: làm cho hình ảnh chú bé Lượm nhỏ nhắn, hồn nhiên, vui tươi, đáng yêu... <i>* HS có thể nêu thêm biện pháp tu từ ẩn dụ (con đường vàng), điệp ngữ (cái) song đề chỉ yêu cầu học sinh xác định và nói được tác dụng của biện pháp tu từ so sánh.</i>

Câu 8. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn ngắn (khoảng mười dòng) nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp và giá trị của hình ảnh cây tre trong bài *Cây tre Việt Nam* của Thép Mới.

Hướng dẫn:

+ Về mặt hình thức: đáp ứng yêu cầu của đề (có độ dài khoảng mười dòng; văn viết trong sáng, biểu cảm, diễn đạt trôi chảy).
+ Về mặt nội dung: cảm nhận được vẻ đẹp và giá trị của hình ảnh cây tre: vẻ đẹp bình dị, gần gũi (người bạn thân thiết lâu đời của người nông dân và nhân dân Việt Nam) và nhiều phẩm chất đáng quý (gắn bó, thủy chung với con người: trong sinh hoạt, lao động, chiến đấu...)

III. Hướng dẫn về nhà:

Em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 từ) trình bày cảm nhận của em về hai câu sau:

*** Yêu cầu chung:**

- Đảm bảo thể thức của một đoạn văn.
- Xác định đúng nội dung: Mong ước được sống trong tình mẹ.

*** Yêu cầu cụ thể:**

- Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn. HS có thể có nhiều cách cảm nhận khác nhau nhưng cần đảm bảo nội dung sau:

+ Hai câu thơ thể hiện mong muốn ngây thơ, hồn nhiên được sống trong vòng tay yêu thương của mẹ. Đó là mong ước giản dị được mẹ ôm, được mẹ vỗ về....

+ Đó là cách “làm nũng” đáng yêu vô cùng thể hiện tình cảm trong sáng của trẻ thơ. Được sống trong tình mẹ là niềm hạnh phúc và mong ước của mỗi con người./

Chuẩn bị: Ôn luyện cảm thụ văn học.

Ngày dạy: 15/02/2023

BUỔI 29:

ÔN LUYỆN CẢM THỤ VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU

1/ Kiến thức:

Củng cố kĩ năng cảm thụ đoạn thơ, đoạn văn.

2. Năng lực

Viết đoạn văn cảm thụ đoạn thơ, đoạn văn.

3. Phẩm chất

- tạo tâm thế cho học sinh có một tình yêu quê hương, yêu đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

-STK, KHBD,...

-STK, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

Câu 1 (3,0 điểm): Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*"Rừng mơ ôm lấy núi
Mây trắng đọng thành hoa
Gió chiều đông gòn gợn
Hương bay gần bay xa..."*

(Rừng mơ - Trần Lê Văn)

Hướng dẫn:

1/ Yêu cầu về kỹ năng:

- HS biết cách viết bài văn cảm thụ có bố cục rõ ràng, văn viết trôi chảy, giàu cảm xúc.
- Lời văn chuẩn xác, không mắc lỗi chính tả.

2/ Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có những cảm nhận khác nhau song cần đảm bảo những yêu cầu cơ bản sau:

-Cảm nhận được vẻ đẹp của bức tranh rừng mơ đẹp, thơ mộng, và đầy hấp dẫn trong một buổi chiều:

-Với nghệ thuật nhân hóa “rừng mơ ôm lấy núi” đã gợi tả hình ảnh một rừng mơ bạt ngàn, mơ bao trùm ôm ấp lên tất cả ngọn núi tưởng như là cánh rừng mênh mông bất tận.

-Câu thơ thứ 2 có lẽ là câu thơ hay nhất trong đoạn. Bằng nghệ thuật liên tưởng nhà thơ vẽ ra một hình ảnh thật thơ mộng: màu trắng của hoa hòa vào màu trắng của mây trời tưởng như là những đám mây trắng trên trời đậu xuống, kết đọng thành muôn nghìn bông hoa mơ trắng tinh khôi...

-Từ láy “gòn gợn” gợi cơn gió nhẹ nhàng lướt qua làm cả rừng mơ trắng bạt ngàn đong đưa theo chiều gió, gió mang hương thơm lan tỏa khắp núi rừng “bay gần bay xa” khiến không gian như tràn ngập mùi hương.

-Từ vẻ đẹp của thiên nhiên rừng mơ, ta thấy được tâm hồn nhạy cảm tinh tế của nhà thơ trước vẻ đẹp của đất trời, từ đó gửi gắm tình yêu thiên nhiên tha thiết, sự gắn bó với quê hương, đất nước. Đoạn thơ bồi đắp cho ta tình yêu và niềm tự hào trước vẻ đẹp của đất nước mình

Câu 2 (2,0 điểm): Chỉ ra và phân tích giá trị nghệ thuật của phép tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

“ Quê hương là con điều biếc.
Tuổi thơ con thả trên đồng.”

(*Quê hương* - Đỗ Trung

Quân)

Hướng dẫn:

Chỉ ra và phân tích được đầy đủ tác dụng của phép tu từ so sánh:

- Chỉ ra được biện pháp so sánh.

- Phân tích giá trị nghệ thuật:

+ Hình ảnh “con điều biếc” được so sánh với quê hương tạo nên hình ảnh đẹp, sáng tạo. Cánh điều biếc gắn liền với hoài niệm tuổi thơ trên quê hương; cánh điều biếc khiến ta liên tưởng đến bầu trời bát ngát, mênh mông, cao, trong và xanh...

+ Tình cảm đầm ấm thiết tha với quê hương, yêu quê hương là yêu cánh đồng, bầu trời, kỉ niệm tuổi thơ đẹp đẽ.

+ Biện pháp tu từ so sánh đặc sắc gợi tả không gian nghệ thuật, có trời cao, có sắc biếc bầu trời, chiều rộng cánh đồng, chiều dài của năm tháng; quê hương còn là điểm tựa nâng cánh ước mơ cho em bay tới những đỉnh cao trí tuệ và thành công trên bước đường rèn luyện trưởng thành.

Câu 3: (2,0 điểm)

Trong bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* của Minh Huệ, ta thấy có một sự kết hợp tuyệt đẹp giữa hình ảnh Bác và hình ảnh ngọn lửa hồng. Em hãy chỉ ra vẻ đẹp của sự kết hợp này.

Hướng dẫn:

- Học sinh trình bày dưới dạng đoạn văn, lời văn trong sáng, không mắc lỗi dùng từ, ngữ pháp.

- Viết lại được những câu thơ có sự kết hợp giữa hình ảnh Bác và hình ảnh ngọn lửa hồng .

- “Người cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm”

- “Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng”

- “ Anh đội viên nhìn Bác
Bác nhìn ngọn lửa hồng”

- Vẻ đẹp của sự kết hợp giữa hình ảnh Bác và hình ảnh ngọn lửa hồng:

Ánh lửa trong lều sưởi ấm các chiến sĩ trong đêm lạnh. Ánh lửa trong lòng Bác làm ấm lòng các chiến sĩ – Bác Hồ là một ngọn lửa, vừa gần gũi, vừa vĩ đại, một nguồn tình cảm ấp áp của toàn dân, toàn quân ta trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến gian nan, thiếu thốn.

Câu 4: (2,0 điểm)

Hãy phân tích cái hay, cái đẹp mà em cảm nhận được từ bốn câu thơ sau:

*Con là lửa ấm quanh đời mẹ mãi
Con là trái xanh mùa gieo vãi
Mẹ nâng niu. Nhưng giặc đến nhà
Nắng đã chiều...vẫn muốn hắt tia xa!*

(Trích *Mẹ* - Phạm Ngọc Cảnh)

Hướng dẫn:

+ So sánh: “*Con*” được so sánh với “*lửa ấm*”, với “*trái xanh*”=> Sự quan trọng, cần thiết của đứa con trong cuộc đời người mẹ, đứa con chính là tất cả cuộc sống của mẹ.

+ Ẩn dụ: - “*Nắng đã chiều*”: Hình ảnh bà mẹ tuổi cao sức yếu.
- “*vẫn muốn hắt tia xa*”: Tấm lòng vì nước vì dân của bà mẹ: động viên con trai lên đường đánh giặc.

+ Cách sử dụng từ “*nhưng*” kết hợp với dấu chấm ngắt câu giữa dòng thơ thứ 3 -> tách hai ý của đoạn thơ.

Con là “*lửa ấm*”, là “*trái xanh*”, là cuộc sống của mẹ...mà mẹ luôn nâng niu gìn giữ.

- Nhưng khi giặc Mĩ xâm lược đất nước ta, tuy tuổi đã già sức đã yếu, mẹ vẫn muốn đóng góp một phần sức lực cho cuộc chiến đấu bảo vệ dân tộc bằng cách động viên con trai ra trận.

⇒ Lòng yêu nước, sự hi sinh lớn lao của mẹ.

⇒ Ca ngợi các bà mẹ Việt Nam hết lòng hi sinh vì Tổ Quốc.

Câu 5 (5,0 điểm):

Đọc hai đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*Con bắt gặp mùa xuân
Trong vòng tay của mẹ
Ước chi vòng tay ấy
Ôm hoài tuổi thơ con.*

(*Vòng tay mùa xuân*, Hoàng Như Mai)

*Ánh mắt bố thân thương
Soi sáng tâm hồn bé
Và trong bầu sữa mẹ
Xuân ngọt ngào dâng hương.*

(*Mùa xuân của bé*, Lâm Thị Quỳnh Anh)

1. Hai đoạn thơ có điểm gì chung về nội dung thể hiện? (1,0 điểm)

2. Từ “*xuân*” trong hai đoạn thơ được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?
Nêu ý nghĩa của từ “*xuân*” trong hai đoạn thơ? (1,0 điểm)

3. Em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 từ) trình bày cảm nhận của em về hai câu sau:

*Ước chi vòng tay ấy
Ôm hoài tuổi thơ con.*

Hướng dẫn:

- Điểm chung trong nội dung của hai đoạn thơ: *Bộc lộ được niềm hạnh phúc lớn lao của người con khi được sống trong vòng tay yêu thương của cha mẹ.*
- Từ “ xuân” trong hai đoạn thơ trên được hiểu theo nghĩa chuyển.
- Ý nghĩa:
 - + Xuân (đoạn 1): chính là tình yêu thương của mẹ đối với tuổi thơ của bé. Bé ước mãi được ở trong vòng tay yêu thương ấm áp ấy.
 - + Xuân (đoạn 2): dòng sữa mẹ ấm áp là mùa xuân nuôi bé lớn với nghĩa đầy đủ nhất cả về vật chất và tinh thần.

Câu 6 (4.0 điểm).

Chỉ ra và phân tích nghệ thuật của biện pháp tu từ được dùng trong đoạn văn sau:

“Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh, phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào, thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc, đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa biển Đông”.

(Trích “Cô Tô” – Nguyễn Tuân –

Ngữ văn 6, tập II)

Hướng dẫn:

- Học sinh phải chỉ ra được các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn (2 điểm, đúng mỗi ý sau cho 1 điểm)
 - Biện pháp so sánh (1 điểm)
 - "Tròn trĩnh, phúc hậu như lòng đỏ ... đầy đặn
 - " Y như một mâm lễ phẩm....biển Đông"
 - Các từ láy gợi tả: tròn trĩnh, đầy đặn, hồng hào, thăm thẳm. Đặc biệt là hình ảnh ẩn dụ quả trứng hồng hào, thăm thẳm.... (1 điểm)
- Học sinh nêu giá trị nghệ thuật của các phép tu từ (2 điểm)
 - Cảnh mặt trời mọc trên đảo Cô Tô thật sự rực rỡ, tráng lệ. Đó là một bức tranh thiên nhiên đầy màu sắc kì ảo nhưng lại chân thực và sống động.
 - Diễn đạt lưu loát tác dụng của việc sử dụng nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, lời văn đậm chất trữ tình.

Câu 7. (2,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các yêu cầu của đề:

Chú bé loắt choắt
Cái xác xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh
Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích

- a. Xác định các từ láy có trong đoạn thơ.
- b. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ được tác giả sử dụng để miêu tả chú bé Lượm.

Hướng dẫn:

a. Các từ láy có trong đoạn thơ: <i>loắt choắt, xinh xinh, thoăn thoắt, nghênh nghênh</i>
b. Tác dụng của biện pháp tu từ: - Xác định định được biện pháp tu từ so sánh - Tác dụng: làm cho hình ảnh chú bé Lượm nhỏ nhắn, hồn nhiên, vui tươi, đáng yêu... <i>* HS có thể nêu thêm biện pháp tu từ ẩn dụ (con đường vàng), điệp ngữ (cái) song đề chỉ yêu cầu học sinh xác định và nói được tác dụng của biện pháp tu từ so sánh.</i>

Câu 8. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn ngắn (khoảng mười dòng) nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp và giá trị của hình ảnh cây tre trong bài *Cây tre Việt Nam* của Thép Mới.

Hướng dẫn:

+ Về mặt hình thức: đáp ứng yêu cầu của đề (có độ dài khoảng mười dòng; văn viết trong sáng, biểu cảm, diễn đạt trôi chảy).
+ Về mặt nội dung: cảm nhận được vẻ đẹp và giá trị của hình ảnh cây tre: vẻ đẹp bình dị, gần gũi (người bạn thân thiết lâu đời của người nông dân và nhân dân Việt Nam) và nhiều phẩm chất đáng quý (gắn bó, thủy chung với con người: trong sinh hoạt, lao động, chiến đấu...)

III. Hướng dẫn về nhà:

Em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 từ) trình bày cảm nhận của em về hai câu sau:

*** Yêu cầu chung:**

- Đảm bảo thể thức của một đoạn văn.
- Xác định đúng nội dung: Mong ước được sống trong tình mẹ.

*** Yêu cầu cụ thể:**

- Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn. HS có thể có nhiều cách cảm nhận khác nhau nhưng cần đảm bảo nội dung sau:

+ Hai câu thơ thể hiện mong muốn ngây thơ, hồn nhiên được sống trong vòng tay yêu thương của mẹ. Đó là mong ước giản dị được mẹ ôm, được mẹ vỗ về....

+ Đó là cách “làm nũng” đáng yêu vô cùng thể hiện tình cảm trong sáng của trẻ thơ. Được sống trong tình mẹ là niềm hạnh phúc và mong ước của mỗi con người.

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập

Chuẩn bị: Tìm hiểu về đặc trưng của thơ.

=====

Ngày dạy: 17/02/2023

BUỔI 30:

TÌM HIỂU VỀ ĐẶC TRƯNG CỦA THƠ

I/MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

-Nhận biết được các phương thức biểu đạt; thể thơ; những từ ngữ, hình ảnh thể hiện nội dung trong bài; nội dung chính; cách hiểu một câu thơ, đoạn thơ; bày tỏ quan điểm và lí giải tại sao; những thông điệp rút ra từ câu thơ, đoạn thơ;....

2. Năng lực:

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học

+ Giải quyết vấn đề

-Năng lực chuyên môn:

+Năng lực ngôn ngữ

+ Năng lực văn học.

3. Phẩm chất: Ý thức tự chủ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, STK.

- Vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

a.Xác định phương thức biểu đạt

- Chính: một phương án (thường là biểu cảm)

Ví dụ: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ sau.

Trả lời: Biểu cảm/ miêu tả,..

- Các: từ hai phương án (thường là biểu cảm kết hợp với miêu tả và tự sự)

Ví dụ: Xác định các phương thức biểu đạt của đoạn thơ sau.

Trả lời: Biểu cảm kết hợp miêu tả/Biểu cảm kết hợp tự sự,...

=>**Yêu cầu:** Đọc kĩ đoạn thơ, căn cứ nội dung đối chiếu với các phương thức biểu đạt để tìm câu trả lời.

b/ Xác định thể thơ

- Xác định thể thơ:

+ Đếm số chữ trong từng dòng thơ

+ Kết luận:

• Các thể thơ hiện đại (5 chữ, 6 chữ, 7 chữ, 8 chữ, tự do);

• các thể thơ truyền thống (ngũ ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt, thất ngôn bát cú, lục bát, song thất lục bát).

Ví dụ: Xác định thể thơ trong đoạn thơ sau:

Nhưng còn cần cho trẻ

Tình yêu và lời ru

Cho nên mẹ sinh ra

Để bé bỏng chăm sóc

Mẹ mang về tiếng hát
 Từ cái bông cái bang
 Từ cái hoa rất thơm
 Từ cánh cò rất trắng
 Từ vị gừng rất đắng
 Từ vết lấm chưa khô
 Từ đầu nguồn cơn mưa
 Từ bãi sông cát vắng...

Trả lời: Thể thơ trong đoạn thơ trên: thể thơ 5 chữ.

c/ Tìm hình ảnh, từ ngữ thể hiện một nội dung nào đó.

- Đọc kĩ câu hỏi, gạch chân dưới từ ngữ quan trọng.
- Đọc văn bản để tìm những từ ngữ, hình ảnh liên quan đến nội dung cần trả lời.

Ví dụ:

1/Tìm những từ ngữ, hình ảnh miêu tả thiên nhiên khổ thơ ... của nhà thơ.....

2/ Hãy ghi lại 2 hình ảnh thiên nhiên được tác giả sử dụng để miêu tả tiếng thơ thây đọc.....

d/ Chỉ ra biện pháp tu từ? Nêu tác dụng?

- Đọc kĩ, gạch chân dưới từ ngữ quan trọng.
- Đối chiếu với đặc điểm của các biện pháp tu từ -> gọi tên biện pháp/ chỉ ra từ ngữ, hình ảnh biểu thị biện pháp tu từ đó.
- So sánh: A = B (tương đồng)
- Ẩn dụ: B (Xuất hiện trong câu thơ) => A (ẩn) (A và B nét tương đồng)
- Hoán dụ: B (Xuất hiện) => A (ẩn) (A và B tương cận (gần gũi và đi liền với nhau)).
- Điệp từ: từ nào được lặp lại, lặp lại mấy lần.
- Liệt kê (cái gì, thuộc trường nghĩa nào)
- Nêu tác dụng (xem tác dụng của các BPTT đã học).
- + So sánh, ẩn dụ, hoán dụ: gợi hình gợi cảm; nhấn mạnh ý cần biểu thị.
- + Nhân hóa: sinh động, hấp dẫn/nhấn mạnh ý cần biểu thị.
- + Điệp từ, điệp ngữ: nhấn mạnh cái được điệp lại/ tạo âm hưởng cho lời thơ (thả thiết/hào hùng)
- + Liệt kê, phóng đại: nhấn mạnh cái liệt kê/phóng đại => ca ngợi/phê phán.
- + Đảo ngữ: nhấn mạnh cái được đảo, tạo liên kết câu

Ví dụ:

1/ Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

*“Cha lại dắt con đi trên cát mịn
 Ánh nắng chảy đầy vai”*

2/ Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ trong khổ thơ:

*Thời gian chạy qua tóc mẹ Một màu trắng đến nôn nao
 Lưng mẹ cứ còng dần xuống Cho con ngày một thêm cao.*

e/ Xác định nội dung chính của văn bản:

5.1. Xác định đối tượng trữ tình (được miêu tả và phản ánh trong bài thơ) và nhân vật trữ tình (xưng em, anh, tôi, thường là sự hóa thân của tác giả).

- Căn cứ vào nhan đề, từ ngữ, hình ảnh lặp đi lặp lại để rút ra nội dung chính.

5.2. Nội dung chính của một đoạn thơ/bài thơ bao giờ cũng có hai phần. Để tìm được nội dung chính, cần trả lời câu hỏi:

+ Câu hỏi 1: Đối tượng trữ tình được miêu tả trong bài thơ có đặc điểm như thế nào?

+ Câu hỏi 2: Thông qua việc miêu tả, phản ánh đối tượng trữ tình, tác giả đã bày tỏ tình cảm, cảm xúc của mình như thế nào?

5.3. Bài thơ đã miêu tả/phản ánh ... Qua đó, tác giả đã thể hiện sự...

f/ Trình bày cách hiểu về một câu thơ, đoạn thơ:

- Đọc kĩ câu hỏi, gạch chân dưới từ ngữ quan trọng.

- Giải thích những từ ngữ quan trọng.

- Đưa ra cách hiểu của bản thân theo nghĩa đen, nghĩa bóng ý nghĩa cả câu thơ/đoạn thơ.

- Rút ra bài học cho bản thân.

Ví dụ: Trình bày cách hiểu câu thơ sau của nhà thơ Xuân Quỳnh: “*Ở hiền thì lại gặp hiền/Người ngay thì được phật tiên độ trì*”

g/ Bày tỏ quan điểm và lí giải tại sao?

- Học sinh đọc kĩ câu hỏi, gạch chân dưới từ ngữ quan trọng.

+ Bày tỏ quan điểm (đồng ý/không đồng ý).

+ Lí giải:

- giải thích từ ngữ quan trọng, ý nghĩa cả câu thơ/ đoạn thơ,

- Nếu không có ... thì sẽ ... (hướng xấu)

- Nếu có ... thì sẽ ... (kết quả tốt).

+ Kết hợp kiến thức xã hội để giải thích và đi đến kết luận.

Ví dụ: Em có đồng ý với quan điểm: “*Ở hiền thì lại gặp hiền/Người ngay thì được phật tiên độ trì*” hay không Vì sao?

Trả lời:

Em/tôi có đồng ý với quan điểm: “*Ở hiền thì lại gặp hiền/Người ngay thì được phật tiên độ trì*”

Bởi vì:

- Ở hiền là:

- Gặp hiền là:

- Người ngay là:

- Phật tiên độ trì là:

* Hai câu thơ trên được hiểu như sau:

Sở dĩ tôi đồng ý vì:

+ Nếu không ở hiền và sống ngay thẳng thì ...

+ Nhưng khi ở hiền và sống ngay thẳng thì...

Chính vì thế, đây là một quan điểm đúng đắn cần thực hiện trong cuộc sống.

i/ Thông điệp có ý nghĩa nhất? Tại sao?

+ Đọc kĩ đoạn thơ/bài thơ, xác định nội dung chính của bài thơ đoạn thơ ra nháp.

+ Xác định thông điệp (có ý nghĩa đối với mọi người) gắn liền với nội dung chính hoặc câu thơ có ý nghĩa làm nổi bật tư tưởng chủ đề của đoạn thơ/bài thơ.

+ Lí giải tại sao đây là thông điệp ý nghĩa bằng cách kết hợp những hiểu biết xã hội.

• Nếu không thực hiện thông điệp thì ntn?

• Nếu thực hiện thông điệp thì ra sao?

=> Kết luận.

Ví dụ: Qua đoạn thơ trên, tác giả gửi đến chúng ta thông điệp gì?

h/ Bài học rút ra? Tại sao?

- Đọc kĩ đoạn thơ/bài thơ, xác định nội dung chính (ra nháp)
- Rút ra bài học (có ý nghĩa với bản thân) về nhận thức, hành động.
- Căn cứ vào tình hình thực tế bản thân, hiểu biết xã hội để lí giải.

Ví dụ: Từ ý nghĩa đoạn thơ trên, em rút ra được bài học gì?

m/ Đoạn thơ đã bồi đắp những tình cảm gì?

- Căn cứ vào nội dung chính của bài thơ/đoạn thơ để trả lời.

Ví dụ như: Đoạn thơ viết về quê hương thì trả lời đã bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước,.....

- Nói tóm lại: chúng ta có thể nêu các cung bậc tình cảm: yêu thương, căm ghét, tự hào, căm phục, quý trọng, căm thù, đồng cảm, xót thương...

q/ Em có nhận xét như thế nào về thái độ, tình cảm của tác giả:

- Căn cứ vào nội dung chính, có thể trả lời:

+ Đoạn thơ đã thể hiện thái độ, tình cảm... Đó là thái độ: tôn trọng, ngợi ca, lên án, phản đối, dứt khoát, rõ ràng

+ Đó là thứ tình cảm rất nồng nàn, chân thành, tha thiết. Thứ tình cảm xuất phát từ một trái tim, một tấm lòng...

+ Chính thái độ, tình cảm ấy khiến cho đoạn thơ hay hơn, xúc động, truyền cảm, chạm đến trái tim bạn đọc. Giúp cho tôi hiểu sâu sắc hơn về ... (Nội dung chính, tư tưởng chủ đề của đoạn thơ.

Ví dụ: Đọc đoạn thơ anh, chị hiểu thế nào về tình cảm mà nhà thơ dành cho người thầy của mình?

Lưu ý:

- Học sinh trả lời bằng câu (có chủ ngữ + vị ngữ, kết thúc bằng dấu chấm).
- Nhận diện đúng câu hỏi, huy động kĩ năng trả lời của từng loại câu hỏi.
- Đề bài hỏi gì thì trả lời đấy.
- Trả lời ngắn gọn, đầy đủ.

IV. Hướng dẫn về nhà

– Hoàn thành bài tập

Chuẩn bị: Tìm hiểu về đặc trưng của thơ.

Ngày dạy: 20/02/2023

BUỔI 31:

TÌM HIỂU VỀ ĐẶC TRƯNG CỦA THƠ

I/MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

-Nhận biết được các phương thức biểu đạt; thể thơ; những từ ngữ, hình ảnh thể hiện nội dung trong bài; nội dung chính; cách hiểu một câu thơ, đoạn thơ; bày tỏ quan điểm và lí giải tại sao; những thông điệp rút ra từ câu thơ, đoạn thơ;....

2. Năng lực:

- Năng lực chung:

- + Tự chủ và tự học
- + Giải quyết vấn đề
- Năng lực chuyên môn:
- + Năng lực ngôn ngữ
- + Năng lực văn học.

3. Phẩm chất: Ý thức tự chủ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK.
- Vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

ĐỀ 1.

Đọc ngữ liệu sau và thực hiện yêu cầu bên dưới

GÁNH MẸ

Cho con gánh mẹ một lần,
Cả đời mẹ đã tảo tần gánh con.
Cho con gánh mẹ đầu non,
Cả lòng mẹ đã gánh con biển trời...
Ngày xưa mẹ gánh à ơi!
Con xin gánh lại những lời mẹ ru.
Đường đời sương gió mịt mù,
Vì con hạnh phúc chẳng từ gian nan...
Để con gánh mẹ đừng can,
Sợ khi mẹ mất muôn màng gánh ai?
Cho con gánh cả tháng dài,
Gánh qua năm rông những ngày đắng cay.
Cho con... gánh cả đôi vai,
Thân cò lặn lội sớm mai vai gầy.
Mẹ già lá sắp xa cây
Lỡ đâu lá rụng tội này gánh sao?
Mẹ ơi sóng biển dạt dào,
Con sao gánh hết công lao một đời.
Bông hồng cài áo đúng nơi,
Đâu bằng bông hiếu giữa trời bao la.
Cho con gánh lại mẹ già,
Để sau người gánh chính là con con...

(Quách Beem)

Câu 1. (1,0 điểm) Đoạn trích trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 2. (1,0 điểm) Em hiểu nghĩa của từ “gánh” trong đoạn trích là gì?

Câu 3. (2,0 điểm) Tìm, gọi tên và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ có trong đoạn trích.

Câu 4. (2,0 điểm) Thông điệp mà đoạn trích trên gửi đến chúng ta là gì?

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

CÂU	NỘI DUNG
1	Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm
2	<p>Nghĩa gốc: “<i>Gánh</i>” là mang một vật nặng bằng cách mắc vào hai đầu một cái đòn đặt lên vai</p> <p>- Trong đoạn trích này từ “<i>gánh</i>” được hiểu theo nghĩa chuyên: đó là sự lam lũ, tảo tần của người mẹ trong hành trình mưu sinh, nuôi con khôn lớn. Đó còn là thái độ của người con muốn đền đáp, báo hiếu công ơn của mẹ, ...</p>
3	<p>Các biện pháp tu từ</p> <p>- Điệp ngữ: Cho con gánh mẹ</p> <p>- Hoán dụ: Gánh mẹ đầu non, gánh à ời, gánh tháng dài, gánh đôi vai...</p> <p>- Ẩn dụ: biển trời, lời ru, thân cò lặn lội, bông hồng, bông hiếu</p> <p>* Tác dụng: bằng sự lặp đi lặp lại các câu từ như muốn khẳng định tấm lòng hiếu thảo của con dành cho mẹ yêu của mình. Các hình ảnh ẩn dụ, hoán dụ gần gũi, giàu sức biểu cảm thể hiện được công ơn trời biển của mẹ dành cho con.</p>
4	<p>HS có thể rút ra các thông điệp ý nghĩa sau:</p> <p>- Sự thấu hiểu ơn nghĩa sinh thành của người mẹ và trân trọng mẹ mình.</p> <p>- Mỗi người trong chúng ta hãy đáp đền công ơn sinh thành của mẹ ngay từ bây giờ.</p> <p>=> Sau đó lí giải thông điệp theo hiểu biết của cá nhân nhưng không vi phạm chuẩn mực đạo đức.</p>

ĐỀ 2.

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

“Cha lại dắt con đi trên cát mịn
 Ánh nắng chảy đầy vai
 Cha trầm ngâm nhìn mãi cuối chân trời
 Con lại trở cánh buồm khế nói:
 “Cha mượn cho con cánh buồm trắng nhé,
 Để con đi..”

(Hoàng Trung Thông, *Những cánh buồm*)

Câu 1. (1,0 điểm) Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2. (1,0 điểm) Từ “đi” trong câu “Để con đi” là nghĩa gốc hay nghĩa chuyên?

Câu 3. (2,0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

“Cha lại dắt con đi trên cát mịn
 Ánh nắng chảy đầy vai”

Câu 4. (2,0 điểm) Em cảm nhận được điều gì trong lời nói ngây thơ của người con với cha trong đoạn văn trên?

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1	<p>- Thể thơ: tự do</p> <p>- Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm</p>	1,0 điểm

2	Từ “ đi” trong câu “ Để con đi” được dùng theo nghĩa chuyển.	1,0 điểm
3	<p>- Biện pháp tu từ trong câu thơ: Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: Ánh nắng chảy đầy vai.</p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Gọi tả sinh động hình ảnh ánh nắng hiện hữu như một thứ chất lỏng thành dòng, thành giọt chảy tràn xuống cảnh vật, con người. Giúp người đọc hình dung cảnh hai cha con dắt nhau đi trên bãi biển vào một buổi sáng đẹp trời với ánh nắng mềm mại, dịu dàng và tràn ngập khắp nơi làm sáng đẹp lên hình ảnh của họ.</p> <p>+ Cảm nhận tình cảm cha con ấm áp và niềm vui sướng của người con đi dạo bên cha.</p> <p>+ Thấy được sự quan sát, cảm nhận tinh tế, trí tưởng tượng phong phú và tình yêu quê hương đất nước với những cánh buồm tuổi thơ của tác giả.</p>	2,0 điểm
4	<p>HS cảm nhận được:</p> <p>- Một ước mơ rất trong sáng, đẹp để đáng trân trọng và ngợi ca.</p> <p>- Ước mơ đó gắn liền với cánh buồm trắng, với khát vọng đi xa đến những nơi chưa biết, đến những chân trời mới.</p> <p>- Đó là ước mơ của một tâm hồn trẻ thơ, ham hiểu biết muốn khám phá, chinh phục những bí ẩn của thế giới.</p>	2,0 điểm

ĐỀ 3.

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

(...) Con gặp trong lời mẹ hát
 Cánh cò trắng, dải đồng xanh
 Con yêu màu vàng hoa mướp
 “ Con gà cục tác lá chanh”.

(...) Thời gian chạy qua tóc mẹ
 Một màu trắng đến nôn nao
 Lưng mẹ cứ còng dần xuống
 Cho con ngày một thêm cao.
 Mẹ ơi trong lời mẹ hát Có cả cuộc đời hiện ra
 Lời ru chấp con đôi cánh Lớn rồi con sẽ bay xa.

(Trích “ Trong lời mẹ hát”- Trương Nam Hương)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn thơ trên.
 (1,0 điểm)

Câu 2. Nêu nội dung của đoạn thơ. (1,0 điểm)

Câu 3. Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ trong khổ thơ:
 (2,0 điểm)

Thời gian chạy qua tóc mẹ Một màu trắng đến nôn nao Lưng mẹ cứ còng dần xuống Cho con ngày một thêm cao.

Câu 4. Câu thơ/ khổ thơ nào gợi cho em ấn tượng sâu sắc nhất? (trình bày trong đoạn văn ngắn từ 5 - 7 dòng) (2,0 điểm)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1	Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm.	1,0 điểm
2	Nội dung chính: cảm xúc về lời ru của mẹ, nỗi xót xa và biết ơn của người con trước sự hi sinh thầm lặng của mẹ.	1,0 điểm
3	Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ: - Nhân hóa: <i>thời gian chạy qua tóc mẹ</i> - Tương phản: Lưng mẹ còng xuống >< con thêm cao - Hiệu quả: nhấn mạnh thời gian trôi qua nhanh kéo theo sự già nua của mẹ. Qua đó thể hiện tình yêu thương, biết ơn của con đối với mẹ.	2,0 điểm
4	HS có thể chọn câu thơ hoặc đoạn thơ bất kì để cảm nhận: ấn tượng về lời ru của mẹ, về công lao của mẹ, về sự biết ơn đối với mẹ...	2,0 điểm

ĐỀ 4.

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*“Quê hương là một tiếng ve,
Lời ru của mẹ trưa hè à ơi,
Dòng sông con nước đầy vơi,
Quê hương là một góc trời tuổi thơ.
Quê hương ngày ấy như mơ
Tôi là cậu bé dại khờ đáng yêu
Quê hương là tiếng sáo diều
Là cánh cò trắng chiều chiều chân đề*

*Quê hương là phiên chợ quê
Chợ trưa mong mẹ mang về bánh đa
Quê hương là một tiếng gà
Bình minh gáy sáng ngân nga xóm làng*

*Quê hương là cánh đồng vàng,
Hương thơm lúa chín mênh mang trời chiều.
Quê hương là dáng mẹ yêu,
Áo nâu nón lá liêu xiêu đi về.*

(Nguyễn Đình Huân, *Quê hương*)

Câu 1. (1,0 điểm) Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào, xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ.

Câu 2. (1,0 điểm) Chỉ ra biện pháp tu từ chủ yếu được sử dụng trong đoạn thơ trên và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Câu 3. (2,0 điểm) Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên.

Câu 4. (2,0 điểm) Qua đoạn thơ, tác giả muốn gửi đến chúng ta thông điệp gì?

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1	Thể thơ: lục bát Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm.	1,0 điểm
2	- Điệp từ "quê hương là" - So sánh "quê hương là" Tác dụng: - Quê hương là những gì bình dị, thân thuộc, gắn bó máu thịt với cuộc đời mỗi con người. - Quê hương là nơi ta sinh ra và lớn lên, nơi có người mẹ hiền thảo tần, nơi có kỉ niệm đẹp tuổi thơ.	1,0 điểm
3	Ca ngợi vẻ đẹp quê hương đồng thời tái hiện những kỉ niệm tuổi thơ và qua đó thể hiện tình yêu nguồn cội tha thiết của tác giả.	2,0 điểm
4	Thông điệp: - Quê hương có vai trò quan trọng trong cuộc đời mỗi người. - Tự hào, biết ơn quê hương - Xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp -.....	2,0 điểm

ĐỀ 5.**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:****DẶN CON**

(Trần Nhuận Minh)

*Chẳng ai muốn làm hành khất
 Tội trời đày ở nhân gian
 Con không được cười giễu họ
 Dù họ hôi hám úa tàn*

*Nhà mình sát đường, họ đến
 Có cho thì có là bao
 Con không bao giờ được hỏi
 Quê hương họ ở nơi nào*

*Con chó nhà mình rất hư
 Cứ thấy ăn mày là cắn
 Con phải răn dạy nó đi
 Nếu không thì con đem bán*

*Mình tạm gọi là no ấm
 Ai biết cơ trời vẫn xoay
 Lòng tốt gửi vào thiên hạ
 Biết đâu nuôi bố sau này...*

Câu 1. (1,0 điểm) Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên.

Câu 2. (1,0 điểm) Vì sao trong câu thơ mở đầu, người cha gọi “*hành khát*” mà không gọi là “*ăn mày*”.

Câu 3. (2,0 điểm) Những lời chia sẻ trong khổ cuối gọi cho em những suy nghĩ gì?

Câu 4. (2,0 điểm) Em có suy nghĩ gì về bài học rút ra mà người cha nói với con qua bài thơ?

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1	-Thể thơ tự do -Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm	1,0 điểm
2	Cách gọi “ <i>hành khát</i> ” mà không phải “ <i>ăn mày</i> ” thể hiện thái độ tôn trọng của người cha với những người bị “ <i>giời đày</i> ” chẳng may phải xin ăn trên phố, đồng thời cũng thể hiện niềm đồng cảm chân thành với nỗi bất hạnh của họ. Qua cách gọi ấy người cha cũng muốn con mình nhận ra nên có thái độ hành xử như thế nào cho đúng với những người cơ cực, khổ nghèo.	1,0 điểm
3	Những lời chia sẻ trong khổ cuối là lời dặn dò vô cùng ý nghĩa của người cha dành cho con: + <i>Mình tạm gọi là no ấm/Ai biết cơ trời vẫn xoay</i> : Gia đình mình chỉ “tạm” gọi là no ấm hơn những người hành khát tội nghiệp kia. Sự no ấm ấy chưa biết tồn tại được bao lâu bởi cuộc sống luôn “ <i>vẫn xoay</i> ” biến đổi... + <i>Lòng tốt gửi vào thiên hạ/Biết đâu nuôi bố sau này</i> : Con hãy sống giàu tình yêu thương, sẻ chia, trân trọng những người nghèo khổ, tu nhân tích đức, bởi biết đâu sau này bố cũng rơi vào tình cảnh như họ, và cũng được mọi người giúp đỡ, trân trọng như con đã làm. => Người cha đã đánh thức lòng trắc ẩn, tình yêu thương, khơi dậy lòng tốt không chỉ của con mình mà con của nhiều người khác.	2,5 điểm
4	Bài học rút ra: Cần tôn trọng, đồng cảm, sẻ chia, giúp đỡ nhau trong cuộc sống.	1,5 điểm

ĐỀ 6.

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi bên dưới

Ru hoa, mẹ hát theo mùa
Cái hoa khép mở tựa hồ mắt con
Mẹ quen chân lấm tay bùn
Lấy đâu hoa quế, hoa hồng mà ru.
Dẫu yêu hoa mặn, hoa mơ,
Cái liềm kéo áo, cái bừa níu chân.
Ba cử rét mấy tuần xuân
Mẹ đem hoa lúa kết thành lời ru.
Sen mùa hạ, cúc mùa thu

Hoa đồng cỏ nội, bốn mùa gọi con.

(Trích **Ru hoa** –Ngô Văn Phú – NXB Hội nhà văn 2007, trang 113)

Câu 1 (1,0 điểm): Xác định thể thơ của đoạn thơ trên

Câu 2(1,0 điểm): Hãy chỉ ra những từ ngữ gợi lên hình ảnh tảo tần, vất vả sớm hôm của người mẹ có trong đoạn thơ trên.

Câu 3(2,0 điểm): Chỉ ra biện pháp tu từ chính và phân tích tác dụng biện pháp tu từ đó trong câu thơ:

*Dẫu yêu hoa mận, hoa mơ,
Cái liềm kéo áo, cái bừa nín chân.*

Câu 4(2,0 điểm): Nội dung của đoạn thơ trên là gì ?

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1	Thể thơ:lục bát	1,0 điểm
2	Những từ ngữ đó là: chân lấm, tay bùn, ...	1,0 điểm
3	Biện pháp tu từ chính:ẩn dụ Tác dụng:gợi lên hình ảnh người mẹ cực khổ, vất vả ngày đêm với công việc ngoài đồng ruộng.	2,0 điểm
4	Nội dung: nói lên không có gì có thể sánh bằng công lao của người mẹ dành cho con và không ngại gian khổ,cực nhọc để con có một cuộc sống hạnh phúc.	2,0 điểm

ĐỀ 7.

Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu bên dưới

*“Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng
Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi
Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng
Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời”*

(Chiều xuân – Anh Thơ)

Câu 1. Đoạn thơ trên chủ yếu được viết theo phương thức biểu đạt nào? (1,0 điểm)

Câu 2. Bức tranh chiều xuân hiện lên trong đoạn thơ có đặc điểm gì? (1,0 điểm)

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thứ hai và thứ ba của đoạn thơ? (2,0 điểm)

Câu 4. Em thấy được những điều gì trong tâm hồn tác giả qua đoạn thơ trên? (2,0 điểm)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1	Đoạn thơ trên chủ yếu sử dụng phương thức biểu đạt là: miêu tả	1,0 điểm
2	Bức tranh chiều xuân hiện lên trong đoạn thơ có đặc điểm là: – Bức tranh thủy mặc chấm phá những nét đầy thi vị về một buổi chiều quê mưa xuân. – Cảnh đẹp, bình yên nhưng gợi buồn.	1,0 điểm
3	Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thứ hai và thứ ba của đoạn thơ là: biện pháp tu từ nhân hóa: “đò- biếng lười-mặc”, “quán tranh- đứng im lìm”	2,0 điểm

	- Tác dụng của biện pháp tu từ đó là: + Biến những vật vô tri, vô giác thành sống động có hồn, gọi hình, gọi cảm. + Góp phần khắc họa hình ảnh thiên nhiên, làng quê vắng lặng, im lìm, bình yên nhưng cũng đượm buồn.	
4	Tâm hồn của tác giả trong đoạn thơ: - Tâm hồn nhạy cảm, tinh tế trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời buổi chiều xuân. - Tấm lòng yêu thiên nhiên, quê hương sâu sắc.	2,0 điểm

ĐỀ 8.

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi

*Em nghe thầy đọc bao ngày
 Tiếng thơ đỏ nắng, xanh cây quanh nhà
 Mái chèo nghe vọng sông xa
 Êm êm như của tiếng bà năm xưa
 Nghe trăng thở động tàu dừa
 Rào rào nghe chuyển cơn mưa giữa trời...
 ...Đêm nay thầy ở đâu rồi
 Nhớ thầy, em lại lặng ngồi em nghe.*

(Nghe thầy đọc thơ – Trần Đăng Khoa)

Câu 1. Hãy ghi lại 2 hình ảnh thiên nhiên được tác giả sử dụng để miêu tả tiếng thơ thầy đọc? (1,0 điểm)

Câu 2. Cho biết tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong dòng thơ “Mái chèo nghe vọng sông xa/ Êm êm như tiếng của bà năm xưa”? (1,5 điểm)

Câu 3. Đọc đoạn thơ anh, chị hiểu thế nào về tình cảm mà nhà thơ dành cho người thầy của mình? (1,5 điểm)

Câu 4. Ghi lại suy nghĩ (khoảng 5-7 câu văn) của bản thân về những công ơn của thầy cô trong cuộc đời mỗi con người? (2,0 điểm).

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1	Hai hình ảnh thiên nhiên được tác giả sử dụng để miêu tả tiếng thơ thầy đọc là: “ <i>Tiếng thơ đỏ nắng xanh cây quanh nhà</i> ” và “ <i>Rào rào nghe chuyển cơn mưa giữa trời</i> ”.	1,0 điểm
2	Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong dòng thơ là: - Diễn tả chính xác, tinh tế cung bậc, sắc thái của tiếng thơ thầy đọc: cũng êm ái, thiết tha, trìu mến, yêu thương như tiếng của người bà thân yêu. - Giúp lời thơ trở nên giàu hình ảnh và sức biểu cảm, cho thấy dấu ấn sáng tạo riêng của tác giả.	1,5 điểm
3	Tình cảm mà nhà thơ dành cho người thầy của mình là nhớ thương tha thiết và trân trọng, yêu quý.	1,5 điểm
4	Suy nghĩ về những công ơn của thầy cô trong cuộc đời của mỗi một con người:	2,0 điểm

	<p>Các em nên có suy nghĩ riêng, nhưng cần lưu ý:</p> <p>+ Thầy cô không chỉ mang đến cho mỗi người nhiều tri thức, kỹ năng sống bổ ích mà còn hướng dẫn mỗi người tìm ra phương pháp học, phương pháp thành đạt trong đời.</p> <p>+ Các thầy cô cũng dạy mỗi người lẽ sống cao đẹp ở đời; là những tấm gương đạo đức, lối sống mẫu mực để học trò noi theo.</p> <p>- Có thể liên hệ: “Mặt trời, mặt trăng có thể lặn, nhưng ánh sáng mà người thầy rọi vào ta thì sẽ còn mãi trong đời” (Lỗ Tấn)</p>	
--	---	--

ĐỀ 9.

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới

Ca dao và mẹ

Mẹ ru khúc hát ngày xưa
 Qua bao nắng sớm chiều mưa vẫn còn
 Chân trần mẹ lội đầu non
 Che giông giữ tiếng cười giòn cho ai...
Vì ai chân mẹ dẫm gai
Vì ai tắt tả vì ai dãi dầu
Vì ai áo mẹ phai màu
Vì ai thao thức bạc đầu vì ai?
 Lớn từ dạo đó ta đi
 Chân mây góc biển mấy khi quay về
 Mẹ ngồi lặng cuối bờ đê
 Đếm năm tháng đếm ngày về của ta
 Mai vàng mấy lượt trở hoa
 Hàng hiên hanh nắng sương sa mấy lần
 Đồng xa rồi lại đồng gần
 Thương con mẹ lội đồng gần đồng xa
 “Ấu ơ...” tiếng vọng xé tim
 Lời ru xưa bỗng về tìm cơn mơ
 Đâu rồi cái tuổi ngây thơ
 Mẹ ta nay đã mịt mờ chân mây
 Chiều đông giăng kín heo may
 Tìm đâu cho thấy tháng ngày ấu ơ...

(Đỗ Trung Quân)

Câu 1. (1,0 điểm) Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2. (2,0 điểm) Chỉ ra hai biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ in đậm và nêu tác dụng của hai biện pháp tu từ đó.

Câu 3. (1,0 điểm) Vì sao cả khi mở đầu và kết thúc bài thơ, tác giả đều nhắc tới lời ru của mẹ?

Câu 4. (2,0 điểm) Dòng hồi tưởng về mẹ đã được nhà thơ tái hiện trong những khoảng thời gian nào? Trong đó, hình ảnh nào gây ấn tượng cho em sâu sắc nhất? vì sao?

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1	Thể thơ: lục bát Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm	1,0 điểm
2	+ Nghệ thuật điệp (điệp từ vì ai, điệp cấu trúc câu <i>Vì ai chân mẹ dẫm gai - Vì ai áo mẹ phai màu</i>). + Liệt kê và ẩn dụ: những nhọc nhằn vất vả của mẹ <i>chân dẫm gai, áo phai màu, bạc đầu</i> ... - Tác dụng của các biện pháp tu từ: + Tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt. + Khắc sâu những nỗi vất vả của mẹ. + Thể hiện nỗi xót xa, day dứt của nhà thơ khi hồi tưởng về mẹ.	2,0 điểm
3	Vì lời ru chứa đựng cả cuộc đời mẹ và tình yêu thương vô bờ bến của mẹ dành cho con; lời ru là âm thanh ngọt ngào, thân thuộc nhất trong cuộc đời của một con người...	1,0 điểm
4	- Dòng hồi tưởng về mẹ đã được nhà thơ tái hiện trong nhiều khoảng thời gian: lúc còn thơ ấu, lúc con đã trưởng thành và khi mẹ đã đi xa. - Học sinh tự chọn một hình ảnh để lại cho mình ấn tượng sâu sắc nhất và giải thích lí do.	2,0 điểm

ĐỀ 10.

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu

“Tôi yêu truyện cổ nước tôi
 Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa
 Thương người rồi mới thương ta
 Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm
 Ở hiền thì lại gặp hiền
 Người ngay thì được phật, tiên độ trì.
 Mang theo truyện cổ tôi đi
 Nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa
 Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa
 Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi.”

(Trích *Truyện cổ nước mình*, Lâm Thị Mỹ Dạ)

Câu 1. (1,0 điểm) Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.

Câu 2. (1,0 điểm) Hai câu thơ sau sử dụng những biện pháp tu từ nào?

“Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa
 Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi.”

Câu 3. (2,0 điểm) Em hiểu như thế nào về nghĩa của các từ: “nghe”, “tiếng xưa” trong câu thơ: *Nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa*.

Câu 4. (2,0 điểm) Em hãy trình bày nội dung chính của đoạn thơ.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1	Thể thơ lục bát	1,0 điểm

	Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm	
2	- Đảo trật tự cú pháp: Vàng con nắng, trắng con mưa - Nhân hóa: răng dừa nghiêng soi	1,0 điểm
3	- Nghĩa của từ “nghe”: không chỉ nhận thấy bằng thính giác mà còn là cảm nhận, thấu hiểu bằng cả trái tim, trí tuệ. - Nghĩa của từ “tiếng xưa”: là tiếng nói của quá khứ, thông điệp của cha ông được gửi gắm trong truyện cổ.	2,0 điểm
4	- Đoạn thơ khẳng định giá trị lớn lao từ những câu chuyện cổ; ở đó ngời sáng những ước mơ, khát vọng của nhân dân lao động về một cuộc sống no đủ, công bằng, hạnh phúc, nhân văn. - Khẳng định tâm hồn tinh tế, tình yêu truyện cổ thiết tha của tác giả.	2,0 điểm

IV. Hướng dẫn về nhà

– Hoàn thành bài tập

Chuẩn bị: Ôn tập truyện truyền thuyết, cổ tích.

Ngày dạy: 21/02/2023

BUỔI 32:

ÔN TẬP TRUYỆN TRUYỀN THUYẾT, CỔ TÍCH

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện thuyết như: cốt truyện, nhân vật, lời kể, yếu tố kì ảo; nhận biết được chủ đề của VB.
- Kể được một truyện thuyết. (đóng vai, sáng tạo,...)

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

3. Về phẩm chất:

- Tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- KHBD, SGK.

2. Học sinh

- SGK, vở ghi,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

VĂN BẢN 1: THÁNH GIÓNG**(Dùng chung 3 bộ sách: Cánh diều: bài 1; Chân trời: bài 1; Kết nối: bài 6)****I. Tìm hiểu chung:****a. Thể loại:** truyền thuyết**b. Phương thức biểu đạt:** tự sự**c. Tóm tắt văn bản Thánh Gióng**

Đời Hùng Vương thứ sáu, làng Gióng có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ, phúc đức nhưng không có con. Một hôm bà vợ ra đồng ướm vào vết chân to, về nhà thụ thai. Mười hai tháng sau sinh cậu con trai khôi ngô. Lên ba tuổi mà chẳng biết đi, không biết nói cười. Giặc xâm lược, nhà vua chiêu mộ người tài, cậu bé cất tiếng nói yêu cầu vua sắm roi sắt, áo giáp sắt, ngựa sắt để đánh giặc. Cậu ăn khỏe, lớn nhanh như thổi. Cả làng phải góp gạo nuôi. Giặc đến, chú bé vùng dậy, vươn vai biến thành tráng sĩ, giáp sắt, ngựa sắt, roi sắt xông ra đánh tan giặc, roi sắt gãy tráng sĩ nhổ những cụm tre quật giặc. Tráng sĩ mình một ngựa, lên đỉnh núi cởi bỏ giáp sắt cùng ngựa bay lên trời. Nhân dân nhớ ơn lập đền thờ, giờ vẫn còn hội làng Gióng và các dấu tích ao hồ...

d. Giá trị nội dung của văn bản Thánh Gióng

Xây dựng hình tượng Thánh Gióng với nhiều sắc màu thần kì là biểu tượng rực rỡ của ý thức và sức mạnh bảo vệ đất nước, đồng thời là sự thể hiện quan niệm và ước mơ của nhân dân ta ngay từ buổi đầu lịch sử về hình tượng người anh hùng cứu nước chống giặc ngoại xâm.

e. Giá trị nghệ thuật của văn bản Thánh Gióng

- Sử dụng nhiều chi tiết hoang đường, tưởng tượng, kì ảo:
- + Đặt chân lên vết chân trên mặt đất thì có thai
- + Mang thai 12 tháng mới sinh
- + Đứa trẻ lên 3 tuổi không biết nói, biết cười, biết đi nhưng lại tự nhiên nói và hành động được như người bình thường
- + Trẻ con lớn lên nhanh như thổi, trong chốc lát thành người trưởng thành
- + Biến ngựa sắt thành ngựa sống
- + Sức khỏe phi thường, một mình nhổ cả bụi tre, chống cả đội quân
- + Cưỡi ngựa bay về trời...
- Sử dụng các chi tiết nghệ thuật tiêu biểu cho truyện dân gian:
- + Lối kể chuyện theo trình tự thời gian (cái gì xảy ra trước thì kể trước, cái gì xảy ra sau thì kể sau)
- + Cốt truyện xoay quanh một nhân vật chính là Thánh Gióng - sinh ra với những đặc điểm khác thường, có sức mạnh tài năng phi thường, trở tài để cứu nguy cho nhân dân, đất nước, sau khi hoàn thành sứ mệnh của mình thì trở về trời.

II. Định hướng phân tích:**1. Sự ra đời của Thánh Gióng**

- Bà mẹ ra đồng, ướm chân mình lên một vết chân rất to, về nhà thụ thai
 - Mười hai tháng mang thai, sinh ra một đứa bé khôi ngô
 - Đến ba tuổi, đứa bé không biết nói, biết cười, không biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy
- Sự ra đời kì lạ, khác thường của Thánh Gióng

2. Thánh Gióng đòi đi đánh giặc và sự lớn lên kì lạ

- Khi nghe tiếng rao của sứ giả, Thánh Gióng cất tiếng nói đầu tiên – tiếng nói xin được đi đánh giặc

- Gióng đòi một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một áo giáp sắt cùng lời hứa sẽ đánh tan quân xâm lược.

→ Câu nói của Thánh Gióng mang sức mạnh tiềm ẩn của lòng yêu nước. Điều đó thể hiện ý thức, trách nhiệm đối với đất nước và ý chí, lòng quyết tâm đánh thắng giặc Ân.

- Từ khi gặp sứ giả, Thánh Gióng lớn nhanh như thổi:

+ Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ

+ Hai vợ chồng làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi

+ Cả làng góp gạo nuôi chú bé, ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước

→ Sự lớn mạnh của lòng yêu nước, của quyết tâm đánh thắng giặc Ân xâm lược. Gióng sinh ra, lớn lên trong vòng tay của nhân dân, mang trên mình nguyện vọng của nhân dân.

3. Gióng cùng nhân dân đánh thắng giặc Ân và bay về trời

- Gióng vươn vai một cái trở thành một tráng sĩ, mình cao hơn trượng, oai phong凛凛

- Gióng ra trận đánh giặc:

+ Mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa

+ Thúc ngựa, phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác

+ Khi roi sắt gãy, tráng sĩ nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc

+ Kết quả: giặc chết như rạ, giẫm đạp lên nhau chạy trốn

→ Dũng mãnh, oai phong,凛凛

→ Ngợi ca lòng yêu nước, sức mạnh chống ngoại xâm của nhân dân ta

- Gióng bay về trời: một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi áo giáp sắt bỏ lại, cả người lẫn ngựa bay lên trời

→ Thánh Gióng về với cõi bất tử. Qua đó, cho thấy thái độ ngợi ca, tôn trọng của nhân dân đối với những người anh hùng.

4. Nhân dân ghi nhớ công ơn của Thánh Gióng

- Lập đền thờ ở làng Phù Đổng, tục gọi là làng Gióng, hàng năm làng mở hội to lớn

- Dấu tích còn để lại đến ngày nay: những bụi tre đằng ngà ở huyện Ba Vì, những ao hồ liên tiếp, làng Cháy...

→ Niềm tin của nhân dân vào sức mạnh thần kì của dân tộc

III. Luyện đề

Đề 1. Trong vai Thánh Gióng, hãy kể lại câu chuyện Thánh Gióng

Hướng dẫn làm bài

1. Mở bài

Giới thiệu nhân vật kể chuyện và câu chuyện được kể: Ta là Thánh Gióng, nhờ có công đánh đuổi giặc Ân xâm lược nên ta đã được vua phong Phù Đổng Thiên Vương và dân làng lập đền thờ ở quê nhà.

2. Thân bài

- Sự ra đời của Thánh Gióng: Khi bà lão đi ra đồng nhìn thấy bàn chân rất to liền đặt bàn chân mình ướm vào, rồi khi về nhà bà liền có thai, 12 tháng sau thì hạ sinh ra ta
- Thánh Gióng khi chưa gặp sứ giả: vì sứ mệnh nên dù đã lên ba tuổi ta cũng không nói, không cười và không đi đứng gì, cứ đặt ở đâu thì ta nằm ở đấy
- Thánh Gióng sau khi gặp sứ giả: Bắt đầu lớn nhanh hơn, ăn mãi không no, cứ đem bao nhiêu đồ ăn ra cũng hết, vừa ăn vừa lớn đến nỗi áo vừa mặc vào đã căng đứt chỉ
- Thánh Gióng đánh giặc Ân: Đón đầu và đánh giết hết lớp giặc này đến lớp giặc khác, đi qua lớp nào là giặc nằm chết như ngã rạ
- Thánh Gióng về trời: Sau khi đã hoàn thành sứ mệnh của mình, ta một mình một ngựa đứng trên đỉnh núi Sóc, cởi bỏ áo giáp sắt rồi cùng ngựa từ từ bay về trời

3. Kết bài

Cảm nghĩ của nhân vật kể chuyện: Là người thực hiện sứ mệnh của Ngọc Hoàng, ta cảm thấy rất vui khi được nhìn con dân sống trong yên bình, hạnh phúc và ấm no.

Viết bài

Các cháu có biết ta là ai không? Ta chính là Thánh Gióng, người năm xưa đã một mình đánh thắng lũ giặc Ân hung ác. Bây giờ ta sẽ kể cho các cháu nghe về cuộc đời của ta lúc bấy giờ nhé!

Các cháu ạ! Ta vốn là sứ thần của Ngọc Hoàng sai xuống giúp đỡ dân làng đánh đuổi quân xâm lược đang nhắm nhe xâm chiếm nước ta. Muốn được sống cùng với nhân dân, Ngọc Hoàng ra lệnh cho ta đầu thai xuống một gia đình lão nông hiếm muộn đường con cái. Một ngày đẹp trời ta thấy bà lão phúc hậu vào rừng, ta liền hóa thành một vết chân to và bà lão đã tò mò ướm thử vậy là ta đầu thai vào bà cụ. Khỏi phải nói hai ông bà đã vô cùng mừng rỡ khi chờ mãi, sau mười hai tháng ta mới ra đời. Ông bà càng vui hơn khi thấy ta rất khôi ngô tuấn tú. Hai ông bà chăm sóc yêu thương ta hết lòng, ông bà ngày ngày mong ta khôn lớn như những đứa trẻ khác ấy vậy mà mãi đến tận năm ba tuổi ta vẫn chẳng biết cười, nói cũng chẳng biết đi. Các cụ rất buồn, thấy vậy ta rất thương nhưng vì sứ mệnh mà Ngọc Hoàng đã trao cho nên ta vẫn phải im lặng.

Thế rồi giặc Ân đến xâm lược nước ta, chúng kéo đến đông và mạnh khiến ai ai cũng lo sợ. Nhìn khuôn mặt lo âu của dân làng và cha mẹ, ta biết rằng đã đến lúc ta phải ra tay giúp đỡ họ. Một hôm, đang nằm trên giường nghe thấy sứ giả đi qua rao tìm người giỏi cứu nước, thấy mẹ đang ngồi buồn rầu lo lắng, ta liền cất tiếng bảo mẹ:

- Mẹ ơi! Mẹ đừng buồn nữa, mẹ hãy ra mời sứ giả vào đây cho con nói chuyện. Nghe ta cất tiếng nói mẹ vô cùng ngạc nhiên, mừng rỡ và mẹ ta càng ngạc nhiên hơn khi ta đòi gặp sứ giả vì đó không phải là chuyện đùa, đọc thấy nỗi lo của mẹ ta vội trấn an mẹ:

- Mẹ đừng lo lắng gì cả cứ ra mời sứ giả vào đây!

Nửa tin nửa ngờ nhưng mẹ ta vẫn vội vã ra mời sứ giả vào. Sứ giả bước vào căn nhà nhỏ tuềnh toàng của cha mẹ ta, ông ta vô cùng ngạc nhiên nhìn thấy ta lúc này vẫn chỉ là thằng bé nằm ở trên giường, sứ giả có vẻ không tin tưởng lắm

nhưng khi nghe ta nói: "Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này". Nghe những lời nói đầy quả quyết của ta sứ giả hiểu rằng ta không phải là một đứa trẻ bình thường, sứ giả vội vã trở về tâu với vua và vua cũng vui mừng truyền thợ giỏi ở khắp nơi đến làm gấp những thứ ta cần. Ai ai cũng phấn khởi khi thấy vua đã tìm được người tài.

Còn ta khi sứ giả đi rồi ta liền vùng dậy và vươn vai mấy cái đã thành người lớn. Ta bảo mẹ nấu cho ta nồi cơm ăn cho no để chuẩn bị đi đánh giặc. Mâm cơm vừa bung lên ta ăn một loáng đã hết nhẵn mà chẳng thấy no gì cả, mẹ lại đi nấu nồi khác cho đến khi nhà không còn gì để ăn. Ta ăn vào bao nhiêu thì lớn như thổi bấy nhiêu, đến nỗi quần áo phải thay liên tục. Mẹ ta thấy ta ăn bao nhiêu cũng chưa no trong khi gạo thì đã hết, bà cụ liền chạy nhờ bà con hàng xóm. Bà con đều vui lòng giúp mẹ ta vì biết ta là người sẽ đi đánh giặc cứu dân làng. Mọi người đến nhà ta nườm nượp, người có gạo góp gạo, người có rau, cà góp rau cà, tóm lại ai có gì góp nấy. Mọi người còn đến giúp mẹ ta thổi cơm cho ta ăn, ta ăn bao nhiêu lại to lớn lừng lững bấy nhiêu. Những ngày đó làng ta ai cũng khắp khởi vui mừng vì mong đợi ta nhanh chóng đi giết giặc, cứu nước.

Một ngày, dân làng nhận được tin giặc đã kéo đến chân núi Trâu. Làng ta lại được một phen khiếp sợ, trẻ con kêu khóc, người lớn thì lo âu, các cụ già thì trầm ngâm, ai ai cũng khiếp sợ. Mọi người nhìn ta như cầu cứu. Ta rất hiểu tâm trạng của họ và đúng lúc đó sứ giả đem những thứ ta cần đến. Lúc này, ta vùng đứng dậy, vươn vai một cái đã biến thành một tráng sĩ cao lớn phi thường, thể nên tất cả những thứ sứ giả vừa mang đến chẳng còn vừa với ta nữa. Thấy vậy, mọi người lại tức tốc đi tìm thợ rèn ngựa sắt, áo giáp sắt cho ta, họ làm ra chiếc nào lại cho ta thử chiếc ấy và ta chỉ khẽ bẻ đã gãy, mãi sau mới có những thứ vừa với sức ta. Mọi thứ đã được chuẩn bị sẵn sàng, ta liền mặc áo giáp sắt, tay cầm roi sắt, nhảy lên mình ngựa, oai phong lẫm liệt. Ta nhớ hôm đó bà con ra tiễn ta rất đông mọi người nhìn ta đầy tin tưởng, khắp nơi vang lên lời chúc chiến thắng và ta còn nhìn thấy cả những giọt nước mắt tự hào, yêu thương của cha mẹ ta. Từ biệt bà con xóm giềng, cha mẹ những người đã yêu thương, nuôi nấng, ta thề hứa sẽ chiến đấu hết lòng để không phụ công của bà con dân làng, cha mẹ.

Sau phút chia tay, một mình một ngựa ta lao thẳng vào trận đánh. Ngựa đi đến đâu phun lửa rừng rực đến đó, lũ giặc vô cùng khiếp sợ. Chúng đổ rạp và tan xác dưới roi sắt của ta và ngọn lửa của con chiến mã. Cả bãi chiến trường đầy thây quân giặc. Đúng lúc thế trận đang lên như vũ bão thì cây roi sắt trong tay ta gãy gập, ta liền nhổ lấy những khóm tre quanh mình quật liên tiếp vào lũ giặc. Lũ giặc lại được một phen khiếp sợ, rơi vào thế hỗn loạn và chẳng mấy chốc bỏ chạy tan tác khắp nơi. Những tên may mắn sống sót vội vã thoát thân bỏ chạy vào hẻm núi sâu, tìm cách trở về nước. Làng quê sạch bóng quân thù. Tiếng reo vui của dân làng vang lên rộn rã.

Nhìn trăm họ hạnh phúc ta vô cùng sung sướng, vậy là sứ mệnh Ngọc Hoàng giao cho ta đã hoàn thành, chợt nhớ đến cha mẹ già ta cũng muốn về thăm nhưng lời Ngọc Hoàng dặn dò khi hoàn thành sứ mệnh phải trở về trời khiến ta chẳng dám trái lệnh. Nhìn đất nước, dân làng một lần cuối ta thúc ngựa phi lên

đỉnh núi, cởi bỏ áo giáp sắt, rồi cả người và ngựa lẳng lẳng bay về trời. Ta ra đi nhưng trong lòng đầy tiếc nuối vì không được sống cùng những người dân hiền lành tốt bụng. Dầu vậy, ta cũng hài lòng vì từ đây ai ai cũng được sống trong cảnh thanh bình, hạnh phúc.

Sau đó, vua đã phong cho ta là Phù Đồng Thiên Vương. Ta cảm thấy rất vui khi được nhận danh hiệu đó, bởi ta đã đem đến sự bình yên và hạnh phúc cho mọi người. Đó chính là điều quý giá nhất đối với ta, nó còn quý hơn cả ngọc ngà châu báu mà nhà vua hứa ban tặng cho ta sau khi đánh thắng quân giặc.

Đề 2. Đóng vai người mẹ, kể lại truyện truyền thuyết Thanh Giong

Hướng dẫn làm bài

Vợ chồng tôi sống ở làng Giong dưới thời vua Hùng Vương thứ 6. Chúng tôi quanh năm chăm chỉ làm lụng, sống hiền hậu phúc đức với mọi người nhưng chỉ có một nỗi buồn là tuy già nhưng vẫn chưa có đứa con. Chúng tôi ao ước có một đứa con. Một hôm, tôi đi làm đồng thì trông thấy một vết chân rất to, tôi tò mò nên liền đặt bàn chân mình lênướm thử để xem thua kém bao nhiêu. Không ngờ về nhà, tôi thụ thai và mười hai tháng sau sinh ra đứa con trai mặt mũi rất khôi ngô. Vợ chồng tôi mừng lắm. Nhưng lạ thay! Thằng bé đến khi lên ba vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, chỉ đặt đâu nằm đấy.

Bấy giờ, giặc Ân sang xâm lược nước ta. Giặc mạnh, nhà vua lo sợ bèn sai sứ giả đi khắp nơi rao tìm người tài giỏi cứu nước. Bỗng con trai tôi cất tiếng gọi khiến tôi vừa vui và vô cùng bất ngờ:

-Mẹ ơi! Mẹ ra mời sứ giả vào đây cho con!

Ôi! Con đã nói được rồi ư? Con còn nhỏ sao tham gia chuyện đại sự của đất nước được?

Tuy nhiên, Giong cương quyết muốn mời nên tôi đành chiều theo ý. Khi sứ giả vào, Giong bảo: “Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này”. Sứ giả vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ, vội vàng về tâu vua. Nhà vua truyền cho thợ ngày đêm làm gấp những vật mà con trai tôi dặn.

Từ sau hôm gặp sứ giả, Giong nói với tôi:

- Mẹ hãy nấu nồi cơm to cho con, con lấy sức chuẩn bị đi đánh giặc

Con tôi lớn nhanh như thổi. Cơm ăn bao nhiêu cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ. Vợ chồng tôi làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con nên đành phải chạy nhờ bà con làng xóm. Dân làng đều vui mừng góp gạo, nấu cơm để Giong ăn và hi vọng con tôi sẽ đánh thắng giặc, trừ họa cho đất nước.

Giặc đã đến chân núi Trâu. Thế ước rất nguy, mọi người hoảng hốt. Vừa lúc đó, vị sứ giả đã đến nhà tôi đem theo ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Và trước mắt tôi, không còn là cậu con trai bé bỏng ngày nào, Giong đã vùng dậy, vươn vai

một cái biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt. Cầm lấy tay hai vợ chồng tôi, Gióng xúc động nói:

- Chào cha mẹ, đã đến giờ con phải ra trận để cứu dân giúp nước. Cha mẹ ở lại giữ gìn sức khỏe.

Quay sang bà con láng giềng, Gióng nhờ bà con láng giềng chăm sóc chúng tôi nếu sau trận chiến nó không trở về. Tôi giấu vội giọt nước mắt lăn dài trên má. Gióng bước lên vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tôi đưa chiếc áo giáp, Gióng mặc và cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Tôi nhìn theo bóng con trai và ngựa đang tiến ra trận.

Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ. Bỗng roi sắt gãy, Gióng bèn nhổ những cụm tre cạnh đường làm vũ khí quật vào giặc, giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn, Gióng đuổi chúng đến chân núi Sóc. Rồi con trai tôi tiến lên đỉnh núi, cởi bỏ áo giáp sắt, cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời cao. Tôi nhìn theo bóng con xa dần.

Để ghi nhớ công ơn của con trai tôi với đất nước, nhà vua đã phong là Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ ngay tại ngôi làng nơi tôi sinh ra Gióng. Dù nổi mất con trong tôi chẳng thể nào nguôi nhưng tôi mãi tự hào về đứa con của mình, vị anh hùng dân tộc được mọi người nhớ ơn.

Đề 3. Cảm nhận về nhân vật Thánh Gióng trong truyện Thánh Gióng.

Hướng dẫn làm bài

I. Mở bài

Giới thiệu về truyền thuyết Thánh Gióng, dẫn dắt để giới thiệu về nhân vật Thánh Gióng.

II. Thân bài

1. Kể tóm tắt truyền thuyết Thánh Gióng

- Sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng:
- Sự lớn lên kì diệu của cậu bé Gióng:
- Thánh Gióng đi đánh giặc.
- Thánh Gióng bay về trời, dấu tích còn lại.

2. Phân tích nhân vật Thánh Gióng

a. Sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng

- Đồi Vua Hùng thứ sáu, ở làng Gióng, có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn nổi tiếng là sống phúc đức nhưng vẫn chưa có một mụn con.
- Một hôm, bà lão đi ra đồng trông thấy một bàn chân to, liền ướm thử vào để xem thua kém bao nhiêu. Không ngờ về nhà bà lão mang thai, sau mười hai tháng thì sinh ra một cậu bé.
- Cậu bé lên ba tuổi mà vẫn không biết nói, biết cười, đặt đâu thì nằm đấy.

=> Sự ra đời không giống với bất kỳ đứa trẻ bình thường nào, trái với quy luật của tự nhiên. Điều đó như một lời báo hiệu cuộc đời phi thường của cậu bé làng Gióng.

b. Sự sinh trưởng phi thường của Gióng

- Bấy giờ có giặc Ân xâm lược nước ta, nhà vua bèn sai sứ giả đi khắp nơi tìm người tài giỏi cứu nước.

- Cậu bé nghe tiếng giao của sứ giả thì liền cất tiếng nói đầu tiên: “Mẹ mời sứ giả vào đây”.

- Gióng yêu cầu sứ giả về nói với nhà vua chuẩn bị “một con ngựa sắt, một chiếc roi sắt và một tấm áo giáp sắt” với lời hứa sẽ phá tan lũ giặc này.

=> Câu nói đầu tiên là câu nói với lòng mong muốn xin đi đánh giặc cứu nước cứu dân. Câu nói mang tấm lòng yêu nước của một cậu bé mới ba tuổi nhưng đã có trách nhiệm với đất nước nhân dân.

- Từ khi gặp sứ giả, Gióng lớn nhanh như thổi: “Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ”.

- Hai vợ chồng làm bao nhiêu không đủ, phải chạy nhờ bà con, làng xóm. Cả làng vui lòng góp gạo nuôi cậu bé, ai cũng mong cậu giết giặc cứu nước.

=> Sức mạnh của tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết của nhân dân ta. Gióng lớn lên trong vòng tay chăm sóc nuôi nấng của nhân dân.

c. Gióng đánh giặc và sự ra đi

*** Gióng đánh giặc:**

- Giặc đến gần bờ cõi, chàng Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ, mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt.

- Chàng Gióng chuẩn bị ra trận:

+ Mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên ngựa.

+ Thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ.

+ Roi sắt gãy, Gióng nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ và chạy trốn.

=> Hình ảnh một con người oai phong, lẫm liệt, tràn đầy sức mạnh.

=> Đúng với sự ra đời kì lạ đã dự báo trước về cuộc đời của một con người phi thường, chàng Gióng chính là biểu tượng cho sức mạnh của dân tộc Việt Nam.

*** Sự ra đi của Gióng:**

- Thánh Gióng một mình một ngựa, lên đỉnh núi, cởi áo giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa bay lên trời.

=> Con người phi thường nên sự ra đi cũng trở nên phi thường. Thánh Gióng đã trở về với cõi bất tử. Đó chính là lòng tôn kính mà nhân dân ta dành cho một con người có công với đất nước.

d. Sự tưởng nhớ công ơn Thánh Gióng, tương truyền về làng Gióng

- Vua nhớ công ơn phong là Phù Đổng Thiên Vương, và lập đền thờ ở quê nhà, nay là làng Phù Đổng, tục gọi là làng Gióng.

- Dấu tích còn lại ngày nay: những bụi tre ngà ở huyện Gia Bình vì ngựa phun máu vàng óng như thế, những vết chân ngựa thành những ao hồ liên tiếp, ngựa thét ra lửa thiêu cháy một làng gọi là làng Cháy...

=> Niềm tin bất diệt của nhân dân vào sức mạnh thần kì của dân tộc.

III. Kết bài

Khái quát lại giá trị nội dung và nghệ thuật của truyền thuyết “Thánh Gióng”.
Đánh giá về hình tượng nhân vật Thánh Gióng trong tác phẩm.

Viết bài

Trải qua ngàn năm lịch sử dựng và giữ nước, dân tộc ta ngày nay được sống trong không khí thanh bình, hạnh phúc. Trong ngày hội lớn của quê hương, em cùng bố mẹ đến thăm di tích lịch sử đền Gióng để tưởng nhớ vị anh hùng dân tộc năm xưa. Kí ức về truyện truyền thuyết Thánh Gióng lại vang lên trong em với những cảm phục, tự hào về nhân vật anh hùng này.

Gióng được sinh ra trong một hoàn cảnh khác thường. Mẹ Gióng mong mãi một mụn con, rồi khi nhìn thấy vết chân to khác thường ngoài đồng, bà đã ướm thử và về nhà mang thai. Cậu bé làng Gióng được sinh ra sau mười hai tháng trong niềm vui và hạnh phúc vô bờ bến của cha mẹ. Vậy nhưng, lên ba tuổi mà Gióng chẳng nói cười, chỉ nằm một chỗ. Vậy nhưng khi đất nước lâm nguy, sứ giả đi khắp đất nước những mong tìm người tài giỏi cứu nước giúp dân, Gióng đã mở lời. Để rồi Gióng lớn nhanh như thổi và ra trận xông pha, giúp đất nước dẹp tan bóng giặc xâm lăng. Hình ảnh Thánh Gióng phải chăng chính là ước mơ của nhân dân về những người anh hùng tài giỏi có thể đánh giặc lập công. Chi tiết kì ảo về cậu bé biết nói sau ba năm im lặng đã làm tăng thêm sức hấp dẫn của câu chuyện. Tiếng nói đầu tiên cất lên trong đời lại chính là tiếng nói đòi đánh giặc cứu nước. Phải chăng ba năm im lặng của Gióng là ba năm dồn nén để chuẩn bị cho sức mạnh của lòng yêu nước bùng lên mạnh mẽ. “Mẹ ra mời sứ giả vào đây”. “Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này”. Tiếng nói đòi đánh giặc cứu nước của Thánh Gióng là tiếng lòng của toàn dân tộc. Thể hiện tinh thần yêu nước, yêu hòa bình, căm thù giặc sâu sắc của cha ông ta trong buổi bình minh của lịch sử chống giặc ngoại xâm.

Từ khi gặp sứ giả, Gióng ăn nhiều, lớn nhanh như thổi, cơm ăn mấy cũng không đủ no, áo vừa may đã chật. Gióng lớn nhanh như thổi không chỉ nhờ công lao của cha mẹ mà còn nhờ sự đóng góp rất lớn của bà con xóm làng đã góp gạo thổi cơm nuôi cậu bé. Và để đủ vũ khí giúp Gióng chiến đấu với kẻ thù còn nhờ sự vất vả của nhân dân ta, ngày đêm rèn luyện binh khí, ngựa sắt, áo giáp sắt. Qua đó, cho thấy tinh thần đoàn kết, chung sức chung lòng của nhân dân ta khi đất nước lâm nguy. Tinh thần ấy đã tạo nên sức mạnh to lớn để nhân dân ta đủ sức mạnh chống giặc ngoại xâm.

Không chỉ vậy, Gióng còn là hình ảnh của người anh hùng thông minh, mưu trí. Hình ảnh “Gióng vươn vai một cái bỗng biến thành tráng sĩ” là hình ảnh đẹp, cho thấy phong thái lẫm liệt của người anh hùng ra trận. Khi chiếc roi sắt bị gãy, Gióng nhanh trí nhổ khóm tre ven đường để quét sạch giặc Ân, chúng nhائم đạp lên nhau để trốn thoát. Lũ giặc hung bạo, tham lam đã nhận kết cục thảm hại trước sức mạnh và lòng dũng cảm của chàng trai làng Gióng. Điều đó cũng thể

hiện sự mưu trí, tận dụng mọi lực lượng, mọi vũ khí trong chiến đấu và bảo vệ non sông, bờ cõi.

Hình ảnh cuối cùng về người anh hùng làng Gióng là hình ảnh đẹp, mãi khắc ghi trong tâm trí em. Gióng giết giặc Ân rồi một mình phi ngựa lên đỉnh núi Sóc, cởi bỏ chiếc áo giáp sắt và từ từ bay lên trời. Người anh hùng ấy đã hoàn thành trọng trách mà đất nước, nhân dân giao phó. Người trở về trời mà không màng đến lợi danh, hi sinh vì hạnh phúc và ấm no của nhân dân. Bởi vậy mà ngày nay, đến tháng tư hàng năm, nhân dân ta mở hội để nhớ ơn công lao của Thánh Gióng. Truyền thống uống nước nhớ nguồn đó là đạo lí cao đẹp của dân tộc và nhắc nhở con cháu mai sau mãi khắc ghi công ơn của thế hệ cha ông đi trước.

Hình tượng nhân vật Thánh Gióng với màu sắc thần kì là biểu tượng rực rỡ của ý thức và sức mạnh bảo vệ đất nước của cha ông ta. Qua đó, cũng thể hiện quan niệm và ước mơ của nhân dân ta ngay từ đầu buổi đầu lịch sử về người anh hùng cứu nước, chống giặc ngoại xâm.

VĂN BẢN 2: SƠN TINH, THỦY TINH (Dùng cho bộ kết nối)

Đề 1. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu cảm nghĩ của em về nhân vật Sơn Tinh và bài học rút ra được từ bài, em phải làm gì để ngăn chặn bão lũ.

Bài làm

Sơn Tinh Thủy Tinh là truyền thuyết nổi tiếng gắn bó với tuổi thơ mỗi người. Tác phẩm đã cho thấy người anh hùng Sơn Tinh tài năng, dũng cảm đã chiến đấu chống lại sự đánh trả quyết liệt của Thủy Tinh. Sơn Tinh đã để lại những dấu ấn sâu sắc trong lòng bạn đọc. Nếu như Thủy Tinh đại diện cho sức mạnh thiên nhiên hung bạo, dữ dội thì Sơn Tinh lại là đại diện sức mạnh của nhân dân, cộng đồng. Tác phẩm được bắt đầu bằng câu chuyện kén rể của vua Hùng. Nhà vua có một người con gái tên là Mị Nương đã đến tuổi lấy chồng, bởi vậy vua cha muốn kén cho con gái yêu của mình một người chồng thật xứng đáng cả về tài năng lẫn phẩm chất. Trong vô vàn những người đến cầu hôn, có hai chàng một người là Sơn Tinh, một người là Thủy Tinh khiến nhà vua ưng ý hơn cả. Vua Hùng đã đưa ra yêu cầu sính lễ, ai đem đến trước sẽ được rước Mị Nương về làm vợ. Hôm sau, Sơn Tinh mang sính lễ đến sớm, rước nàng Mị Nương về làm vợ. Thủy Tinh vô cùng tức giận, đến sau không lấy được Mị Nương, chàng đã đem quân đánh trả. Trước sự hung hãn của Thủy Tinh, để bảo vệ vợ yêu, bảo vệ người dân, Sơn Tinh đã bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi ngăn chặn dòng nước lũ. Trận chiến kéo dài hàng tháng trời, sau Thủy Tinh đuối sức đành phải bỏ về. Nhưng hàng năm Thủy Tinh vẫn quay lại báo thù Sơn Tinh. Với việc xây dựng nhân vật Sơn Tinh nhân dân ta đã thể hiện truyền thống đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong những hoàn cảnh khó khăn của cuộc sống. Ngoài ra, Thủy Tinh chỉ nhận lại sự thất bại trong cuộc chiến với Sơn Tinh đã phản ánh ước mơ, khát vọng chiến thắng thiên tai, bão lũ của nhân dân ta. Cùng với đó là việc xây dựng cốt truyện kịch tính, sự kiện sinh động đã góp phần tạo nên thành công của tác phẩm. Qua truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh,

đặc biệt là qua nhân vật Sơn Tinh các tác giả dân gian đã gửi gắm niềm mơ ước, khát vọng chế ngự thiên nhiên của nhân dân ta. Sơn Tinh là một hình tượng đẹp đẽ trong lòng người đọc. Bên cạnh đó, truyền thuyết cũng để lại cho ta bài học đáng suy ngẫm về mẹ thiên nhiên. Mỗi người chúng ta cần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường để hạn chế bão lũ cũng như có biện pháp phòng chống bão lũ phù hợp để đảm bảo an toàn cho cuộc sống của chúng ta.

Đề 2.

Viết một đoạn văn (5-7 câu) giới thiệu nhân vật Sơn Tinh hay nhất.

Bài làm

(1) Trong câu chuyện "Sơn Tinh, Thủy Tinh", nhân vật Sơn Tinh để lại trong em ấn tượng sâu sắc. (2) Sơn Tinh sống ở núi Tản Viên, có tài năng rất kì lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi, vẫy tay về phía tây thì liền mọc lên từng dãy núi đồi. (3) Chàng thật tài giỏi, đã nhanh chóng tìm được lễ vật quý báu mà nhà vua chọn làm sính lễ. (4) Chàng đã chiến đấu kiên cường, bất khuất với Thủy Tinh có tính hung hăng. (5) Dù Thủy Tinh hô mưa, gọi gió, dâng nước ngập lên đến thành Phong Châu thì Sơn Tinh cũng không hề nao núng mà kiên trì bốt núi, dời đồi suốt mấy tháng trời để ngăn dòng nước lũ. (6) Sơn Tinh đã cứu nhân dân ta thoát khỏi bão lũ, em rất khâm phục. (7) Em mong Sơn Tinh luôn vững vàng để người dân không rơi và cảnh mưa gió, lũ lụt hằng năm.

Đề 3. Vào vai Sơn Tinh kể lại truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh

Hướng dẫn làm bài

1/Mở bài: Sơn Tinh tự giới thiệu

Ví dụ: Ta là Sơn Tinh, vị thần trị vì vùng núi Tản Viên hùng vĩ. Hôm nay nhân ngày bà con thu hoạch vụ lúa hè thu, ta cùng người vợ thân yêu là nàng Mị Nương đi thăm thú và chúc mừng bà con. Nhìn khung cảnh yên ả ta lại chợt nhớ về ngày ta cùng bà con chống lại Thủy Tinh để rước nàng Mị Nương về làm vợ. Những năm tháng đó ta luôn luôn khắc ghi trong lòng.

2/ Thân bài:

- Kể về việc vua Hùng Vương thứ mười tám kén chồng cho công chúa Mị Nương.

- Kể về diễn biến của sự tranh giành Mị Nương giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh :

+ Hai thần cùng đến cầu hôn.

+ Vua cho hai thần thi tài nhưng không tìm được người thắng cuộc.

+ Nhà vua yêu cầu sính lễ cầu hôn. Sơn Tinh đã mang đủ lễ vật đến trước và được rước Mị Nương về.

+ Con giận và sự trả thù của Thủy Tinh gây nên lụt lội. Nhưng rốt cuộc bao giờ Sơn Tinh cũng chiến thắng

3/ Kết bài:

Nêu cảm nghĩ của Sơn Tinh.

Bài văn tham khảo

Ta là Sơn Tinh, vị thần trị vì vùng núi Tản Viên hùng vĩ. Hôm nay nhân ngày bà con thu hoạch vụ lúa hè thu, ta cùng người vợ thân yêu là nàng Mị Nương đi thăm thú và chúc mừng bà con. Nhìn khung cảnh yên ả ta lại chợt nhớ về ngày ta cùng bà con chống lại Thủy Tinh để rước nàng Mị Nương về làm vợ. Những năm tháng đó ta luôn luôn khắc ghi trong lòng.

Ta còn nhớ, hôm ấy là một ngày đẹp trời, vạn vật trong trời đất tốt tươi, nắng vàng trải khắp mọi nơi, cùng ngày hôm đó ta nghe được tin vua Hùng kén rể cho người con gái yêu là Mị Nương. Ta vốn mến yêu dung nhan và đức hạnh của nàng từ lâu nhưng chưa có dịp tỏ bày tấm lòng của mình. Nay nhân cơ hội vua Hùng kén rể hiền ta bèn sửa soạn chỉnh tề đến gặp ngài và công chúa. Ta mặc một bộ quần áo vàng, đan xen những họa tiết đẹp mắt, cưỡi một con tuấn mã trắng khỏe mạnh, cùng với tài năng vượt trội ta tin rằng chắc chắn vua Hùng và công chúa sẽ vừa ý. Khi ta đến kinh thành không khí vô cùng nhộn nhịp, những chàng trai khỏe mạnh, đẹp đẽ từ khắp các nơi đổ về để trở tài, ai cũng mong rằng mình có thể trở thành phò mã.

Sau bao ngày chờ đợi cuối cùng ta cũng được đến trước mặt vua Hùng để thể hiện tài năng của bản thân. Ta vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi, vẫy tay về phía tây phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Chứng kiến tài năng của ta cả vua Hùng và các Lạc Hầu ai nấy đều lấy làm vừa ý lắm. Nhưng ngay khi ta vừa kết thúc phần thể hiện tài năng, thì tiến lại một chàng trai vô cùng tuấn tú, cũng chạc tuổi ta, thân cưỡi rồng và mặc bộ quần áo màu bạc rất đẹp. Chàng ta tự giới thiệu mình là Thủy Tinh, vị thần biển cả. Thủy Tinh tài năng cũng chẳng hề kém ta, chàng hô mưa gọi gió làm thành giông bão, rung chuyển cả đất trời. Nhưng vua Hùng cũng như các vị quan ai nấy mặt đều tái mét đi vì lo sợ.

Sau khi ta và Thủy Tinh thể hiện tài năng, vua Hùng không biết chọn ai nên đã cùng các vị Lạc Hầu bàn bạc và quyết định chúng ta phải vượt qua một thử thách nữa. Vua Hùng nói rằng:

- Hai chàng đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào? Thôi thì ngày mai, ai đem sính lễ đến trước, ta sẽ cho cưới con gái ta. Sính lễ bao gồm: “Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng và voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi”

Nghe phần sính lễ ta biết chắc rằng người lấy được Mị Nương làm vợ sẽ là ta, bởi những sản vật đó vốn thuộc địa phận ta cai quản, ta chẳng khó khăn gì để có thể lấy được chúng. Ta hăm hở lên đường tìm đồ sính lễ, chẳng mấy chốc đồ mà nhà vua yêu cầu đã bày biện đủ trước mắt. Tờ mờ sáng hôm sau ta mang sính lễ đến và rước nàng Mị Nương xinh đẹp, hiền thực về.

Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, hấn ta vô cùng giận dữ, đem quân đuổi theo đánh lại ta. Thủy Tinh hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão, nước dâng lên mỗi ngày một lớn, ruộng vườn nhà cửa ngập trong biển nước. Ta không hề lo sợ, nao núng, dùng tài năng của mình bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ khủng khiếp của Thủy Tinh. Nước Thủy Tinh dâng lên bao nhiêu ta lại dâng đồi núi cao lên bấy nhiêu. Cứ thế ta và Thủy Tinh đánh nhau đến hàng tháng trời, sau Thủy Tinh kiệt sức đành phải rút quân trở về.

Nhưng từ ấy về sau, oán nặng thù sâu năm nào cũng vậy cứ đến ngày ta lấy được Mị Nương về là Thủy Tinh lại đem quân đánh trả. Nhưng để bảo vệ người vợ hiền thực và những người con dân yêu quý của mình, ta cùng tất cả mọi người đoàn kết một lòng đánh lui Thủy Tinh.

Đề 4. Trong vai Thủy Tinh hãy kể lại truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh

Bài làm

Tôi là Thuỷ Tinh, một trong hai chàng rể đến cầu hôn công chúa Mị Nương xinh đẹp - con gái vua Hùng. Tôi muốn kể cho các bạn nghe câu chuyện của tôi và Sơn Tinh.

Tôi vốn là chúa vùng nước thẳm, sống ở miền biển sâu. Tôi có thể hô mưa, gọi gió. Sức mạnh của tôi là vô song. Năm ấy, vua Hùng muốn kén rể. Công chúa Mị Nương vô cùng xinh đẹp và tôi rất muốn lấy nàng về làm vợ. Nhưng khi đến cầu hôn, tôi gặp ngay đối thủ của mình. Hắn tên là Sơn Tinh. Nhìn hắn, tôi chợt nghĩ: "Đây cũng là người tài, xứng đáng để ta so tài cao thấp". Tôi được biết, hắn vốn là chúa tể vùng non cao.

Trước mặt vua Hùng tôi và Sơn Tinh đều thể hiện hết tài năng của mình. Sau khi chứng kiến cuộc thi tài, vua Hùng phân vân, không biết nên chọn ai làm chàng rể. Cuối cùng vua đưa ra thử thách: Nếu ai mang đồ sính lễ đến trước, ta sẽ gả Công chúa cho người đó. Nhưng khi nghe sính lễ: "Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp. bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi", tôi thấy lạ quá. Sao vua lại thách cưới toàn những sản vật của vùng núi cao? Sao vua lại thiên vị Sơn Tinh như thế? Dưới biển có bao sản vật quý hiếm, vậy mà lại không có thứ nào được góp mặt trong những sính lễ vua yêu cầu.

Tôi thầm ghen với Sơn Tinh. Nhưng khó khăn đó không làm tôi nản chí, tôi quyết kiếm đầy đủ sính lễ. Đúng ngày hẹn, tôi vui mừng mang đầy đủ sính lễ đến, thầm nghĩ chắc chắn lần này sẽ cưới được Mị Nương về làm vợ. Trên đường đi, lòng tôi vui sướng vô hạn. Nào ngờ, khi tôi đến nơi, Sơn Tinh chỉ đến sớm hơn tôi một chút nhưng lại đem được nàng Mị Nương xinh đẹp về làm vợ. Nghe được tin đó, tôi vô cùng tức giận, vội vàng cho quân đuổi theo Sơn Tinh, quyết tâm cướp lại Mị Nương. Vốn tự tin vào sức mạnh của mình, tôi hô mưa gọi gió, làm thành dông bão, rung chuyển cả đất trời. Tôi dâng nước sông lên cuồn cuộn thành những bức tường nước cao lớn, đổ ập xuống để đánh Sơn Tinh. Bầu trời đang trong sáng bỗng trở nên xám xịt và âm u, sấm chớp nổi lên ầm ầm.

Trong lòng tôi, cơn bão của sự đố kỵ, ghen ghét cũng cuồn dâng. Lòng tức giận đã khiến tôi mờ mắt. Tôi quyết tâm giành bằng được Mị Nương. Càng đánh tôi càng say máu. Nước dâng cao, ngập ruộng đồng, nhà cửa. Nước dâng lên tận lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu nổi lềnh bềnh trên một biển nước. Nhưng Sơn Tinh lại chẳng hề nao núng, hắn bình tĩnh bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi dựng thành lũy ngăn chặn dòng nước lũ. Dù cho sức nước có dâng cao bao nhiêu thì cũng bị Sơn Tinh dâng núi chặn.

Tôi quyết dùng hết sức mình quyết đánh thắng Sơn Tinh một phen cho hả dạ. Nhưng dù trận chiến có kéo dài ròng rã mấy tháng trời, Sơn Tinh không hề suy giảm sức mạnh còn tôi đã dần đuối sức. Cuối cùng, tôi phải chịu thua.

Nhưng năm nào tôi cũng hô mưa, gọi gió làm thành lụt lội để đánh Sơn Tinh, trả mối thù năm xưa. Vậy mà, chưa năm nào tôi thắng được Sơn Tinh. Bởi vì, Sơn Tinh cũng chưa khi nào quên việc xây dựng thành lũy để chống lại tôi. Và quả thực, mỗi ngày nó lại càng chắc chắn hơn.

IV. Hướng dẫn về nhà

– Hoàn thành bài tập

Chuẩn bị: Ôn tập truyện truyền thuyết, cổ tích.

Ngày dạy: 22/02/2023

BUỔI 33:

ÔN TẬP TRUYỆN TRUYỀN THUYẾT, CỔ TÍCH

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- HS xác định được chủ đề' của câu chuyện.
- HS tóm tắt được câu chuyện.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của các nhân vật trong truyện, rút ra bài học về cách ứng xử với mọi người trong cuộc sống.
- Nhận biết và đánh giá được bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm qua câu chuyện.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;
- Năng lực phân tích, cảm nhận về nhân vật; đóng vai nhân vật kể lại truyện.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện đã học với các truyện cùng chủ đề.

3. Về phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.
- Biết ghét cái ác, yêu cái thiện, sẵn sàng bênh vực người yếu thế, thiết thời. Cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: KHBD, STK,...

2. Chuẩn bị của học sinh: STK, vở ghi,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

VĂN BẢN 1: THẠCH SANH

I/ Khám phá văn bản:

1/Tác phẩm

- Là truyện cổ tích thần kì và thuộc nhóm truyện về các nhân vật tài giỏi, dũng sĩ, nhân vật chính lập chiến công, diệt cái ác, bảo vệ cái thiện, mưu cầu hạnh phúc cho con người.
- Tác phẩm thuộc kiểu truyện về nhân vật dũng sĩ, trong đó nổi bật lên hình tượng người dũng sĩ tài năng, dũng cảm trên hành trình tìm kiếm hạnh phúc. Cốt truyện của dạng này thường li kì, hấp dẫn, nhiều chặng gắn với những chiến công của chàng dũng sĩ. Kết thúc truyện thường có hậu. người tốt luôn được hưởng hạnh phúc.
- Những truyện có kết thúc tương tự “*Thạch Sanh*”, “*Tấm Cám*”, “*Cây khế*”, “*Cây tre trăm đốt*”, “*Sọ Dừa*”...

2/ Về nội dung

- “*Thạch Sanh*” là truyện cổ tích về người dũng sĩ diệt chằn tinh, diệt đại bàng cứu người bị hại, vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa và chống quân xâm lược. Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, yêu hoà bình của nhân dân ta.

3/ Về nghệ thuật

- Truyện có nhiều chi tiết tưởng tượng thần kì độc đáo và giàu ý nghĩa như: sự ra đời và lớn lên kì lạ của Thạch Sanh, cung tên vàng, cây đàn thần, niêu cơm thần...
- Truyện đã xây dựng được hai tuyến nhân vật đối lập: thiện (Thạch Sanh), ác (mẹ con Lí Thông) tương phản rất thành công. Kết cấu cốt truyện mạch lạc.

II/ Định hướng phân tích truyện:

1/ Sự ra đời vừa khác thường, vừa bình thường của Thạch Sanh.

a/Sự ra đời khác thường:

- Chàng là thái tử do Ngọc Hoàng cử xuống đầu thai làm con của hai vợ chồng già nghèo khó nhưng tốt bụng luôn giúp đỡ mọi người.
- Bà mẹ có thai trong nhiều năm mới sinh ra Thạch Sanh (bình thường các bà mẹ phàm trần chỉ mang thai chín tháng mười ngày thì sinh nở).
- Năm Thạch Sanh biết dùng búa, Ngọc Hoàng sai thiên thần xuống dạy đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông.

b/Sự ra đời bình thường:

- Thạch Sanh ra đời gắn liền với một gia đình nông dân nghèo cha mẹ mất sớm, chỉ có chiếc búa là tài sản duy nhất.
- Chàng là đứa trẻ mồ côi như rất nhiều những đứa trẻ khác trong xã hội.

c/ Kết luận:

- Thạch Sanh ra đời gắn liền với gia đình người nông dân, có cuộc sống đời thường, giản dị. Đây là kiểu xây dựng nhân vật theo mô-típ quen thuộc của truyện cổ tích. Chi tiết mở đầu báo hiệu cuộc đời tràn đầy yếu tố kì lạ, hoang đường của Thạch Sanh. Nguồn gốc thần linh đã tô điểm cho xuất thân cao quý, vẻ đẹp lí tưởng của nhân vật.

- Sức mạnh của Thạch Sanh là sự kết hợp giữa sức mạnh phi thường của bậc thần tiên và cuộc sống chân chất của người phàm trần. Qua đó nhân dân muốn thể hiện nỗi cảm thông sâu sắc với những thân phận nghèo khổ trong xã hội, ca ngợi họ như những người anh hùng nghĩa hiệp, trừ hại cho dân, bảo vệ công lí, công bằng cho người dân.

2/Những chiến công của Thạch Sanh

Thạch Sanh lần lượt vượt qua những thử thách và được đền bù, ban thưởng xứng đáng.

-Thạch Sanh bị mẹ con Lí Thông lừa đến miếu chần tinh thể mạng.

+ Xuất phát từ lòng tham, Lí Thông đã lợi dụng Thạch Sanh có sức khỏe lại thật thà, chất phác để kết nghĩa anh em rồi lừa Thạch Sanh đến miếu thờ thể mạng cho mình.

+ Thạch Sanh nhờ có sức mạnh yô song và võ nghệ cao cường đã đánh bại chần tinh – một con quái vật có nhiều phép lạ, thường ăn thịt người. Thạch Sanh chặt đầu chần tinh bằng lưỡi búa và võ thuật. Sau khi tiêu diệt chần tinh, chàng được Ngọc Hoàng ban tặng bộ cung tên vàng.

-Thạch Sanh bị Lí Thông lấp cửa hang đại bàng khi xuống cứu công chúa. Chàng diệt đại bàng, cứu con vua Thủy Tề và được ban thưởng.

+ Thạch Sanh với bản chất thật thà, tốt bụng, một lần nữa lại giúp Lí Thông tìm tung tích công chúa bị đại bàng bắt mất. Chàng sẵn sàng xông pha vào hang của đại bàng, tiêu diệt kẻ thù và cứu được công chúa.

+ Nhưng tên Lí Thông gian ngoan, xảo quyệt đã không biết ơn, hắn còn rắp tâm hãm hại Thạch Sanh. Hắn ra lệnh cho quân sĩ xô đá lấp kín cửa hang không cho chàng lên khỏi mặt đất.

+ Song chính tại nơi ở của đại bàng, Thạch Sanh đã giải thoát cho con trai của vua Thủy Tề, được vua mời xuống chơi ở Thủy Cung. Đồng thời nhà vua còn tặng cho chàng rất nhiều vàng bạc châu báu nhưng Thạch Sanh đều từ chối. Chàng chỉ xin được ban tặng một cây đàn.

=> Tuy xuất thân nghèo khổ, phải lao động kiếm sống nhưng đứng trước vàng bạc châu báu chàng không nẩy lòng tham, đó là biểu hiện tâm hồn cao đẹp. Qua những thử thách trên, đã cho thấy phẩm chất tốt đẹp: chất phác thật thà, tốt bụng, dũng cảm, nghĩa hiệp và nghệ sĩ.

- Thạch Sanh bị hồn chần tinh và đại bàng báo thù, chàng bị hạ ngục.

+ Hồn của chần tinh và đại bàng vẫn còn, chúng lấy của trong kho nhà vua, giấu ở gốc đa để vu vạ cho Thạch Sanh khiến chàng bị bắt vào ngục tối.

+ Thời điểm mà công chúa bị cầm thì Thạch Sanh bị giam trong ngục, chàng mang đàn vua Thủy Tề tặng ra gảy.

+ Tiếng đàn da diết, ai oán, nửa như than thở, nửa như oán trách, theo gió bay vào hoàng cung. Tiếng đàn đến tai công chúa. Nàng nhận ra đó chính là chàng hiệp sĩ đã cứu mình khi xưa. Ngay sau đó Thạch Sanh được gặp lại công chúa, gặp vua. Chàng được minh giải oan và được nhà vua gả công chúa.

-> Chi tiết tiếng đàn mang nhiều yếu tố hoang đường. Nhờ tiếng đàn mà Thạch Sanh đã cứu được công chúa và giải thoát cho mình. Đồng thời nhận rõ bộ mặt gian ác của Lí Thông; Thạch Sanh được nhà vua trao quyền định tội hắn.

+ Thạch Sanh đã không trừng phạt mà còn tha bổng cho mẹ con chúng về quê làm ăn. Nhưng trời đã trừng phạt chúng cho sét đánh chết và biến chúng thành bọ hung.

-Thạch Sanh chiến thắng quân sĩ mười tám nước chư hầu. Nhà vua nhường ngôi cho Thạch Sanh.

+ Nghe tin một chàng thanh niên mồ côi, nghèo đói lên ngôi hoàng tử, chư hầu mười tám nước nổi con thịnh nộ, kéo quân sang gây sự với nước ta.

+ Khi quân chư hầu mười tám nước tiến sang đánh nước ta, tiếng đàn Thạch Sanh lại một lần nữa vang lên.

+ Không động đao binh, không cần đổ máu, Thạch Sanh chỉ gảy đàn. Tiếng đàn với biết bao cung bậc, khi ai oán, khi trầm ngâm, lúc lại sôi sục đã thức tỉnh trong lòng các quân sĩ nỗi da diết nhớ quê hương, nỗi sầu thương li biệt... Cuối cùng các hoàng tử của mười tám nước chư hầu phải cúi gập xin hàng.

-> Những sự cản trở, nguy hiểm cứ dần tăng lên qua từng chặng, Thạch Sanh đã vượt qua những khó khăn đó một cách hào hùng nhờ lòng dũng cảm tài năng và sự trợ giúp của những lực lượng thần kì. Hình tượng Thạch Sanh giống như chàng dũng sĩ Héc – quyn lập những chiến công nối tiếp nhau, tạo nên sự hấp dẫn hồi hộp của câu chuyện.

-> Những thử thách mà chàng dũng sĩ Thạch Sanh vượt qua đã phần nào bộc lộ phẩm chất tốt đẹp của nhân vật: một con người thật thà chất phác, tin tưởng vào người khác, có tấm lòng vị tha và bao dung. Hết lần này đến lần khác chàng bị Lí Thông lừa gạt mà không oán thán, rồi không nề hà khi cứu người, sau cùng lại tha cho mẹ con Lí Thông. Thạch Sanh là một người dũng cảm và tài năng. Chàng đến miếu chầu tinh giữa đêm khuya, đi xuống hang sâu của đại bàng, rồi xuống thủy cung, sau đó bình tĩnh đối phó với mười tám nước chư hầu. Những phẩm chất và tài năng đó đã giúp chàng vượt qua thử thách và đạt được hạnh phúc.

Sự đối lập giữa nhân vật Thạch Sanh và Lí Thông

Thạch Sanh	Lí Thông
<ul style="list-style-type: none"> – Thạch Sanh kết nghĩa anh em với Lí Thông vì cảm động bởi chàng vốn mồ côi thiếu thốn tình cảm. “Sớm mồ côi cha mẹ, tứ cố vô thân, nay có người sẵn sóc đến mình, Thạch Sanh cảm động, vui vẻ nhận lời”. – Thạch Sanh thật thà, tốt bụng lần nào cũng sẵn sàng giúp đỡ Lí Thông mà không hề suy nghĩ tính toán. Sau này khi biết bụng dạ xấu xa của Lí Thông chàng vẫn sẵn sàng tha tội cho hắn. – Thạch Sanh hiền lành, chất phác, thật thà. Tuy nghèo đói nhưng chàng sống hào hiệp, trọng nghĩa, sẵn sàng cứu giúp người khác mà không 	<ul style="list-style-type: none"> – Lí Thông kết nghĩa anh em với Thạch Sanh vì muốn lợi dụng chàng “Người này khoả như voi. Nó về ở cùng thì lợi biết bao nhiêu”. – Lí Thông gian xảo, lừa Thạch Sanh đến miếu chầu tinh thế mạng, rồi hấn lần lượt cướp công và tìm cách hãm hại Thạch Sanh hết lần này đến lần khác. – Lí Thông là một kẻ tham lam, độc ác, tàn nhẫn, xảo quyệt nhưng lại vô cùng hèn nhát.

Truyện cổ tích là sản phẩm của xã hội phân chia giai cấp. Hai tuyến nhân vật “thiện” và “ác” trong truyện đã phản ánh một cách rõ nét các mâu thuẫn và đấu tranh xã hội. Chỉ khi nào một bên thất bại, bị tiêu diệt thì cuộc đấu tranh đó mới dừng lại. Cái “thiện” chiến thắng cái “ác” chính là ước mơ ngàn đời của nhân dân lao động.

3/Chi tiết thần kì

Lực lượng kì ảo, yếu tố thần kì trong truyện cổ tích (đặc biệt là tiểu loại truyện cổ tích thần kì) là những nhân vật, đồ vật, những phép màu nhiệm, vốn không có trong thực tế nhưng tồn tại trong thế giới tưởng tượng, trong ước mơ của con người. Những yếu tố thần kì đó tạo nên thế giới kì ảo của truyện cổ tích, chứa đựng những hình ảnh bay bổng, mơ mộng nâng đỡ và an ủi cho những đau khổ của con người. Đó có thể là con ngựa có cánh, tấm thảm biết bay, viên ngọc ước, cây gậy thần, đèn thần. Những lực lượng thần kì vừa đóng vai trò thử thách nhân vật vừa ban thưởng cho nhân vật chính.

a/Tiếng đàn:

- Giải oan cho Thạch Sanh.
- Vạch mặt Lí Thông – kẻ thù nham hiểm, bất nhân.
- Giải cứu cho công chúa.
- Cảm hoá quân mười tám nước chư hầu.
- Tiếng đàn giải bày tình yêu.

=>Tiếng đàn Thạch Sanh không chỉ là tiếng đàn tượng trưng cho công lí, mà còn biểu tượng cho sức mạnh chính nghĩa, thể hiện niềm yêu chuộng hoà bình của nhân dân ta. Với cây đàn thần, Thạch Sanh trở thành người anh hùng, người nghệ sĩ đấu tranh cho tình yêu và công lí, cho cuộc sông hoà bình, hạnh phúc, tương lai của nhân dân.

b/Niên cơm thần kì:

Niên cơm trở thành vật thách đố quân mười tám nước chư hầu. Khả năng kì diệu cứ vơi lại đầy của nó khiến quân sĩ mười tám nước ăn mãi không hết. Sự thần kì ẩn giấu trong vẻ bề ngoài bình thường nhỏ bé khiến kẻ thù chủ quan. Việc đem niên cơm ra thách đố đồng thời cũng là mời ăn thể hiện hình thức thi tài độc đáo, lòng hiếu khách, yêu chuộng hoà bình của nhân dân ta. Đó là niên cơm của tình thương, ý thức tiết kiệm, lòng nhân ái, ước vọng đoàn kết để các dân tộc sinh sống hoà bình, yên ổn làm ăn.

-> Niên cơm ăn hết lại đầy phản ánh ước mơ bình dị của dân lao động: muốn có cuộc sống ấm no, đầy đủ, mùa màng tươi tốt, lương thực dư thừa đủ cho hàng ngàn hàng vạn người ăn.

4/Kết thúc truyện

-Kết thúc câu chuyện Thạch Sanh được kết duyên với công chúa và được truyền lại ngôi vua.

-Với cách kết thúc có hậu thường thấy trong các câu chuyện cổ tích, câu chuyện đã thể hiện triết lí sống “ở hiền gặp lành”, “ác giả ác báo”, người tốt sẽ được hưởng hạnh phúc, kẻ ác sẽ bị trừng trị. Qua đó, phản ánh nguyện vọng của nhân dân có một cuộc sống công bằng không có áp bức bất công.

- Đề tài của truyện là cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác. Kết quả, những kẻ ác sẽ bị trừng trị thích đáng, người thiện sẽ có kết quả tốt đẹp, gặp nhiều may mắn. Truyện cổ tích “Thạch Sanh” được xây dựng theo lối tự sự với cốt truyện rõ ràng, mạch lạc kết hợp với nhiều yếu tố hoang đường, thần kì song vẫn mang hơi hướng của cuộc sống thực tế của nhân dân.

III/ Luyện đề

Đề 1. Đóng vai Thạch Sanh kể lại câu chuyện Thạch Sanh

Bài làm

1/Mở bài (Giới thiệu câu chuyện)

- Tôi là Thái tử, con Ngọc Hoàng.
- Biết dưới trần gian có 2 vợ chồng già tốt bụng mà chưa có con, Ngọc Hoàng liền cho tôi xuống đầu thai để làm con của ông bà cụ.
- Mẹ tôi dưới trần gian mang thai tôi mấy năm mà chưa sinh. Sau đó, cha tôi lâm bệnh chết. Không lâu sau, mẹ mới sinh ra tôi, một bé trai kháu khỉnh. Mẹ đặt tên cho tôi là Thạch Sanh.
- Khi tôi lớn khôn thì mẹ tôi cũng mất. Tôi sống lủi thủi trong túp lều cũ dựng dưới gốc đa. Cả gia tài của tôi chỉ là chiếc búa cha tôi để lại. Khi còn sống, cha tôi dùng chiếc búa ấy để chặt củi bán kiếm sống qua ngày.
- Khi tôi biết dùng búa thì Ngọc Hoàng sai thiên thần xuống dạy cho tôi đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông.

***Thân bài**

- Cuộc gặp giữa tôi và mẹ con Lý Thông

- + Một hôm, có người hàng rượu tên là Lý Thông đi qua chỗ tôi. Thấy tôi gánh về một gánh củi lớn. Lý Thông lân la gợi chuyện và nói kết nghĩa anh em với tôi. Mồ côi cha mẹ nên khi Lý Thông nói muốn kết nghĩa anh em với tôi, tôi vui vẻ nhận lời. Lý Thông là anh còn tôi là em. Tôi từ giã gốc đa, đến sống chung với mẹ con Lý Thông.
- + Một hôm, đi kiếm củi về, tôi thấy mâm cơm có rất nhiều thức ăn ngon. Chưa hiểu nhà có việc gì thì anh Lý Thông nói với tôi: “Đêm nay, đến phiên anh canh miếu thờ, ngặt vì dở cất mẻ rượu, em chịu khó thay anh, đến sáng thì về”. Tôi vui lòng nhận lời ngay.

- Cuộc chiến đấu giết chằn tinh.

- + Nửa đêm, tôi đang lim dim mắt thì một con chằn tinh hiện ra. Nó nhe răng, giơ vuốt định vồ lấy tôi. Tôi nhanh tay vớ lấy búa đánh lại.
- + Chằn tinh hóa phép, thoát biến, thoát hiện.
- + Tôi không nao núng, dùng nhiều võ thuật đánh con quái vật. Cuối cùng, tôi giết được chằn tinh. Chằn tinh hiện nguyên hình là một con trăn khổng lồ. Nó chết để lại bên mình bộ cung tên bằng vàng.
- + Tôi chặt đầu quái vật và nhét bộ cung tên bằng vàng rồi xách đầu quái vật về nhà. Tôi gọi cửa mãi anh Lý Thông mới ra mở cửa. Không hiểu sao mẹ con anh Lý Thông cứ van lạy tôi rồi rít.
- + Khi vào nhà, tôi kể đầu đuôi câu chuyện. Nghe xong, anh Lý Thông nói với tôi: “Con trăn ấy là của vua nuôi đã lâu. Nay em giết nó, tất không khỏi bị tội

chết. Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng em hãy trốn đi ngay đi. Có chuyện gì để anh ở nhà lo liệu”.

+ Tôi tin ngay và trở về túp lều dưới gốc đa ngày nào. Tôi lại sống bằng nghề kiếm củi.

- Cuộc chiến đấu giết đại bàng (nguyên là con yêu tinh)

+ Một hôm, tôi đang ngồi dưới gốc đa thì trông thấy một con đại bàng quắp một người con gái. Tôi liền lấy cung tên vàng ra bắn con đại bàng. Mũi tên trúng vào cánh làm nó bị thương. Nhưng nó vẫn cố bay về hang trong núi. Theo vết máu, tôi tìm được chỗ ở của con đại bàng.

+ Một hôm, nghe có lễ hội đông vui, tôi liền tìm đến xem. Nào ngờ, ở đó, tôi gặp anh Lý Thông. Anh ấy đã kể cho tôi nghe việc tìm công chúa. Tôi thật thà kể cho anh nghe về việc tôi bắn đại bàng và biết được chỗ ở của nó. Anh Lý Thông liền nhờ tôi dẫn đến chỗ đại bàng.

+ Tôi xin được xuống hang cứu công chúa. Quân sĩ lấy dây buộc ngang lưng tôi rồi dòng xuống hang.

+ Xuống tới đáy hang, tôi thấy đại bàng hiện nguyên hình là một con yêu tinh ở trên núi. Tuy bị thương nặng nhưng con quái vật vẫn rất hung dữ. Nó giơ vuốt và lao vào tôi. Tôi dùng cung tên vàng bắn mù hai mắt nó. Tôi chặt đứt vuốt sắc, bỏ vỡ đầu con quái vật. Tôi lấy dây buộc ngang người công chúa và ra hiệu cho quân sĩ của Lý Thông kéo lên.

+ Tôi chờ quân sĩ thả dây xuống kéo tôi lên, nào ngờ cửa hang đã bị lấp lại.

+ Lúc đó, tôi mới biết là Lý Thông hại tôi. Tôi cố tìm lối lên. Đi đến cuối hang, tôi thấy một chàng trai khôi ngô tuấn tú bị nhốt trong cũi sắt. Tôi dùng cung tên vàng bắn tan cũi sắt và cứu chàng ra. Chàng trai cho biết mình là thái tử con vua Thủy Tề.

+ Thái tử thoát nạn, cảm ơn tôi và mời tôi xuống thủy phủ chơi. Vua Thủy Tề vui mừng được gặp lại con. Biết tôi là người cứu con trai mình, vua Thủy Tề cảm ơn tôi và biếu tôi rất nhiều vàng bạc châu báu. Tôi không lấy vàng bạc châu báu mà chỉ xin một cây đàn, rồi tôi trở về gốc đa.

- Sự báo thù của hồn chằn tinh và đại bàng

+ Một hôm, tôi bị quân lính của nhà vua tới và bắt giam tôi vào ngục.

+ Lúc đó, tôi mới biết của cải của nhà vua bị mất trộm và được giấu ở gốc đa nơi tôi ở. Tôi bị bắt vì nhà vua cho là chính tôi đã ăn trộm.

+ Lúc đó tôi mới nghĩ là chính chằn tinh và đại bàng bị giết đã báo thù tôi.

+ Trong ngục tối, tôi đem đàn vua Thủy Tề cho ra gảy.

+ Không ngờ tiếng đàn của tôi vẳng đến hoàng cung. Nàng công chúa được tôi cứu đòi vua cha cho được gặp người đánh đàn.

+ Nhà vua cho đưa tôi đến. Trước mặt mọi người, tôi kể hết đầu đuôi câu chuyện của mình, từ chuyện kết bạn với Lý Thông, đến chuyện chém chằn tinh, giết đại bàng, cứu công chúa và cuối cùng bị bắt oan vào ngục thất.

+ Cho đến lúc này tôi mới biết chằn tinh không phải vua nuôi mà Lý Thông đã nham hiểm lừa tôi đi chết thay cho hắn. Và lúc này, tôi cũng mới biết, nàng công chúa đã bị cầm sau khi được tôi cứu khỏi hang. Nàng chỉ vui cười trở lại khi nghe tiếng đàn của tôi.

+ Nhà vua cho bắt mẹ con Lý Thông giam lại và giao cho tôi xét xử. Tôi tha cho mẹ con họ nhưng trời chẳng tha. Về đến nửa đường mẹ con Lý Thông bị sét đánh chết, rồi bị hóa kiếp thành bộ hung.

3/ Kết bài

- Nhà vua gả công chúa cho tôi. Lễ cưới tung bồng nhất kinh kì. Hoàng tử các nước chư hầu trước kia bị công chúa từ hôn lấy làm tức giận, họ hội binh lính của mười tám nước sang đánh. Tôi xin nhà vua dừng động binh.

- Tôi lấy cây đàn thần ra gảy. Tiếng đàn phân tích điều hơn lẽ thiệt, cái đúng, cái sai. Quân mười tám nước bủn rủn chân tay không còn nghĩ gì đến chuyện đánh nhau nữa. Cuối cùng, các hoàng tử phải cõng giáp xin hàng.

- Tôi sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận. Tôi chỉ cho dọn ra một niêu cơm tí xíu. Cả mấy vạn tướng lĩnh thấy niêu cơm như vậy liền bĩu môi cười. Tôi liền hứa sẽ trọng thưởng cho người ăn hết niêu cơm. Quân mười tám nước ăn mãi, ăn mãi mà niêu cơm không hết. Cơm trong niêu hết thì lại đầy. Tất cả cúi đầu lạy tạ vợ chồng tôi rồi kéo quân về nước.

- Vì không có con trai nối ngôi, nhà vua đã nhường ngôi cho tôi. Từ đó, tôi làm một ông vua tốt và dân chúng có cuộc sống no ấm, yên bình.

Bài văn mẫu

1/ Mở bài

Tôi vốn là thái tử trên trời, nhưng Ngọc Hoàng muốn tôi có những trải nghiệm thực tế trên trái đất để trở nên trưởng thành hơn, cũng để kiểm tra cuộc sống của mọi người trên trái đất, vì vậy ông đã cho tôi được hạ trần.

Nhưng cuộc sống trên trái đất này không phải là một cuộc sống trong nhung lụa và tươi vui như khi tôi ở trên trời, nhưng tôi đã trở thành một người hoàn toàn khác với những cuộc sống khác, đó là một cuộc sống nghèo đói, thiếu tình yêu, tôi phải tự nuôi bản thân. Và lần đầu tiên, tôi được tiếp xúc với mọi người, tốt và xấu, và phải vượt qua tất cả những thách thức do cha tôi đặt ra để đạt được hạnh phúc thực sự.

2/ Thân bài

Tên thật của tôi là Thạch Sanh, tôi sinh ra trong một gia đình nghèo, bố mẹ tôi là làm nghề tiều phu, mặc dù họ nghèo, họ luôn cho tôi những cảm xúc yêu thương và quan tâm nhất. Nhưng thật không may, khi tôi chỉ mới mười tuổi, khi cha mẹ tôi qua đời, tôi trở thành một đứa trẻ mồ côi sống một mình ở trong một túp lều dưới gốc đa. Cuộc sống khó khăn và không hạnh phúc, nhưng tôi không nản lòng bỏ cuộc, ngược lại, tôi luôn phấn đấu, phấn đấu để lớn lên, trở thành một chàng trai khỏe mạnh, cao lớn.

Cuộc sống của tôi có lẽ sẽ tiếp tục như thế này nếu không có cuộc gặp gỡ với Lý Thông, một người hàng rượu. Khi anh ấy thấy tôi khỏe mạnh, anh ấy tính toán để đưa tôi trở lại để làm giàu cho mẹ con anh ấy, và tích cực làm tình anh em với tôi.

Vào thời điểm đó, tôi không biết kế hoạch thực dụng của anh ấy, nhưng vô cùng xúc động vì tôi sống rất cô đơn từ khi còn nhỏ, bên cạnh cha mẹ tôi, anh ấy là người đầu tiên quan tâm đến tôi.

Vì vậy, không cần suy nghĩ, tôi theo anh ấy về nhà, với sức khỏe của tôi, công việc của Lý Thông ngày càng thịnh vượng, anh ấy luôn nói chuyện ngọt ngào đến nỗi tôi lầm tưởng anh ấy thực sự coi tôi là anh trai.

Năm đó, trong làng có một con chằn tinh hung tợn, và sau ba tháng, mọi người phải mang theo một thanh niên khỏe mạnh trước đền thờ của nó để cho nó ăn thịt. Và lần này đến lượt Lý Thông, vì vậy mẹ con ông đã lên kế hoạch mang tôi đi nộp mạng, bảo tôi đi canh miếu thờ một đêm.

Vào buổi tối, tôi mang theo rìu để canh cửa trước của ngôi đền, khi tôi đang ngủ say, đột nhiên một con chằn tinh khổng lồ xuất hiện, nó quẩn quanh tôi và vắt kiệt sức tôi. Không nản lòng, tôi vung rìu để chống lại nó, cuối cùng chặt đầu nó và mang nó về nhà.

Khi tôi về nhà, mẹ và con Lý Thông đã rất ngạc nhiên vì họ chắc chắn rằng tôi đang nằm trong bụng con rắn. Khi biết sự việc, mẹ và Lý Thông nói rằng đó là thú cưng của nhà vua, bây giờ tôi đã chặt đầu con rắn, tôi không thể thoát khỏi tội chết, và bảo tôi trốn. Và học giả Lý Thông mang đầu chằn tinh đến nhận phần thưởng.

Không biết điều đó, tôi trở lại túp lều nhỏ mà tôi từng sống. Vào buổi sáng nhiều ngày sau, khi tôi đang chặt gỗ, tôi nghe thấy tiếng kêu cứu của một cô gái, và khi tôi nhìn lên, tôi thấy rằng cô gái bị một con đại bàng mang đi.

Tôi đi theo con đường của đại bàng đến một hang động trên núi, khi tôi đến lối vào hang động, tôi sắp lao vào để cứu người, nhưng tôi đã bị đại bàng tấn công, khi tôi sắp xuống để cứu, Lý Thông cũng theo đến, ông nghe nói rằng người bị giam cầm là công chúa và bất cứ ai cứu công chúa sẽ được nhà vua thưởng.

Một lần nữa Lý Thông lừa tôi đi xuống hang đại bàng để cứu công chúa, tôi lập tức đồng ý. Khi công chúa đến nơi, anh ta lấp đầy lối vào hang động bằng đá, để tôi không thể đi lên. Lúc đó, tôi biết tâm địa độc ác của Lý Thông.

Tôi đi vòng quanh hang động để tìm lối ra, nhưng vô tình cứu được con trai của vua nước Tề, sau đó vị vua này đưa cho tôi cây đàn hạc ma thuật. Tôi đưa các vị thần trở lại túp lều của tôi, vào nửa đêm hôm đó, những linh hồn xấu xa của rắn và đại bàng đã đánh cắp kho báu từ cung cấm rồi vu không tôi.

Tôi bị giam cầm trong tù, chán tôi mang theo cây đàn đánh những lúc buồn. Bây giờ công chúa nhìn tôi và nói với cha cô ấy rằng tôi đã cứu cô ấy. Nhà vua chọn tôi làm con rể, còn mẹ con Lý Thông bị trừng phạt thích đáng.

Không lâu sau đó, mười tám quốc gia chư hầu xâm lược, và nhà vua giao cho tôi trách nhiệm lãnh đạo quân đội chiến đấu chống lại kẻ thù. Khi tôi ra trận, tôi đã sử dụng đàn hạc của nhà vua để làm tê liệt ý chí chiến đấu của kẻ thù. Khi tôi giành chiến thắng, tôi cũng mang ra nồi com ma thuật để điều trị cho chư hầu. Kể từ đó, công chúa sống hạnh phúc mãi mãi.

3/ Kết bài

Trên đây là toàn bộ câu chuyện của tôi. Hy vọng thông qua câu chuyện bạn có thể hiểu hơn. Đừng quên rằng ác giả ác báo, hãy sống và làm việc tốt cho đời. Những người làm việc ác sẽ nhận lại ác báo của mình.

Đề 2.

Dựa vào truyện cổ tích “Thạch Sanh”, em hãy đóng vai Thạch Sanh, kể lại chiến công diệt đại bàng cứu công chúa.

Bài làm của học sinh

Tôi là Thạch Sanh. Chắc mọi người đều nghe câu chuyện kể về tôi rồi. Bây giờ tôi đã lấy công chúa Quỳnh Nga và lên ngôi vua. Đôi khi tôi lại nhớ về kỉ niệm, tôi đã quen hoàng hậu của tôi như thế nào...

Sau khi nghe lời người anh kết nghĩa – Lí Thông – trốn vào rừng, tôi trở lại đời sống như trước đây : một mình, không cha mẹ, người thân. Một sáng, tôi cầm cung và rìu đi săn. Bỗng, tôi nghe tiếng la hét trên cao. Ngược nhìn, tôi giật mình- vì thấy một con đại bàng khổng lồ đang quắp một cô gái. Không do dự, tôi rút tên bắn vào cánh con đại bàng. Nó không chết, chỉ bị thương thôi. Lần theo dấu máu, tôi đến tận hang đại bàng trú ngụ. Tôi định xuống hang cứu cô gái nhưng hang quá sâu. Nghĩ rằng, con đại bàng cần phải trị thương, chưa làm gì được cô gái nên tôi trở về nhà, nhờ Lí Thông giúp đỡ.

Tôi nghe dân làng nói Lí Thông đang làm quan, hấn mở hội mười ngày ngay gần làng. Hôm đó là ngày cuối cùng. Tôi đến hội, gặp hấn, tôi kể hết mọi chuyện. Lí Thông mừng quýnh lên, hấn nói cho tôi biết, cô gái bị đại bàng quắp chính là công chúa Quỳnh Nga – con gái yêu của đức vua. Hấn còn khoe rằng : vua tin hấn, sai hấn đi tìm công chúa. Hấn mở hội để nghe ngóng tình hình. Hấn thúc tôi đưa đến chỗ công chúa. Tôi liền dẫn hấn và cả một đội lính vào rừng, đến nơi ở của con đại bàng.

Đến nơi, hấn và bọn lính sợ chết nên không dám xuống. Tôi liền bảo hấn ở trên, giữ dây thừng để tôi trèo xuống hang. Tôi cầm đuốc đi sâu vào hang. Có ba ngã rẽ, tôi đi thẳng vào lối giữa. Đi được một đoạn, tôi thấy một cô gái bị nhốt trong cái lồng rất to. Nhìn dáng vẻ kiều sa và bộ váy áo lộng lẫy, tôi đoán đây là công chúa. Nàng nhìn tôi bằng đôi mắt đầm nước đầy vẻ ngạc nhiên. Tôi tự giới thiệu mình là Thạch Sanh, đến đây để cứu công chúa. Theo chỉ dẫn của công chúa, tôi tìm đến được phòng của đại bàng. Sở dĩ công chúa biết đường vì nàng đã bỏ trốn nhưng không thành.

Con ác thú đang nằm trên một tảng đá lớn, nó có vẻ rất đau đớn. Phát hiện ra tôi, nó vùng dậy giao chiến. Con đại bàng này sống lâu, đã thành tinh nên có phép thuật. Sau một hồi giao tranh dữ dội, con quái vật bị tôi hạ gục bằng một mũi tên vào cổ. Tôi chạy về chỗ công chúa, dùng rìu đập tan xích sắt, giải thoát cho nàng. Ra cửa hang, tôi gọi Lí Thông thả thừng xuống. Nhưng khi công chúa ra thoát, Lí Thông đã cắt đứt dây, lấy đá lấp cửa hang, nhốt tôi lại...

Chuyện sau đó thì mọi người đã biết. Giờ tôi không muốn nhắc lại nữa. Dù sao kẻ ác cũng đã bị trừng trị, còn tôi và hoàng hậu sống rất vui vẻ, hạnh phúc. Đúng là “*ác giả ác báo*”.

Đề 3.

Phân tích truyện cổ tích Thạch Sanh

Bài làm

Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam vô cùng phong phú, đặc sắc. Với trí tưởng tượng phong phú, tài hoa các tác giả dân gian đã dựng lên bức chân dung các nhân vật chính diện thật tuyệt mỹ, hoàn hảo, không chỉ đẹp về ngoại hình mà còn đẹp cả phẩm chất bên trong. *Thạch Sanh* là một truyện cổ tích như vậy.

Thạch Sanh là truyện cổ tích thần kì, nhân vật thuộc kiểu người dũng sĩ, đây là mô típ phổ biến trong truyện cổ tích Việt Nam và thế giới. Câu chuyện với những tình tiết bất ngờ, hợp lí đã tạo nên sức hấp dẫn với người đọc.

Trước hết tác phẩm là bài ca ca ngợi người anh hùng lí tưởng Thạch Sanh trong cuộc đấu tranh lại cái ác. Thạch Sanh vốn là con Ngọc Hoàng, nhưng được sai xuống đầu thai làm con của một gia đình nghèo khó, hiền lành, tốt bụng. Sự ra đời của Thạch Sanh cũng ẩn chứa rất nhiều điều kì lạ. Người mẹ sau nhiều năm mang thai mới sinh ra Thạch Sanh. Khi cậu vừa khôn lớn thì mẹ qua đời. Thạch Sanh sống một mình trong túp lều cũ cạnh gốc đa, hàng ngày kiếm củi bán để sống. Sự ra đời của Thạch Sanh là sự kết hợp hài hòa giữa những cái bình thường và phi thường. Điều bình thường ở Thạch Sanh đó là được sinh ra trong một gia đình nghèo, sau khi cha mẹ chết cậu làm nghề kiếm củi để nuôi sống bản thân. Nhưng điểm nhấn của nhân vật chính là yếu tố phi thường: mẹ mang thai vài năm mới sinh, được các thiên thần dạy đủ các môn võ nghệ và phép thần thông. Sự ra đời và lớn lên kì lạ như vậy như một tín hiệu báo những chiến công oanh liệt của Thạch Sanh sau này. Mang trong mình sự hài hòa giữa nét bình thường và khác thường còn cho ta thấy rằng những con người bình thường cũng có thể mang trong mình những khả năng, phẩm chất khác thường.

Cũng như các nhân vật truyện cổ tích khác, Thạch Sanh phải trải qua rất nhiều thử thách khác nhau để khẳng định bản thân và đến được bến bờ hạnh phúc, đồng thời cho thấy quá trình đấu tranh thiện, ác gian nan của chàng. Là một người mồ côi, luôn khao khát được yêu thương, bởi vậy khi Lý Thông ngỏ lời kết nghĩa anh em, Thạch Sanh đã lập tức đồng ý. Ta thấy rằng Lý Thông không hề có lòng tốt khi kết nghĩa với Thạch Sanh mà chỉ muốn lợi dụng chàng. Thử thách đầu tiên mà Thạch Sanh phải trải qua là thử thách lòng tin. Lý Thông nói dối để Thạch Sanh đi canh miếu thờ, mà thực chất là đẩy Thạch Sanh đến chỗ chết, Lý Thông là kẻ hết sức mưu mô, xảo quyệt, ích kỉ vì mạng sống của mình mà đẩy người anh em vào chỗ chết. Vốn là người hiền lành nên chàng tin lời anh ngay, trong đêm canh miếu, Thạch Sanh không những không bị giết mà còn đánh bại chằn tinh. Qua những việc làm đó cho thấy Thạch Sanh là một người thật thà, chất phác.

Lý Thông tiếp tục tỏ ra là tên gian xảo, một lần nữa lừa Thạch Sanh, khiến chàng bỏ về túp lều cũ, còn hắn thì dâng hoàng nhận lấy công trạng và lĩnh thưởng. Công chúa bị đại bàng bắt đi, Thạch Sanh nghĩa hiệp mang cung tên vàng ra bắn bị thương con chim ác, chàng đã đi theo giáu máu và tìm đến tận cửa hang. Nghe theo lời nhờ cậy của Lý Thông, chàng xuống hang sâu cứu công chúa, nhưng lại bị Lý Thông lấp cửa hang. Ở dưới đó, chàng không hề sợ hãi, tìm đường ra, trên đường tìm lối thoát chàng còn cứu thêm con vua Thủy Tề. Chàng quả là người có tấm lòng nhân hậu và lương thiện. Nói về phần công chúa, sau khi được cứu về nàng hóa câm, đó cũng chính là bằng chứng tố cáo tội ác của Lý Thông.

Tội ác của Lý Thông ngày một gia tăng, được các tác giả dân gian khéo léo xếp theo chiều tăng tiến, ban đầu hắn lợi dụng Thạch Sanh thế mạng cho mình, rồi tiếp đến cướp công một cách trắng trợn, không dừng lại ở đó hắn còn nhẫn tâm giết chết Thạch Sanh. Những tội ác của Lý Thông mỗi ngày một tăng lên

cho thấy tính cách xấu xa, xảo quyệt, lòng tham vô đáy, ham mê quyền lực, tiền bạc đến mờ mắt của hắn. Vậy liệu Lý Thông có bị trừng phạt đích đáng hay không?

Quá trình đấu tranh giữa cái thiện và cái ác ngày càng gay go, quyết liệt, Thạch Sanh không chỉ chịu sự hãm hại của Lý Thông, mà còn bị hồn của đại bàng và chằn tinh báo thù, chàng bị giam vào ngục. Cái ác ngày càng tăng dần về cấp độ thì ta cũng thấy cái thiện cũng ngày một trưởng thành, lớn mạnh hơn. Nhờ có tiếng đàn Thạch Sanh được giải oan, còn mẹ con Lý Thông phải chịu tội. Tiếng đàn chính là tiếng nói của công lý, nhờ có tiếng đàn mà mọi oan khuất của Thạch Sanh đã được hóa giải. Có một điều đặc biệt đó là Thạch Sanh không phải là người trừng phạt tội ác mẹ con Lý Thông mà chính đất trời đã trừng trị chúng. Qua chi tiết đó càng thể hiện rõ tấm lòng bao dung, độ lượng của Thạch Sanh với kẻ đã hãm hại mình. Câu chuyện kết thúc có hậu, Thạch Sanh lấy công chúa, công lí, công bằng đã được thực thi.

Truyện *Thạch Sanh* không chỉ phản ánh quá trình đấu tranh thiện ác mà còn thể hiện lòng yêu chuộng hòa bình của nhân dân ta. Lấy công chúa, Thạch Sanh trải qua thử thách cuối cùng: thu phục các nước chư hầu. Với niêu cơm thần và tiếng đàn thần các nước chư hầu phải ngả mũ xin hàng. Chi tiết niêu cơm thần và tiếng đàn thần là hai chi tiết có nhiều giá trị, ý nghĩa. Niêu cơm thần thể hiện mơ ước, khát vọng cuộc sống ấm no, hạnh phúc và tấm lòng nhân đạo của dân tộc. Tiếng đàn thần tượng trưng cho khát vọng hòa bình của nhân dân ta. Trải qua rất nhiều khó khăn thử thách, Thạch Sanh đã đến được bến bờ hạnh phúc, chung sống cùng công chúa và cai trị đất nước. Đây là phần thưởng xứng đáng cho đức hạnh cũng như tài năng của Thạch Sanh.

Để tạo nên sự hấp dẫn ta không thể không nhắc đến những nét đặc sắc về mặt nghệ thuật. Thạch Sanh là một truyện cổ tích có cốt truyện hấp dẫn, giàu kịch tính. Xây dựng hai tuyến nhân vật đối lập: Thạch Sanh đại diện cho cái thiện, mẹ con Lý Thông, hồn chằn tinh, đại bàng đại diện cho cái xấu cái ác. Thông qua việc xây dựng hai tuyến nhân vật này nhân dân ta còn khẳng định một đạo lý ngàn đời đó là “*Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo*”. Các chi tiết nghệ thuật được sắp đặt khéo léo, có quan hệ mật thiết với nhau. Ngoài ra, các chi tiết thần kì như cung tên vàng, đàn thần, niêu cơm thần cũng chứa đựng nhiều ý nghĩa sâu xa, thể hiện mơ ước, khát vọng của nhân dân.

Thạch Sanh là một trong những truyện cổ tích hay và đặc sắc nhất trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam. Truyện cổ tích *Thạch Sanh* đã xây dựng thành công hai tuyến nhân vật thiện và ác cùng với những chi tiết thần kì đặc sắc. Tác phẩm đã thể hiện niềm tin, mơ ước của nhân dân ta về đạo lý muôn đời “*ở hiền gặp lành, ác giả ác báo*”. Không chỉ vậy tác phẩm còn cho thấy tấm lòng nhân đạo và lòng yêu chuộng hòa bình của nhân dân ta.

Đề 4.

Phân tích nhân vật Thạch Sanh trong truyện cổ tích Thạch Sanh.

Bài làm

Chàng dũng sĩ Thạch Sanh trong tác phẩm cùng tên là nhân vật cổ tích ghi lại dấu ấn sâu đậm trong lòng người đọc. Truyện xoay quanh những biến cố, những thử thách mà Thạch Sanh phải trải qua để đạt được hạnh phúc. Nhân vật

đã thể hiện một cách trọn vẹn và đầy đủ những quan niệm của nhân dân ta về cái thiện, cái ác, về lòng yêu chuộng hòa bình.

Thạch Sanh vốn là con của Ngọc Hoàng, vì thương đôi vợ chồng nghèo đã lớn tuổi mà chưa có con nên Ngọc Hoàng sai Thạch Sanh xuống đầu thai làm con. Chàng được sinh ra hết sức đặc biệt, người mẹ mang thai vài năm mới hạ sinh Thạch Sanh và khi chàng vừa khôn lớn thì mẹ đã qua đời. Chàng sinh sống một mình dưới gốc đa, lấy nghề đốn củi để kiếm sống qua ngày. Thạch Sanh còn được các thiên thần xuống chỉ dạy võ nghệ và các phép thần thông. Ta có thể thấy rằng, sự ra đời và cuộc sống của Thạch Sanh là sự kết hợp hài hòa giữa những yếu tố bình thường với những yếu tố phi thường, kì lạ. Bình thường ở chỗ cha mẹ chàng là những người lao động nghèo, hiền lành, tốt bụng, thường giúp đỡ mọi người. Thạch Sanh sớm mồ côi cha mẹ - chàng là đại diện tiêu biểu cho những trẻ mồ côi, một trong những lớp người khốn cùng nhất của xã hội. Để nuôi sống bản thân Thạch Sanh đã dùng tài sản duy nhất của cha để lại là chiếc rìu mang đi đốn củi, công việc của chàng hết sức bình dị, đời thường. Những nét đời thường đó khiến cho nhân vật gần gũi hơn với đời sống nhân dân. Nhưng ẩn đằng sau cái bình dị đó lại là sự xuất thân khác thường: chàng vốn là thái tử được sai xuống trần gian, người mẹ mang thai vài năm mới sinh ra Thạch Sanh, chàng được các thiên thần dạy võ nghệ và phép thuật. Những điểm khác thường đó chính là dấu hiệu báo trước cho người đọc biết những việc làm phi thường của chàng sau này. Đồng thời mở ra hướng phát triển của câu chuyện, làm câu chuyện trở nên hấp dẫn hơn.

Để đạt đến hạnh phúc cuối cùng, Thạch Sanh đã phải trải qua rất nhiều thử thách. Bị mẹ con Lý Thông lừa đi canh miếu thờ chằn tinh. Lý Thông lừa cứu công chúa rồi chôn vùi chàng dưới hang sâu, ở đây chàng đã cứu được con trai vua Thủy Tề và được tặng một chiếc đàn thần. Tiêu diệt chằn tinh và đại bàng nên chàng còn bị hồn của chúng báo thù, bị vu oan và nhốt vào ngục tối. Nhờ đàn thần chàng đã tự giải cứu mình, không chỉ vậy còn lật tẩy bộ mặt xảo quyệt của mẹ con Lý Thông, giúp công chúa lấy lại được tiếng nói. Và cuối cùng chàng đã nên duyên với công chúa. Những thử thách mà chàng phải vượt qua ngày càng khó khăn hơn, nhưng đồng nghĩa với đó chiến công và phần thưởng chàng có được cũng một tăng dần. Những việc làm, hành động ấy cho thấy Thạch Sanh là con người thật thà, chất phác, sẵn sàng xả thân vì người khác, chàng chưa một lần suy tính cho lợi ích của bản thân. Không chỉ vậy, Thạch Sanh còn là một con người quả cảm, tài năng, đứng trước những kẻ thù hung hãn như chằn tinh, đại bàng chàng không hề nao núng, dùng sức khỏe và tài năng của mình để đánh bại chúng. Chi tiết chàng tha cho mẹ con Lý Thông về quê còn cho thấy tấm lòng nhân đạo, khoan dung của chàng với kẻ thù của mình. Thạch Sanh là hiện thân của vẻ đẹp toàn mỹ, lý tưởng, luôn đấu tranh chống lại cái ác, cái xấu, cứu người dân lương thiện. Mọi hành động chàng làm đều vì cuộc sống thanh bình, tốt đẹp của nhân dân. Kết thúc có hậu khi chàng lấy công chúa, mẹ con Lý Thông bị trừng phạt còn thể hiện ước mơ về công lý xã hội của nhân dân ta.

Không chỉ là hiện thân của vẻ đẹp lý tưởng trong quá trình đấu tranh chống lại cái ác, Thạch Sanh còn là biểu tượng của tấm lòng nhân đạo, lòng yêu

chuộng hòa bình của dân tộc ta. Trong thử thách cuối cùng, Thạch Sanh thu phục các nước chư hầu đã thể hiện rõ nét nhất điều này. Bằng tài năng, tấm lòng của mình chàng đã dùng tiếng đàn thần làm quân giặc *“bùn rùn chân tay, không còn nghĩ được gì tới việc đánh nhau nữa”*. Chàng lại dùng niêu cơm thần dọn một bữa cơm thiết đãi những kẻ thua trận. Chi tiết niêu cơm thần vừa phản ánh tấm lòng nhân đạo của Thạch Sanh vừa thể hiện mơ ước ấm no, hạnh phúc của dân tộc ta. Thạch Sanh là sự hội tụ những phẩm chất tốt đẹp của nhân dân Việt Nam: hiền lành, chất phác, tốt bụng, anh dũng, kiên cường, khoan dung và yêu chuộng hòa bình.

Xây dựng nhân vật Thạch Sanh các tác giả dân gian đã tạo nên cốt truyện hết sức hấp dẫn, kịch tính, tạo hai tuyến nhân vật đối lập mà Thạch Sanh là đại diện cho cái thiện. Bên cạnh đó nhân vật được xây dựng là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố bình thường và phi thường khiến cho nhân vật vừa giản dị, gần gũi nhưng cũng hết sức cao quý. Đi kèm với nhân vật luôn có sự trợ giúp của các đồ vật thần kì (đàn, niêu cơm, cung tên) làm tăng sức hấp dẫn cho câu chuyện. Kết thúc tác phẩm là kết thúc có hậu, đây là kiểu kết thúc phổ biến của truyện cổ tích. Trải qua những khó khăn, vất vả, Thạch Sanh đã dành được phần thưởng xứng đáng (lấy công chúa, lên ngôi vua), qua đó còn phản ánh mơ ước, khát vọng, quan niệm ở hiền gặp lành của nhân dân ta.

Thạch Sanh là truyện cổ tích hấp dẫn, giàu kịch tính. Tác phẩm đã dựng lên chân dung của một vị anh hùng toàn tài, toàn mỹ cả về nhân cách lẫn tài năng. Qua nhân vật này, các tác giả dân gian thể hiện mơ ước, niềm tin về đạo đức, công lí và công bằng trong xã hội, đồng thời thể hiện tư tưởng nhân đạo và yêu chuộng hòa bình của nhân dân ta.

VĂN BẢN 2: CÂY KHÉ

Đề 1. Đóng vai người em kể lại truyện cổ tích Cây khế

Bài làm

Tôi sinh ra trong một gia đình nông dân. Vì chăm chỉ làm lụng nên bố mẹ tôi cũng có bát ăn bát để, hi vọng sau này cho anh em tôi làm vốn sinh nhai. Nhưng rồi cha mẹ tôi mất đột ngột. Anh trai tôi đã không làm như lời cha mẹ dặn trước lúc lâm chung là chia đều tài sản cho hai anh em mà chiếm hết gia tài, chỉ để lại cho tôi một túp lều nhỏ và cây khế còi cọc ở góc vườn.

Tôi chấp nhận mà không hề kêu ca, than phiền gì. Hằng ngày, tôi phải mò cua bắt ốc, cày thuê, cuộc mưu sinh vất vả. Cây khế trở thành tài sản quý giá nhất và là người bạn thân thiết của tôi. Tôi chăm sóc nó chu đáo, tận tình như người bạn. Vì vậy mà cây khế lớn rất nhanh và chẳng bao lâu đã ra hoa kết quả. Đến mùa khế chín, những chùm khế chín vàng óng, thơm lừng báo hiệu một mùa khế bội thu. Không thể nào nói hết được niềm hạnh phúc của mọi người trong gia đình tôi. Tôi đã đan những chiếc sọt để ngày mai đem khế ra chợ đổi lấy gạo. Sáng hôm đó, khi vừa thức dậy, tôi đã nhìn thấy trên cây khế có một con chim to với bộ lông sặc sỡ đang ăn những quả khế chín. Lòng tôi đau như cắt. Tôi chạy đến dưới gốc cây và nói: “Chim ơi! Người ăn khế của ta thì gia đình ta biết lấy gì để sống?”. Chim bỗng ngừng ăn và cất tiếng trả lời: “Ăn một quả trả một cục vàng, may túi ba gang mang đi và đựng”. Nói rồi chim bay đi. Tôi không tin lắm vào chuyện lạ lùng đó nhưng vẫn bảo vợ may cho mình một chiếc túi ba gang.

Sáng hôm sau, chim đến từ sớm và đưa tôi ra một hòn đảo nhỏ giữa biển. Tôi không thể tin vào những gì hiện ra trước mắt. Cả hòn đảo toàn vàng bạc châu báu chất đống. Cả hòn đảo ánh lên màu vàng làm tôi bị lóa mắt. Không hề có một bóng người. Tôi cảm thấy lo sợ, cứ đứng yên một chỗ. Nhưng rồi chim vỗ cánh và giục giã: “Anh hãy lấy vàng bạc, châu báu vào túi, rồi tôi đưa về.” Lúc đó tôi mới dám nhặt vàng cho vào đầy túi ba gang rồi lên lưng chim để trở về đất liền.

Từ đó, gia đình tôi không còn phải ăn đói mặc rách nữa. Tôi dựng một căn nhà khang trang ngay trong khu vườn, nhưng vẫn giữ lại túp lều và cây khế. Tôi dùng số của cải đó chia cho những người dân nghèo khổ trong làng. Cũng không hiểu sao từ bữa đó, chim không còn đến ăn khế nữa. Cây khế bây giờ đã to lớn, toả bóng mát xuống cả một góc vườn. Mùa khế nào tôi cũng chờ chim thần đến để bày tỏ lòng biết ơn.

Tiếng lành đồn xa, câu chuyện lan đến tai người anh trai tôi. Một sáng, anh đến nhà tôi rất sớm. Đây là lần đầu tiên anh tới thăm tôi kể từ ngày bố mẹ mất. Anh đòi tôi đổi toàn bộ gia sản của anh lấy túp lều và cây khế. Tôi rất buồn khi phải chia tay với căn nhà và cây khế. Nhưng trước lời cầu khẩn của anh, tôi đành bằng lòng. Cả gia đình anh chuyển về túp lều cũ của tôi. Ngày nào anh cũng ra dưới gốc khế chờ chim thần đến. Mùa khế chín, chim cũng trở về ăn khế. Vừa thấy chim, anh tôi đã khóc lóc, kêu gào thảm thiết và đòi chim phải trả vàng. Chim cũng hứa sáng mai sẽ đưa anh tôi ra đảo vàng và dặn may túi ba gang. Tối hôm đó, anh tôi thức cả đêm để may túi mười gang ngày mai đi lấy vàng. Sáng hôm sau, vừa ra tới đảo vàng, anh tôi đã hoa mắt bởi vàng bạc châu báu của hòn đảo. Anh tôi vội nhét vàng vào đầy túi mười gang, vào túi quần, túi áo và mồm cũng ngậm vàng nữa. Trên đường trở về nhà, chim nặng quá, kêu anh tôi vứt bớt vàng xuống biển cho đỡ nặng. Vốn tính tham lam, anh không những không vứt bớt xuống mà còn bắt chim bay nhanh hơn. Nặng quá, chim càng lúc càng mệt. Đôi cánh trở nên quá sức, yếu dần. Cuối cùng, không còn gắng được nữa, chim chao đảo rồi hất luôn người anh xuống biển cùng với số vàng.

Tôi trở lại sống ở nhà cũ, cùng túp lều và cây khế. Nhưng chim thần không bao giờ còn quay trở lại nữa... Anh trai tôi đã không thể quay trở về chỉ vì lòng tham vô đáy. Một nỗi buồn man mác dâng lên trong lòng tôi.

Đề 2. Viết bài văn trình bày cảm nhận của em về truyện cổ tích cây khế truyện cổ tích Cây khế

Bài làm

Truyện cổ tích dân gian Việt Nam luôn là những câu chuyện mang chi tiết tưởng tượng, kỳ ảo lý thú đã đi vào tuổi thơ của biết bao nhiêu thế hệ. Không những thế, mỗi câu chuyện lại là một bài học sâu sắc và triết lý sống của nhân dân lao động xưa dạy bảo con cháu. “Cây khế” là một trong những truyện cổ tích hay, đặc sắc và quen thuộc với tuổi thơ Việt Nam. Câu chuyện mang đến những bài học sâu sắc về tình anh em trong gia đình và đạo lý “ở hiền gặp lành”, “ác giả ác báo”.

Trước tiên, truyện “Cây khế” đưa người đọc, người nghe đến với hai người anh em trong gia đình cùng tình huống rất quen thuộc đối với nhiều gia đình

Việt Nam, đó là việc chia gia tài sau khi cha mẹ qua đời. Truyện kể rằng, ngày xưa ở một nhà nọ có hai anh em. Cha mẹ mất sớm để lại gia tài nhà cửa, ruộng đất. Người anh tham lam nhận hết của cải ruộng đất về mình, chỉ chia cho người em trai mảnh vườn nhỏ có một cây khế. Người em vốn hiền lành nên vui vẻ nhận lời, hai vợ chồng ra sống ở túp lều bên cây khế. Tác giả dân gian đã xây dựng một tình huống chuyện rất hay và quen thuộc. Hình ảnh người anh thể hiện được một sự thật có trong cuộc sống, đó là có những kẻ tham lam, vì tiền bạc mà không nghĩ tới tình anh em. Qua đó, thể hiện thái độ chế giễu những kẻ tham lam, lười biếng trong xã hội.

Câu chuyện còn mang đến một bài học sâu sắc về triết lý “ở hiền gặp lành”. Hai vợ chồng người em chăm chỉ làm ăn, cày thuê cuốc mướn, chăm bón cây khế hàng ngày. Rồi cây khế tươi tốt ra quả sai trĩu cành cho quả chín vàng, ngon ngọt. Một ngày nọ có con chim phượng hoàng từ đâu bay đến ăn hết quả này đến quả khác, người vợ liền nói cả gia tài có một cây khế này, mong chim đừng ăn. Chim bèn nói “ăn một quả trả cục vàng, may túi ba gang mang đi mà đựng”. Thế rồi hai vợ chồng người em nghe theo. Hôm sau chim đến và đưa người em bay đến hòn đảo rất xa lấy vàng. Hai vợ chồng từ đó sống sung túc hơn, có ruộng vườn nhà cửa. Chi tiết tưởng tượng, kỳ ảo về chú chim phượng hoàng ăn khế trả vàng là một chi tiết đặc sắc trong câu chuyện. Đó là chi tiết li kỳ giúp cho câu chuyện trở nên hấp dẫn và lôi cuốn. Không những thế, thông qua chi tiết này, tác giả dân gian thể hiện một triết lý sâu sắc. Chỉ cần chăm chỉ, ở hiền ắt sẽ gặp lành. Vợ chồng người em là biểu tượng của người dân lao động xưa luôn chăm chỉ, chịu thương chịu khó và hiền lành nên đã đạt được thành quả tốt đẹp.

Không chỉ mang đến bài học “ở hiền gặp lành”, tác giả dân gian còn cho người đọc triết lý “ác giả, ác báo” và những người tham lam sẽ không có kết quả tốt đẹp. Vợ chồng người anh thấy người em trở nên sung túc bèn lân la hỏi chuyện. Vốn tính thật thà nên người em kể hết sự việc. Nghe xong, vợ chồng người anh nảy ý đồ tước đoạt cả tài sản của mình lấy cây khế. Người em đồng ý. Rồi một ngày nọ chim lại bay đến ăn và hứa trả vàng. Hai vợ chồng người anh mừng rỡ vô cùng, bèn bày kế may hủn túi mười hai gang. Hôm sau chim đưa người anh đi lấy vàng, người anh lấy đầy vàng vào túi mười hai gang. Trên đường về gặp cơn gió mạnh, chim không chịu được sức nặng nên cánh chim bị nghiêng và người anh cùng túi vàng rơi xuống biển sâu. Chi tiết người anh bị rơi xuống biển sâu cùng túi vàng nặng trĩu là kết cục đích đáng mà tác giả dân gian đã dành cho những kẻ tham lam. Qua đó, nhân dân lao động xưa muốn dạy dỗ con cháu một bài học sâu sắc. Đó là trong cuộc sống không nên quá tham lam, ích kỷ, nếu không sẽ gặp một kết cục không hề tốt đẹp.

Gấp trang sách lại mà hình ảnh chú chim phượng hoàng ăn khế trả vàng vẫn hiện lên trong tâm trí người đọc. Câu chuyện “Cây khế” với chi tiết tưởng tượng kỳ ảo đã cho người đọc những giây phút lôi cuốn, kỳ thú cùng bài học sâu sắc về sự tham lam, triết lý sống “ở hiền gặp lành”, “ác giả ác báo”. Thế hệ người Việt Nam luôn tin rằng những câu chuyện cổ tích như “Cây khế” sẽ có sức sống lâu bền cùng lời răn dạy con cháu của cha ông ta.

VĂN BẢN 3: SỢ DỪA

I/Tìm hiểu chung:

- Truyện cổ tích là loại truyện dân gian hướng tới những vấn đề nhân sinh, những quan hệ đời thường, có chức năng nhận thức con người, nhận thức những quan hệ giữa con người với con người, đồng thời giáo dục con người khát vọng hướng thiện.
- Truyện “Sọ Dừa” thuộc thể loại truyện cổ tích thần kì kể lại những sự việc xảy ra trong đời sống gia đình và xã hội của con người.
- Sọ Dừa thuộc nhóm truyện về các nhân vật bất hạnh: về mặt xã hội, họ bị ngược đãi, bị thiệt thòi về quyền lợi, về mặt tính cách, họ trọn vẹn về đạo đức nhưng thường chịu đựng. Ngoài “Sọ Dừa” còn có một số truyện tiêu biểu như: “Lấy vợ Cóc”, “Cây tre trăm đốt...”. •»

-Về nội dung

- + “Sọ Dừa ” là truyện cổ tích về người mang lột vật, đây là kiểu nhân vật khá phổ biến trong truyện cổ tích Việt Nam và thế giới. Nhân vật chính của truyện là cậu bé có hình hài dị dạng sọ dừa, bị mọi người xem thường, coi là “vô tích sự”. Nhưng cậu có phẩm chất, tài năng đặc biệt. Cuối cùng Sọ Dừa trút bỏ lột vật, kết hôn cùng người đẹp, sống cuộc đời hạnh phúc. Truyện “Sọ Dừa” đề cao giá trị chân chính của con người và tình thương đối với người bất hạnh.
- + Truyện là ước mơ chiến thắng của cái thiện đối với cái ác, lập lại công bằng trong xã hội. Ngoài ra, qua nhân vật Sọ Dừa với kết thúc tốt đẹp như vậy, người dân còn thể hiện tư tưởng con người được đánh giá, công nhận không phải qua hình thức bề ngoài mà phải bằng những phẩm giá và tài năng thật sự.

-Về nghệ thuật

- + Kết cấu truyện mạch lạc, dễ hiểu.
- + Những yếu tố tưởng tượng mang tính chất kì ảo được thể hiện rõ nét khiến câu chuyện trở nên sinh động, hấp dẫn, gây hứng thú cho người đọc.

-Bố cục: Văn bản chia làm 3 phần:

- + Phần 1: Từ đầu đến “đặt tên cho nó là Sọ Dừa ”: Sự ra đời của Sọ Dừa.
- + Phần 2: Từ “lớn lên” đến “đảo hoang vắng”: Sọ Dừa đi ở, chăn bò. lấy vợ, đồ trang và đi sứ.
- + Phần 3. Đoạn còn lại: Vợ chồng Sọ Dừa gặp nhau sống hạnh phúc, hai cô chị bỏ đi biệt xứ.

II. Định hướng phân tích:**1. Nhân vật Sọ Dừa**

“Sọ Dừa” thuộc kiểu truyện nhân vật mang lột là một truyện cổ tích tiêu biểu thuộc kiểu truyện nhân vật xấu xí mà tài ba (còn gọi là kiểu nhân vật mang lột). Những câu chuyện dạng này thường kể về cuộc đời của những nhân vật đội lột vật (Tay vợ cóc, Lấy chẳng dê, Chàng rắn) hoặc mang một hình dạng xấu xí. Ban đầu, những nhân vật đó thường bị xem thường, bị khinh rẻ. Nhưng bằng tài năng, phẩm chất của mình, họ đã vượt qua những thử thách, khó khăn để đạt được hạnh phúc (thường là trút bỏ lột xấu xí, lấy được người đẹp và sống hạnh phúc trọn đời).

Tuy là một truyện cổ tích thần kì, tính chất thần kì thấm sâu vào tổ chức kết cấu của tác phẩm từ đầu đến cuối, nhưng không có nhân vật thần kì riêng biệt (Tiên, Bụt, Chim thần...) như ở nhiều truyện cổ tích thần kì khác (Tấm Cám, Cây tre trăm đốt, Cây khế...).

Ở đây yếu tố thần kì nằm ngay trong nhân vật chính: Sọ Dừa. Sọ Dừa là người trần có nguồn gốc thần tiên. Sự phát triển của nhân vật Sọ Dừa ở trong truyện này có thể được phân thành hai giai đoạn rõ rệt. Giai đoạn đầu, từ khi sinh ra đến khi cưới vợ. Giai đoạn sau từ khi cưới vợ đến cuối truyện. Cả hai giai đoạn, Sọ Dừa đều không ngừng nỗ lực vươn lên, vượt qua nhiều khó khăn thử thách để tồn tại và phát triển.

2.Những khó khăn và sự nỗ lực vươn lên không ngừng của Sọ Dừa

-Sọ Dừa được sinh ra đời một cách kì lạ.

+ Sọ Dừa là người trần có nguồn gốc thần tiên, về chỗ này, Sọ Dừa và Thạch Sanh có sự giống nhau trong bản chất, nhưng sự thể hiện thì khác nhau rất nhiều.

+ Ngay từ khi thụ thai, hai nhân vật này đã có sự khác nhau. Bà mẹ Thạch Sanh nằm mơ thấy “rồng ấp” rồi có thai, còn bà mẹ Sọ Dừa thụ thai sau khi uống nước ở trong cái sọ dừa ở gốc cây trong rừng!

+ Thạch Sanh sinh ra, lớn lên một cách bình thường, là một chàng trai khôi ngô. tuấn tú, “mặt đỏ mày xanh”. Còn Sọ Dừa, sinh ra là một cục thịt tròn lông lốc, có mặt mũi, miệng tai, nhưng không có mình mẩy chân tay!

+ Bản chất tốt đẹp của Sọ Dừa còn phải ẩn kín trong cái lột “sọ” xấu xí gớm ghiếc... Đó là một thử thách cực kì to lớn, khó khăn mà nhân vật này phải kinh qua để khẳng định và bộc lộ bản chất tốt đẹp của mình.

-Ở giai đoạn đầu, Sọ Dừa phải phấn đấu để khẳng định sự tồn tại và phát triển của mình trong hai điều kiện khó khăn, thử thách hết sức lớn: gia đình thì nghèo khó, lại không có cha; bản thân thì phải mang lột sọ.

+ Câu nói đầu tiên của Sọ Dừa khi mới sinh ra là lời cầu xin mẹ đừng vứt bỏ: “Mẹ ơi, con là người đấy. Mẹ đừng vứt con đi mà tội nghiệp.”

+ Câu nói thật giản dị, đơn sơ nhưng hết sức cảm động và giàu ý nghĩa. Cái lí và cái tình, cái bình thường và cái kì diệu đều nằm trong câu nói ấy. Bình thường, vì đó là lời nói tự nhiên của đứa trẻ khi nó biết bà mẹ định vứt nó đi; nhưng rất phi thường, kì diệu ở chỗ cái thai mới sinh ra như một “cục thịt tròn lông lốc” mà lại biết nói tiếng người rất rành rọt và thấu tình đạt lí. Nghe câu nói như vậy, bà mẹ nào có thể cầm lòng và đang tâm ném cái thai đi. Bởi vì, bên trong cái dị’ dạng, khác thường của cái quái thai, lại có cái bình thường, hợp tình hợp lí của tiếng nói con người thực sự.

+ Thiếu tiếng nói thực sự con người ấy, thì cái quái thai chỉ còn là cái đáng sợ và không một người phụ nữ nào dám nuôi nó cả.

-Hành động quan trọng thứ hai, đáng chú ý và cũng là khởi nguồn cho những tài năng của Sọ Dừa phát huy là việc chàng đòi mẹ xin cho mình được đi chăn bò của nhà phú ông. Chi tiết này chẳng những rất giàu nội dung, ý nghĩa mà còn rất tuyệt vời về giá trị nghệ thuật. Nó vừa thể hiện được bản chất tốt đẹp của Sọ Dừa (lòng thương yêu mẹ, yêu lao động, không sợ khó khăn...) vừa tạo điều

kiện, hoàn cảnh để Sọ Dừa và cô gái út của phú ông gặp nhau, yêu nhau và lấy nhau sau này.

-Sọ Dừa chẳng những chặn bò được mà còn chặn dê giỏi và điều đó đã chuẩn bị cơ sở vững chắc cho chàng, tiến lên một bước mới trong sự phát triển tự nhiên của mình là: lấy vợ!

Tục ngữ Việt Nam có câu:

*“Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà,
Cứ ba việc đó đều là khó khăn. ”*

Đối với Sọ Dừa, việc lấy vợ lại càng khó khăn hơn, vì nhà đã nghèo, thân hình lại xấu xí, quái dị. Vì thế, khi nghe thấy Sọ Dừa đòi lấy vợ, mà lại đòi lấy con gái phú ông, bà mẹ chàng “hết sức sùng sốt”

-Lão phú ông nghe nói thì cười mỉa. Và lão thách cưới rất cao, đủ thứ sang trọng trên đời, để Sọ Dừa không sao có thể có được. Đó là một cách từ chối khéo.

-Để khắc phục khó khăn này, Sọ Dừa hay đúng hơn là tác giả dân gian không thể không dựa nhiều vào yếu tố thần kì, ảo tưởng? “Đúng ngày hẹn, bà mẹ vô cùng ngạc nhiên vì trong nhà tự nhiên có bao nhiêu sính lễ. Lại có cả chục giai nhân ở dưới nhà chạy lên khiêng lễ vật sang nhà phú ông”

Điều này cho thấy tác giả dân gian sử dụng yếu tố kì ảo rất có nguyên tắc, có chừng mực, có tính toán cẩn thận. Làm như vậy để giữ cho câu chuyện phát triển được tự nhiên, tuần tự, từ thấp đến cao, làm cho người nghe hứng thú theo dõi liên tục, không bị nhàm chán.

-Và lại, phải để cho chàng trai khôi ngô, tuấn tú Sọ Dừa xuất hiện vào thời điểm đúng nhất, đắt nhất, và đẹp nhất. Đó chính là lúc hai vợ chồng chàng nắm tay nhau ra chào và cảm ơn hai họ đang dự lễ cưới. Dù là tiểu thuyết, truyện ngắn, hay truyện kể dân gian thì sự sắp xếp, bố trí các sự việc, tình tiết, nhân vật cũng đều rất quan trọng. Ở đây, tác giả sắp xếp như thế là hợp lí và có hiệu quả cao nhất.

-Sự xuất hiện của chàng trai khôi ngô, tuấn tú Sọ Dừa trong lễ cưới đã kết thúc giai đoạn thứ nhất, giai đoạn đội lốt của chàng và mở ra một giai đoạn mới: giai đoạn học hành đỗ đạt và đi sứ.

-Sọ Dừa đỗ trạng nguyên nhờ trí thông minh và sự chăm chỉ học hành của chàng, chứ không phải “gặp may” hay có sự phù trợ của một lực lượng thần kì nào cả.

-Việc chàng được nhà vua trưng dụng, bổ làm quan ở kinh kì và cử đi sứ nhiều năm cũng là sự phát triển tự nhiên, hợp lí của một người đỗ đạt và có tài năng.

-Ba thứ mà chàng trao cho vợ trước lúc đi xa: “Con dao, hòn đu lữa, hai quả trứng gà” đều là những vật dụng thông thường của đời sống người nông dân. Nó thể hiện sự phòng xa, sự lường trước những khó khăn thực tế của một người có trí tuệ và kinh nghiệm, chứ không có gì là thần kì ảo tưởng cả. Và về sau, khi vợ chàng lâm nạn, các thứ vật dụng đó đã phát huy tác dụng bình thường của chúng để giúp cho vợ chàng duy trì được sự sống của mình nơi hoang đảo cho đến lúc gặp chàng.

-> Không có phép thần thông biến hoá gì đặc biệt, nhưng “con dao”, “hòn đu lữa” và “hai quả trứng gà” quả thực đã phát huy được những tác dụng kì diệu đối với vợ Sọ Dừa. Thiếu chúng thì cô không thể sống để gặp chồng được. Đó là

cái kì diệu của trí tuệ và kinh nghiệm sống của con người chứ không phải của thần linh, tiên, bụt phù phép.

-Sau khi gặp vợ và biết rõ âm mưu, hành động gian ác, xấu xa, bỉ ổi của hai người chị vợ, Sọ Dừa bình tĩnh và giải quyết rất tế nhị, sâu sắc và cao tay.

-Việc chàng để vợ ẩn kín trong phòng riêng, để trực tiếp lắng nghe hai người chị vợ kể công, kể nôi..., cho thấy Sọ Dừa quả thực là một người có nghị lực, tài năng và khôn khéo biết nhường nào?

-Truyện Sọ Dừa kết thúc với sự việc: Sọ Dừa đưa vợ ra chào hai chị và bà con đang dự tiệc khiến cho mọi người ngạc nhiên, vui sướng, còn hai người chị thì hoảng hốt run sợ và lảng lảng lên ra ngoài trốn đi biệt tích.

-Đó là cách kết thúc hay, rất phù hợp với truyện. Sự kết thúc có hậu ở đây diễn ra rất tự nhiên, hợp lí nhưng chỉ thật hay khi Sọ Dừa đã có cuộc tiếp xúc và chuyện trò với hai người chị vợ, như chàng đã làm và tác giả dân gian đã xây dựng, sắp xếp.

3/Nhân vật bà mẹ của Sọ Dừa

-Ngoài Sọ Dừa, truyện này còn có hai nhân vật chính diện nữa là bà mẹ Sọ Dừa và cô gái út nhà phú ông (vợ Sọ Dừa).

-Truyện cổ dân gian Việt Nam đã nói đến nhiều bà mẹ (bà mẹ Gióng, bà mẹ Thạch Sanh, bà mẹ Tống Trân...). Các bà mẹ Việt Nam trong cổ tích (thuộc phe thiện) đều hiền lành, tần tảo, chịu thương, chịu khó và thương yêu con rất mực. Nhưng chịu thương, chịu khó và dày công lao, tình nghĩa với con như bà mẹ Sọ Dừa thì thật là đặc biệt hiếm có.

-Người chịu nhiều đau khổ và có vai trò quan trọng nhất trong sự tồn tại và phát triển của Sọ Dừa chính là bà mẹ của chàng. Thánh Gióng chỉ ở với mẹ đến tuổi lên ba, Thạch Sanh cũng mất mẹ từ tấm bé, còn Sọ Dừa ở với mẹ và được mẹ dày công chăm sóc, lo liệu, giúp đỡ liên tục từ khi sinh ra cho đến khi cưới vợ và học hành, đồ đạc (khoảng hai mươi năm). Nhưng điều đáng nói không phải ở chỗ thời gian dài hay ngắn mà là ở tính chất khó khăn, gian khổ của công việc. Việc nuôi con nói chung đều gian khổ, nhưng có lẽ không bà mẹ nào (dù là trong văn học, nghệ thuật hay trong cuộc đời thực) phải nuôi con khó khăn, gian khổ hơn bà mẹ Sọ Dừa. Bởi vì bà phải nuôi một cái quái thai, trong điều kiện tuổi già, đi ở, chồng chết và hơn nữa lại bị những người chung quanh xa lánh, kinh tởm.

-Vậy yếu tố gì đã giúp bà vượt được khó khăn để dũng cảm nuôi con khôn lớn trưởng thành. Đó chính là tình thương, niềm tin và hi vọng. Nếu ta chú ý đến những chi tiết đầu tiên của truyện là vợ chồng bà đã ngoài năm mươi tuổi mà vẫn chưa có con và một hôm bà vào rừng, khát quá đành phải uống nước trong một cái sọ dừa ở hốc cây thì sẽ có thể rút ra được một điều nhận xét rất thú vị là ở bà mẹ Sọ Dừa có hai “con khát” – con khát nước nhất thời trong buổi đi rừng và sự “khát con” đang kéo dài gay gắt trong tuổi năm mươi. Và may mắn, kì diệu thay, chính thức “nước ở trong cái sọ dừa” mà bà ngẫu nhiên bắt gặp và vì khát quá, bà phải uống ấy, đã cùng một lúc “giải” được cả hai “con khát” cho bà và bà có mang. Thế là bà có thêm niềm tin và hi vọng để tiếp tục sống và làm việc, kể cả khi người chồng của bà đã qua đời.

Khi sinh ra cái “quái thai” bà đau khổ, buồn phiền, kinh sợ và mất hết niềm tin, hi vọng, bà định ném nó đi. Nhưng không ngờ cái “quái thai” lại biết nói tiếng người và nói một cách rõ ràng, rành mạch, thấu tình đạt lý: “Mẹ ơi, con là người đây. Mẹ đừng vứt con đi mà tội nghiệp”

Tiếng nói ấy đã khơi dậy tình thương, niềm tin và hi vọng cho bà. Không có tiếng nói thấu tình đạt lý ấy của con người (dù là con người trong hình thức “quái thai”), thì làm sao bà mẹ có thể đủ sức lực và can đảm để nuôi nấng Sọ Dừa – một cục thịt tròn lông lốc, không còn mình mẩy chân tay.

Con người không phải là gỗ đá, niềm tin và hi vọng không thể giữ nguyên, nếu thực tế không có gì đổi thay tốt đẹp. Đó chính là lúc bà mẹ Sọ Dừa cảm thấy nản lòng sau bảy tám năm nuôi con vất vả mà con chẳng biết làm gì, hình thù vẫn như cũ. Bà nói với Sọ Dừa: “Con nhà người ta bảy, tám tuổi đã đi ờ chăn bò. Còn mày thì chẳng được tích sự gì. Nghe bà mẹ phân nản như vậy, Sọ Dừa nói ngay: “Gì chứ chăn bò thì con chăn cũng được. Mẹ cứ nói với phú ông cho con đến ở chăn bò

Thế là niềm tin và hi vọng của bà mẹ Sọ Dừa lại được củng cố!

Việc Sọ Dừa chăn bò được và’ chăn bò giỏi, được phú ông hài lòng, khiến cho niềm tin và hi vọng của bà tăng lên. Đến khi Sọ Dừa cưới được vợ và thi đồ trạng nguyên thì bà hoàn toàn mãn nguyện. Vì tình thương con của bà không phụ công bà, niềm tin và hi vọng của bà đã được chứng minh. Bà sẽ yên lòng nhắm mắt xuôi tay. Hình tượng nhân vật bà mẹ Sọ Dừa được xây dựng thật công phu, phong phú và trọn vẹn.

4/Người con gái út của phú ông (vợ Sọ Dừa): Nhân vật này cũng được tác giả dân gian xây dựng rất độc đáo và thành công.

-Chi tiết quan trọng đáng chú ý trước hết ở nhân vật này là việc đem cơm cho Sọ Dừa. Khác với hai người chị, cô đi đến tận nơi, đưa cơm cho Sọ Dừa một cách tử tế. Nhờ vậy mà cô thấy được đúng con người thật của Sọ Dừa (một chàng trai khôi ngô tuấn tú, thối sáo rất hay...). Và tình yêu đã đến với cô một cách rất tự nhiên, hợp lý. Có thể nói con mắt “tinh đời” và tấm lòng nhân hậu của cô đã giúp cô chọn được một người chồng lí tưởng. Điều đáng nói là người chồng cô chọn là “một đứa ở”, một đứa ở hình thù dị dạng khác thường. Không có con mắt “tinh đời” nhìn rõ được bản chất tốt đẹp của Sọ Dừa thì làm sao cô con gái út của phú ông có thể hành động như thế được?

-Việc cô giữ gìn và sử dụng tốt ba thứ chồng dặn (con dao, hòn đá lửa, hai quả trứng gà) để vượt qua hiểm họa, duy trì sự sống trên hoang đảo cho đến lúc gặp chồng – thể hiện rất rõ khả năng, nghị lực và phẩm chất của cô (sự dũng cảm, kiên trì, tháo vát, niềm tin, chung thủy...).

-Tác giả dân gian hầu như không để ý đến sự căm giận của nhân vật này đối với hai người chị gái. Cho nên sau khi từ hoang đảo về nhà, người vợ Sọ Dừa chỉ làm theo lời chồng một cách ngoan ngoãn, dễ thương. Điều này chứng tỏ cô là một người phụ nữ nhân hậu.

III/ Luyện đề

Đề 1.

Đóng vai Sọ Dừa kể lại truyện cổ tích Sọ Dừa

Hướng dẫn làm bài

1. Mở bài

- Mình được đầu thai xuống làm con cho gia đình vợ chồng nghèo.

2. Thân bài

a. Khi tôi còn nhỏ

- Thấy tôi như vậy, mẹ tôi buồn lắm. Có lúc, bà muốn vớt tôi đi. Nhưng sau, nghĩ lại thấy thương tôi nên mẹ tôi đã để tôi lại nuôi.
- Một hôm, nghe mẹ than phiền về việc tôi chẳng làm được việc gì. Tôi nói mẹ sang xin phú ông cho tôi chăn bò.
- Phú ông ngần ngại nhưng nghĩ nuôi ít tốn công hơn những người khác nên phú ông đã đồng ý. Thế là tôi đến ở nhà phú ông.

b. Khi hỏi vợ

- Cô gái út phú ông ngày càng tốt với tôi. Có của ngon vật lạ, cô đều giấu đem ra cho tôi. Càng ngày tôi càng yêu quý cô hơn.
- Cuối mùa. Tôi về giục mẹ đến hỏi con gái phú ông làm vợ. Mẹ tôi hết sức sung sướng, nhưng thấy tôi năn nỉ mãi nên cũng chiều lòng, dành kiễm buồng cau mang đến nhà phú ông.
- Đúng ngày hẹn, mẹ tôi vô cùng ngạc nhiên vì trong nhà tự nhiên có bao nhiêu là sính lễ. Lại có cả chục gia nhân ở dưới nhà chạy lên khiêng lễ vật sang nhà phú ông. Phú ông hoa cả mắt, lúng túng nói với mẹ tôi: “Để ta hỏi con gái ta, xem có đứa nào ưng lấy thằng Sọ Dừa không đã”.
- Hai cô chị bĩu môi chê bai. Cô út cúi mặt tỏ ý bằng lòng. Phú ông đành phải gả con gái cho tôi.
- Ngày cưới, tôi cho làm cỗ bàn thật linh đình.
- Đúng lúc rước dâu, không ai tìm thấy tôi đâu cả bởi vì tôi đã trở thành chàng trai khôi ngô tuấn tú. Tôi cùng cô út từ phòng cô dâu đi ra. Mọi người đều sung sướng, mừng rỡ. Còn hai cô chị của vợ tôi thì vừa tiếc vừa ghen tức.

c. Khi đi sứ

- Có chiều nhà vua cử tôi đi sứ.
- Tôi cho thuyền ghé vào đảo thì nhận ra vợ tôi đang ở đó. Vợ tôi kể đầu đuôi câu chuyện cho tôi nghe. Thì ra, hai cô chị thấy em mình lấy được trạng nguyên thì sinh lòng ghen ghét muốn làm hại em để thay em làm bà trạng. Nhân khi tôi đi sứ vắng, hai cô chị đã rủ vợ tôi chèo thuyền ra biển rồi xô nàng xuống biển. Một con cá kình nuốt vợ tôi vào bụng. Sẵn có con dao nòng đâm chết cá. Xác cá nổi lênh bênh trên mặt biển rồi dạt vào một hòn đảo. Nàng lại lấy dao khoét bụng cá chui ra, bật lửa lên rồi xéo thịt cá nướng ăn. Hai quả trứng nở thành đôi gà và làm bạn với nàng. Khi thấy thuyền tôi đi qua, gà đã gáy báo hiệu tôi vào đảo cứu vợ mình.
- Vợ chồng tôi dong buồm trở về.

3. Kết bài

- Về nhà, tôi mở tiệc mừng mời bà con đến chia vui, nhưng lại giấu vợ tôi trong buồng không cho ra mắt.
- Hai người chị vợ độc ác thấy vợ chồng tôi đoàn tụ thì bỏ đi biệt tăm.
- Từ đó, vợ chồng tôi sống thật hạnh phúc.

Đề 2. Đóng vai người mẹ kể lại truyện Sọ Dừa.**Bài làm**

Nhà tôi nghèo lắm. Vợ chồng tôi làm nghề kiếm củi để nuôi thân. Vất cả cực nhọc, lại hiếm muộn nữa. Một hôm, tôi vào rừng kiếm củi, khát nước quá tôi chợt thấy một cái sọ dừa đựng đầy nước trong vất. Tôi đánh liều, nhắm mắt uống cạn. Thế rồi tôi có thai ...

Đẻ con ra, tôi buồn lắm. Đứa bé chỉ là một cục thịt đỏ hồng, tuy có mắt, có mũi, nhưng chẳng có mình mẩy, chân tay. Tôi định vứt đi, nhưng lòng mẹ không nỡ, dù sao nó cũng là giọt máu của mình. Tôi đặt tên con là Sọ Dừa. Có điều lại là tôi đi đâu nó cũng lặn theo đấy. Một hôm bực mình, tôi nói : “Bằng tuổi này, con người ta đã biết chăn bò giúp mẹ ... ! Còn mày thì chẳng được tích sự gì!”, Tôi thương lắm khi nghe nó nói: “Làm gì chứ chăn bò thì con làm tốt. Mẹ đến nói với phú ông cho con sang chăn bò ...”.

An ủi nó, tôi đánh liều sang gặp phú ông. Phú ông ngẫm nghĩ một lát. Thương mẹ con tôi hay là ông giều, rồi ông bảo: “Thôi cứ cho nó sang đây! Cứ thử xem đã!”. Thế rồi, cả một đàn bò đông đúc được nó chăn dắt, con nào con nấy béo nung núc. Ai cũng ngạc nhiên. Phú ông tỏ ý bằng lòng.

Phú ông có ba cô con gái: cô Út rất hiền và xinh đẹp. Cô Út hay đem cơm cho con tôi. Cô Út đã yêu và mẹ nó mới lạ chứ! Sau này tôi mới biết nhiều lần cô nhìn thấy thằng Sọ Dừa nhà tôi biến thành một chàng trai tuấn tú, nằm trên chiếc võng đào mắc vào hai cành cây, thối sáo cho đàn bó gặm cỏ. Cô Út kín đáo chăm sóc nó, có miếng gì ngon cô cũng mang cho nó.

Một hôm thằng con tôi lặn về nhà, nó bảo: “Mẹ sang hỏi cô Út của phú ông cho con!”. Tôi sửng sốt lắm, ai đòi “đũa mốc dám chùi mâm son” bao giờ? Tui phận nghèo hèn, nhưng lại thương con, thôi thì “một khi bay bảy cũng liều” .. Nghe tôi nói, phú ông cười mỉa:

“Thế cơ à? Mẹ con bà sắm đủ mười tám lạng đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm và một chĩnh vàng cốm đem sang đây làm lễ vấn danh nhé!”.

Tôi xấu hổ ra về. Nghe tôi nói, nó cười bảo: “Mẹ cứ yên tâm. Con sẽ kiếm đủ ...”. Sáng sớm hôm sau, mẹ con tôi đem sính lễ đến nhà phú ông. Phú ông ngạc nhiên quá. Đã trót hứa rồi, vả lại lóa mắt vì của, phú ông cho gọi ba cô con gái lên. Hai cô chị bĩu môi, nguýt! Cô Út bẽn lẽn cúi đầu thưa: “Cha đặt đâu con ngồi đấy!”.

Con trai tôi thành gia thất. Tôi có con dâu. Tôi vừa mừng vừa lo ... Thật không ngờ, nó cưới Sọ Dừa từ lúc nào. Nó trở thành một chàng trai thông minh, hào hoa, lịch sự. Từ đấy, vợ chồng nó, ba mẹ con tôi sống rất hạnh phúc. Mấy năm sau, vua mở khoa thi, kén nhân tài làm quan. Con tôi đã dự thi và đỗ Trạng nguyên. Về vang quá! Vua lại cử nó đi sứ sang Tàu.

Ở nhà, hai cô chị xóa quyết đã lập mưu dìm cô em chết đuối. Con dâu tôi bị con cá to nuốt vào bụng. May phúc nhà tôi nó đã lấy dao rạch bụng cá chui ra rồi dạt vào đảo. Nó lấy đá đánh lửa, nướng cá ăn, chờ thuyền đến cứu. Hai quả trứng nó mang theo đã nở thành đôi gà đẹp lắm, lớn lên gáy rất hay! Một hôm, thuyền con tôi đi sứ về qua đảo. Bỗng nghe gà gáy:

“Ồ ... ó ... ó ... ó

Phải thuyền quan trạng rước cô tôi về ...”.

Vợ chồng nó gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Sau này tôi mới hay con trai tôi trước khi đi sức đã để lại cho vợ nó một hòn đá lửa, một con dao, hai quả trứng gà, và dặn phải giắt luôn bên người để phòng thân. Quan Trạng có khác, có tài tiên tri. À, hai cô chị nanh ác sau này đi đâu mất tích.

Ồ đời, mẹ hay nói tốt cho con. Tôi quê mùa có sao nói vậy, Sọ Dừa quan trạng chính là con tôi.

Đề 3.

Phân tích nhân vật Sọ Dừa trong truyện cổ tích Sọ Dừa.

Hướng dẫn làm bài

1/ Mở bài

Giới thiệu về truyện cổ tích Sọ Dừa: Trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, có vô vàn những câu chuyện dân gian hay, cảm động và có ý nghĩa, trong số đó có truyện “Sọ Dừa” một câu chuyện với nhiều tình tiết hoang đường đầy ly kỳ nhưng cũng mang rất nhiều ý nghĩa cuộc sống nhất là ước mơ của những người nông dân nghèo.

2/ Thân bài

– Sự ra đời của Sọ Dừa:

+ Sọ Dừa ra đời một cách vô cùng huyền bí và li kì với nhiều tình tiết hư cấu, kì ảo.

+ Một bà mẹ đã lâu chưa có con một ngày bà đi làm đồng do khát nước lại thấy nước trong một chiếc sọ dừa liền uống.

+ Về nhà bà có thai sau đó đẻ ra một bé trai không chân và không tay, duy nhất chỉ có mỗi một cái đầu nhìn như sọ dừa, nên cậu bé được đặt là Sọ Dừa. Khi Sọ Dừa lên 7-8 tuổi thì cuộc sống ngày càng khó khăn hơn.

- Tấm lòng của một người con hiếu thảo

+ Khi mẹ nói Sọ Dừa rằng nhà càng lúc càng nghèo và không biết lấy gì để nuôi Sọ Dừa nữa, không biết rồi cuộc sống của hai mẹ con ta sẽ ra sao.

+ Sọ Dừa liền nói với mẹ: “mẹ yên tâm con lớn rồi con sẽ đi ở đợ cho nhà phú hộ kiếm tiền nuôi mẹ”.

=> Cho thấy Sọ Dừa tuy là đứa trẻ tật nguyên nhưng lại vô cùng có hiếu, là đứa con ngoan biết giúp đỡ gia đình.

– Hành trình làm cho nhà phú ông và lấy được vợ:

+ Tuy Sọ Dừa mang hình hài xấu xí nhưng lại vô cùng nhanh nhẹn và hoạt bát, nên khi xin đi ở đợ cho nhà phú ông, ban đầu phú ông không nhận nhưng sau một hồi tính toán thiệt hơn, thấy Sọ Dừa nuôi com đỡ tốn nên nhận Sọ Dừa.

+ Sọ Dừa hàng ngày đều đưa trâu đi ăn đồng xa, nhìn con nào con nấy đều béo tốt và khỏe mạnh, phú ông lấy làm mừng lắm, càng tin tưởng Sọ Dừa hơn.

+ Nhà phú ông có ba cô con gái nhưng chỉ có cô út là dịu dàng, nết na, hay nhận việc mang com cho Sọ Dừa.

+ Sọ Dừa nói với mẹ mình muốn lấy con gái phú ông, vì thương con mẹ Sọ Dừa cũng qua thưa chuyện. Phú ông lấy làm điều nực cười lắm nhưng không từ chối thẳng thừng mà thách Sọ Dừa mang thật nhiều sính lễ là vàng bạc châu báu thì phú ông mới gả con gái cho.

+ Sọ Dừa vốn dĩ là tiên xuống trần gian để thử lòng con người, vì vậy Sọ Dừa biến được nhiều vàng bạc để làm sính lễ.

=> Hai cô chị nhà phú ông thấy Sọ Dừa xấu xí, khác người thì đã lắc đầu bĩu môi không thèm nhìn, chỉ có mỗi cô út là gật đầu đồng ý. Sau khi lấy được vợ Sọ Dừa trở về hình hài là một chàng trai tuấn tú, thông minh,

-Tinh thần nhân văn, và ước muốn của nhân dân ta:

+ Hình ảnh Sọ Dừa khác người, hình dạng xấu xí, đã thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc, sự thương cảm và lòng ưu ái, cảm thông của nhân ta đối với những số phận thiếu may mắn, bất hạnh, khi sinh ra bị khiếm khuyết.

+ Câu chuyện cũng muốn nhắn nhủ đến mọi người không nên chỉ chú trọng vẻ bên ngoài mà đánh đồng những đức tính bên trong của con người. Sọ Dừa khiếm khuyết nhưng nhiều tài, thông minh, nhanh nhẹn.

=> Vẻ bề ngoài không thể biểu hiện được cả mặt chất và lượng của một con người.

3/ Kết bài: Ý nghĩa của truyện Sọ Dừa: Qua nhân vật Sọ Dừa nhân dân ta khi xưa muốn ngợi ca tình yêu một tình yêu trong sáng, không hám danh lợi, tình yêu chung thủy, không vì cái ngoại hình bên ngoài mà chia rẽ được tình cảm lứa đôi. Vì tình yêu con người ta có thể vượt qua được tất cả những khó khăn, thử thách. Đó chính là ước muốn, thông điệp của nhân dân qua hình ảnh nhân vật Sọ Dừa.

Bài văn mẫu

Trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, có vô vàn những câu chuyện dân gian hay, cảm động và có ý nghĩa, trong số đó có truyện “Sọ Dừa” một câu chuyện với nhiều tình tiết hoang đường đầy ly kì nhưng cũng mang rất nhiều ý nghĩa cuộc sống nhất là ước mơ của những người nông dân nghèo.

Sọ Dừa ra đời một cách vô cùng huyền bí và li kì với nhiều tình tiết hư cấu, kì ảo. Một bà mẹ đã lâu chưa có con một ngày bà đi làm đồng do khát nước lại thấy nước trong một chiếc sọ dừa liền uống. Về nhà bà có thai sau đó đẻ ra một bé trai không chân và không tay, duy nhất chỉ có mỗi một cái đầu nhìn như sọ dừa, nên cậu bé được đặt là Sọ Dừa. Khi Sọ Dừa lên 7-8 tuổi thì cuộc sống ngày càng khó khăn hơn. Khi mẹ nói Sọ Dừa rằng nhà càng lúc càng nghèo và không biết lấy gì để nuôi Sọ Dừa nữa, không biết rồi cuộc sống của hai mẹ con ta sẽ ra sao. Sọ Dừa liền nói với mẹ: *“mẹ yên tâm con lớn rồi con sẽ đi ở đợ cho nhà phú hộ kiếm tiền nuôi mẹ”*. Cho thấy Sọ Dừa tuy là đứa trẻ tật nguyền nhưng lại vô cùng có hiếu, là đứa con ngoan biết giúp đỡ gia đình.

Tuy Sọ Dừa mang hình hài xấu xí nhưng lại vô cùng nhanh nhẹn và hoạt bát, nên khi xin đi ở đợ cho nhà phú ông, ban đầu phú ông không nhận nhưng sau một hồi tính toán thiệt hơn, thấy Sọ Dừa nuôi côm đỡ tốn nên nhận Sọ Dừa. Sọ Dừa hàng ngày đều đưa trâu đi ăn đồng xa, nhìn con nào con nấy đều béo tốt và khỏe mạnh, phú ông lấy làm mừng lắm, càng tin tưởng Sọ Dừa hơn. Nhà phú ông có ba cô con gái nhưng chỉ có cô út là dịu dàng, nết na, hay nhận việc mang côm cho Sọ Dừa. Chính việc đi đưa côm cho Sọ Dừa nên cô út mới biết được bí mật rằng Sọ Dừa là một chàng trai khôi ngô, lại còn biết thổi sáo hay nữa.

Sọ Dừa nói với mẹ mình muốn lấy con gái phú ông, vì thương con mẹ Sọ Dừa cũng qua thưa chuyện. Phú ông lấy làm điều nực cười lắm nhưng không từ chối thẳng thừng mà thách Sọ Dừa mang thật nhiều sính lễ là vàng bạc châu báu

thì phú ông mới gả con gái cho. Sọ Dừa vốn dĩ là tiên xuống trần gian để thử lòng con người, vì vậy Sọ Dừa biến được nhiều vàng bạc để làm sinh lễ.

Hai cô chị nhà phú ông thấy Sọ Dừa xấu xí, khác người thì đã lắc đầu bĩu môi không thèm nhìn, chỉ có mỗi cô út là gật đầu đồng ý. Sau khi lấy được vợ Sọ Dừa trở về hình hài là một chàng trai tuấn tú, thông minh, Sọ Dừa đã biến một ngôi nhà vô cùng khang trang, tráng lệ, có người hầu đi lại liên tục. Chính điều này đã làm cho hai cô chị nhà phú ông không khỏi tiếc nuối và ghen tức với cô út.

Hình ảnh Sọ Dừa khác người, hình dạng xấu xí, đã thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc, sự thương cảm và lòng ưu ái, cảm thông của nhân ta đối với những số phận thiếu may mắn, bất hạnh, khi sinh ra bị khiếm khuyết. Câu chuyện cũng muốn nhắn nhủ đến mọi người không nên chỉ chú trọng vẻ bên ngoài mà đánh đồng những đức tính bên trong của con người. Sọ Dừa khiếm khuyết nhưng nhiều tài, thông minh, nhanh nhẹn. Vẻ bề ngoài không thể biểu hiện được cả mặt chất và lượng của một con người.

Qua nhân vật Sọ Dừa nhân dân ta khi xưa muốn ngợi ca tình yêu một tình yêu trong sáng, không hám danh lợi, tình yêu chung thủy, không vì cái ngoại hình bên ngoài mà chia rẽ được tình cảm lứa đôi. Vì tình yêu con người ta có thể vượt qua được tất cả những khó khăn, thử thách. Đó chính là ước muốn, thông điệp của nhân dân qua hình ảnh nhân vật Sọ Dừa.

IV. Hướng dẫn về nhà

– Hoàn thành bài tập

Chuẩn bị: Rèn kĩ năng làm bài.

Ngày dạy: 23/02/2023

BUỔI 34:

RÈN KĨ NĂNG LÀM BÀI THI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- HS xác định được chủ đề' của câu hỏi
- Hiểu được nội dung cũng như áp dụng được kiến thức để làm bài.
- Nhận biết và phân tích được các dạng đề.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;
- Năng lực phân tích, cảm nhận về nhân vật; đóng vai nhân vật kể lại truyện.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện đã học với các truyện cùng chủ đề.

3. Về phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.
- Biết ghét cái ác, yêu cái thiện, sẵn sàng bênh vực người yếu thế, thiết thời. Cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: KHBD, STK,...
2. Chuẩn bị của học sinh: STK, vở ghi,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

I. CÁCH LÀM CÂU HỎI ĐỌC HIỂU

1. Đọc hiểu văn bản là gì?

- Là hoạt động tìm và giải mã ý nghĩa của một văn bản
- Trong đề thi thì đọc hiểu còn được hiểu là câu hỏi, dạng bài tập kiểm tra việc lĩnh hội các phương diện, hình thức, nội dung của văn bản.

2. Cấu trúc của câu hỏi đọc hiểu văn bản

- Bài tập phần đọc hiểu gồm 2 phần
 - * Phần văn bản cần đọc hiểu (Ngữ liệu)
 - + Phong cách ngôn ngữ: Thơ, văn, báo chí, chính luận.....
 - + Xuất xứ: Trong sách giáo khoa Ngữ văn, ngoài sgk
 - + Nội dung: Rất đa dạng và phong phú
 - * Câu hỏi đi kèm
 - + Xác định kiểu văn bản: Phương thức biểu đạt
- Lưu ý cách hỏi: Đề thường hỏi phương thức biểu đạt chính*
- + Thể loại
 - + Xác định các yếu tố liên quan đến hình thức của văn bản: Cách dùng từ, đặt câu, biện pháp tu từ, liên kết câu.....
 - + Xác định nội dung của văn bản
 - + Vận dụng hiểu biết xã hội để nêu suy nghĩ, quan điểm về vấn đề có liên quan.

3. Các yêu cầu làm bài đọc hiểu

- Yêu cầu:
 - + Hình thức: Trả lời ngắn gọn bằng *các câu văn* hoặc *đoạn văn ngắn*
 - + Nội dung: Đầy đủ thông tin, đúng trọng tâm
- Kiến thức, kĩ năng cần có
 - + Kiến thức: Kiến thức của môn Ngữ văn, kiến thức xã hội
 - + Kĩ năng: Giải thích từ ngữ, khái niệm – xác định chủ đề của văn bản – kĩ năng viết các đoạn văn nghị luận ngắn – năng lực cảm thụ (Văn chương nghệ thuật)

NHỮNG CÂU HỎI 3 ĐIỂM THƯỜNG GẶP

1. Xác định phương thức biểu đạt.

- Tự sự: Có nhân vật, có đối thoại, có sự việc, có kết quả
- Nghị luận: Đưa ra quan điểm, luận cứ, lí lẽ, dẫn chứng

- Miêu tả: Sử dụng nhiều những từ ngữ gợi tả giúp người đọc người nghe tưởng tượng ra những hình ảnh, âm thanh....

- Thuyết minh: Cung cấp kiến thức về các bộ môn khoa học, đời sống

- Biểu cảm: thể hiện tình cảm, cảm xúc

- Hành chính:

Lưu ý: Khi ngữ liệu đọc hiểu là thơ - > thì phương thức biểu đạt thường là Biểu cảm

Khi ngữ liệu đọc hiểu là văn xuôi - > Thì thường là Nghị luận

2. Xác định thể thơ

- Phương pháp tìm ta chỉ cần đếm số câu, số chữ là biết được thể thơ

3. Tu từ và tác dụng

1. Gọi tên chính xác biện pháp tu từ

2. Lấy dẫn chứng cụ thể

3. Nêu rõ tác dụng

4. Đánh giá thành công/ tình cảm của tác giả

* Câu điền về tác dụng:

Biện pháp tu từ này làm cho lời thơ (lời văn) trở nên.....(sinh động, gợi hình, gợi cảm, hấp dẫn, ấn tượng, dễ hiểu, cụ thể, có hồn); đồng thời nhấn mạnh qua đó thể hiện tình cảm..... của tác giả.

VD: Những ngọn đảo long lanh như ngọc giáp...

Biện pháp tu từ ... **so sánh**... này làm cho lời thơ (lời văn) trở nên..... (sinh động, **gợi hình**, gợi cảm, hấp dẫn, ấn tượng, dễ hiểu, cụ thể, có hồn); đồng thời nhấn mạnh **vẻ đẹp** của các quần đảo... qua đó thể hiện tình cảm.. **tự hào**.... của tác giả đối với **vẻ đẹp của quê hương đất nước**.

3. Xác định câu chủ đề và cấu trúc đoạn văn:

- Câu chủ đề thường nằm ở đầu và cuối

- Cấu trúc đoạn văn

+ Diễn dịch: Câu chủ đề nằm ở đầu

+ Quy nạp : Câu chủ đề nằm ở cuối văn bản

+ Tổng phân hợp:

+ Song hành

+ Móc xích

4. Xác định nội dung đoạn văn

- Muốn xác định nội dung của văn bản học sinh cần: xem câu chủ đề, xem các từ ngữ trong văn bản được lặp đi lặp lại trong đoạn văn.

5. Rút ra bài học sâu sắc nhất, nội dung ý nghĩa nhất

- Xem nội dung văn bản nói tới cái gì; muốn truyền đi điều gì?

- Khi rút ra bài học: Các em cần rút ra một hoặc nhiều bài học.

- Thông điệp cần có tầm khái quát

- Khi giải thích thông điệp cần ngắn gọn, không dài dòng

- Câu trả lời gồm:

+ Thông điệp có ý nghĩa nhất đối với em là: (chúng ta cần..., nên..., phải..., đừng...)

+ Đây là thông điệp có ý nghĩa nhất đối với tôi vì nói giúp tôi nhận ra rằng.....; giúp tôi hiểu ra rằng.....

+ Thiết nghĩ thông điệp này không chỉ có ý nghĩa với riêng tôi mà còn hữu ích với tất cả mọi người

6. Em hiểu như thế về lời nói, câu nói nào đó ở trong văn bản.

Cách trả lời đảm bảo 3 ý:

+ Theo tôi, vấn đề đó có ý nghĩa như sau (Hoặc được hiểu như sau...) Trình bày những cách hiểu của mình.

+ Khẳng định vấn đề đó là đúng/ sai

+ Tôi tán thành/ tôi không tán thành

7. Tại sao tác giả lại nói “.....” Hoặc em có đồng tình với lời của tác giả hay không?

Trả lời bằng 3 vì:

+ Vì thứ 1 chúng ta tìm ý trong văn bản xem tác giả nói gì thì chúng ta điền vào

+ Vì thứ 2 là nhận thức của chúng ta

+ Vì thứ 3 là ta lật ngược lại vấn đề

8. Tình cảm của tác giả được thể hiện trong đoạn văn/ đoạn thơ/ bài thơ trên là gì?

+ Yêu mến + Thiết tha + Ngợi ca + Tự hào + Gắn bó

9. Một số dạng khác

+ Từ vựng + Ngữ pháp + Giải nghĩa từ + liên kết + từ láy, từ Hán – Việt + hàm ý + ngôi kể

II. CÁCH LÀM BÀI VĂN CẢM THỤ

Bước 1: Đọc kĩ để xác định nội dung của đoạn thơ, bài thơ để có thể làm phần mở bài.

Bước 2: Chia bài thơ này ra thành mấy phần để giúp ta xác định được từng phần

Bước 3: chỉ rõ biện pháp nghệ thuật tu từ trong từng khổ thơ -> Lấy dẫn chứng cụ thể => Tác dụng của biện pháp tu từ đó.

III. Phần tập làm văn

1. Văn tự sự

* Kể chuyện tưởng tượng

- Gặp một nhân vật đến từ tương lai

- Nhân hóa để kể truyện

* Kể chuyện dựa trên một ý thơ, một bài thơ

2. Văn miêu tả

IV. Hướng dẫn về nhà

– Hoàn thành bài tập

Chuẩn bị: Rèn kĩ năng làm bài.

Ngày dạy: 24/02/2023

BUỔI 35:

RÈN KĨ NĂNG LÀM BÀI THI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- HS xác định được chủ đề' của câu hỏi
- Hiểu được nội dung cũng như áp dụng được kiến thức để làm bài.
- Nhận biết và phân tích được các dạng đề.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;
- Năng lực phân tích, cảm nhận về nhân vật; đóng vai nhân vật kể lại truyện.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện đã học với các truyện cùng chủ đề.

3. Về phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.
- Biết ghét cái ác, yêu cái thiện, sẵn sàng bênh vực người yếu thế, thiệt thòi. Cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: KHBD, STK,...

2. Chuẩn bị của học sinh: STK, vở ghi,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

I. YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC:

1. Phần Tiếng việt.

- Hiểu nghĩa của từ trong một văn cảnh nhất định.
- Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ.
- Giá trị biểu đạt của từ láy, hệ thống từ loại, một từ trong một văn cảnh cụ thể.
- Giá trị biểu đạt của các biện pháp tu từ.
- Câu Tiếng việt.

2. Cảm thụ văn học:

- Tìm hiểu nghệ thuật đặc sắc trong các bài thơ, bài văn (cách bố trí câu thơ, câu văn, hình ảnh thơ, văn, nét riêng, nét độc đáo...)
- Cả bài thơ, đoạn thơ, đoạn trích...

3. Phần tập làm văn.

- Văn kể chuyện: (kể chuyện đời thường, kể chuyện tưởng tượng), chú ý dạng cho tình huống và xây dựng thành câu chuyện.
- Văn miêu tả: Tả người (người thân, người mới quen, nhân vật văn học), tả cảnh (bốn mùa, cảnh vật, cảnh sinh hoạt...)

II. YÊU CẦU HÌNH THỨC TRÌNH BÀY:

- Chữ viết rõ ràng, sạch đẹp, không được phép sai lỗi chính tả, gạch xóa, tẩy...
- Phần Tiếng Việt trình bày theo ý (có thể gạch đầu dòng hoặc xuống hàng ngang bằng).
- Cảm thụ và tập làm văn phải viết thành đoạn, thành bài cho hoàn chỉnh.

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị: Luyện đề tổng hợp.

Ngày dạy: 27/02/20213

BUỔI 36:

LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức.

- Hệ thống lại các kiến thức ở cả ba phân môn Văn, tiếng Việt, tập làm văn ở cả ba bộ sách.

2. Về năng lực.

- Năng lực: giải quyết vấn đề, sáng tạo, năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Về phẩm chất.

- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Chuẩn bị của GV: Soạn các dạng đề, đáp án.
- Chuẩn bị của HS: Học ôn bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

ĐỀ LUYỆN SỐ 1.

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

“Cha lại dắt con đi trên cát mịn
Ánh nắng chảy đầy vai
Cha trầm ngâm nhìn mãi cuối chân trời
Con lại trở cánh buồm khẽ nói:
“Cha mượn cho con cánh buồm trắng nhé,
Để con đi..”

(Hoàng Trung Thông, *Những cánh buồm*)

Câu 1. (1,0 điểm) Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2. (1,0 điểm) Từ “đi” trong câu “Để con đi” là nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

Câu 3. (2,0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

“Cha lại dắt con đi trên cát mịn
Ánh nắng chảy đầy vai”

Câu 4. (2,0 điểm) Em cảm nhận được điều gì trong lời nói ngây thơ của người con với cha trong đoạn văn trên?

II. PHẦN LÀM VĂN (14,0 điểm)

Câu 1. (4,0 điểm) Có ý kiến cho rằng: "*Gia đình là nơi cuộc sống bắt đầu và là nơi tình yêu không bao giờ kết thúc*". Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về **vai trò của gia đình đối với mỗi con người?**

Câu 2. (10,0 điểm)

Sau cái chết của Dế Choắt, Dế Mèn đã có những ngày tháng phiêu lưu đầy mạo hiểm nhưng cũng hết sức thú vị. Tuy vậy, bài học đường đời đầu tiên sau sự việc xảy ra với Dế Choắt vẫn ám ảnh Dế Mèn.

Em hãy đóng vai nhân vật Dế Mèn, tưởng tượng và kể lại cuộc nói chuyện của Dế Mèn và Dế Choắt nhân một ngày Dế Mèn đến thăm mộ Dế Choắt.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	- Thể thơ: tự do - Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm	1,0 điểm
	2	Từ “ đi” trong câu “ Để con đi” được dùng theo nghĩa chuyển.	1,0 điểm
	3	- Biện pháp tu từ trong câu thơ: Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: Ánh nắng chảy đầy vai. - Tác dụng: + Gợi tả sinh động hình ảnh ánh nắng hiện hữu như một thứ chất lỏng thành dòng, thành giọt chảy tràn xuống cảnh vật, con người. Giúp người đọc hình dung cảnh hai cha con dắt nhau đi trên bãi biển vào một buổi sáng đẹp trời với ánh nắng mềm mại, dịu dàng và tràn ngập khắp nơi làm sáng đẹp lên hình ảnh của họ. + Cảm nhận tình cảm cha con ấm áp và niềm vui sướng của người con đi dạo bên cha. + Thấy được sự quan sát, cảm nhận tinh tế, trí tưởng tượng phong phú và tình yêu quê hương đất nước với những cánh buồm tuổi thơ của tác giả.	2,0 điểm
	4	HS cảm nhận được: - Một ước mơ rất trong sáng, đẹp đẽ đáng trân trọng và ngợi ca. - Ước mơ đó gắn liền với cánh buồm trắng, với khát vọng đi xa đến những nơi chưa biết, đến những chân trời mới. - Đó là ước mơ của một tâm hồn trẻ thơ, ham hiểu biết muốn khám phá, chinh phục những bí ẩn của thế giới.	2,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận	4,0 điểm

	<p>dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: vai trò của gia đình đối với mỗi cá nhân trong xã hội.</p> <p>2. Thân đoạn</p> <p>- Gia đình: là nơi những người có cùng huyết thống chung sống dưới một mái nhà, cùng nhau làm ăn, phát triển, yêu thương và đùm bọc nhau.</p> <p>→ Gia đình có vai trò vô cùng quan trọng đối với cuộc sống con người, là nơi con người khôn lớn, phát triển cả về thể xác và tâm hồn.</p> <p>- Tình cảm trong gia đình là những tình cảm tốt đẹp nhất của con người, giúp cho chúng ta rèn luyện tình cảm và những đức tính tốt đẹp khác, tình cảm gia đình là tiền đề để con người phát triển.</p> <p>- Gia đình là cái nôi đầu tiên nâng đỡ con người, là nơi chúng ta lớn lên thành người và cũng là nơi chúng ta quay về tìm bình yên sau những khó khăn, giông bão ngoài xã hội.</p> <p>- Trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người chưa nhận thức được tầm quan trọng của gia đình, sống vô tâm, thờ ơ với mọi người. Lại có những người đối xử không tốt với cha mẹ, anh em ruột, vì vật chất mà bán rẻ tình cảm,... những người này đáng bị xã hội thẳng thắn phê phán.</p> <p>- Mỗi chúng ta hãy luôn yêu thương những thành viên trong gia đình, dù ở bất cứ nơi nào cũng hướng về gia đình; Có hành động đền ơn đáp nghĩa với những điều tốt đẹp mà mình nhận được...</p> <p>3. Kết đoạn: Khái quát lại vấn đề nghị luận: vai trò của gia đình đối với mỗi cá nhân trong xã hội.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a. Đảm bảo cấu trúc một bài văn: Có đầy đủ các phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài</p> <p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề</p> <p>c. Triển khai vấn đề rõ ràng, đầy đủ; thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các kiến thức Tập làm văn đã học để làm bài hiệu quả cao. Có thể viết theo định hướng sau:</p>	10,0 điểm

		<p>1. Mở bài: Giới thiệu hoàn cảnh xảy ra câu chuyện: thời gian, khung cảnh, các nhân vật tham gia,</p> <p>2. Thân bài:</p> <p>Đây là đề mở, yêu cầu HS vận dụng kiến thức về văn tự sự để chuyển vai kể một câu chuyện theo trong việc vận dụng kiến thức đã học với việc liên hệ thực tế vô cùng quan trọng. Dế Choắt tuy là nhân vật chính trong cuộc nói chuyện tuy nhiên là một nhân vật không còn tồn tại. HS có thể sáng tạo thêm một số nhân vật khác cùng tham gia vào câu chuyện cho sinh động, hấp dẫn...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể lại cuộc nói chuyện giữa Dế Mèn và Dế Choắt kết hợp việc miêu tả cảnh vật thiên nhiên xung quanh qua đó bộc lộ cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ của Dế Mèn. - Dế Mèn nhắc lại chuyện cũ đã gây ra với Dế Choắt: Bài học đường đời đầu tiên đầy ăm ắp, hối hận. - Dế Mèn kể cho Dế Choắt nghe những tháng ngày phiêu lưu mạo hiểm với những chiến tích và những thất bại của mình cùng những người bạn khác. - Tâm sự về những dự định trong tương lai của Dế Mèn và những lời hứa hẹn với Dế Choắt. <p>3/ Kết bài: Tình cảm, lời nhắn nhủ của Dế Mèn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài học về sự gắn bó, yêu thương, đùm bọc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. - Kêu gọi niềm đam mê nhiệt huyết của tuổi trẻ khám phá cuộc sống, khám phá thế giới xung quanh. <p>d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề yêu cầu.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.</p>	
--	--	--	--

ĐỀ LUYỆN SỐ 2.

I. PHẦN ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

Đọc hai đoạn thơ sau và thực hiện yêu cầu bên dưới

Con bắt gặp mùa xuân

Trong vòng tay của mẹ

Ước chi vòng tay ấy

Ôm hoài tuổi thơ con

(Vòng tay mùa xuân, Hoàng Như Mai)

Ánh mắt bố thân thương

Rọi sáng tâm hồn bé
Và trong bầu sữa mẹ
Xuân ngọt ngào dòng hương

(Mùa xuân của bé, Lâm Thị Quỳnh Anh)

Câu 1. (1 điểm): Hai đoạn thơ được viết theo thể thơ nào? Nêu phương thức biểu đạt của hai đoạn thơ đó?

Câu 2. (1 điểm): Hai đoạn thơ có điểm gì chung về nội dung.

Câu 3. (2 điểm): Từ “xuân” trong hai đoạn thơ được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Nêu ý nghĩa của từ “xuân” trong hai đoạn thơ?

Câu 4. (2 điểm): Theo em từ hai đoạn thơ, tác giả muốn gửi gắm đến người đọc điều gì?

II. PHẦN LÀM VĂN (14,0 điểm)

Câu 1. (4 điểm) Em hãy viết đoạn văn ngắn khoảng 150 chữ trình bày cảm nhận của em về hai câu thơ sau:

Ước chi vòng tay ấy
Ôm hoài tuổi thơ con.

(Vòng tay mùa xuân, Hoàng Như Mai)

Câu 2. (10 điểm)

Một buổi sáng, em đi đến trường sớm để tưới nước cho bồn hoa trước lớp. Một cây hoa đang ủ rũ vì bị ai đó vặt lá, bẻ cành, làm rụng hết cánh hoa. Em nghe như nó thủ thỉ kể về chuyện đó. Hãy kể lại câu chuyện buồn của hoa.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Hai đoạn thơ được viết theo thể thơ năm chữ. Phương thức biểu đạt của hai đoạn thơ là biểu cảm.	1,0 điểm
	2	Điểm chung trong nội dung của hai đoạn thơ: bộc lộ được niềm hạnh phúc lớn lao của mỗi người con khi được sống trong vòng tay yêu thương của cha mẹ.	1,0 điểm
	3	- Từ “xuân” trong hai đoạn thơ được dùng theo nghĩa chuyển. - Ý nghĩa của từ “xuân” trong hai đoạn thơ: +Xuân (đoạn 1): là tình yêu thương của mẹ đối với tuổi thơ của bé. Bé ước mãi được ở trong vòng tay yêu thương, ấm áp ấy. +Xuân (đoạn 2): dòng sữa mẹ ấm áp là mùa xuân nuôi bé lớn với nghĩa đầy đủ nhất cả về vật chất và tinh thần.	2,0 điểm
	4	HS có thể trả lời bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải hướng tới giải quyết những điều gửi gắm của tác giả. Dưới đây là một số gợi ý - Tình cảm của cha mẹ dành cho con cái là thiêng liêng, cao đẹp.	2,0 điểm

		<p>- Mỗi người con cảm thấy hạnh phúc, sung sướng khi được sống trong vòng tay yêu thương, ấm áp nghĩa tình của cha mẹ.</p> <p>- Mỗi chúng ta cần có ý thức trân quý, xây dựng gia đình hạnh phúc....</p>	
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>- Hai câu thơ thể hiện mong muốn ngây thơ, hồn nhiên được sống trong vòng tay yêu thương của mẹ. Đó là mong ước giản dị được mẹ ôm, được mẹ vỗ về...</p> <p>- Đó là cách “<i>làm nũng</i>” đáng yêu vô cùng, thể hiện tình cảm trong sáng của trẻ thơ. Được sống trong tình mẹ là niềm hạnh phúc và mong ước của mỗi người.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	4,0 điểm
	2	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự (kể chuyện tưởng tượng): Bố cục ba phần, trình bày các sự việc rõ ràng, trình tự hợp lý; biết xây dựng nhân vật, cốt truyện; ngôi kể phù hợp (ngôi thứ nhất); lời kể tự nhiên, sinh động.</p> <p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Cây hoa kể lại chuyện buồn của mình cho em nghe khi nó bị ai đó bẻ cành, vặt lá, bị rụng hết cánh hoa.</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung câu chuyện: Vận dụng tốt các yếu tố kể, tả, biểu cảm để có thể viết hoàn chỉnh bài văn theo yêu cầu sau</p> <p>*Mở bài: Giới thiệu nhân vật, tình huống truyện</p> <p>*Thân bài:</p> <p>- Cây hoa tự giới thiệu về bản thân: đẹp, hoàn hảo, đang khoe sắc, tỏa hương làm đẹp cho ngôi trường, được nhiều bạn học sinh chú ý, khen ngợi. Nó cảm thấy hãnh diện, tự hào.</p> <p>- Cây hoa kể chuyện bị bẻ cành, vặt lá, bị rụng hết cánh hoa (kết hợp kể, tả biểu cảm)</p> <p>- Cây hoa đau đớn, xót xa khi mình bị tổn thương và cảm thấy rất buồn trước hành vi phá hoại môi trường, hủy hoại cây xanh (kết hợp kể, tả biểu</p>	10,0 điểm

		cảm) - Lời nhắc nhở và mong muốn của cây với những học sinh (nói riêng) và con người (nói chung) *Kết bài: Suy nghĩ của người kể và lời nhắn gửi tới mọi người. <i>d. Sáng tạo:</i> Cách diễn đạt độc đáo, hấp dẫn, đan xen được lời kể của nhân vật và cảm xúc, suy nghĩ của người lắng nghe, có suy nghĩ riêng, cách truyền đạt riêng về thông điệp nhắn gửi. <i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.	
--	--	--	--

IV. Hướng dẫn về nhà

– Hoàn thành bài tập

Chuẩn bị: Luyện đề tổng hợp.

Ngày dạy: 28/02/2023

BUỔI 37:

LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức.

- Hệ thống lại các kiến thức ở cả ba phân môn Văn, tiếng Việt, tập làm văn ở cả ba bộ sách.

2. Về năng lực.

- Năng lực: giải quyết vấn đề, sáng tạo, năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Về phẩm chất.

- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

- **Chuẩn bị của GV:** Soạn các dạng đề, đáp án.

- **Chuẩn bị của HS:** Học ôn bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

ĐỀ LUYỆN SỐ 3.

I. PHẦN ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới: (6,0 điểm)

CHIẾC BÌNH NỨT

Hồi ấy, ở bên Tàu có một người gánh nước, mang hai chiếc bình ở hai đầu một cái đòn gánh trên vai. Một trong hai chiếc bình ấy bị nứt, còn bình kia thì tuyệt hảo, luôn mang về đầy một bình nước. Cuối đoạn đường dài từ con suối về nhà, chiếc bình nứt lúc nào cũng chỉ còn một nửa bình nước. Suốt hai năm tròn, ngày nào cũng vậy, người gánh nước chỉ mang về có một bình rưỡi nước.

Dĩ nhiên cái bình nguyên vẹn rất tự hào về thành tích của nó. Nó luôn hòa thành tốt nhiệm vụ mà nó được tạo ra. Còn tội nghiệp chiếc bình nứt, nó xấu hổ về khuyết điểm của mình, nó khổ sở vì chỉ hoàn tất được một nửa công việc mà nó phải làm. Trong hai năm nó phải chịu đựng cái mà nó cho là thất bại chua cay.

Một ngày nọ, chiếc bình nứt bèn lên tiếng với người gánh nước: “ Con thật là xấu hổ vì vết nứt bên hông làm rỉ mất nước suốt dọc đường đi về nhà bác”.

Người gánh nước trả lời “ Con không để ý thấy chỉ có hoa mọc bên đường phía của con à? Đó là vì ta luôn biết khiếm khuyết của con nên đã gieo hạt hoa dọc đường bên phía con và mỗi ngày đi về con đã tưới nước cho chúng...Hai năm nay, ta vẫn hái được nhiều hoa đẹp để trên bàn. Nếu mà con không phải là con như thế này thì trong nhà đâu thường xuyên có hoa đẹp để thưởng thức như vậy.

Câu 1. (1,0 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính trong văn bản.

Câu 2. (2,0 điểm): Xác định và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ nổi bật trong văn bản.

Câu 3. (1,0 điểm) Nêu nội dung của văn bản.

Câu 3. (2,0 điểm) Từ câu chuyện trên, em có thể rút ra những bài học gì? (viết 5-7 câu).

II. PHẦN LÀM VĂN (14,0 điểm)

Câu 1. (4,0 điểm)

Từ nội dung phần đọc hiểu văn bản em hãy viết đoạn văn khoảng 7-10 dòng, trình bày suy nghĩ về vấn đề: “ **Cuộc sống của chúng ta đều có thể như cái bình nứt**”.

Câu 2. (10,0 điểm)

Cho hai nhân vật là một giọt nước mưa còn đọng trên lá non và một vũng nước đục ngầu trong vườn. Hãy hình dung cuộc trò chuyện lý thú giữa hai nhân vật và kể lại bằng một bài văn ngắn không quá một trang giấy thi.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự.	1,0 điểm
	2	Biện pháp tu từ nổi bật trong văn bản: Ẩn dụ : Hình ảnh chiếc bình nứt. Tác dụng: Nhằm chỉ những hạn chế, khiếm khuyết trong mỗi con người nhưng vẫn mong muốn làm tốt công việc như một người thường.	2,0 điểm
	3	Nêu nội dung của văn bản: Cách cư xử của con người trong cuộc sống.	1,0 điểm
	4	Thí sinh cần lưu ý khi trả lời: - Thái độ coi thường, chê trách của chiếc bình nguyên lành với chiếc bình nứt có đúng không? Thái độ ấy gợi liên tưởng đến cách ứng xử nào với những người kém may mắn, đặc biệt là những người sinh ra đã phải gánh chịu những khiếm khuyết, hạn chế?	2,0 điểm

		<p>- Thái độ của chiếc bình nứt với bản thân mình có gì đúng và chưa đúng? Con người nên có cách ứng xử như thế nào khi đối diện với những hạn chế của bản thân?</p> <p>- Cách ứng xử của người nông dân với chiếc bình nứt mang đến cho chúng ta bài học gì? (Cần cảm thông, giúp đỡ, tạo điều kiện cho những con người kém may mắn tự tin vào bản thân họ; giúp họ biến những hạn chế, khuyết điểm thành điểm mạnh...)</p>	
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>“ Cuộc sống của mỗi chúng ta đều có thể như cái bình nứt”. “Vết nứt” ấy tượng trưng cho khiếm khuyết, cho những gì không trọn vẹn trong bản thân mỗi con người. Nhưng cũng như chiếc bình- dù nứt mà vẫn có ích cho đời- gieo nguồn nước cho những luống hoa mọc lên. Mỗi người chúng ta dù không hoàn hảo như chiếc bình lành nhưng ai cũng có những giá trị riêng, những đóng góp riêng cho xã hội. Hãy biết cách tận dụng và biến nó thành lợi thế của mình để thành công hơn trong cuộc sống.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	4,0 điểm
	2	<p>a. Đảm bảo cấu trúc một bài văn: Có đầy đủ các phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài</p> <p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề</p> <p>c. Triển khai vấn đề rõ ràng, đầy đủ; thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các kiến thức Tập làm văn đã học để làm bài hiệu quả cao. Có thể viết theo định hướng sau:</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>1. Mở bài: Giới thiệu hoàn cảnh và nhân vật.</p> <p>2. Thân bài: Diễn biến cuộc trò chuyện lý thú giữa hai nhân vật: Giọt Nước Mưa xinh đẹp nhưng kiêu ngạo, không tự biết mình. Vũng Nước đầm ấm, hiểu rõ công việc mình đang làm, không quan tâm hình thức.</p> <p>3. Kết bài: - Kết thúc câu chuyện</p>	10,0 điểm

		- Ý nghĩa giáo dục trong thực tiễn cuộc sống d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề yêu cầu. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.	
--	--	--	--

ĐỀ LUYỆN SỐ 4.**I. PHẦN ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)****Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi**

Một ngày nọ, con lừa của một ông chủ trang trại sảy chân rơi xuống một cái giếng. Lừa kêu la tội nghiệp hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì. Cuối cùng ông quyết định: con lừa đã già, dù sao thì cái giếng cũng cần được lấp lại và ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả.

Ông nhờ vài người hàng xóm sang giúp mình. Họ xúc đất và đổ vào giếng. Ngay từ đầu, lừa đã hiểu chuyện gì đang xảy ra và nó kêu la thảm thiết. Nhưng sau đó lừa trở nên im lặng. Sau một vài xẻng đất, ông chủ trang trại nhìn xuống giếng và vô cùng sửng sốt. Mỗi khi bị một xẻng đất đổ lên lưng, lừa lắc mình cho đất rơi xuống và bước chân lên trên. Cứ như vậy, đất đổ xuống, lừa lại bước lên cao hơn. Chỉ một lúc sau mọi người nhìn thấy chú lừa xuất hiện trên miệng giếng và lóc cóc chạy ra ngoài.

Cuộc sống sẽ đổ rất nhiều thứ khó chịu lên người bạn. Hãy xem mỗi vấn đề bạn gặp phải là một hòn đá để bạn bước lên cao hơn. Chúng ta có thể thoát khỏi cái giếng sâu nhất chỉ đơn giản bằng cách dùng bao giờ đầu hàng.

(Những bài học về cuộc sống – Trích Internet)

Câu 1. (1,0 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.**Câu 2.** (1,0 điểm) Tìm số từ và cụm danh từ trong câu văn sau: *Một ngày nọ, con lừa của một ông chủ trang trại sảy chân rơi xuống một cái giếng.***Câu 3** (2,0 điểm) Em hiểu như thế nào về câu: Cuộc sống sẽ đổ rất nhiều thứ khó chịu lên người bạn. Hãy xem mỗi vấn đề bạn gặp phải là một hòn đá để bạn bước lên cao hơn.**Câu 4** (2,0 điểm): Từ văn bản trên, hãy rút ra một thông điệp mà em tâm đắc nhất và lí giải vì sao điều đó có ý nghĩa với em?**II. PHẦN LÀM VĂN (14,0 điểm)****Câu 1 (4,0 điểm):**

Trong học tập cũng như trong cuộc sống, nhiều lúc em gặp nhiều khó khăn, trắc trở tưởng chừng như bỏ cuộc. Nhưng em đã cố gắng vượt qua được khó khăn đó và đạt được mơ ước của mình. Từ câu chuyện ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn khoảng 150 chữ nêu lên suy nghĩ về vấn đề trên.

Câu 2 (10,0 điểm):

Tưởng tượng và kể lại cuộc gặp gỡ với nhân vật Lang Liêu trong truyền thuyết “Bánh chưng, bánh giầy” mà em đã học

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: tự sự	1,0 điểm
	2	- Số từ: một - Cụm danh từ:	1,0 điểm

		<ul style="list-style-type: none"> + một ngày nọ + một ông chủ trang trại. + một cái giếng. 	
	3	Cuộc sống mà chúng ta trải qua sẽ phải gặp rất nhiều khó khăn trắc trở. Vì vậy hãy biến khó khăn đó thành cơ hội để chúng ta vượt qua.	2,0 điểm
	4	<p>Thông điệp câu truyện mà em tâm đắc nhất: Đừng cam chịu số phận mà hãy vượt lên số phận của mình</p> <p>Bởi vì cuộc sống có thể sẽ đổ lên đầu bạn mọi thứ khó chịu, thử thách và cả những sai lầm không phải do chính bạn gây nên nhưng việc bạn cần làm không phải là buông xuôi, cam chịu số phận, mà là vượt lên trên số phận. Mỗi khó khăn, thất bại sẽ là một bước đệm để bạn tiến về phía trước.</p>	2,0 điểm
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>- Dẫn dắt : Trong cuộc sống chúng ta phải trải qua rất nhiều khó khăn, thử thách trong cuộc sống, chính vì thế để thể hiện được những ý chí, nghị lực của con người trong cuộc sống chúng ta phải thể hiện được ý chí, nghị lực của mình trước những vấn đề của cuộc sống. Bởi nghị lực của con người đem lại cho chúng ta sức mạnh để vượt qua khó khăn.</p> <p>- Biểu hiện :</p> <p>+ Trong học tập :</p> <p>+ Trong cuộc sống :</p> <p>-Kết quả của việc vươn lên vượt qua khó khăn : Chinh phục được ước mơ, hoài bão.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	4,0 điểm
	2	<p>a. Đảm bảo cấu trúc một bài văn: Có đầy đủ các phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài</p> <p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề</p> <p>c. Triển khai vấn đề rõ ràng, đầy đủ; thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các kiến thức Tập làm văn đã học để làm bài hiệu quả cao.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p>	10,0 điểm

		<p>1. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về hoàn cảnh trước buổi gặp đó. - Ngày hôm đó trên lớp, em đã rất hứng thú với tiết học Truyền thuyết “ Bánh chưng, bánh giầy” và em cũng vô cùng khâm phục chàng Lang Liêu - Về nhà em đã đem câu chuyện đó kể cho bố mẹ. Sau khi cả nhà ăn cơm xong, em nghỉ ngơi và đi ngủ ngay <p>2. Thân bài</p> <p>* Không gian em nhìn thấy trong giấc mơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đó là một cung điện rất nguy nga, lộng lẫy, bên trong dát mát - Em thấy các cung nữ đang bưng đồ ra cho nhà vua vô cùng xinh đẹp. - Bên dưới cung điện là các quan đang nhìn về phía nhà vua với dáng vẻ tôn kính - Em đang không biết tại sao mình lại ở đây thì nhìn lên ngai vàng đó chính là chàng Lang Liêu. Em mới chợt nhớ ra. Hay là mình đã lạc vào trong cung điện của vua khi giờ Lang Liêu đã làm vua rồi <p>* Cuộc nói chuyện của em và Lang Liêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em đánh liều mình đến với ông vua - Lúc đó, em đã rất hoảng sợ khi quân lính định bắt em. Nhưng với dáng vẻ hiền từ, Lang Liêu đã bảo dừng lại và ân cần hỏi em - Em đã trả lời thành thực và không biết tại sao mình lại lạc vào đây. Nhưng em vô cùng ngưỡng mộ ngài. Vì từ lâu, món ăn mà ngài đã làm ra em vô cùng thích thú và tự hỏi không biết nó có từ đâu. - Ngài còn hỏi em: “ Vậy giờ dân ta vẫn đang làm món ăn đó hả cháu” - Em đã trả lời: “ Dạ vâng, dân ta đã lấy món ăn đó làm món ăn truyền thống của ngày Tết. Ngày của tụ họp gia đình” - Em hỏi nhà vua: “ Vậy ngài ơi, tại sao hai chiếc bánh lại có có tên là bánh chưng bánh giầy” - Vua ân cần trả lời em tất cả. <p>* Kết thúc buổi nói chuyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bỗng dưng em có cảm giác sắp phải rời xa nơi đây. Em chào tạm biệt nhà vua. Nhà vua đã dặn dò em. Cháu hãy học thật tốt, để sau này xây dựng đất nước mình giàu mạnh nhé. Để không phụ công ta và các bậc vua Hùng đã dựng nước <p>3. Kết bài</p> <p>“ Con ơi! Tỉnh dậy đi, đến giờ đi học rồi” Em òa</p>	
--	--	---	--

lên tỉnh giấc, hóa ra là một giấc mơ nhưng em vẫn cảm thấy vui, vì đã gặp được Lang Liêu. Người mà em vô cùng kính phục.

Bài viết tham khảo

Ngày hôm đó trên lớp, em đã rất hứng thú với tiết học Truyền thuyết “**Bánh chưng, bánh giầy**” và em cũng vô cùng khâm phục chàng Lang Liêu. Về nhà em đã đem câu chuyện đó kể cho bố mẹ. Sau khi cả nhà ăn cơm xong, em nghỉ ngơi và đi ngủ ngay.

Đang lơ mơ không biết mình đang ở nơi đây thì em ngạc nhiên vô cùng khi trước mặt em là một cung điện rất nguy nga, lộng lẫy, bên trong dát vàng. Lần đầu tiên, em thấy một nơi đẹp như vậy. Em thấy các cung nữ đang bưng đồ ăn ngon, vật lạ ra cho nhà vua. Những cung nữ đó vô cùng xinh đẹp. Em thấy được những cô cung nữ thì đang nhảy múa trông rất dẻo nữa. Bên dưới cung điện là các quan đang nhìn về phía nhà vua với dáng vẻ tôn kính. Trông họ ăn mặc vô cùng kì quái, em nhìn trông rất giống các quan thời xưa. Em đang không biết tại sao mình lại ở đây thì nhìn lên ngai vàng đó chính là chàng Lang Liêu. Em mới sực nhớ ra. Hay là mình đã lạc vào trong cung điện của vua khi giờ Lang Liêu đã làm vua rồi.

Niềm sung sướng tột cùng, em đánh liều mình đến với ông vua. Lúc đó, em đã rất hoảng sợ khi quân lính định bắt em. Nhưng với dáng vẻ hiền từ, Lang Liêu đã bảo dừng lại và ân cần hỏi em. Em đã trả lời thành thực và không biết tại sao mình lại lạc vào đây. Nhưng em vô cùng ngưỡng mộ ngài. Vì từ lâu, món ăn mà ngài đã làm ra em vô cùng thích thú và tự hỏi không biết nó có từ đâu. Ngài còn hỏi em: “*Vậy giờ dân ta vẫn đang làm món ăn đó hả cháu*”. Em đã trả lời: “*Dạ vâng, dân ta đã lấy món ăn đó làm món ăn truyền thống của ngày Tết. Ngày của tụ họp gia đình*” Em hỏi nhà vua: “*Vậy ngài ời, tại sao ngài lại chọn gạo nếp và làm được hai thứ bánh ngon như vậy ạ?*”. Vua ân cần trả lời em tất cả. “*Vì lúc đó, khi nghe yêu cầu của vua cha, ta đã rất lo lắng. Vì hồi đó, ta có được như các anh đâu. Ta sống với đồng ruộng, gắn bó với cuộc sống của nhân dân nên hiểu được nỗi vất vả của họ. Nhưng trên đời này, thứ gì là quý giá nhất. Ta đã*

		<p><i>trăn trở mấy đêm liền”. Nhà vua nói tiếp với em: “May ta được thần bao mộng chọn gạo nếp đỏ. Ta làm ra hai thứ bánh đỏ, bằng nguyên liệu gạo nếp. Bánh hình vuông tượng trưng cho đất, bánh hình tròn tượng trưng cho trời. Nhưng nguyên liệu khác thì hầu như là sản phẩm của nền nông nghiệp ra. Không ngờ, nhờ vậy mà ta đã được vua cha truyền ngôi và đặt tên cho hai thứ bánh đỏ là bánh chưng, bánh giày “. Nhà vua thật gần gũi, giọng cũng rất nhẹ nhàng.</i></p> <p>Bỗng dưng em có cảm giác sắp phải rời xa nơi đây. Em chào tạm biệt nhà vua. Nhà vua đã dặn dò em. Cháu hãy học thật tốt, để sau này xây dựng đất nước mình giàu mạnh nhé. Để không phụ công ta và các bậc vua Hùng đã dựng nước</p> <p>“ Con ơi! Tỉnh dậy đi, đến giờ đi học rồi” Em òa lên tỉnh giấc, hóa ra là một giấc mơ. Nhưng em vẫn cảm thấy vui, vì đã gặp được Lang Liêu. Người mà em vô cùng kính phục. Giá như em còn được gặp nhiều những vị vua Hùng như trong truyền thuyết thì tốt biết mấy?</p> <p>d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề yêu cầu.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.</p>	
--	--	---	--

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập

Chuẩn bị: Luyện đề tổng hợp.

Ngày dạy: 01/03/2023

BUỔI 38:

LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức.

- Hệ thống lại các kiến thức ở cả ba phân môn Văn, tiếng Việt, tập làm văn ở cả ba bộ sách.

2. Về năng lực.

- Năng lực: giải quyết vấn đề, sáng tạo, năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Về phẩm chất.

- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

- **Chuẩn bị của GV:** Soạn các dạng đề, đáp án.
- **Chuẩn bị của HS:** Học ôn bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định:
 2. Kiểm tra bài cũ:
 3. Bài mới:
- ĐỀ LUYỆN SỐ 5.**

I. PHẦN ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi

NHỮNG QUẢ BÓNG BAY

Một chú bé da đen đang chơi đùa trên bãi cỏ. Phía bên kia đường, một người đàn ông đang thả nhẹ những quả bóng lên trời, những quả bóng đủ màu sắc, xanh, đỏ, tím, vàng và có cả màu đen nữa.

Cậu bé nhìn khoái chí, chạy tới chỗ người đàn ông hỏi nhỏ:

- Chú ơi, những quả bóng màu đen có bay cao được như những quả bóng khác không ạ?

Người đàn ông quay lại, bất giác giấu đi những giọt nước mắt sắp lăn nhẹ trên đôi gò má. Ông chỉ lên đám bóng bay lúc này chỉ còn những chấm nhỏ và trả lời cậu bé:

- Những quả bóng màu đen kia cũng sẽ bay cao như những quả bóng màu khác và cháu cũng vậy.

Cậu bé nở nụ cười rạng rỡ cảm ơn người đàn ông.

Màu đen, màu vàng, màu đỏ...cho dù là màu gì thì cũng đều là quả bóng.

(Theo Internet)

Câu 1. (1,0 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của ngữ liệu.

Câu 2. (1,0 điểm) Em hiểu như thế nào về hình ảnh Những quả bóng bay trong câu chuyện?

Câu 3. (2,0 điểm). Câu trả lời của người đàn ông trong câu chuyện gợi cho em suy nghĩ gì?

Câu 4. (2,0 điểm). Câu chuyện muốn gửi tới chúng ta thông điệp gì?

II. PHẦN LÀM VĂN (14,0 điểm)

Câu 1 (4,0 điểm):

Viết đoạn văn khoảng 150 chữ bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa câu trả lời của người đàn ông trong câu chuyện: *Những quả bóng màu đen kia cũng sẽ bay cao như những quả bóng màu khác, và cháu cũng vậy.*

Câu 2 (10,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau:

“Mầm non vừa nghe thấy
Vội bật chiếc vỏ rơi
Nó đứng dậy giữa trời
Khoác áo màu xanh biếc”

(Mầm non- Võ Quảng)

Dựa vào ý đoạn thơ trên, kết hợp với trí tưởng tượng của mình, em hãy nhập vai là mầm non kể lại cuộc đời mình khi bị một số bạn học sinh cố tình giẫm đạp lên.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự.	1,0 điểm
	2	Những quả bóng bay trong câu chuyện là hình ảnh ẩn dụ cho những con người trong cuộc sống, mỗi người có đặc điểm, hình thức và phẩm chất, năng lực khác nhau, ai cũng có thể thành công, bay cao và vươn xa, điều đó làm nên sự đa dạng, phong phú, muôn màu của cuộc sống.	1,0 điểm
	3	Câu trả lời của người đàn ông trong câu chuyện có ý nghĩa: Bạn là quả bóng màu gì không quan trọng. Quan trọng là bạn có những tố chất tốt đẹp của quả bóng để được bay thật cao, thật xa. Giá trị của mỗi cá nhân được nhìn nhận từ bên trong chứ không phải ở những thứ phù phiếm bên ngoài.	2,0 điểm
	4	Thông điệp mà câu chuyện gửi gắm: Niềm tin vào khả năng, năng lực bên trong của con người.	2,0 điểm
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngoại hình, hình thức chỉ là cái bên ngoài, không thể quyết định được năng lực, phẩm chất bên trong. Con người dù thuộc giống nòi nào, mang đặc điểm hình dáng ra sao thì đều có trí tuệ và nhân phẩm. Con người phải vượt qua sự khác biệt về xuất thân, giống nòi hay ngoại hình, tin tưởng vào khả năng thực sự bên trong của mình thì mới có thể bay cao, bay xa. Phẩm chất và năng lực mà con người có được mới làm nên thành công thật sự. - Biết vượt lên mặc cảm tự tin về bản thân để chiến thắng được những thử thách trong cuộc sống (Dẫn chứng, phân tích) - Tuy nhiên trong cuộc sống này vẫn có những kẻ lợi dụng sự khác nhau về hình thức để tạo ra khoảng cách, tạo ra sự phân biệt chủng tộc, hoặc tự tin quá mức vào bản thân, trở nên kiêu ngạo, coi thường người khác. Những con người ấy đáng bị lên án, phê phán. - Nhắc nhở chúng ta sự tự tin vào bản thân. <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác</p>	4,0 điểm

	chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	<p>a. Đảm bảo cấu trúc một bài văn: Có đầy đủ các phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài</p> <p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề</p> <p>c. Triển khai vấn đề rõ ràng, đầy đủ; thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các kiến thức Tập làm văn đã học để làm bài hiệu quả cao.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>1/ Mở bài: Mầm non tự giới thiệu về bản thân và hoàn cảnh</p> <p>2/ Thân bài: (Dựa vào ý thơ trên: Mầm non như một con người, nó biết lắng nghe những rung động của cuộc sống vui tươi.Nó mang trong mình sức sống căng tràn. Và nó lớn lên yêu đời, lạc quan, đường hoàng (nó đứng dậy giữa trời)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mầm non kể lý do bị một số bạn học sinh giẫm đạp? Tình huống như thế nào> - Lời kể của mầm non về lợi ích của mình đối với môi trường sống con người. - Tâm trạng đau đớn xót xa khi mầm non bị thương và oán trách những hành vi nhấn tâm phá hoại môi trường, hủy cây xanh của một số học sinh. - Lời nhắc nhở và mong muốn của mầm non với một số bạn học sinh nói trên nói riêng và con người nói chung <p>3/ Kết bài: Rút ra bài học cho bản thân và mọi người về ý thức trồng, chăm sóc cây xanh, bảo vệ và giữ gìn môi trường xanh sạch đẹp.</p> <p>d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề yêu cầu.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng việt.</p>	10,0 điểm

ĐỀ LUYỆN SỐ 6.

I. PHẦN ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi

Sáng nay trời đổ mưa rào
 Nắng trong trái chín ngọt ngào bay hương
 Cả đời đi gió đi sương
 Bây giờ mẹ lại lần giường tập đi.

Mẹ vui, con có quân gì
 Ngâm thơ, kể chuyện rồi thì múa ca

Rồi con diễn kịch giữa nhà
 Một mình con sắm cả ba vai chèo
 Vì con mẹ khổ đủ điều
 Quanh đôi mắt mẹ đã nhiều nếp nhăn
 Cầu mong con khỏe dần dần
 Ngày ăn ngon miệng, đêm nằm ngủ say

Rồi ra đọc sách, cấy cày
 Mẹ là đất nước, tháng ngày của con...

(Trích *Góc sân và khoảng trời*, Trần Đăng Khoa)

Câu 1. (1,0 điểm): Đoạn trích là lời của ai. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. (1,0 điểm): Hình ảnh “gió, sương” trong câu thơ “Cả đời đi gió, đi sương” diễn tả ý nghĩa gì?

Câu 3. (2,0 điểm): Hai câu thơ cuối của đoạn trích sử dụng biện pháp tu từ gì?

Câu 4. (2,0 điểm): Nêu nội dung chính của đoạn trích.

II. PHẦN LÀM VĂN (14,0 điểm)

Câu 1 (4,0 điểm):

Từ nội dung phần đọc hiểu, viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày suy nghĩ của em về **tình mẫu tử trong cuộc đời của mỗi con người**.

Câu 2 (10,0 điểm)

Giữa bốn bề của cuộc sống hiện đại, ta vẫn thấy lấp lánh tỏa sáng những câu chuyện đẹp về tình người, tình đời. Hãy kể lại một câu chuyện sâu sắc, xúc động về tình người mà em từng trải qua hoặc chứng kiến trong cuộc sống.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Đoạn trích là lời của người con Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm	1,0 điểm
	2	Hình ảnh “ <i>gió sương</i> ”: Hình ảnh ẩn dụ diễn tả vất vả, nhọc nhằn, gian khổ của mẹ.	1,0 điểm
	3	Biện pháp so sánh: Mẹ là đất nước, tháng ngày của con.	2,0 điểm
	4	Bài thơ diễn tả nỗi niềm suy ngẫm của người con về những nhọc nhằn, lo toan của mẹ. Đồng thời thể hiện tấm lòng yêu thương bao la, sự hy sinh thầm lặng mà cả cuộc đời mẹ dành cho con. Qua đó gợi nhắc ta phải biết nâng niu tình mẹ, luôn kính trọng, biết ơn mẹ.	2,0 điểm
II	1	a. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</i> b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> c. <i>Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn</i> : Vận	4,0 điểm

	<p>dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1/ Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề</p> <p>2/ Thân đoạn:</p> <p>a. Giải thích:</p> <p>“<i>Tình mẫu tử</i>”: Là tình cảm thiêng liêng, máu thịt của người mẹ dành cho con cái. Tình mẫu tử là chỗ dựa vững chắc trong mọi hoàn cảnh, là ngọn đèn chỉ đường cho con đến thành công.</p> <p>b. Bàn luận</p> <p>+ Biểu hiện: Chăm lo cho con từng bữa ăn giấc ngủ; Dạy dỗ con nên người; sẵn sàng hi sinh cả hạnh phúc để bảo vệ, che chở cho con; con cái lớn lên mang theo hi vọng niềm tin của mẹ; đằng sau thành công của con là sự tần tảo của người mẹ.</p> <p>+ Ý nghĩa: Tình mẹ bao la không đại dương nào đếm được; đó là trái tim chỉ biết cho đi mà không bao giờ đòi lại; Mẹ luôn bao dung khi con mắc lỗi lầm làm tổn thương mẹ.</p> <p>Bàn luận mở rộng: Trong cuộc sống có những người đối xử tệ bạc với người mẹ của mình. Những người đó sẽ không bao giờ trở thành con người đúng nghĩa</p> <p>c. Bài học nhận thức và hành động</p> <p>- Nhận thức: Luôn biết ơn và ghi nhớ công lao sinh hành, dưỡng dục của mẹ</p> <p>- Hành động: Phấn đấu trưởng thành khôn lớn như sự báo đáp kì vọng của mẹ; Đừng làm mẹ phải buồn phiền để một ngày phải hối lỗi; biết trở về bên vòng tay mẹ dù có đi xa đến đâu.</p> <p>3/ Kết đoạn: Khẳng định vấn đề</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy</p>	
--	--	--

		<p>ngữ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
	2	<p><i>a.Đảm bảo cấu trúc bài tự sự.</i></p> <p><i>b.Xác định được trọng tâm: một câu chuyện xúc động về tình người.</i></p> <p><i>c.Triển khai câu chuyện hợp lý, biết kết hợp kể tả và bộc lộ cảm xúc. Biết đúc kết bài học sâu sắc qua câu chuyện.</i></p> <p>Sau đây là một số gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện: Thời gian, không gian, cảnh vật - Diễn biến câu chuyện: Hành động, cử chỉ, lời nói, tâm trạng của các nhân vật khi làm việc tốt, khi thể hiện tấm lòng yêu thương với mọi người xung quanh. - Kết thúc và ý nghĩa câu chuyện: Cảm xúc, tâm trạng của người đón nhận hành động yêu thương mà người khác đã trao tặng... <p><i>d.Sáng tạo :</i> Có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ, phù hợp với yêu cầu của đề, với chuẩn mực đạo đức, văn hóa, pháp luật.</p> <p><i>e. Chính tả, ngữ pháp:</i> đảm bảo các qui tắc về chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa, tiếng việt.</p>	10,0 điểm

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập

Chuẩn bị: Luyện đề tổng hợp.

Ngày dạy: 02/03/2023

BUỔI 39:

RÈN KĨ NĂNG LÀM BÀI THI

I.MỤC TIÊU

1. Về kiến thức.

- Hệ thống lại các kiến thức ở cả ba phân môn Văn, tiếng Việt, tập làm văn ở cả ba bộ sách.

2. Về năng lực.

- Năng lực: giải quyết vấn đề, sáng tạo, năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Về phẩm chất.

- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Chuẩn bị của GV: Soạn các dạng đề, đáp án.

- Chuẩn bị của HS: Học ôn bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY- HỌC:

1. Ôn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

ĐỀ LUYỆN SỐ 7.

I. PHẦN ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Chất trong vị ngọt mùi hương
 Lặng thầm thay những con đường ong bay.
 Trải qua mưa nắng vơi đầy
 Men trời đất đủ làm say đất trời.
 Bầy ong giữ hộ cho người
 Những mùa hoa đã tàn phai tháng ngày.

(Hành trình của bầy ong- Nguyễn Đức Mậu)

Câu 1. (1,0 điểm) Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ gì? Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ.

Câu 2. (2,0 điểm) Từ “hoa” trong đoạn thơ dùng với ý nghĩa gì? Tìm từ đồng âm với từ hoa trong đoạn thơ.

Câu 3. (1,0 điểm) Nêu nội dung khổ thơ.

Câu 4. (2,0 điểm) Qua hai dòng thơ cuối, tác giả muốn nói điều gì về công việc của loài ong?

II. PHẦN LÀM VĂN (14,0 điểm)

Câu 1. (4,0 điểm) Viết đoạn văn (7-10 câu) nêu cảm nhận của em về đoạn thơ.

Câu 2. (10,0 điểm)

Dựa vào nội dung bài thơ “*Chuyện cổ tích về loài người*” của nhà thơ Xuân Quỳnh, em hãy kể sáng tạo bằng văn xuôi câu chuyện đó

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ lục bát. Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm	1,0 điểm
	2	Từ “hoa” trong đoạn thơ dùng với ý nghĩa: cơ quan sinh sản hữu tính của cây hạt kín, có màu sắc và hương thơm. -Tìm từ đồng âm với từ hoa trong đoạn thơ: hoa mắt (Tính từ): trạng thái nhìn thấy mọi vật xung quanh đều lơ mơ và như quay tròn trước mắt, do quá mệt mỏi hoặc do thị giác bị kích thích mạnh và đột ngột.	2,0 điểm
	3	Tái hiện sự chăm chỉ, cần cù của bầy ong và ca ngợi những thành quả mà bầy ong để lại cho đời.	1,0 điểm
	4	Qua hai dòng thơ cuối, tác giả muốn ca ngợi bầy ong: bầy ong đã giữ hộ cho người những mùa hoa	2,0 điểm

		đã tàn, ong chắt được mật từ trong những cánh hoa ấy, đem lại cho con người mật ngọt. Những giọt mật tinh túy ấy như giữ lại những mùa hoa đã tàn phai giúp ích cho đời.	
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn :</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thơ đã tái hiện lại công việc thăm lặn nhưng cần mẫn của bầy ong: Lặn thăm thay những con đường ong bay. - Công việc đó có ý nghĩa đẹp đẽ: bầy ong rong ruổi khắp nơi để tìm hoa, hút nhụy, mang về làm thành những giọt mật thơm ngon. Những giọt mật ong được làm nên bởi sự kết tinh từ hương thơm vị ngọt của những loài hoa. Do vậy, khi thưởng thức mật ong, dù hoa đã tàn phai theo thời gian nhưng con người vẫn cảm thấy như những màu hoa được “giữ lại” trong hương thơm, vị ngọt của từng giọt mật. Có thể nói, bầy ong đã giữ gìn được vẻ đẹp của thiên nhiên để ban tặng cho con người, làm cho cuộc sống của con người thêm hạnh phúc. - Thể hiện sự yêu quý, trân trọng với thành quả mà bầy ong mang đến cho con người. <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	4,0 điểm
	2	<p>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn kể chuyện tưởng tượng: có đầy đủ 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề: Kể chuyện tưởng tượng nhưng không phải tưởng tượng tự do mà căn cứ vào nội dung bài thơ “Chuyện cổ tích về loài người” của nhà thơ Xuân Quỳnh để kể lại.</p> <p>c. Triển khai vấn đề: Lựa chọn ngôi kể phù hợp (ngôi 3) có sự kết hợp giữa tự sự, miêu tả và biểu cảm. Có thể triển khai theo hướng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ con sinh ra khi trái đất trụi trần, toàn màu đen. - Mặt trời xuất hiện cho trẻ em nhìn rõ. - Cỏ cây, hoa lá, chim chóc, xuất hiện. - Sông, biển, đường hiện ra. - Lần lượt mẹ, bà, bố sinh ra để chăm sóc, bế 	10,0 điểm

	<p>bồng, dạy dỗ.</p> <p>- Cuối cùng là nhà trường và thầy giáo sinh ra cho trẻ em được đi học.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>Thủa ấy, trong vũ trụ bao la còn chưa hề có một sinh vật nào tồn tại. Trái đất của chúng ta chỉ là một hành tinh tăm tối và trụi trần. Thế rồi một hôm.</p> <p>Một hôm thiên đình bèn ban cho trái đất một giống sinh vật mới, để vũ trụ có một nơi hiện diện sự sống. Bà mẹ đem đất sét trắng nặn thành những hình thù rất lạ, nhưng đẹp đẽ và xinh xắn vô cùng. Rồi Bà Mẹ đem đặt xuống mặt đất. Đó là những con người - lúc nhỏ còn gọi là “trẻ con”. Những đứa trẻ bò đi khắp nơi, nhưng nơi đâu chúng cũng thấy chỉ toàn là đất đai cằn cỗi, không khí chỉ toàn một màu đen xám xịt. Đôi mắt của chúng sáng lắm nhưng cũng chẳng nhìn thấy gì ngoài không gian đen tối mịt mờ. Trong lúc ấy, trên thiên đình, nữ thần ánh sáng đang mân mê chuỗi kim cương đỏ thắm rực rỡ của mình. Chẳng may, chuỗi kim cương đứt tung, những hạt kim cương rơi xuống không gian bao la của vũ trụ, hạt kim cương lớn đỏ rực lại rơi xuống gần trái đất, hóa thành mặt trời tỏa sáng rực rỡ. Lũ trẻ reo lên vui vẻ: “Hoan hô! Hoan hô! Nhìn được rồi, chúng ta nhìn được rồi!”. Đôi mắt lấp lánh của chúng nhìn quanh trái đất vẫn trần trụi chẳng có một màu sắc gì ngoài màu đen của đất và màu vàng cam chói lọi của mặt trời. Những đứa trẻ ngây thơ, trong trắng bò đi khắp nơi. Tiếng cười của chúng ríu rít vui vẻ khiến những mầm cây xanh mướt của nhú dần lên. Trong thế giới trẻ thơ, những cái cây xanh xanh chỉ bằng sợi tóc. Cây xanh bắt đầu nở ra những bông hoa màu đỏ bé xíu bằng cái cúc áo. Thật là dễ thương! Những lũ trẻ suốt ngày chỉ đùa vui với nhau, chẳng nghe thấy một âm thanh nào khác ngoài tiếng cười. Chúng buồn quá thì chợt một đàn chim họa mi nhỏ bé bay từ đâu đến véo von múa hát cùng lũ trẻ. Tiếng chim vang xa, xa mãi khiến thượng đế trên thiên đàng thích thú, làm rơi cả chiếc khăn bông màu xanh mướt của ngài xuống trái đất. Chiếc khăn bông biến thành bầu trời trong xanh vời vợi và những đám mây trắng xốp như những cụm bông.</p>	
--	---	--

		<p>Tiếng hát của chim lại reo vui trong gió. Suối chảy mãi chảy mãi rồi hợp thành một con sông lớn. Nước sông đổ ra biển, tạo thành những đại dương bao la vô tận. Lũ trẻ có thể vui đùa thỏa thích trong làn nước trong xanh hay lên những con thuyền đi khắp mọi nơi mọi chốn.</p> <p>Trái đất dần dần trở nên tươi đẹp hơn. Lũ trẻ cũng lớn dần, chúng bắt đầu tập đi. Nhưng mặt đất đầy cát sỏi gồ ghề. Chúng cứ bước đi rồi lại vấp ngã. Trời thương tình ban cho trái đất một dải lụa hồng. Dải lụa biến thành con đường mềm mại, nâng đỡ những bước chân chập chững non nớt của trẻ. Những đám mây cụm lại, tạo nên những chiếc áo che nắng cho chúng. Tuy nhiên, lũ trẻ suốt ngày đùa nghịch, vui chơi với nhau đã chán. Đêm đến, chúng ôm nhau ngủ trong bóng tối, cô đơn lạnh lẽo, chúng khao khát có một người yêu thương dậy dỗ chúng, vỗ về chúng trong vòng tay. Lũ trẻ bắt đầu khóc, chúng khóc mãi, khóc to và nức nở. Chẳng ai có thể làm chúng nguôi ngoai, mặt trời tỏa ánh nắng xuống vỗ về, gió đu đưa mơn trớn, nước róc rách reo vui gọi mời, cây tươi xanh, hoa lung linh, chim ríu rít... Tất cả chỉ làm chúng thêm khóc to hơn mà thôi. Tiếng khóc của chúng vang lên phá tan bầu không gian yên tĩnh của thiên đình. Ngọc Hoàng bèn sai Bà Mụ nặn thêm những con người có thể dỗ dành chúng được. Và những người phụ nữ chạy đến, dang cánh tay ấm áp vỗ về, ôm chúng vào lòng, hát ru chúng ngủ. Lũ trẻ thiêm thiếp giấc nồng, nín khóc và thay vào đó là nụ cười hé nở trên môi. Chúng gọi những người ấy là mẹ. Mẹ bảo ban dậy dỗ, chăm sóc chúng. Mẹ có giọng hát ngọt ngào, đôi tay khéo léo, ánh mắt yêu thương. Trong giọng hát của mẹ có chứa bao điều mới mẻ diệu kì như: đầu nguồn cơn mưa, bãi sông cát vắng, vết lấm chưa khô... Lũ trẻ vui vẻ sống bên mẹ, nhưng chúng còn khát khao được nghe về những chuyện thời xưa, thời sau, và chúng lại khóc. Giờ đây, tiếng ru và vòng tay mẹ cũng không còn dỗ dành được chúng. Thế là từ đây những người bà được Bà Mụ ban xuống trần gian, với tâm hồn yêu thương, ấm áp và trong tim chứa một kho truyện cổ. Lũ trẻ nín khóc, và chúng lại vui vẻ nằm trong vòng tay của bà, để nghe chuyện cổ, nào là</p>	
--	--	---	--

	<p>truyện <i>Thạch Sanh</i>, truyện <i>Nàng tiên</i>. Bà kể bao nhiêu là truyện, con mắt bà ám áp nhìn cháu, mái tóc bà bạc trắng hiền từ. Thời gian trôi đi, lũ trẻ khát khao hiểu biết, bao câu hỏi “tại sao” cứ vang lên, khiến mẹ và bà không thể trả lời hết được. Từ đó, người cha xuất hiện để dạy dỗ, bảo ban giảng giải những tìm hiểu của con. Nào là: vì sao biển rộng, con đường dài. Lũ trẻ lại muốn được đi học. Và trường lớp, tất cả như một giấc mơ xuất hiện: bảng đen, phấn trắng, thầy giáo và lũ trẻ đi học. Chúng đã lớn dần trong tình thương yêu của cha mẹ, bà, thầy, cô, bạn bè. Thật là tuyệt vời!</p> <p>Từ ấy, loài Người bắt đầu, phát triển và sinh sống khắp nơi. Thượng đế và Bà Mụ mỉm cười: “Thế là vũ trụ đã có sự sống!”</p> <p>d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.</p>	
--	---	--

ĐỀ LUYỆN SỐ 8.

I. PHẦN ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

HỒN QUÊ

Ta về nương gió đồng xanh
 Nghe hồn cây cỏ dật thành hồn quê..
 Lắng nghe đất thở bộn bề
 Lẩn trong hương lúa ..hương quê nồng nàn
 Tiếng đêm âm hưởng đồng hoang
 Cuộc kêu gọi bạn, tiếng đàn đẽ giun..
 Lắm lem chân mẹ lội bùn
 Trữu bông lúa chín vàng ươm trên đồng
 Tạc vào giữa chốn mệnh mông
 Hao gầy dáng mẹ lưng còng liêu xiêu
 Ta về tìm thưở dấu yêu
 Bên sông bờ bãi những chiều xa xưa
 Cánh diều no gió tuổi thơ
 Lưng trâu cồng những ước mơ thửa nào
Đêm trăng lòng dạ nôn nao
Câu hò vang vọng cồn cào nhớ nhung
Đâu rồi thăm thăm ánh nhìn..
Bờ môi hé nụ.. Nhịp tim chòng chênh..
 Bao nhiêu năm sống thị thành
 Hồn quê vẫn đắm ngọt lành trong tôi...!

(Hào Trần)

Câu 1. (1,0 điểm) Văn bản được viết theo thể thơ nào? Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. (1,0 điểm) Xác định từ láy có trong những dòng thơ in đậm

Câu 3. (2,0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

“Lắng nghe đất thở bộn bề
Lẩn trong hương lúa ..hương quê nồng nàn
Tiếng đêm âm hưởng đồng hoang
Cuộc kêu gọi bạn, tiếng đàn đế giun..”

Câu 4. (2,0 điểm) Suy nghĩ của em về ý nghĩa được gợi ra từ hai dòng thơ cuối:

“Bao nhiêu năm sống thị thành
Hồn quê vẫn đậm ngọt lành trong tôi...!”

II. PHẦN LÀM VĂN (14,0 điểm)

Câu 1. (4,0 điểm)

Có một cậu bé ngộ nghĩnh thường bị mẹ khiển trách. Ngày nọ giận mẹ, cậu chạy đến một thung lũng cạnh khu rừng rậm. Lầy hết sức mình, cậu hét lớn: “*Tôi ghét người*”. Từ khu rừng có tiếng vọng lại: “*Tôi ghét người*”. Cậu hoảng hốt quay về sà vào lòng mẹ khóc nức nở. Cậu không sao hiểu được từ trong khu rừng lại có người ghét cậu.

Người mẹ nắm tay con, đưa trở lại khu rừng. Bà nói: “*Giờ thì con hãy hét thật to: Tôi yêu người*”. Lạ lùng thay, cậu vừa dứt tiếng thì có tiếng vọng lại: “*Tôi yêu người*”. Lúc đó người mẹ mới giải thích cho con hiểu: “*Con ơi, đó là định luật trong cuộc sống của chúng ta. Con cho điều gì con sẽ nhận điều đó. Ai gieo gió thì gặt bão. Nếu con thù ghét người thì người cũng thù ghét con. Nếu con yêu thương người thì người cũng yêu thương con*”

(Theo Quà tặng cuộc sống, NXB Trẻ, 2004)

Từ câu chuyện trên, em hãy viết một đoạn văn nghị luận (có độ dài không quá 150 từ) nói lên suy nghĩ của mình về mối quan hệ giữa “cho” và “nhận” trong cuộc sống?

Câu 2. (10,0 điểm)

Em vừa có một chuyến đi nghỉ hè lí thú cùng người thân mà em nhớ mãi. Hãy kể lại chuyến đi ấy.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Thể thơ: lục bát Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm	1,0 điểm
	2	Các từ láy có trong những câu in đậm: nồn nao, vang vọng, nhớ nhung, thăm thăm, chòng chành.	1,0 điểm
	3	- Biện pháp tu từ nhân hóa: đất thở bộn bề, tiếng đêm âm hưởng, cuộc kêu gọi bạn, tiếng đàn đế giun. - Tác dụng: Diễn tả âm thanh sống động khi đêm về ở quê.	2,0 điểm
	4	HS trình bày theo suy nghĩ của cá nhân nhưng phải hướng đến nội dung: Dù sống xa quê nhưng trong lòng tác giả tình quê vẫn đậm đà.	2,0 điểm
II	1		4,0

	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1. Mở đoạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh dẫn dắt được vấn đề nghị luận. - Từ câu chuyện học sinh rút ra ý nghĩa về mối quan hệ giữa “cho” và “nhận” trong cuộc sống. <p>2. Thân đoạn</p> <p>a. Tóm tắt và rút ra ý nghĩa của câu chuyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tóm tắt được câu chuyện. - Giải thích đúng: “cho” và “nhận”. - Rút ra ý nghĩa: <p>=> Câu chuyện đề cập đến mối quan hệ giữa “cho” và “nhận” trong cuộc đời mỗi con người. Khi con người trao tặng cho người khác tình cảm gì thì sẽ nhận lại được tình cảm đó. Đây là mối quan hệ nhân quả và cũng là quy luật tất yếu của cuộc sống.</p> <p>b. Phân tích, chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện mối quan hệ “cho” và “nhận” trong cuộc sống. + Quan hệ “cho” và “nhận” trong cuộc sống vô cùng phong phú bao gồm cả vật chất lẫn tinh thần – dẫn chứng. + Mối quan hệ “cho” và “nhận” không phải bao giờ cũng ngang bằng trong cuộc sống: có khi ta cho nhiều nhưng nhận lại ít hơn và ngược lại – dẫn chứng. + Mối quan hệ giữa “cho” và “nhận” không phải bao giờ cũng là mình cho người đó và nhận của người đó, mà nhiều khi mình nhận ở người mà mình chưa hề cho. Và cái mình nhận có khi là sự bằng lòng với chính mình, là sự hoàn thiện hơn nhân cách làm người của mình trong cuộc sống – dẫn chứng. - Làm thế nào để thực hiện tốt mối quan hệ giữa “cho” và “nhận” trong cuộc sống? + Con người phải biết cho cuộc đời này những gì tốt đẹp nhất: Đó là sự yêu thương, trân trọng, cảm thông giúp đỡ lẫn nhau cả về vật chất lẫn tinh thần – dẫn chứng. + Con người cần phải biết “cho” nhiều hơn là “nhận”. + Phải biết “cho” mà không hi vọng mình sẽ được đáp đền. + Để “cho” nhiều, con người cần phải cố gắng phấn 	điểm
--	--	------

	<p>đấu rèn luyện và hoàn thiện mình, làm cho mình giàu có cả về vật chất lẫn tinh thần để có thể yêu thương nhiều hơn cuộc đời này.</p> <p>c. Bàn bạc: Bên cạnh việc “cho” và “nhận” đúng mục đích, đúng hoàn cảnh thì sẽ được mọi người quý trọng tin yêu. Còn: - “Cho” vì mục đích vụ lợi, vì tham vọng, dục vọng của bản thân. - “Nhận” không có thái độ, tình cảm biết đền đáp, biết ơn. => Thì chúng ta cần phê phán</p> <p>3. Kết đoạn - Khẳng định vấn đề đã nghị luận. - Rút ra bài học cho bản thân về nhận thức và hành động.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a. Đảm bảo cấu trúc một bài văn: Có đầy đủ các phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài</p> <p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề</p> <p>c. Triển khai vấn đề rõ ràng, đầy đủ; thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các kiến thức Tập làm văn đã học để làm bài hiệu quả cao. Có thể viết theo định hướng sau:</p> <p>I. Mở bài - Giới thiệu về chuyến nghỉ hè đáng nhớ của em</p> <p>II. Thân bài</p> <p>1. Kể khái quát tâm trạng của em khi bắt đầu chuyến nghỉ hè</p> <p>2. Kể chi tiết - Sự chuẩn bị của em cho chuyến nghỉ hè - Hành trình của em trong chuyến nghỉ hè: + Em đã đi đâu? + Em được gặp gỡ những ai? + Em đã làm những gì? + Việc làm nào khiến em không thể nào quên? - Bài học rút ra từ chuyến nghỉ hè. - Tâm trạng của em khi kết thúc chuyến nghỉ hè.</p> <p>III. Kết bài - Cảm nghĩ của em sau chuyến nghỉ hè đáng nhớ: vui vẻ, mong muốn được đi nhiều vùng miền khác nữa.</p> <p>d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng</p>	10,0 điểm

		về vấn đề yêu cầu. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.	
--	--	---	--

IV. Hướng dẫn về nhà

– Hoàn thành bài tập

Chuẩn bị: Luyện đề tổng hợp.

Ngày dạy: 03/03/2023

BUỔI 40:**LUYỆN ĐỀ THI****I. Mục tiêu:****1. Kiến thức:** Nắm được kiến thức các chủ đề đã học, các dạng TLV, NLXH, NL về TTĐL, Đọc hiểu**2. Năng lực:** Phát triển kỹ năng làm đề**3. Phẩm chất:**

- Yêu thích môn ngữ văn, có ý thức trung thực trong học tập

II. Thiết bị dạy học và học liệu:**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án; SGK; SGV

- Đề, đáp án

2. Chuẩn bị của học sinh:

SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học:**1. Ổn định:****2. Kiểm tra bài cũ:****3. Bài mới:****ĐỀ 1:****Câu 1. (6,0 điểm)****Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

Tuổi thơ chở đầy cổ tích
 Dòng sông lời mẹ ngọt ngào
 Đưa con đi cùng đất nước
 Chàng chàng nhịp võng ca dao
 Con gặp trong lời mẹ hát
 Cánh cò trắng, dải đồng xanh
 Con yêu màu vàng hoa mướp
 “ Con gà cục tác lá chanh ”
 ... Thời gian chạy qua tóc mẹ
 Một màu trắng đến nôn nao
 Lưng mẹ cứ còng dần xuống
 Cho con ngày một thêm cao
 Mẹ ơi trong lời mẹ hát
 Có cả cuộc đời hiện ra
 Lời ru chấp con đôi cánh

Lớn rồi con sẽ ba(**Trong lời mẹ hát** , Trương Nam Hương)

- Tìm các từ láy có trong đoạn thơ.
- Từ **chạy** trong đoạn thơ có nghĩa là gì? Được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

c. Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

*Thời gian chạy qua tóc mẹ
Một màu trắng đến nôn nao*

d. Từ nội dung đoạn thơ, em cảm nhận được điều gì qua lời ru của mẹ?

Câu 2. (4 điểm)

Em hãy viết đoạn văn ngắn khoảng 200 chữ trình bày cảm nhận của em về hai câu thơ sau:

*Ước chi vòng tay ấy
Ôm hoài tuổi thơ con.*

(**Vòng tay mùa xuân**, Hoàng Như Mai)

Câu 3. (10,0 điểm)

Sau những ngày đông lạnh lẽo, âm u, mùa xuân tươi đẹp đã về trên quê hương em. Mùa xuân du ngoạn khắp nơi: dòng sông, cánh đồng, làng mạc. Hãy đóng vai mình là nàng tiên mùa xuân xinh đẹp để kể và tả về chuyến du ngoạn đó.

..... **Hết**

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1		Phần đọc - hiểu	6,0
	a	- Các từ láy: ngọt ngào, chòng chành, nôn nao.	1,0
	b	- Nghĩa của từ chạy : trôi qua, đi qua nhanh (thời gian qua nhanh). - Từ chạy được dùng theo nghĩa chuyển.	1,0 0,5
	c	- Biện pháp tu từ: + Nhân hoá: chạy (thời gian chạy). + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: màu trắng đến nôn nao. - Tác dụng: Diễn tả sự trôi nhanh của thời gian kéo theo tuổi xuân của mẹ. Đồng thời cho thấy mái tóc mẹ bạc trắng vì thời gian khiến con xúc động đến <i>nôn nao</i> . Qua đó thể hiện niềm kính trọng, biết ơn và lẫn cả thương yêu, xót xa, hốt hoảng của tác giả khi nhìn mái tóc mẹ đã in hằn dấu vết tháng năm.	0,5 1,0
	d	Học sinh có nhiều cách cảm, cách nghĩ khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: Lời ru của mẹ như dòng sữa ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn con lớn lên cùng năm tháng. Lời ru gợi ra biết bao những hình ảnh giản dị, đời thường gắn với quê hương thôn dã. Lời ru ấy còn định hình trong con cả một cuộc đời tươi sáng, chấp con đôi cánh ước mơ để bay cao, bay xa tới những chân trời rộng mở...	2,0

2	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p>	4,0
	<p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>- Hai câu thơ thể hiện mong muốn ngây thơ, hồn nhiên được sống trong vòng tay yêu thương của mẹ. Đó là mong ước giản dị được mẹ ôm, được mẹ vỗ về...</p> <p>- Đó là cách “<i>làm nũng</i>” đáng yêu vô cùng, thể hiện tình cảm trong sáng của trẻ thơ. Được sống trong tình mẹ là niềm hạnh phúc và mong ước của mỗi người.</p>	
	<p>d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
3	Đóng vai nàng tiên mùa xuân xinh đẹp để kể và tả về chuyến du ngoạn của mình.	10,0
	<p>a. Yêu cầu về kĩ năng:</p> <p>- Xác định đúng kiểu bài: Tự sự kết hợp miêu tả</p> <p>- Đảm bảo bố cục ba phần: <i>Mở bài, Thân bài, Kết bài.</i></p> <p>- Xác định đúng ngôi kể: Lời kể rõ ràng, mạch lạc, theo một trình tự kết hợp miêu tả.</p>	0,5
	b. Yêu cầu về nội dung: Bài làm đảm bảo các yêu cầu sau đây	9,0
	<p>* Mở bài:</p> <p>- Tạo hoàn cảnh để nhân vật xuất hiện hoặc nhân vật tự giới thiệu về mình.</p> <p>- Giới thiệu về cuộc hành trình du ngoạn của bản thân.</p>	1,0
	<p>* Thân bài:</p> <p>+ Mùa xuân kể về việc mình xuất hiện như thế nào (không gian, thời gian...).</p> <p>+ Mùa xuân kể về những thay đổi của thiên nhiên, đất trời, mây nắng, gió, cây cối, vạn vật...do mình đem lại.</p> <p>+ Mùa xuân kể về cuộc du ngoạn khắp nơi, chiêm ngưỡng những cảnh đẹp...(kết hợp với tả) đồng thời bộc lộ cảm xúc vui sướng khi ngắm nhìn những cảnh đẹp đó.</p> <p>+ Kể về niềm vui của con người khi đón chào mùa xuân: sự sum vầy, đoàn tụ, những cuộc du xuân...(Kể về cuộc gặp gỡ thú vị mà mùa xuân ấn tượng nhất)</p> <p>* Kết bài:</p> <p>- Cảm nghĩ của mùa xuân sau mỗi chuyến du ngoạn.</p> <p>- Mùa xuân rút ra bài học bổ ích sau chuyến đi (về tình</p>	7,0 1,0

	yêu, tình bạn, yêu quê hương đất nước, sự chia sẻ, cống hiến...)	
	- Mong ước được du ngoạn khắp nơi để có trải nghiệm phong phú.	
	c. Sáng tạo: Có ý tưởng sáng tạo trong cách diễn đạt.	0,25
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,25
Tổng điểm		20,0

ĐỀ 2 :**I. PHẦN ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)****Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:****CON SẼ**

Tôi đi dọc lối vào vườn. Con chó chạy trước tôi. Chợt nó dừng chân và bắt đầu bò, tuồng như đánh hơi thấy vật gì. Tôi nhìn dọc lối đi và thấy một con sẻ non mép vàng óng, trên đầu có một nhúm lông tơ. Nó rơi từ trên tổ xuống.

Con chó chậm rãi lại gần. Bỗng từ trên cây cao gần đó, một con sẻ già có bộ ức đen nhánh lao xuống như hòn đá rơi trước mõm con chó. Lông sẻ già dựng ngược, miệng rít lên tuyệt vọng và thảm thiết. Nó nhảy hai ba bước về phía cái mõm há rộng đầy răng của con chó.

Sẻ già lao đến cứu con, lấy thân mình phủ kín sẻ con. Giọng nó yếu ớt nhưng hung dữ và khản đặc. Trước mắt nó, con chó như một con quỷ khổng lồ. Nó sẽ hi sinh. Nhưng một sức mạnh vô hình vẫn cuốn nó xuống đất.

Con chó của tôi dừng lại và lùi... Dường như nó hiểu rằng trước mặt nó có một sức mạnh. Tôi vội lên tiếng gọi con chó đang bối rối ấy tránh ra xa, lòng đầy thán phục.

Vâng, lòng tôi đầy thán phục, xin bạn đừng cười. Tôi kính cẩn nghiêng mình trước con chim sẻ bé bỏng dũng cảm kia, trước tình yêu của nó.

(Theo I. Tước-ghê-nhép)

Câu 1. (1,0 điểm): Câu chuyện được kể theo ngôi thứ mấy? Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

Câu 2. (2,0 điểm): Xác định cụm danh từ trong các câu văn sau và gạch chân dưới phần trung tâm của cụm danh từ đó “*Con chó chậm rãi lại gần. Bỗng từ trên cây cao gần đó, một con sẻ già có bộ ức đen nhánh lao xuống như hòn đá rơi trước mõm con chó.*”

Câu 3. (1,5 điểm): Vì sao nhân vật tôi lại cảm thấy “lòng đầy thán phục”?

Câu 4. (1,5 điểm): Hãy viết một câu ngắn gọn thể hiện ý nghĩa rút ra từ câu chuyện.

II. PHẦN LÀM VĂN (14,0 điểm)**Câu 1. (4,0 điểm)**

Cảm nhận bài ca dao sau:

*Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng.*

Nhị vàng, bông trắng, lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Câu 2. (10,0 điểm): Đọc đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu bên dưới

“ Suốt đêm, mưa to, gió lớn. Sáng ra, ở tổ chim chót vót trên cây cao chim mẹ giữ lông cánh cho khô rồi khẽ nhích ra ngoài. Tia nắng ấm chiếu xuống đúng chỗ chú chim non đang ngái ngủ, lông cánh vẫn khô nguyên...”

Hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện đã xảy ra với hai mẹ con chú chim trong một đêm mưa gió.

ĐÁP ÁN

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	- Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Tự sự - Câu chuyện được kể theo ngôi nhất	1,0 điểm
	2	Học sinh xác định đúng cụm danh từ và gạch chân chính xác dưới phần trung tâm: +cây cao +một <u>con</u> sẻ già có bộ ức đen nhánh (Cụm danh từ thứ 2 có cấu tạo khá đặc biệt vì có cụm danh từ lồng trong cụm danh từ. Nếu học sinh chỉ xác định được “ <u>bộ</u> ức đen nhánh” thì có thể cho 0,5 điểm.)	2,0 điểm
	3	Nhân vật tôi cảm thấy “lòng đầy thán phục” vì: - Thấy được sự dũng cảm và sức mạnh của con sẻ nhỏ bé trước con chó lớn hơn nó nhiều lần. - Cảm phục trước tình mẫu tử thiêng liêng, sẵn sàng quên mình để cứu con của sẻ già.	1,5 điểm
	4	Tình mẹ lớn lao và vĩ đại hơn bất cứ thứ gì trên đời.	1,5 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn trình bày cảm nhận về một bài ca dao b. Xác định đúng nội dung cảm nhận trong bài ca dao c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : * Mở đoạn: - Đây là bài ca dao hay và đẹp, thể hiện triết lí, quan điểm sống trong sạch, thanh cao của nhân dân lao động. *Thân đoạn: Cảm nhận về nội dung và nghệ thuật của bài ca dao: - Câu 1: Trong đầm gì đẹp bằng sen là câu hỏi tu từ, khẳng định họa sen đẹp nhất trong các loài hoa mọc trên đầm lầy. - Câu 2: Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng là hình ảnh đẹp đẽ của cây sen được miêu tả tỉ mỉ, chi tiết... - Câu 3: Nhị vàng, bông trắng, lá xanh có vai trò đặc biệt làm nhiệm vụ chuyển từ nghĩa hiển ngôn sang nghĩa hàm ẩn. Đảo thứ tự miêu tả của câu 2 để nhấn mạnh Sự hài hòa tuyệt đối về màu sắc và vẻ đẹp toàn bích của	4,0 điểm

	<p>hoa sen.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người xưa ca ngợi vẻ đẹp của hoa sen, mượn hoa sen để phản ánh lẽ sống cao quý và niềm tự hào, tự tin vào bản chất, phẩm giá trong sạch của mình, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. - Bút pháp tả thực kết hợp hài hòa với bút pháp ước lệ, tượng trưng làm nổi bật vẻ đẹp khác thường của hoa sen. - Nhịp thơ chậm rãi 2/2/2... khiến câu thơ như một sự chiêm nghiệm, suy ngẫm để đi đến khẳng định chắc chắn, không gì thay đổi được. - Nghệ thuật miêu tả tưởng chừng tự nhiên, giản dị nhưng thực chất đã đạt tới độ tinh tế, điêu luyện. <p>* Kết đoạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài ca dao tôn vinh vẻ đẹp toàn bích của hoa sen, xứng đáng tượng trưng cho vẻ đẹp của con người chân chính. - Sức sống của bài ca dao lâu bền cùng sự trường tồn của dân tộc Việt Nam. <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a. Đảm bảo cấu trúc một bài văn: Có đầy đủ các phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài</p> <p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề</p> <p>c. Triển khai vấn đề rõ ràng, đầy đủ; thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các kiến thức Tập làm văn đã học để làm bài hiệu quả cao. Có thể viết theo định hướng sau:</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>1.Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về tổ chim nhỏ chót vót trên cây cao và mẹ con chim - Sau một đêm mưa như trút nước, sáng ra thấy chim non lông cánh còn khô nguyên. <p>2.Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh trời mưa: Đám mây đen kịt, mưa nặng nề rơi, sấm sét ầm ầm, trời tối như mực. - Sự mong manh của tổ chim, nỗi lo của mẹ chim, sự sợ hãi của chim non. - Những nguy hiểm xảy ra trong đêm mưa gió, nguy hiểm quá đi, chim non vẫn ngủ ngon lành và không bị ướt, chim mẹ mệt mỏi nhưng tràn ngập hạnh phúc. - HS liên hệ thêm về tình mẫu tử khác ở ngoài cuộc sống. <p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những suy nghĩ về sự can đảm vững vàng của chim 	10,0 điểm

		<p>mẹ.</p> <p>- Khẳng định tình mẫu tử qua câu chuyện.</p> <p>d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề yêu cầu.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.</p>	
--	--	--	--

IV. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập

Chuẩn bị: Ôn luyện thật tốt cho kì thi.

=====